

ABHIDHAMMA PĪṬAKA
VÔ TỶ PHÁP TẠNG

Bộ Sách Chú Giải

MAHĀPATTHĀNA ĐẠI PHÁT THỨ

&

MAHĀPATTHĀNA
SĀDHIPPĀYASARŪPATTHANISSAYA
GIẢNG GIẢI TỔNG LƯỢC
NỘI DUNG ĐẠI PHÁT THỨ

TẬP V – VOLUME V
(Gồm các Duyên 19, 20, 21, 22, 23 & 24)



Tác Giả: SADDHAMMA JOTIKA

Dịch Giả: Bhikkhu PASĀDO

ABHIDHAMMA PĪṬAKA
VÔ TỶ PHÁP TẠNG

Bộ Sách Chú Giải

MAHĀPATṬHĀNA ĐẠI PHÁT THÚ

&

MAHĀPATṬHĀNA
SĀDHIPPĀYASARŪPATṬHANISSAYA
GIẢNG GIẢI TỔNG LƯỢC
NỘI DUNG ĐẠI PHÁT THÚ

TẬP V – VOLUME V
(Gồm các Duyên 19, 20, 21, 22, 23 & 24)



Tác Giả: SADDHAMMA JOTIKA

Dịch Giả: Bhikkhu PASĀDO

P. L. 2539

D. L. 1996

**MAHĀPAṬṬHĀNA
&
MAHĀPAṬṬHĀNASĀDHIPPĀYASARŪPAṬṬHANISSAYA
By SADDHAMMA JOTIKA
Volume V (Paccaya 19, 20, 21, 22, 23 & 24)**

**Translated into Vietnamese and first edition
By Bhikkhu PASĀDO**

Copyright © 2014 by Bhikkhu PASĀDO
All rights reserved.
ISBN 978-1-4675-7498-3
April 2014.

Published by Library of CATUDISA SANGHA VIHĀRA
12734 Marsh Road, Bealeton, VA 22712 - USA.

Printed by Focus Digital Publishing,
Annandale, VA 22003 - USA.

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	4
LỜI HƯỚNG DẪN PHƯƠNG PHÁP SỬ DỤNG SÁCH KINH.....	8
BUDDHAPĀṆĀMA – TRÍ KÍNH LỄ PHẬT	10
DHAMMAPĀṆĀMA – TRÍ KÍNH LỄ PHÁP	10
SANGHAPĀṆĀMA – TRÍ KÍNH LỄ TĂNG	11
ĀCARIYAPĀṆĀMA –TRÍ KÍNH LỄ TÔN SƯ.....	12
PAṬIÑÑĀKĀRA – LỜI THỆ NGUYỆN	12
PATTHANĀKĀRA – LỜI SỞ NGUYỆN	13
NIGAMAGĀTHĀ – BÀI KỆ TÓM TẮT	14
DUYÊN THỨ MƯỜI CHÍN: SAMPAYUTTAPACCAYA – TƯƠNG ỨNG DUYÊN... 15	
❖ DỊCH NGHĨA VÀ GIẢI THÍCH	15
❖ PHÂN TÍCH CÂU VÀ NỘI DUNG CHI PHÁP	15
❖ LỜI GIẢI THÍCH	16
❖ CHÚ GIẢI VÀ LỜI GIẢI THÍCH VỀ TƯƠNG ỨNG DUYÊN	17
❖ LỜI GIẢI THÍCH TÓM TẮT TRONG TƯƠNG ỨNG DUYÊN	17
❖ PHÂN TÍCH TƯƠNG ỨNG DUYÊN THEO TRẠNG THÁI, GIỐNG, THỜI GIAN VÀ MÃNH LỰC	18
❖ TÓM LƯỢC BA NỘI DUNG CỦA TƯƠNG ỨNG DUYÊN	19
❖ PHÂN TÍCH GIAI ĐOẠN VẤN ĐỀ (PANHĀVĀRA) VÀ CHI PHÁP TRONG TƯƠNG ỨNG DUYÊN	19
(A) KUSALAPADA – CÂU THIỆN	19
(B) AKUSALAPADA – CÂU BÁT THIỆN	21
(C) ABYĀKATAPADA – CÂU VÔ KÝ	22
❖ SAMPAYUTTAPACCAYASUDDHASANKHAYĀVĀRA – PHÂN TÍCH GIẢN ĐƠN Ở TƯƠNG ỨNG DUYÊN	26
❖ SAMPAYUTTAPACCAYASABHĀGA – TƯƠNG ỨNG DUYÊN TÁU HỢP	27
DUYÊN THỨ HAI MƯƠI: VIPPAYUTTAPACCAYA –	
BÁT TƯƠNG ỨNG DUYÊN	28
❖ DỊCH NGHĨA VÀ GIẢI THÍCH	28
❖ PHÂN TÍCH CÂU VÀ TRÌNH BÀY CHI PHÁP	28
❖ LỜI GIẢI THÍCH	32
❖ CHÚ GIẢI KHÁI LƯỢC VÀ GIẢI THÍCH TÓM TẮT TRONG BÁT TƯƠNG ỨNG DUYÊN	33
❖ TÓM LƯỢC BA LOẠI NỘI DUNG PHÁP CỦA BÁT TƯƠNG ỨNG DUYÊN	35
I. CÂU SANH BÁT TƯƠNG ỨNG DUYÊN (SAHAJĀTAVIPPAYUTTAPACCAYA)	36
❖ PHÂN TÍCH CÂU SANH BÁT TƯƠNG ỨNG DUYÊN THEO TRẠNG THÁI, GIỐNG, THỜI GIAN VÀ MÃNH LỰC.....	37

❖ PHÂN TÍCH GIAI ĐOẠN VẤN ĐỀ (PAHĀVĀNA) VÀ	
CHI PHÁP TRONG CÂU SANH BẤT TƯƠNG ƯNG DUYÊN	38
(A) KUSALAPADA – CÂU THIỀN	38
(B) AKULASAPADA – CÂU BẤT THIỀN	39
(C) ABYĀKATAPADA – CÂU VÔ KÝ	40
II. VẬT TIỀN SINH BẤT TƯƠNG ƯNG DUYÊN	
(VATTHUPUREJATAVIPPAYUTTAPACCAYA)	43
❖ PHÂN TÍCH GIAI ĐOẠN VẤN ĐỀ (PANHĀVĀRA) VÀ CHI PHÁP	
TRONG VẬT TIỀN SINH BẤT TƯƠNG ƯNG DUYÊN	44
III. VẬT CẢNH TIỀN SINH BẤT TƯƠNG ƯNG DUYÊN	
(VATTHĀRAMMANAPUREJĀTAVIPPAYUTTAPACCAYA)	46
❖ PHÂN TÍCH GIAI ĐOẠN VẤN ĐỀ (PANHĀVĀRA) VÀ CHI PHÁP	
TRONG VẬT CẢNH TIỀN SINH BẤT TƯƠNG ƯNG DUYÊN	47
IV. HẬU SANH BẤT TƯƠNG ƯNG DUYÊN	
(PACCHĀJĀTAVIPPAYUTTAPACCAYA)	49
❖ PHÂN TÍCH GIAI ĐOẠN VẤN ĐỀ (PANHĀVĀRA) VÀ CHI PHÁP	
TRONG HẬU SANH BẤT TƯƠNG ƯNG DUYÊN	50
(A) KUSALAPADA – CÂU THIỀN	50
(B) AKUSALAPADA – CÂU BẤT THIỀN	50
(C) ABYĀKATAPADA – CÂU VÔ KÝ	51
DUYÊN THỨ HAI MƯƠI MỘT VÀ HAI MƯƠI BỐN:	
ATTHIPACCAYA - HIỆN HỮU DUYÊN &	
AVIGATAPACCAYA - BẤT LY DUYÊN	52
❖ DỊCH NGHĨA VÀ LỜI GIẢI THÍCH MỘT CÁCH TUẦN TỰ	52
❖ CHÚ GIẢI VÀ LỜI GIẢI THÍCH VỀ HIỆN HỮU DUYÊN VÀ BẤT LY DUYÊN	57
I. HIỆN HỮU DUYÊN (ATTHIPACCAYA)	57
II. BẤT LY DUYÊN (AVIGATAPACCAYA)	59
❖ PHÂN TÍCH 5 HOẶC 6 THỂ LOẠI HIỆN HỮU DUYÊN THEO	
TRẠNG THÁI, GIỐNG, THỜI GIAN VÀ MÃNH LỰC	62
❖ PHÂN TÍCH 5 HOẶC 6 THỂ LOẠI BẤT LY DUYÊN THEO	
TRẠNG THÁI, GIỐNG, THỜI GIAN VÀ MÃNH LỰC	64
❖ PHÂN TÍCH GIAI ĐOẠN VẤN ĐỀ (PANHĀVĀRA)	
TRONG CÂU SANH HIỆN HỮU DUYÊN	65
(A) KUSALAPADA – CÂU THIỀN	65
(B) AKUSALAPADA – CÂU BẤT THIỀN	67
(C) ABYĀKATAPADA – CÂU VÔ KÝ	68
(D) KUSALABYĀKATAPADA – CÂU THIỀN – VÔ KÝ	70
(E) AKUSALABYĀKATAPADA – CÂU BẤT THIỀN – VÔ KÝ	71
❖ PHÂN TÍCH GIAI ĐOẠN VẤN ĐỀ (PANHĀVĀRA)	
TRONG CẢNH TIỀN SINH HIỆN HỮU DUYÊN	71
❖ PHÂN TÍCH GIAI ĐOẠN VẤN ĐỀ (PANHĀVĀRA)	
TRONG VẬT TIỀN SINH HIỆN HỮU DUYÊN	74
❖ PHÂN TÍCH GIAI ĐOẠN VẤN ĐỀ (PANHĀVĀRA)	
TRONG HẬU SANH HIỆN HỮU DUYÊN	76
(A) KUSALAPADA – CÂU THIỀN	76

(B) AKUSALAPADA – CÂU BẤT THIỆN	76
(C) ABYĀKATAPADA – CÂU VÔ KÝ	77
❖ PHÂN TÍCH GIAI ĐOẠN VẤN ĐỀ (PANHĀVĀRA) TRONG VẬT THỰC HIỆN HỮU DUYÊN	77
❖ PHÂN TÍCH GIAI ĐOẠN VẤN ĐỀ (PANHĀVĀRA) TRONG QUYỀN HIỆN HỮU DUYÊN	78
DUYÊN THỨ HAI MƯƠI HAI VÀ HAI MƯƠI BA:	
NATTHIPACCAYA – VÔ HỮU DUYÊN & VIGATAPACCAYA – LY KHỨ DUYÊN	80
❖ DỊCH NGHĨA VÀ LỜI GIẢI THÍCH	80
❖ CHÚ GIẢI VÀ LỜI GIẢI THÍCH VỀ VÔ HỮU DUYÊN VÀ LY KHỨ DUYÊN	80
I. VÔ HỮU DUYÊN (NATTHIPACCAYA)	80
II. LY KHỨ DUYÊN (VIGATAPACCAYA)	82
TÓM LƯỢC 24 DUYÊN (PACCAYA)	85
❖ TÓM LƯỢC PHÁP NĂNG DUYÊN (PACCAYADHAMMA) VÀ PHÁP SỞ DUYÊN (PACCAUPPANDHAMMA) TRONG 47 DUYÊN	86
❖ TÓM LƯỢC SỐ LƯỢNG VỀ GIÓNG (JĀTI) TRONG 24 HOẶC 47 DUYÊN	88
❖ TÓM LƯỢC SỐ LƯỢNG VỀ THỜI GIAN (KĀLA) TRONG 24 HOẶC 47 DUYÊN	92
❖ TÓM LƯỢC TRẠNG THÁI CỦA MÃNH LỰC (SATTI) GIÚP ĐỖ ỦNG HỘ TRONG 24 HOẶC 47 DUYÊN	93
❖ TÓM LƯỢC SỐ LƯỢNG VỀ ĐỊA GIỚI (BHŪMI) TRONG 24 HOẶC 47 DUYÊN	94
❖ TRÌNH BÀY LIỆT KÊ MỘT CÁCH ĐẦY ĐỦ CHI TIẾT VỀ DUYÊN HIỆP LỰC (GHATANĀ) TRONG NHÂN DUYÊN	97
❖ PHÂN GIẢNG RỘNG ĐẦY ĐỦ CHI TIẾT VỀ DUYÊN HIỆP LỰC TRONG NHÂN DUYÊN	99
❖ GIẢI THÍCH ĐẶC BIỆT VỀ PHÂN XIÊN MINH VÀ GIAI ĐOẠN VẤN ĐỀ CỦA 24 DUYÊN	103
❖ I. - PHÂN THUẬN DUYÊN (PACCAYĀNULOMAM) - II GIAI ĐOẠN PHÁP SỐ (SANKHAYĀVĀRO)	105
II. - ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCANIYUDDHĀRO)	152
❖ PHÂN PHỤ LỤC TÁU HỢP (SABHĀGA) – HIỆP LỰC (GHATANĀ)	157
❖ TÓM LƯỢC CHÚ GIẢI (VACANATTHA) VÀ BA LOẠI NỘI DUNG PHÁP TRONG 24 DUYÊN	159
❖ PHÂN BẢN ĐỒ TƯƠNG ỨNG & BẤT TƯƠNG ỨNG (GỒM 7 TRANG)	A-1 – A-7
❖ Ý NGHĨA CHỮ VIẾT TẮT - PHÂN BẢN ĐỒ HIỆP LỰC (GỒM 6 TRANG)	B-1 – B-6
❖ Ý NGHĨA CHỮ VIẾT TẮT - PHÂN BẢN ĐỒ LỘ TRÌNH TÂM (GỒM 6 TRANG) ..	C-1 – C-6
❖ TỔNG HỢP DUYÊN	D – 1
❖ PHƯƠNG DANH THÍ CHỦ CÚNG DƯỜNG	
❖ KINH SÁCH ĐÃ ĐƯỢC IN ẤN VÀ PHÁT HÀNH	
❖ KINH SÁCH SẴP ĐƯỢC IN ẤN VÀ SẼ PHÁT HÀNH	



LỜI MỞ ĐẦU

TẠNG VÔ TỶ PHÁP (ABHIDHAMMA PIṬAKA) gồm có bảy bộ:

- (1) Dhammasaṅgani – Pháp Tụ,
- (2) Vibhaṅga – Phân Tích,
- (3) Dhātukathā – Nguyên Chất Ngữ,
- (4) Puggalapaññati – Nhân Chế Định,
- (5) Kathāvatthu – Ngữ Tông,
- (6) Yamaka – Song Đối,
- (7) Paṭṭhāna – Phát Thú.

Theo phần chú giải cho thấy, tất cả bảy bộ này quả thật, đều là nơi tiến hành của Bạc Toàn Giác, tuy nhiên từ bộ thứ nhất đến bộ thứ sáu, cho dù, quả thực là chỗ tiến hành của Bạc Toàn Giác, nhưng tất cả sáu bộ này vẫn chưa hội đủ năng lực đối với Bạc Toàn Giác; có ý nghĩa là vẫn chưa rộng lớn thâm sâu đối với Trí Tuệ của Bạc Toàn Giác.

Do đó, trong thời gian Đức Chánh Đẳng Giác quán xét ở sáu bộ đầu thì Ngài tiến hành quán xét một cách thông thường, tiếp đến quán xét bộ thứ bảy là bộ Đại Phát Thú này thì hào quang sáu loại (sắc) phún tỏa từ kim thân Đức Phật ra ngoài.

Là như vậy, vì bộ Đại Phát Thú này là một bộ kinh rộng lớn, có nội dung thâm sâu hơn tất cả bộ kinh mà Đức Phật đã quán xét qua, và là bộ kinh duy nhất thích đáng đối với Bạc Trí Toàn Giác vì vừa thích hợp với trí tuệ rộng lớn thâm sâu.

Do đó, ngay khi Đức Phật đang quán xét nơi đó, làm khởi sanh sự phỉ lạc suốt trọn thời gian trú vào Pháp Vị (*dhammarasa*), ví như kinh ngư có tên gọi là Timirapingala ở trong đại dương sâu thẳm 84,000 do tuần thường có sự vui mừng thích ý một cách mát mẻ trong việc được bơi lội tung hoành ngang dọc trong đại dương, dường như thế nào, thì Bạc Toàn Giác cũng thường có sự phỉ lạc thỏa thích trong việc quán xét một cách rộng lớn thâm sâu, cực nan kiến (*gambhīra*) của kinh Đại Phát Thú này vậy.

Một tia sáng xanh phún tỏa lan tỏa ra từ râu, tóc và từ nơi cả hai con mắt của Ngài. Một tia sáng vàng phún tỏa lan tỏa ra từ sắc da và từ nơi cả hai con mắt của Ngài. Một tia sáng đỏ phún tỏa lan tỏa ra từ máu thịt và từ nơi cả hai con mắt của Ngài. Một tia sáng trắng phún tỏa lan tỏa ra từ xương cốt, răng và từ nơi cả hai con

mắt của Ngài. Một tia sáng màu da cam và ánh hào quang sáng rực rỡ lan tỏa ra khắp mọi nơi từ kim thân của Ngài.

Cả sáu loại tia sáng này lan tỏa ra tiếp chạm Đại Địa dày đặc 240,000 do tuần, ví như thỏi vàng trong núi được phủi sạch hết bụi trần. Và tia sáng này xuyên qua lòng đất đến tiếp chạm thủy quyển ở dưới lòng đất dày đặc 840,000 do tuần, ví như vàng nóng chảy ra trong khuôn.

Rồi xuyên qua nước đến tiếp chạm với khí quyển dày đặc 960,000 do tuần, ví như vàng ở trong núi được chắt thành đồng.

Rồi xuyên qua gió đến tiếp chạm khí quyển trong phần phía dưới lòng đất (*ajjhatākāsa*).

Còn tia sáng ở phần trên chiếu tỏa lên đến các tầng Thiên Giới, từ Cõi Tứ Đại Thiên Vương, xuyên qua đến Đạo Lợi Thiên, Dạ Ma, Đâu Xuất Đà, Hóa Lạc Thiên, Tha Hóa Tự Tại Thiên, cho đến chín tầng Phạm Thiên Giới, thấu suốt Quảng Quả Thiên (*Vehapphalā*), Ngũ Tịnh Cư Thiên, cả bốn tầng Vô Sắc Phạm Thiên Giới.

Tia sáng xuyên qua cả bốn Vô Sắc Phạm Thiên Giới đi đến tiếp chạm khí quyển bên trong Tam Giới.

Tia sáng hào quang của Đức Phật tỏa khắp mọi nơi, vô cùng tận, bao trùm khắp cả thế gian.

Tia sáng này, chẳng phải được thành tựu do việc cầu nguyện, cũng chẳng phải được thành tựu do tiến tu bất cứ thể loại nào, mà phát sanh do bởi quán chiếu Pháp ở phần vi tế, thậm thâm vi diệu, quảng bác.

Chính do nhân này, máu huyết của Ngài trở nên tinh khiết, kim thân thanh tịnh, sắc da trong suốt, ánh sắc hào quang có Tâm làm xuất sinh xứ được hiện hữu một cách kiên định khắp mọi nơi theo một đường kính 80 hắc tay.

Do đó, từ ngữ Phát Thú trong bộ kinh thứ bảy này mới có nội dung khác biệt với từ ngữ Phát Thú trong phần *Satipaṭṭhāna – Niệm Phát Thú* (trong Chương thứ Bảy, nhóm *Bodhipakkhiyadhamma – Giác Chi Pháp*).

Bộ Kinh Đại Phát Thú có nội dung kỳ diệu đặc thù hơn cả sáu bộ trong Tạng Vô Tỷ Pháp, trình bày mối tương quan nối tiếp nhau giữa sáu nhóm Pháp:

- (1) Lục Phát Thú (6 Paṭṭhāna),
- (2) Tứ Phần Pháp (4 Dhammanaya),
- (3) Thất Giai Đoạn (7 Mahāvāra),

- (4) Nhị Thập Tứ Duyên (24 Duyên),
(5) Nhị Giai Đoạn Chỉ Số,
(6) Tứ Duyên Phần (4 Paccayanaya)

hiện hành dưới dạng vấn đề (hỏi và đáp xuyên suốt), bao hàm nội dung vô cùng thâm thúy thắng.

Trong bộ Kinh này, được kết hợp hai bộ Chú Giải lớn, “Đại Phát Thứ” (*Mahā Paṭṭhāna*) và “Giảng Giải Tổng Lược Nội Dung Đại Phát Thứ” (*Mahāpaṭṭhānasādhippāyasarūpatthanissaya*), vào thành một bộ Chú Giải với nội dung đầy đủ súc tích, nhằm đem lại lợi ích với tất cả Học Giả hiền triết có Tâm hoan hỷ duyệt ý tầm cầu Giáo Pháp cao siêu, thù thắng trong Kho Tàng Pháp Bảo.

Qua Tập IV của Bộ Chú Giải Đại Phát Thứ và Giảng Giải Tổng Lược Nội Dung Đại Phát Thứ, đã được phát hành vào Phật Lịch 2557, Dương Lịch 2013, có sự chứa đựng của năm Duyên, là *Dị Thục Quả Duyên, Vật Thục Duyên, Quyền Lực Duyên, Thiền Na Duyên và Đồ Đạo Duyên*. Tiếp nối theo Tập IV, là Tập V có sự chứa đựng với sáu Duyên, gồm có *Twang Ứng Duyên, Bất Twang Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên, Vô Hữu Duyên, Ly Khứ Duyên và Bất Ly Duyên*.

Với tài trí bất khả tỷ giáo của Ngài Đại Trưởng Lão *SADDHAMMA JOTIKA* đã hình thành trí tuệ sắc bén, soạn tác cả hai bộ Kinh này, luôn cả toàn bộ Tạng Vô Tỷ Pháp vô cùng quý báu. Tất cả Nhân Thiên kính cung trí kính lễ ân đức sâu dày của Ngài.

Ngưỡng mong trí tuệ đặc thù mà Ngài có được, xin được thâm nhập và khai trí vào sở học sở cầu Kỳ Hạ, và vun bồi Tam Thập Pháp Ba La Mật hạnh Trí Tuệ xuyên suốt cho đến ngày chứng đắc Quả vị Chánh Đẳng Giác.

Ngưỡng mong công đức phiên dịch bộ Kinh Đại Phát Thứ, hội túc duyên Phước Báu to lớn, xin thành tâm chấp thủ trí kính lễ và kính dâng Quả Phước Báu thanh cao này hướng đến hai bậc Ân Sư, Ngài Đại Trưởng Lão TỊNH SỰ (*SANTAKICCO MAHĀ THERA*), và Ngài Đại Trưởng Lão SIÊU VIỆT (*ULĀRO MAHĀ THERA*) với tất cả lòng thành kính của con.

Ngưỡng mong công đức phiên dịch bộ Kinh Đại Phát Thứ, hội đủ túc duyên Phước Báu to lớn, xin thành kính dâng Quả Phước thanh cao này hướng đến Song Thân trí kính của con, Cô Tư Tu Nữ PHẠM THỊ YÊN kính thương (Chùa Siêu Lý – Phú Định – Quận 6), đến tất cả Chư Thiên hoan hỷ tùy từ hộ trì Chánh Pháp, đến tất cả những bậc Hữu Ân Phật Tử đã ủng hộ cho việc đánh máy, điều chỉnh, bổ túc với tất cả những kỹ năng kỳ công và phát hành bộ Kinh Đại Phát Thứ, và chí đến toàn thể

quý Phật Tử hữu duyên trong Chánh Pháp luôn được an vui trong Cảnh Quả Phước như ý nguyện mong cầu, đồng nhau cả thấy.

Ngưỡng mong ÂN ĐỨC PHÁP BẢO luôn mãi được tồn tại lâu dài cho đến năm ngàn năm, đem lợi lạc thù thắng vi diệu đến tất cả Chư Thiên, Chư Phạm Thiên, Nhân Loại và tất cả chúng sanh.

(Anumodanā, Anumodanā, Anumodanā).

Với tấm lòng Từ Ái,
Mettāparamatthapāramī
Sādhū, Sādhū, Sādhū

Hết lòng kính,
Bhikkhu PASĀDO

-----00000-----

*Bố Thí, Pháp Thí vô song
Hương thơm thù thắng chẳng đồng Pháp Hương.
Bậc Trí biết cách cúng dường
Kiên trì chân chánh, con đường phúc vinh.*

*In this world, there are three things of value for one who gives ...
Before giving, the mind of the giver is happy.
While giving, the mind of the giver is peaceful.
After giving, the mind of the giver is uplifted.
A 6.37*

*Gió Từ quét sạch rừng phiền não,
Mưa Pháp trôi đùa ánh lợi danh.*

-----00000-----

LỜI HƯỚNG DẪN PHƯƠNG PHÁP SỬ DỤNG SÁCH KINH

Trong bộ Kinh này được phân chia ra làm ba phương pháp để tu học:

I. Học tuần tự từng mỗi Chủ Đề của quyển Kinh.

Có ý nghĩa học lần lượt từng mỗi Duyên trong hai mươi bốn Duyên, đi theo thứ tự mỗi Chủ Đề trong quyển Kinh, dựa theo Chủ Đề của quyển Kinh làm nền tảng để tu học, như sau:

1. Theo phần Pāli xiển thuật (*Paccayuddesa*) cùng với lời dịch.
2. Theo phần Pāli xiển minh (*Paccayaniddesa*) cùng với lời dịch, luôn cả việc phân tích Câu với nội dung Chi Pháp, và Duyên Hiệp Lực (*Ghatanā*).
3. Tóm tắt nội dung ba thể loại, luôn cả việc phân tích theo Trạng Thái, Giống, Thời và Mãnh Lực.
4. Phân tích Giai Đoạn Vấn Đề.
5. Chú Giải và lời giải thích.

Ví như việc tu học trong phần Pāli xiển thuật về “Nhân Duyên” cho đến “Bất Ly Duyên” phải cho đến chấm dứt hết. Rồi đến phần Pāli xiển minh, tương tự như trên, từ Nhân Duyên cho đến Bất Ly Duyên. Và như thế, tuần tự tu học theo từng phần cho đến phần Chú Giải và lời giải thích, là phần cuối cùng.

Đây là phương pháp tu học thứ nhất (là phương pháp tu học theo thứ tự mỗi Chủ Đề trong quyển Kinh đã có hiện bày).

II. Học từng mỗi Duyên theo thứ tự hạn định của mỗi Chủ Đề mới.

Có ý nghĩa việc tu học từng mỗi một Duyên theo thứ tự mỗi Chủ Đề trong năm Chủ Đề (như điều một của phương pháp thứ nhất) sắp thành việc tu học tuần tự, như sau:

1. Chú Giải và lời giải thích.
2. Theo phần Pāli xiển thuật và lời dịch.
3. Theo phần Pāli xiển minh và lời dịch, cùng với việc phân tích Câu và nội dung Chi Pháp (chỉ loại trừ sự việc liên quan với phần Duyên Hiệp Lực).
4. Tóm tắt nội dung ba thể loại, luôn cả việc phân tích theo Trạng Thái, Giống, Thời và Mãnh Lực.
5. Phân tích Giai Đoạn Vấn Đề.
6. Duyên Hiệp Lực (*Ghatanā*).

- Tầu Hợp (*Sabhāga*): trình bày phần cuối của “Phân tích Giai Đoạn Vấn Đề” trong từng mỗi Duyên.
- Hiệp Lực (*Ghatanā*): trình bày phần cuối của “Duyên xiển minh” trong từng mỗi Duyên.

Việc tu học trường hợp Duyên Hiệp Lực (Tầu Hợp – Hiệp Lực) cũng nên nhìn theo nền tảng của phần Pāli phụ lục của quyển Kinh này để làm phát sanh sự hiểu biết một cách rõ ràng.

Ví như việc tu học Nhân Duyên theo trường hợp của phần “Chú Giải và lời giải thích” cho chấm dứt hết. Rồi tiếp theo là việc tu học Nhân Duyên theo phần “Duyên xiển thuật” v.v. cho đến việc tu học Nhân Duyên theo phần “Duyên Hiệp Lực” là chấm dứt việc tu học trọn vẹn của phần Nhân Duyên.

Đây là phương pháp tu học theo phương pháp thứ hai.

III. Học từng mỗi Giống (hoặc từng mỗi một nhóm) theo thứ tự hạn định của mỗi Chủ Đề mới.

Có ý nghĩa việc tu học từng mỗi Giống (nhóm) theo thứ tự Chủ Đề trong Kinh sách đã hạn định (như Chủ Đề theo phương pháp thứ hai) tương tự với việc tu học từng mỗi một Duyên trong phương pháp thứ hai vậy. Tuy nhiên sẽ thay đổi việc tu học kể từ Duyên thứ nhất mãi cho đến Duyên thứ hai mươi bốn, với việc bắt đầu tu học kể từ mười lăm Duyên hiện hữu trong “*Giống Câu Sanh*” (*Sahajātajāti*) cho chấm dứt trước. Rồi tiếp theo là đi đến việc tu học tám Duyên hiện hữu trong “*Giống Cảnh*” (*Ārammanajāti*) mãi cho đến một Duyên hiện hữu trong Giống cuối cùng là “*Giống Dị Thời Nghiệp*” (*Nānakkanikammajāti*) là chấm dứt việc tu học theo phương pháp thứ ba.

Với tu học theo phương pháp thứ ba này, sẽ làm phát sanh sự hiểu biết rộng lớn và dễ dàng trong việc suy nghĩ đến Duyên Hiệp Lực.

Lại nữa, việc tu học phương pháp thứ hai, là đặc biệt thích hợp cho Học Giả muốn được thấu triệt một cách chi tiết hết tất cả từng mỗi Duyên, sẽ làm phát sanh sự hiểu biết tương quan tiếp nối mà không gián đoạn, và không phát sanh sự lẫn lộn hoặc nghi ngờ trong việc nghĩ đến Duyên Hiệp Lực. Vì lẽ việc tu học cho đến phần cuối cùng từ nơi việc tu học đầy đủ chi tiết ở phần trước đó. Còn việc tu học phương pháp thứ ba đặc biệt đối với Học Giả nghĩ đến Duyên Hiệp Lực không cần phải nhớ đến tên gọi của cả hai mươi bốn Duyên, và làm cho nhìn thấy Trạng Thái giống nhau và khác nhau của từng mỗi Duyên một cách rõ ràng và chính xác.

Namo Tassa Bhagavato Arahato Sammāsambuddhassa
Cung Kính Đức Thế Tôn - Ứng Cúng - Chánh Đẳng Giác

Mahāpatthānasādhippāyasarūpatthanissaya
Giảng Giải Tổng Lược Nội Dung Đại Phát Thứ

BUDDHAPANĀMA – TRÍ KÍNH LỄ PHẬT

Vicittadhammavadannum Paramatthapāranatgum
Hanaripum nayavidum Vandāmi sirasā garum.

Đệ tử có tên gọi là Pháp Sư Chánh Pháp Quang Minh hay là Giáo Sư Chánh Pháp Quang Minh, xin nghiêng mình bày tỏ trí kính lễ Đức Chánh Đẳng Giác, Giáo chủ nhân loại, Bậc Toàn Trí thuyết giảng phân tích Chánh Pháp một cách tỷ mỷ tốt đẹp.

Ngài đã đạt đến tột cùng của bờ an vui là Pháp Siêu Lý. Ngài đã sát trừ hoàn toàn phiền não (*kilesa*) là chủ các pháp nghịch. Ngài có trí tuệ thông suốt Pháp Siêu Lý một cách vẹn toàn.

Antam jātijarādīnam Akāsi dupaduttamo
Anekassāhacittena Assāsentam namāmiham.

Đệ tử xin trí kính lễ Đức Phật, bậc chí thượng hơn cả loài hữu tình hai chân. Với sự dũng mãnh của Tâm Lực, Ngài đã diệt trừ tất cả mọi khổ đau, về sanh, già, đau, chết, v.v. Ngài đã ban phát nguồn sinh lực vi diệu.

Nudeti rāgacittāni Nudāpeti param janam
Nuna attham manussānam Nusāsantam namāmiham.

Đệ tử xin trí kính lễ Đức Phật, Ngài đã giảng dạy đối với tất cả chúng sanh, với ý nghĩa trau chuốt, thường làm diệt mất tất cả Tâm hằng hiện hữu sự tham ái.

DHAMMAPANĀMA – TRÍ KÍNH LỄ PHÁP

Atthobhāsehi jutantam Lilāpadasatārakam
Malahantam dhammacandam Vandāmi sirasādaram.

Đệ tử xin nghiêng mình bày tỏ trí kính lễ Đức Chánh Pháp chói sáng với nội dung thâm sâu, kết hợp với sự quyền rũ của các câu Pháp lớn nhỏ, xinh đẹp như một vì sao, sáng tỏ như vàng trắng sáng sạch mây mờ.

Vantarāgam vantadosam Vantamoham vantapāpam
Vantabālā micchadinnaṃ Vantatantam namāmiham.

Đệ tử xin trí kính lễ Pháp Bảo, Giáo Pháp có năng lực diệt trừ mọi tham ái, sân hận, si mê, xa lìa mọi điều tội lỗi, điều xấu ác, và tà kiến.

Tāresi sabbasattānaṃ Tāresi oramaṭṭaraṃ
Tārentam mokkhasamsāraṃ Tārentantam namāmiham.

Đệ tử xin trí kính lễ Pháp Bảo, với Giáo Pháp có năng lực làm cho tất cả chúng sanh được vượt thoát khỏi mọi phiền não và khổ đau; có năng lực làm cho tất cả chúng sanh vượt thoát khỏi Tứ Bộc Lưu, vượt thoát khỏi bờ này đến bờ kia, vượt thoát khỏi vòng sanh tử luân hồi và cho đi đến chúng đạt Níp Bàn.

Lito yo sabbadukkhesu Likkhite pitakattaye
Limpittepi suvaṇṇaṇa Likkhantantam namāmiham.

Đệ tử xin trí kính lễ Pháp Bảo, với Giáo Pháp đã được các bậc Giáo Thọ A La Hán tiền bối soạn thảo khắc ghi vào những mảnh vàng lá, làm thành Tam Tạng để cho hàng hậu bối có được học hỏi tu tập, và xin trí kính lễ Pháp Học và Pháp Hành.

SANGHAPANĀMA – TRÍ KÍNH LỄ TĂNG

Aggasāra dhammathitimaṃ Bhaggaṃ ājāyasirimaṃ
Ahamigimaṃ hanajivimaṃ Vandāmya saṃghakesarimaṃ.

Đệ tử xin nghiêng mình bày tỏ trí kính lễ Đức Thánh Tăng, bậc đã kiên trì an trú trong cùng tốt cốt lõi bản thể Pháp. Bậc đã chiến thắng và kết hợp với điều an lành. Bậc đã tiêu diệt hết mọi Pháp đối nghịch là các Pháp Phiền Não cùng với Mạn tùy miên đã được đoạn trừ, ví như sư tử dũng mãnh đã sát tử mọi loài nai vạy.

Tosento devamanussaṇaṃ Tosento dhammaḍḍesapaṇi
Toseti dutthacittāni Tosentantam namāmiham.

Đệ tử xin trí kính lễ Tăng Bảo, với Tăng Bảo hằng làm cho Chư Thiên và Nhân Loại luôn được an vui trong Thiện Pháp. Là bậc trình bày Giáo Pháp với Pháp Học, Pháp Hành và Pháp Thành dẫn đến phát sanh sự vui mừng thỏa thích hoan hỷ trong Nhân Loại. Là bậc làm cho người có Tâm Bất Thiện, với Tâm bị gây tổn hại bởi những điều xấu ác, cho được phục thiện và có khả năng đi đến làm cho suy giảm và diệt trừ mọi điều xấu ác. Là người hằng làm cho Tứ Phật đồ chúng được hoan hỷ an vui trong Tam Vô Lậu Học.

Sāsanam sampaticchannam

Sāsanantam sivam rammam

Sāsanam anusāseyyam

Sāsanantam namāmiham.

Đệ tử xin trí kính lễ Tăng Bảo, với Tăng Bảo đã hướng dẫn Giáo Pháp mà Đức Phật đã khéo giảng dạy cho đi đến tốt đẹp, làm thành Pháp Độ Nhân (*Niyyanikadhamma*), dẫn dắt tất cả chúng sanh chặt đứt ái dục thúc phược và chúng đạt Níp Bàn, là Pháp an vui tuyệt đối một cách xác thực. Là bậc hằng luôn hướng dẫn dạy bảo Giáo Pháp, hằng dẫn dắt Giáo Pháp cho được tiếp nối mãi, cho trở thành di sản bất tử được truyền thừa lại mãi mãi cho thế hệ mai sau.

ĀCARIYAPANĀMA – TRÍ KÍNH LỄ TÔN SƯ

Dhirānadhīrasettthantam

Silāghasīghanānikam

Hitāvaham mahātheram

Panāmya mama āceram.

Đệ tử xin nghiêng mình bày tỏ trí kính lễ Đức Tôn Sư Đại Trưởng Lão *Bhaddantanānika* (Ngài là Tăng Trưởng của thủ đô nước Miến Điện). Ngài là Tôn Sư của bản đạo, là một bậc trí thức thông tuệ trong tất cả những bậc trí thức thông tuệ. Ngài là bậc có trí tuệ xảo diệu đáng ca ngợi. Ngài dẫn dắt phần lợi ích thế gian và siêu xuất thế gian đến tất cả mọi hạng người.

PATINNĀKĀRA – LỜI THỀ NGUYỆN

Yācitoham karissāmi

Sissaganehi sādhuṇam

Mahāpatthānanissayam

Deyyabhāsāya dullabham.

Bản đạo có tên gọi là Pháp Sư Chánh Pháp Quang Minh hay là Giáo Sư Chánh Pháp Quang Minh xin soạn tác kinh điển “*Đại Phát Thứ*” và “*Giảng Giải Tổng Lược Nội Dung Đại Phát Thứ*” với lòng từ ái, thể theo sự yêu cầu của tất cả bậc học giả.

Yam nissayam susankhatam Sudhāriya bhisundaram
Tam sadāppapannānampi Vuddhim pāpeti tankhane.

Bản đạo soạn tác hai bộ kinh điển “Đại Phát Thú” và “Giảng Giải Tổng Lược Nội Dung Đại Phát Thú” này có chất lượng ví như vật thực ở cõi Thiên Giới (*sudhābhojana* – *tiên thực*), sẽ thường luôn tăng trưởng trí lực ngay cả với người thiếu trí trong khi tinh cần học tập.

-----00000-----

PATTHANAKĀRA - LỜI SỞ NGUYỆN

Abhivaddhantu me pannā Saddhā sati samādhayo
Parakkamo lokassāda Bodhayatthāna param param

Xin cho Tín, Tấn, Niệm, Định và Tuệ của bản đạo luôn được tăng trưởng, ngõ hầu đem lại hữu ích đến Tuệ Giác trong thời vị lai. Đó là niềm ước muốn cao quý nhất của Thế Giới Hữu Tình.

Apattham yāva buddhattam Pannādhikam bhavāmiham
Jātisarananikova Jetthasettho nirantaram

Bao giờ “Tuệ Chí Thượng Giác Hữu” (*Pannādhikabuddhabhāva*) của bản đạo vẫn chưa được đạt thành kết quả, thì xin nguyện cho bản đạo được chứng đắc ở trong kiếp sống có được “Truy Niệm Trí” (*Anussarananāna*) thanh cao cùng tột, luôn suốt mãi với thời gian lâu dài.

Na jānāmīti vacanam Na kathemi kudācanam
Yam loke atthi tam sippam Sabham jānāmi sādhumkam

Bất luận trong kiếp sống nào, hữu nào, thì xin cho bản đạo không có nghe nói đến lời nói rằng “*không biết chi, không biết chi*”, về tên gọi của bất luận nghệ thuật nào trong Thế Gian này, và xin nguyện cho bản đạo đều được liễu tri hết tất cả.

Sutamattena yā bhāsā Samvijjanti anappakā
Tāsu cheko bhaveyyāmi Aggappatto susilavā

Bất luận có một loại ngôn ngữ nào, cho dù chỉ là được nghe nói đến, thì cũng xin cho bản đạo có được Trí Tuệ để rõ biết hết tất cả các loại ngôn ngữ đó, và cùng tột, xin cho bản đạo được thành người có Giới Hạnh thanh cao.

Natthi natthīti vacanam
Kudācanam na sunomi

Dehi dehīti kulanam
Navadeyyāmi so aham

Xin cho bản đạo không có được nghe nói đến lời nói rằng “*không có, không có*”, và xin cho bản đạo không phải nói đến với lời nói rằng “*xin hãy bi miễn xả thí*”.

Kareyyam gāravam garum
Vandeyyam vandanāraham

Māneyyam mānanāraham
Pūjeyyam pūjanāraham

Xin cho bản đạo được tôn trọng đến bậc đáng tôn trọng, xin cho bản đạo được tôn kính đến bậc đáng tôn kính, xin cho bản đạo được lễ bái đến bậc đáng lễ bái, và xin cho bản đạo được cúng dường đến bậc đáng cúng dường.

Abhijjhā issā maccheva
Mānakodhā kāmaloḥ

Micchāditthī pāpato
Yāpyarogā gato sadāti

Xin cho bản đạo được xa lìa tách khỏi các Ác Pháp, là cừu hận, tật đố, lặn sất, tà kiến, kiêu mạn, phần nộ, và sự rung động trong mọi Dục công đức, và trong tất cả bệnh tật ốm đau, và xin cho không có nhàm lẫn, lẫn lộn trong suốt mọi thời gian.

NIGAMAGĀTHĀ - BÀI KỆ TÓM TẮT

Nattham patto ayam gantho
Tidullabho bhisundaro

Deyyabhāsāya sankhato
Sādhūhi atimānito

Với bộ Kinh sách “Đại Phát Thứ” và “Giảng Giải Tổng Lược Nội Dung Đại Phát Thứ” do bản đạo đã soạn tác, quả là một bộ Kinh sách rất khó liễu tri và là bộ Kinh sách rất có giá trị, là nơi đáng được hoan hỷ duyệt ý với những người có đức hạnh, đã được kết thúc chỉ là bấy nhiêu đây.

-----00000-----

DUYÊN THỨ MƯỜI CHÍN
SAMPAYUTTAPACCAYA – TƯƠNG ƯNG DUYÊN
SAMPAYUTTAPACCAYANIDDESAVĀRA
PHẦN XIỂN MINH TƯƠNG ƯNG DUYÊN

Loại Duyên nào mà Đức Thế Tôn thuyết giảng một cách khái lược trong phần xiển thuật Duyên là “*Sampayuttapaccaya – Tương Ưng Duyên*”, thì loại Duyên đó được Đức Thế Tôn thuyết giảng một cách tỷ mỷ kỹ càng trong phần xiển minh Duyên - “*Cattāro khandhā arūpino annamannam Sampayuttapaccayena paccayo*”.

DỊCH NGHĨA VÀ GIẢI THÍCH

“*Cattāro khandhā arūpino annamannam Sampayuttapaccayena paccayo*”- Tứ Danh Uẩn Vô Sắc làm duyên giúp đỡ ủng hộ hỗ tương lẫn nhau, hoặc đối với nhau, với mãnh lực Tương Ưng Duyên.

Tức là, Tứ Danh Uẩn Vô Sắc là 89 Tâm, 52 Tâm Sở phối hợp, vào thời Tái Tục và Bình Nhựt làm duyên giúp đỡ ủng hộ hỗ tương lẫn nhau, hoặc đối với nhau, với mãnh lực Tương Ưng Duyên.

PHÂN TÍCH CÂU VÀ NỘI DUNG CHI PHÁP

Khi phân tích Câu và nội dung chi Pháp trong phần Pāli của *Sampayuttapaccayaniddesa – Tương Ưng Duyên xiển minh*, Đức Phật lập ý trình bày cả hai Câu ở phần *Niddisitabba – Giải Thích* (Câu này được đưa lên trình bày trước tiên) và *Nidassanākāra – Giải Ngộ* (Câu này trình bày làm cho rõ thêm nội dung và cho được thấy loại kiểu mẫu), cũng hiện hành tương tự với *Nhân Duyên xiển minh*.

Theo phương pháp Pāli điều thứ nhất: *Cattāro khandhā arūpino* làm *Kattupada: Câu Chủ Từ* trình bày cho biết đến Pháp Năng Duyên, là 89 Tâm, 52 Tâm Sở phối hợp, ở phần một Danh Uẩn làm việc giúp đỡ ủng hộ đối với ba Danh Uẩn, ba Danh Uẩn làm việc giúp đỡ ủng hộ đối với một Danh Uẩn, hai Danh Uẩn làm việc giúp đỡ ủng hộ đối với hai Danh Uẩn.

Aññamaññaṃ làm *Kammapada: trình bày* đến người bị tạo tác (thực hiện), hoặc làm *Sampadānapada: Câu Liên Hệ*, trình bày cho biết đến Pháp Sở Duyên, tức là 89

Tâm, 52 Tâm Sở phối hợp, ở phần 3, 1, 2 Danh Uẩn.

Sampayuttapaccayena làm **Karanapada**: *Câu Chế Tác*, trình bày cho biết đến mãnh lực đặc biệt của Tương Ứng Duyên, có hai trường hợp như sau:

1. Nếu là Tứ Danh Uẩn, tức là 89 Tâm, 52 Tâm Sở phối hợp, ở trong thời kỳ Tái Tục và Bình Nhựt, làm việc giúp đỡ ủng hộ lẫn nhau, thì có được trong mãnh lực của cả 6 Duyên cùng vào giúp đỡ ủng hộ trong cùng một thời gian (**Ghatanā – Hiệp Lực**) là:

- (1) Tương Ứng Duyên,
- (2) Câu Sanh Duyên,
- (3) Hổ Tương Duyên,
- (4) Câu Sanh Y Duyên,
- (5) Câu Sanh Hiện Hữu Duyên,
- (6) Câu Sanh Bất Ly Duyên.

2. Nếu là Tứ Danh Uẩn Dị Thục Quả, tức là 36 Tâm Dị Thục Quả, 38 Tâm Sở phối hợp, ở trong thời kỳ Tái Tục và Bình Nhựt, làm việc giúp đỡ ủng hộ lẫn nhau, thì có được trong mãnh lực của cả 7 Duyên cùng vào giúp đỡ ủng hộ trong cùng một thời gian (**Ghatanā - Hiệp Lực**) là:

- (1) Tương Ứng Duyên,
- (2) Câu Sanh Duyên,
- (3) Hổ Tương Duyên,
- (4) Câu Sanh Y Duyên,
- (5) Dị Thục Quả Duyên,
- (6) Câu Sanh Hiện Hữu Duyên,
- (7) Câu Sanh Bất Ly Duyên.

Paccayo làm **Kiriyapada**: *Câu Thuật Từ*, trình bày cho biết đến Pháp Vô Ngã.

LỜI GIẢI THÍCH

Tại nơi đây, không có trình bày, và sẽ giải thích trong phần *Lời Giải Thích* một cách đầy đủ của 24 Duyên.

CHÚ GIẢI VÀ LỜI GIẢI THÍCH VỀ TƯƠNG ƯNG DUYÊN

Vacanattha – Chú Giải:

“*Samam ekuppādatādipakārehi yuttanti = Sampayuttam*” - Pháp chung mà cùng chung hòa hợp với nhau và đồng khởi sanh trong cùng một sát na với nhau, gọi là Tương Ưng.

“*Sampayuttabhāvena upakārako dhammo = Sampayuttapaccayo*” - Pháp giúp đỡ lẫn nhau duyên theo nhân cùng chung hòa hợp với nhau, gọi là Tương Ưng Duyên.

LỜI GIẢI THÍCH TÓM TẮT TRONG TƯƠNG ƯNG DUYÊN

Tương Ưng Duyên đây, tức là Tâm và Tâm Sở cùng ở phần Danh Pháp, và làm Năng Duyên và Sở Duyên lẫn nhau; và từ ngữ “*Sampayutta*” có ý nghĩa là cả hai thể loại Pháp này, ngay khi sanh khởi thì đồng câu sanh với nhau, khi diệt thì đồng cùng diệt với nhau, có cùng chung một Cảnh với nhau, và cùng nương một Căn với nhau. Khi hội đủ cả bốn trạng thái này rồi, mới gọi là Tương Ưng.

Cả hai thể loại Pháp này cùng câu sanh với nhau làm thành Pháp Tương Ưng đây, đó cũng chính là Tâm và Tâm Sở vậy, và việc đồng câu sanh với nhau của Pháp Tương Ưng này cũng ăn khớp hài hòa thành chung một khối với nhau, khó có khả năng sẽ phân tích được rằng cái này là cái chi. Tỷ dụ như một loại thuốc có tên gọi là “*Catumadhurasa - Tứ Mật Tráp*” đó là sự hòa trộn của cả bốn loại, là bơ lỏng, dầu mè, mật ong, đường thốt nốt. Khi lấy cả bốn món như đã được đề cập cho kết đặc vào nhau thì vị của thuốc này sẽ hòa hợp chung với nhau thành một vị, cho đến người thọ dụng khó có khả năng sẽ quả quyết nói một cách đoan chắc rằng đây là vị của bơ lỏng, hoặc vị của dầu mè, hoặc vị của mật ong hoặc là vị của đường thốt nốt. Điều này như thế nào thì Tâm và Tâm Sở cũng tương tự, ngay khi sát na sanh khởi thì hòa hợp vào nhau thành một khối, khó có thể sẽ tách ra được rằng đâu là Tâm, và đâu là Tâm Sở, cũng tương tự với Tứ Mật Tráp vậy.

Ngoài ra khỏi trạng thái hòa hợp vào nhau thành một khối, Pháp Tương Ưng tức là Tâm và Tâm Sở vẫn còn làm nhiệm vụ giúp đỡ ủng hộ lẫn nhau, chẳng hạn như là vào sát na Tâm căn Tham sanh khởi bởi do nương vào Cảnh Sắc làm thành nhân thì Tâm Sở cũng câu sanh với Tâm căn Tham vừa theo thích hợp. Tâm và Tâm Sở câu sanh với nhau đây, khi đề cập theo Uẩn thì có Tứ Danh Uẩn là Thọ Uẩn, Tưởng Uẩn, Hành Uẩn và Thức Uẩn. Trong cả Tứ Danh Uẩn này, thường làm được Năng Duyên và Sở Duyên lẫn nhau, đề cập là khi Thọ Uẩn làm Năng Duyên thì cả ba Danh Uẩn

còn lại làm Sở Duyên; hoặc là khi ba Danh Uẩn làm Năng Duyên thì một Danh Uẩn còn lại làm Sở Duyên; hoặc khi hai Danh Uẩn làm Năng Duyên thì hai Danh Uẩn còn lại làm Sở Duyên. Việc thay đổi lẫn nhau về việc làm Năng Duyên và Sở Duyên trong cùng một sát na sanh khởi được như vậy, cũng chính là do mãnh lực từ nơi Tương Ứng Duyên.

Khi đề cập theo nhiệm vụ thì mỗi loại của Tứ Danh Uẩn làm nhiệm vụ khác biệt nhau, tức là Thọ Uẩn thì làm nhiệm vụ thọ lãnh Cảnh, Tưởng Uẩn thì làm nhiệm vụ tưởng nhớ Cảnh, Hành Uẩn thì làm nhiệm vụ sắp bày tạo tác Cảnh và Thức Uẩn thì làm nhiệm vụ liễu tri Cảnh. Khi là như vậy cũng có thể lại làm cho có sự hiểu biết rằng từng mỗi sát na, mỗi loại của Tứ Danh Uẩn này, xen lẫn làm nhiệm vụ với nhau, chẳng hạn như là ngay khi nhìn thấy Cảnh Sắc thì Thức Uẩn làm nhiệm vụ liễu tri trước, tiếp đến thì Thọ Uẩn làm nhiệm vụ thọ lãnh Cảnh, tiếp đến thì Tưởng Uẩn làm nhiệm vụ tưởng nhớ Cảnh, và tiếp đến là Hành Uẩn làm nhiệm vụ tạo tác Cảnh, như vậy chẳng hạn. Điều xác thực quả thật là không phải như vậy, vì theo lẽ thường nhiên thì cả Tứ Danh Uẩn này, cho dù có trạng thái và việc làm khác biệt nhau, tuy nhiên ngay sát na sanh khởi lại thường luôn đồng câu sanh với nhau, chẳng phải sanh tuần tự riêng từng mỗi Uẩn và trong việc làm nhiệm vụ của từng mỗi Uẩn thì cũng hiện hành vào cùng một thời điểm với nhau, chẳng có sự trái nghịch với nhau. Việc hiện hành được như vậy, là cũng chính do bởi việc giúp đỡ ủng hộ hỗ tương lẫn nhau, theo cách làm hòa trộn với nhau, do đó mới được gọi là Tương Ứng Duyên.

Tóm lại, Tương Ứng Duyên đây, là cả Tứ Danh Uẩn và đó chính là Tâm và Tâm Sở, làm Năng Duyên và Sở Duyên lẫn nhau, đồng câu sanh trong cùng một sát na với nhau, theo mãnh lực của Tương Ứng Duyên.

PHÂN TÍCH TƯƠNG ỨNG DUYÊN THEO TRẠNG THÁI, GIỐNG, THỜI GIAN VÀ MÃNH LỰC

Trong Tương Ứng Duyên này, việc giúp đỡ ủng hộ đối với Pháp Sở Duyên của Pháp làm thành Tương Ứng Năng Duyên đó,

- * Rằng theo Trạng Thái: chỉ có một loại duy nhất, là phối hợp với nhau một cách hài hòa khấn khít và y như thể là một, đề cập là trong sát na mà Tâm và Tâm Sở sanh khởi thì không có khả năng để biết được rằng cái nào là Tâm, cái nào là Tâm Sở (*Sampayutta – Tương Ứng*).
- * Rằng theo Chủng Loại: là giống Câu Sanh.
- * Rằng theo Thời Gian: là thời kỳ Hiện Tại (*paccuppannakāla*).

* Rằng theo Mãnh Lực: là có hai loại mãnh lực là: Mãnh Lực Xuất Sinh và Mãnh Lực Bảo Hộ.

TÓM LƯỢC BA LOẠI NỘI DUNG CỦA TƯƠNG ƯNG DUYÊN

Trong Tương Ưng Duyên xiển thuật này, tóm lược ba thể loại Nội Dung hiện hữu như sau:

Tương Ưng Duyên có cả Tứ Danh Uẩn làm Năng Duyên và Sở Duyên lẫn nhau, đồng câu sanh trong cùng một thời điểm. Tuần tự trình bày ba thể loại Pháp hiện hữu trong Tương Ưng Duyên, đó là: 1/ Pháp Năng Duyên, 2/ Pháp Sở Duyên, 3/ Pháp Dịch Duyên.

1. Pháp Tương Ưng Năng Duyên (Sampayuttadhamma): Tứ Danh Uẩn Tái Tục - Bình Nhựt (*Pavattipatisandhināmakhandha*) là 89 Tâm, 52 Tâm Sở giúp đỡ hỗ tương lẫn nhau.

2. Pháp Tương Ưng Sở Duyên (Sampayuttapaccayuppannadhamma): là 89 Tâm, 52 Tâm Sở hiện hành một cách đối chiếu tương phản lẫn nhau.

3. Pháp Tương Ưng Dịch Duyên (Sampayuttapaccanikadhamma): tất cả Sắc, gồm có Sắc Tâm, Sắc Nghiệp Tái Tục, Sắc Ngoại, Sắc Vật Thực, Sắc Quý Tiết, Sắc Nghiệp Phạm Thiên Vô Tướng, Sắc Nghiệp Bình Nhựt.

PHÂN TÍCH GIAI ĐOẠN VĂN ĐỀ (PANHĀVĀRA) VÀ CHI PHÁP TRONG TƯƠNG ƯNG DUYÊN

Tại đây, Đức Phật sắp đặt trước tiên ba câu làm cốt lõi gọi là Câu Chánh Diện, là Câu Thiện, Câu Bất Thiện, Câu Vô Ký làm Pháp Năng Duyên, kế đó phân tích Pháp Sở Duyên bằng cách chia chẻ ở câu sau, như sẽ thấy tiếp sau đây:

(A) KUSALAPADA – CÂU THIỆN “KUSALAPADĀVASĀNA - PHẦN CUỐI CÂU THIỆN” – TRONG CÂU THIỆN

“Kusalo dhammo kusalassa dhammassa Sampayuttapaccayena paccayo” –
Pháp Thiện làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Pháp Thiện với mãnh lực Tương Ưng Duyên.

Pháp Thiện làm Tương Ưng Năng Duyên, là 21 Tâm Thiện, 38 Tâm Sở phối hợp.

Pháp Thiện làm Tương Ứng Sở Duyên, là 21 Tâm Thiện, 38 Tâm Sở phối hợp.

ANUVĀDA – CÂU PHỤ

1/ “*Kusalo eko khandho tinnannam khandhānam Sampayuttapaccayena paccayo*” - Một Danh Uẩn Thiện làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với ba Danh Uẩn Thiện với mãnh lực Tương Ứng Duyên.

Tại đây, bất luận một trong Tứ Danh Uẩn Thiện, là 21 Tâm Thiện, 38 Tâm Sở phối hợp, làm Tương Ứng Năng Duyên.

Ba Danh Uẩn Thiện còn lại, là 21 Tâm Thiện, 38 Tâm Sở phối hợp, làm Tương Ứng Sở Duyên.

2/ “*Tayo khandhā ekassa khandhassa Sampayuttapaccayena paccayo*” - Ba Danh Uẩn làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với một Danh Uẩn với mãnh lực Tương Ứng Duyên.

Tại đây, ba Danh Uẩn Thiện là 21 Tâm Thiện, 38 Tâm Sở phối hợp, làm Tương Ứng Năng Duyên.

Một Danh Uẩn Thiện còn lại, là 21 Tâm Thiện, 38 Tâm Sở phối hợp, làm Tương Ứng Sở Duyên.

3/ “*Dve khandhā dvinnam khandhānam Sampayuttapaccayena paccayo*” - Hai Danh Uẩn làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với hai Danh Uẩn với mãnh lực Tương Ứng Duyên.

Tại đây, hai Danh Uẩn Thiện là 21 Tâm Thiện, 38 Tâm Sở phối hợp, làm Tương Ứng Năng Duyên.

Hai Danh Uẩn Thiện còn lại, là 21 Tâm Thiện, 38 Tâm Sở phối hợp, làm Tương Ứng Sở Duyên.

Trong câu Pháp Thiện làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Pháp Thiện đây, ngay thời gian sanh khởi có Duyên tự vào giúp đỡ ủng hộ (*Ghatanā - Hiệp Lực*) đồng cùng sanh với nhau vừa theo thích hợp, là:

- (1) Tương Ứng Duyên,
- (2) Câu Sanh Duyên,
- (3) Hỗ Tương Duyên,
- (4) Câu Sanh Y Duyên,

(5) Câu Sanh Hiện Hữu Duyên,

(6) Câu Sanh Bất Ly Duyên.

- * Rằng theo Thời Gian: hiện hành trong thời kỳ Bình Nhựt, ý nghĩa là Pháp Thiện làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Pháp Thiện, chỉ được duy nhứt trong thời kỳ Bình Nhựt.
- * Rằng theo Địa Giới: hiện hành trong Cõi Ngũ Uẩn và Tứ Uẩn.
- * Rằng theo Người: hiện hành trong bốn Phạm và bảy Thánh Nhân (trừ bậc Vô Sinh).
- * Rằng theo Lộ Trình: hiện hành trong Lộ Trình Ngũ Môn Đồng Lực Thiện và Lộ Trình Ý Môn Đồng Lực Thiện, tùy theo trường hợp.

(B) AKUSALAPADA – CÂU BẤT THIỆN

“AKUSALAPADĀVASĀNA - PHẦN CUỐI CÂU BẤT THIỆN” –
TRONG CÂU BẤT THIỆN

“Akusalo dhammo akusalassa dhammassa Sampayuttapaccayena paccayo” –
Pháp Bất Thiện làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Pháp Bất Thiện với mãnh lực Tương Ưng Duyên.

Pháp Bất Thiện làm Tương Ưng Năng Duyên, là 12 Tâm Bất Thiện, 27 Tâm Sở phối hợp.

Pháp Bất Thiện làm Tương Ưng Sở Duyên, là 12 Tâm Bất Thiện, 27 Tâm Sở phối hợp.

ANUVĀDA – CÂU PHỤ

1/ *“Akusalo eko khandho tinnannam khandhānam Sampayuttapaccayena paccayo”* - Một Danh Uẩn Bất Thiện làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với ba Danh Uẩn Bất Thiện với mãnh lực Tương Ưng Duyên.

Tại đây, bất luận một trong Tứ Danh Uẩn Bất Thiện, là 12 Tâm Bất Thiện, 27 Tâm Sở phối hợp, làm Tương Ưng Năng Duyên.

Ba Danh Uẩn Bất Thiện còn lại, là 12 Tâm Bất Thiện, 27 Tâm Sở phối hợp, làm Tương Ưng Sở Duyên.

2/ *“Tayo khandhā ekassa khandhassa Sampayuttapaccayena paccayo”* - Ba

Danh Uẩn làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với một Danh Uẩn với mãnh lực Tương Ứng Duyên.

Tại đây, ba Danh Uẩn Bất Thiện là 12 Tâm Bất Thiện, 27 Tâm Sở phối hợp, làm Tương Ứng Năng Duyên.

Một Danh Uẩn Bất Thiện còn lại, là 12 Tâm Bất Thiện, 27 Tâm Sở phối hợp, làm Tương Ứng Sở Duyên.

3/ “*Dve khandhā dvinnam khandhānam Sampayuttapaccayena paccayo*” - Hai Danh Uẩn làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với hai Danh Uẩn với mãnh lực Tương Ứng Duyên.

Tại đây, hai Danh Uẩn Bất Thiện là 12 Tâm Bất Thiện, 27 Tâm Sở phối hợp, làm Tương Ứng Năng Duyên.

Hai Danh Uẩn Bất Thiện còn lại, là 12 Tâm Bất Thiện, 27 Tâm Sở phối hợp, làm Tương Ứng Sở Duyên.

Trong câu Pháp Bất Thiện làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Pháp Bất Thiện đây, ngay thời gian sanh khởi có Duyên tựu vào giúp đỡ ủng hộ (*Ghatanà - Hiệp Lực*) đồng cùng sanh với nhau vừa theo thích hợp, là:

- (1) Tương Ứng Duyên,
- (2) Câu Sanh Duyên,
- (3) Hỗ Tương Duyên,
- (4) Câu Sanh Y Duyên,
- (5) Câu Sanh Hiện Hữu Duyên,
- (6) Câu Sanh Bất Ly Duyên.

* Rằng theo Thời Gian: hiện hành trong thời kỳ Bình Nhựt.

* Rằng theo Địa Giới: hiện hành trong Cõi Ngũ Uẩn và Tứ Uẩn.

* Rằng theo Người: hiện hành trong bốn Phạm và ba bậc Quả Hữu Học.

* Rằng theo Lộ Trình: hiện hành trong Lộ Trình Ngũ Môn Đồng Lực Bất Thiện và Lộ Trình Ý Môn Đồng Lực Bất Thiện, tùy theo trường hợp.

(C) ABYĀKATAPADA – CÂU VÔ KÝ
“ABYĀKATAPADĀVASĀNA - PHẦN CUỐI CÂU VÔ KÝ” –
TRONG CÂU VÔ KÝ

“*Abyākato dhammo abyākatassa dhammassa Sampayuttapaccayena paccayo*” - Pháp Vô Ký làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Pháp Vô Ký với mãnh lực Tương Ưng Duyên.

Pháp Vô Ký làm Tương Ưng Năng Duyên là 36 Tâm Dị Thục Quả, 20 Tâm Duy Tác, 38 Tâm Sở phối hợp, trong thời kỳ Bình Nhựt và Tái Tục, tùy theo trường hợp.

Pháp Vô Ký làm Tương Ưng Sở Duyên là 36 Tâm Dị Thục Quả, 20 Tâm Duy Tác, 38 Tâm Sở phối hợp, trong thời kỳ Bình Nhựt và Tái Tục, tùy theo trường hợp.

ANUVĀDA – CÂU PHỤ

1/ “*Vipākabyākato kiriyābyākato eko khandho tinnannam khandhānam Sampayuttapaccayena paccayo*” - Một Danh Uẩn Vô Ký Dị Thục Quả Vô Ký Duy Tác làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với ba Danh Uẩn Vô Ký Dị Thục Quả Vô Ký Duy Tác, với mãnh lực Tương Ưng Duyên.

Tại đây, bất luận một trong Tứ Danh Uẩn Vô Ký Dị Thục Quả Vô Ký Duy Tác, là 36 Tâm Dị Thục Quả, 20 Tâm Duy Tác, 38 Tâm Sở phối hợp, trong thời kỳ Bình Nhựt, làm Tương Ưng Năng Duyên.

Ba Danh Uẩn Vô Ký Dị Thục Quả Vô Ký Duy Tác còn lại, là 36 Tâm Dị Thục Quả, 20 Tâm Duy Tác, 38 Tâm Sở phối hợp, làm Tương Ưng Sở Duyên.

2/ “*Tayo khandhā ekassa khandhassa Sampayuttapaccayena paccayo*” - Ba Danh Uẩn Vô Ký Dị Thục Quả Vô Ký Duy Tác làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với một Danh Uẩn Vô Ký Dị Thục Quả Vô Ký Duy Tác, với mãnh lực Tương Ưng Duyên.

Tại đây, ba Danh Uẩn Vô Ký Dị Thục Quả Vô Ký Duy Tác, là 36 Tâm Dị Thục Quả, 20 Tâm Duy Tác, 38 Tâm Sở phối hợp, trong thời kỳ Bình Nhựt, làm Tương Ưng Năng Duyên.

Một Danh Uẩn Vô Ký Dị Thục Quả Vô Ký Duy Tác còn lại, là 36 Tâm Dị Thục Quả, 20 Tâm Duy Tác, 38 Tâm Sở phối hợp, làm Tương Ưng Sở Duyên.

3/ “*Dve khandhā dvinnam khandhānam Sampayuttapaccayena paccayo*” - Hai Danh Uẩn Vô Ký Dị Thục Quả Vô Ký Duy Tác làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với hai Danh Uẩn Vô Ký Dị Thục Quả Vô Ký Duy Tác, với mãnh lực Tương Ưng Duyên.

Tại đây, hai Danh Uẩn Vô Ký Dị Thục Quả Vô Ký Duy Tác, là 36 Tâm Dị Thục

Quả, 20 Tâm Duy Tác, 38 Tâm Sở phối hợp, trong thời kỳ Bình Nhựt, làm Tương Ứng Năng Duyên.

Hai Danh Uẩn Vô Ký Dị Thục Quả Vô Ký Duy Tác còn lại, là 36 Tâm Dị Thục Quả, 20 Tâm Duy Tác, 38 Tâm Sở phối hợp, làm Tương Ứng Sở Duyên.

4/ “*Patisandhikkhane eko khandho tinnannam khandhānam Sampayuttapacca - yena paccayo*” - Trong sát na Tái Tục, một Danh Uẩn Vô Ký Dị Thục Quả Vô Ký Duy Tác làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với ba Danh Uẩn Vô Ký Dị Thục Quả Vô Ký Duy Tác, với mãnh lực Tương Ứng Duyên.

Tại đây, bắt luận một trong Tứ Danh Uẩn Tái Tục, là 19 Tâm Dị Thục Quả Tái Tục, 35 Tâm Sở phối hợp, trong thời kỳ Tái Tục, làm Tương Ứng Năng Duyên.

Ba Danh Uẩn Tái Tục còn lại, là 19 Tâm Dị Thục Quả Tái Tục, 35 Tâm Sở phối hợp, làm Tương Ứng Sở Duyên.

5/ “*Tayo khandhā ekassa khandhassa Sampayuttapaccayena paccayo*” - Ba Danh Uẩn làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với một Danh Uẩn, với mãnh lực Tương Ứng Duyên.

Tại đây, ba Danh Uẩn Tái Tục, là 19 Tâm Dị Thục Quả Tái Tục, 35 Tâm Sở phối hợp, trong thời kỳ Tái Tục, làm Tương Ứng Năng Duyên.

Một Danh Uẩn Tái Tục còn lại, là 19 Tâm Dị Thục Quả Tái Tục, 35 Tâm Sở phối hợp, làm Tương Ứng Sở Duyên.

6/ “*Dve khandhā dvinnam khandhānam Sampayuttapaccayena paccayo*” - Hai Danh Uẩn Tái Tục làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với hai Danh Uẩn Tái Tục, với mãnh lực Tương Ứng Duyên.

Tại đây, hai Danh Uẩn Tái Tục, là 19 Tâm Dị Thục Quả Tái Tục, 35 Tâm Sở phối hợp, trong thời kỳ Tái Tục, làm Tương Ứng Năng Duyên.

Hai Danh Uẩn Tái Tục còn lại, là 19 Tâm Dị Thục Quả Tái Tục, 35 Tâm Sở phối hợp, làm Tương Ứng Sở Duyên.

Chi Pháp và Thời Gian, Địa Giới, v.v. suốt cho đến Phần Tính Giản Đơn (*Sud - dhasankhayāvāra*) và Duyên ở Phần Tấu Hợp (*Sabhāga*) trong Tương Ứng Duyên, nên hiểu biết theo phần Lời Dịch đã được trình bày, vì lẽ nội dung ý nghĩa đã được hiện bày rõ ràng. Đối với mãnh lực Duyên vào giúp đỡ ủng hộ trong cùng một thời gian, luôn cả trong thời gian Tái Tục và thời gian Bình Nhựt, thì có được 7 Duyên, đó là:

- (1) Tương Ưng Duyên,
- (2) Câu Sanh Duyên,
- (3) Hồ Tương Duyên,
- (4) Câu Sanh Y Duyên,
- (5) Dị Thục Quả Duyên,
- (6) Câu Sanh Hiện Hữu Duyên,
- (7) Câu Sanh Bất Ly Duyên.

Lại nữa, việc giải thích trong Tương Ưng Duyên, nương theo Ngài Giáo Thọ Sư thì có giải thích rằng: Duyên vào giúp đỡ trong phần “*Abyākato dhammo – Pháp Vô Ký*” là có thêm Dị Thục Quả Duyên đó, vì có Tứ Danh Uẩn Dị Thục Quả. Trong Câu Thiện, Câu Bất Thiện có Duyên vào giúp đỡ bằng nhau là 6 Duyên, không có Dị Thục Quả Duyên, bởi vì không có Tứ Danh Uẩn Dị Thục Quả. Có điều thắc mắc là, tại sao với cả hai Duyên là, Thiện Na Duyên, Đồ Đạo Duyên lại có số Duyên vào giúp đỡ nhiều hơn là Tương Ưng Duyên, và Tương Ưng Duyên này cũng được vào giúp đỡ trong Thiện Na Duyên, Đồ Đạo Duyên, chẳng phải hay sao ? Nhưng tại sao Tương Ưng Duyên đây, lại hạn chế Duyên vào giúp đỡ chỉ là 6 Duyên, thì chẳng phải mâu thuẫn với nhau hay sao ? Không có mâu thuẫn, vì trong Tương Ưng Duyên này, Đức Phật Ngài khái thuyết chẳng lưu tâm vào những Tâm Sở khác. Trong Thiện Na - Đồ Đạo, Đức Phật Ngài lập ý nhắm đến Tâm Sở mà làm thành Chi Thiện, Chi Đạo. Và lại nữa, trong Thiện Na - Đồ Đạo đây, cũng có Sắc Tâm, Sắc Nghiệp Tái Tục.

Trong Tương Ưng Duyên đây, đặc biệt chỉ đề cập toàn là Danh Pháp, thì có điều vấn hỏi là, tại sao Nhân Duyên mới vào không được trong bài Tương Ưng Duyên này ? Vì Nhân Duyên có Sắc Tâm Thiện, Sắc Tâm Bất Thiện nên mới không lấy được. Khi là như vậy, thì vì sao trong Cõi Phạm Thiên Vô Sắc Giới cũng chỉ toàn là Danh Pháp mà cũng không vào được ? Không được, vì lẽ Đức Phật Ngài lập ý khái thuyết chỉ nhắm lấy duy nhất là Hành Uẩn làm Duyên, nhưng trong Tương Ưng Duyên không có được lập ý chỉ lấy duy nhất là Hành Uẩn làm Nhân, trái lại lập ý nhắm lấy Tứ Danh Uẩn, lập ý khái thuyết rằng “*Eko khandho tinnannam khandhānam*” rồi trở lại khái thuyết là “*Tayo khandhā ekassa khandhassa*”. Còn ở trong Nhân Duyên, thì không có được lập ý khái thuyết như thế này. Khi là như vậy rồi, thì trong Tâm Bất Thiện đó, khi Tham khởi sanh cũng có Si Tương Ưng hiện hữu, Sân khởi sanh cũng có Si Tương Ưng hiện hữu, thì thế sao không gọi là Tương Ưng Duyên ? Không gọi được, là vì có Sắc.

Mỗi Lộ Trình Tâm sanh khởi sẽ phải loại trừ ra “*Abyākato dhammo*” tức là Tâm Dị Thục Quả được không ? Không được, tại đây lập ý lấy Lộ trình Ngũ Môn ở phần Cảnh Cự Cự Đại (*Atimahantārammana*) là phải thường luôn có Tâm Na Cảnh, và Lộ trình Ý Môn ở phần Cảnh Minh Hiện (*Vibhūtārammana*), và Lộ trình Ngũ Môn chủ yếu khác cũng không loại trừ được, tức là Nhãn Thức, Tiếp Thâu, Thẩm Tấn, và Khai Ngũ Môn, Khai Ý Môn của bất cứ hạng Phàm Phu hoặc là Bạc Vô Sinh, cũng không thể loại trừ hai thể loại Tâm này được, và Đồng Lực Duy Tác, tức là việc hành động, việc nói năng, việc nghĩ suy của bậc Vô Sinh. Nếu sẽ được, tức là Lộ trình Ý Môn ở phần Cảnh Bất Minh Hiện (*Avibhūtārammana*) Cảnh không thể hiện bày vì Cảnh Sắc hy thiếu, và Tâm Đồng Lực thụ hưởng hết, không còn dư sót đến Na Cảnh. Nếu là Lộ trình Ngũ Môn thì cũng không loại trừ được và trong sát na mà đắc Đạo rồi Quả phải khởi sanh. Tại đây, cũng có một điều nữa mà không thể loại trừ *Abyākato* đó là Dị Thục Quả không thể được nữa, khi mà một cách đoan chắc rồi thì thành thử không thể loại trừ được, tức là Khai Ngũ Môn và Khai Ý Môn cần phải có ở mỗi Lộ Trình Tâm.

Ghi chú: Trong Tứ Danh Uẩn Duy Tác, vào thời gian làm Năng Duyên và Sở Duyên hỗ tương lẫn nhau thì Dị Thục Quả Duyên không được liệt kê vào.

- * Rằng theo Thời Gian: hiện hành trong thời kỳ Bình Nhựt và Tái Tục.
- * Rằng theo Địa Giới: hiện hành trong Cõi Ngũ Uẩn và Tứ Uẩn.
- * Rằng theo Người: hiện hành trong bốn Phàm và bốn bậc Thánh Quả, tùy theo trường hợp.
- * Rằng theo Lộ Trình: hiện hành trong Lộ Trình Ngũ Môn và Lộ Trình Ý Môn, và trong Tâm Hữu Phần vẫn chưa đến Lộ Trình, tùy theo trường hợp.

SAMPAYUTTAPACCAYASUDDHASANKHAYĀVĀRA – PHẦN TÍNH GIẢN ĐƠN Ở TƯƠNG ƯNG DUYÊN

Theo như đã đề cập ở phía trên, thì tóm tắt lại số lượng câu đơn “*Suddhapada*” giai đoạn Vấn Đề của Tương Ưng Duyên có được ba câu như sau:

- (1) *Kusalo kusalassa Sampayuttapaccayena paccayo* - Thiện làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Thiện với mãnh lực Tương Ưng Duyên.
- (2) *Akusalo akusalassa Sampayuttapaccayena paccayo* - Bất Thiện làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Bất Thiện với mãnh lực Tương Ưng Duyên.
- (3) *Abyākato abyākatassa Sampayuttapaccayena paccayo* – Vô Ký làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Vô Ký với mãnh lực Tương Ưng Duyên.

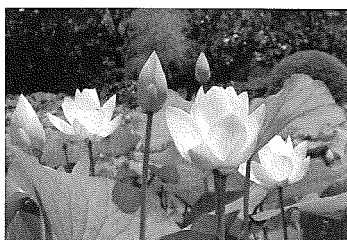
SAMPAYUTTAPACCAYASABHĀGA – TƯƠNG ỨNG DUYÊN TÁU HỢP

Theo cách phối hợp khác, thì có nhiều loại Duyên tựu vào như sau:

- (1) Câu Sanh Duyên,
- (2) Hổ Tương Duyên,
- (3) Câu Sanh Y Duyên,
- (4) Dị Thực Quả Duyên,
- (5) Câu Sanh Hiện Hữu Duyên,
- (6) Câu Sanh Bất Ly Duyên.

Có ý nghĩa là những loại Duyên này thường hòa hợp vừa theo trường hợp của mình với Tương Ứng Duyên khi đã được hiện hữu.

KẾT THÚC GIAI ĐOẠN VẤN ĐỀ CỦA TƯƠNG ỨNG DUYÊN KẾT THÚC TƯƠNG ỨNG DUYÊN



DUYÊN THỨ HAI MƯƠI
VIPPAYUTTAPACCAYA - BẤT TƯƠNG ỨNG DUYÊN
VIPPAYUTTAPACCAYANIDDESAVĀRA
PHẦN XIÊN MINH BẤT TƯƠNG ỨNG DUYÊN

Loại Duyên nào mà Đức Thế Tôn thuyết giảng một cách khái lược trong phần xiển thuật Duyên là “*Vippayuttapaccaya – Bất Tương Ứng Duyên*”, thì loại Duyên đó được Đức Thế Tôn thuyết giảng một cách tỷ mỷ kỹ càng trong phần xiển minh Duyên –

*“Rūpino dhammā arūpīnam dhammānam Vippayuttapaccayena paccayo
Arūpino dhammā rūpīnam dhammānam Vippayuttapaccayena paccayo”.*

DỊCH NGHĨA VÀ GIẢI THÍCH

1/ Rūpino dhammā arūpīnam dhammānam Vippayuttapaccayena paccayo - Những Sắc Pháp làm duyên cho Pháp Vô Sắc với mãnh lực Bất Tương Ứng Duyên.

Tại đây, Lục Sắc Vật làm duyên, tức là giúp đỡ ủng hộ đối với 7 Thức Giới (trừ 4 Tâm Dị Thục Quả Vô Sắc Giới) và Tâm Sở phối hợp, với mãnh lực Câu Sanh Bất Tương Ứng Duyên và Tiền Sinh Bất Tương Ứng Duyên.

2/ Arūpino dhammā rūpīnam dhammānam Vippayuttapaccayena paccayo - Những Pháp Vô Sắc làm duyên cho Sắc Pháp với mãnh lực Bất Tương Ứng Duyên.

Tại đây, Tứ Danh Uẩn (tức là 85 Tâm, trừ 4 Tâm Dị Thục Quả Vô Sắc Giới), 52 Tâm Sở phối hợp, làm duyên, tức là giúp đỡ ủng hộ đối với Tứ Sắc xuất sinh xứ, với mãnh lực Câu Sanh Bất Tương Ứng Duyên và Hậu Sanh Bất Tương Ứng Duyên.

PHÂN TÍCH CÂU VÀ TRÌNH BÀY CHI PHÁP

Khi phân tích theo phần Pāli của *Niddisitabba* - Giải Thích (Câu này được đưa lên trình bày trước) và *Nidassanākāra* - Giải Ngộ (Câu này trình bày làm cho rõ thêm nội dung và cho được thấy loại kiểu mẫu), thì cũng hiện hành tương tự với Nhân Duyên xiển minh.

Theo phương pháp Pāli điều thứ nhất,

* Nếu là Câu Sanh Bất Tương Ưng Duyên (Sahajātavippayuttapaccaya):
Rūpino dhammā làm *Kattupada*: *Câu Chủ Từ*, trình bày cho biết đến Pháp Năng Duyên, tức là Sắc Ý Vật đồng câu sanh với Tâm Tái Tục.

Arūpīnam dhammānam làm *Sampadānapada*: *Câu Liên Hệ*, trình bày cho biết đến Sở Duyên, tức là Tứ Danh Uẩn Tái Tục Cõi Ngũ Uẩn.

Vippayuttapaccayena làm *Karanapada*: *Câu Chế Tác*, trình bày cho biết đến 6 mãnh lực Duyên, đó là:

- (1) Câu Sanh Bất Tương Ưng Duyên,
- (2) Câu Sanh Duyên,
- (3) Hỗ Tương Duyên,
- (4) Câu Sanh Y Duyên,
- (5) Câu Sanh Hiện Hữu Duyên,
- (6) Câu Sanh Bất Ly Duyên,

làm việc giúp đỡ ủng hộ trong cùng một thời gian vừa theo thích hợp, với duy nhất một cách đặc biệt bởi mãnh lực của Câu Sanh Bất Tương Ưng Duyên.

* Nếu là Tiền Sinh Bất Tương Ưng Duyên (Purejātavippayuttapaccaya):
Rūpino dhammā làm *Kattupada*: *Câu Chủ Từ*, trình bày cho biết đến Pháp Năng Duyên, tức là Lục Sắc Vật.

Arūpīnam dhammānam làm *Sampadānapada*: *Câu Liên Hệ*, trình bày cho biết đến Sở Duyên, tức là 7 Thức Giới (trừ 4 Tâm Dị Thục Quả Vô Sắc Giới), Tâm Sở phối hợp.

Một phần khác nữa, Chi Pháp của *Câu Chủ Từ* và *Câu Liên Hệ*, nếu trình bày theo phần Vật Tiền Sinh Y Duyên (*Vatthupurejātanissayapaccaya*) và Vật Cảnh Tiền Sinh Y Duyên (*Vatthārammanapurejātanissayapaccaya*), là kể từ điều thứ sáu trở đi.

Vippayuttapaccayena làm *Karanapada*: *Câu Chế Tác*, trình bày cho biết đến mãnh lực Duyên Hiệp Lực,

* Nếu trong khoảng giữa Lục Sắc Vật làm Năng Duyên, 7 Thức Giới và Tâm Sở phối hợp (trừ 4 Tâm Dị Thục Quả Vô Sắc Giới) làm Sở Duyên, thì trong tất cả 5 mãnh lực Duyên, đó là:

- (1) Vật Tiền Sinh Bất Tương Ưng Duyên,
- (2) Vật Tiền Sinh Y Duyên,

- (3) Vật Tiền Sinh Duyên,
- (4) Vật Tiền Sinh Hiện Hữu Duyên,
- (5) Vật Tiền Sinh Bất Ly Duyên.

làm việc giúp đỡ ủng hộ trong cùng một thời gian vừa theo thích hợp, với duy nhất một cách đặc biệt bởi mãnh lực của Vật Tiền Sinh Bất Tương Ứng Duyên.

* Nếu trong khoảng giữa Sắc Ý Vật đồng câu sanh với cái Tâm mà đếm thụt lùi ngược lại về sau 17 sát na kể từ Tâm Tử khởi đi, hoặc 49 Sắc Ý Vật ở thời gian Trụ (*Thītipattahadayavatthurūpa*) làm Năng Duyên. Khai Ý Môn, 5 Đồng Lực Cận Tử, 11 Tâm Na Cảnh hoặc Khai Ý Môn, 29 Đồng Lực Dục Giới, 11 Tâm Na Cảnh, 2 Tâm Thần Túc Thắng Trí (*Iddhividhaabhinnācitta*) Tâm Sở phối hợp (trừ Tật, Lận, Hối, Ngăn Trừ Phần, Vô Lượng Phần) làm Sở Duyên, thì trong tất cả 6 mãnh lực Duyên, đó là:

- (1) Vật Cảnh Tiền Sinh Bất Tương Ứng Duyên,
- (2) Cảnh Duyên,
- (3) Vật Cảnh Tiền Sinh Y Duyên,
- (4) Vật Cảnh Tiền Sinh Duyên,
- (5) Vật Cảnh Tiền Sinh Hiện Hữu Duyên,
- (6) Vật Cảnh Tiền Sinh Bất Ly Duyên.

làm việc giúp đỡ ủng hộ trong cùng một thời gian vừa theo thích hợp, với duy nhất một cách đặc biệt bởi mãnh lực của Vật Cảnh Tiền Sinh Bất Tương Ứng Duyên.

* Nếu trong khoảng giữa Sắc Ý Vật đồng câu sanh với cái Tâm mà đếm thụt lùi ngược lại về sau 17 sát na kể từ Tâm Tử khởi đi, hoặc 49 Sắc Ý Vật ở thời gian Trụ mà có được tiếp thâu việc chú tâm, làm Năng Duyên. Trong 5 Đồng Lực Cận Tử căn Tham hoặc 7 Đồng Lực căn Tham, trong thời kỳ Bình Nhựt làm thành người có sự chú tâm kiên cường, làm Sở Duyên, thì trong tất cả 8 mãnh lực Duyên, đó là:

- (1) Vật Cảnh Tiền Sinh Bất Tương Ứng Duyên,
- (2) Cảnh Duyên,
- (3) Cảnh Trường Duyên,
- (4) Vật Cảnh Tiền Sinh Y Duyên,
- (5) Cảnh Cận Y Duyên,
- (6) Vật Cảnh Tiền Sinh Duyên,
- (7) Vật Cảnh Tiền Sinh Hiện Hữu Duyên,
- (8) Vật Cảnh Tiền Sinh Bất Ly Duyên.

làm việc giúp đỡ ủng hộ trong cùng một thời gian vừa theo thích hợp, với duy nhất một cách đặc biệt bởi mãnh lực của Vật Cảnh Tiền Sinh Bất Tương Ứng Duyên.

* Nếu trong khoảng giữa Ngũ Vật làm Năng Duyên, Ngũ Thức Giới làm Sở Duyên, thì trong tất cả 6 mãnh lực Duyên, đó là:

- (1) Vật Tiền Sinh Bất Tương Ứng Duyên,
- (2) Vật Tiền Sinh Y Duyên,
- (3) Vật Tiền Sinh Duyên,
- (4) Vật Tiền Sinh Quyền Duyên,
- (5) Vật Tiền Sinh Hiện Hữu Duyên,
- (6) Vật Tiền Sinh Bất Ly Duyên.

làm việc giúp đỡ ủng hộ trong cùng một thời gian vừa theo thích hợp, với duy nhất một cách đặc biệt bởi mãnh lực của Vật Tiền Sinh Bất Tương Ứng Duyên.

Theo phương pháp Pāli điều thứ hai:

* Nếu là Câu Sanh Bất Tương Ứng Duyên (Sahajātavippayuttapaccaya):
Arūpino dhammā làm *Kattupada*: *Câu Chủ Từ*, trình bày cho biết đến Pháp Năng Duyên, tức là Tứ Danh Uẩn Tái Tục – Bình Nhứt Cõi Ngũ Uẩn (trừ 4 Tâm Dị Thục Quả Vô Sắc Giới, 10 Ngũ Song Thức và Tâm Tử của bậc Vô Sinh).

Rūpīnam dhammānam làm *Sampadānapada*: *Câu Liên Hệ*, trình bày cho biết đến Sở Duyên, tức là Sắc Tâm, Sắc Nghiệp Tái Tục.

Vippayuttapaccayena làm *Karanapada*: *Câu Chế Tác*, trình bày cho biết đến 7 mãnh lực Duyên, đó là:

- (1) Câu Sanh Bất Tương Ứng Duyên,
- (2) Câu Sanh Duyên,
- (3) Hổ Tương Duyên,
- (4) Câu Sanh Y Duyên,
- (5) Dị Thục Quả Duyên,
- (6) Câu Sanh Hiện Hữu Duyên,
- (7) Câu Sanh Bất Ly Duyên.

làm việc giúp đỡ ủng hộ trong cùng một thời gian vừa theo thích hợp, với duy nhất một cách đặc biệt bởi mãnh lực của Câu Sanh Bất Tương Ứng Duyên.

* Nếu là Hậu Sanh Bất Tương Ứng Duyên (Pacchājātavippayuttapaccaya):
Arūpino dhammā làm *Kattupada*: Câu Chủ Từ, trình bày cho biết đến Pháp Năng Duyên, tức là Tứ Danh Uẩn Cõi Ngũ Uẩn, có Hữu Phần thứ nhất, v.v. sanh phía sau sau.

Rūpīnam dhammānam làm *Sampadānapada*: Câu Liên Hệ, trình bày cho biết đến Pháp Sở Duyên, tức là Nhất Thân (*Ekajakāya*), Nhị Thân (*Dvijakāya*), Tam Thân (*Tijakāya*), Tứ Thân (*Catujakāya*) đồng câu sanh với cái Tâm trước trước, có Tâm Tái Tục, v.v. rồi vào đến thời gian Trụ.

Vippayuttapaccayena làm *Karanapada*: Câu Chế Tác, trình bày cho biết đến cả 4 mãnh lực Duyên, đó là:

- (1) Hậu Sanh Bất Tương Ứng Duyên,
- (2) Hậu Sanh Duyên,
- (3) Hậu Sanh Hiện Hữu Duyên,
- (4) Hậu Sanh Bất Ly Duyên.

làm việc giúp đỡ ủng hộ trong cùng một thời gian vừa theo thích hợp, với duy nhất một cách đặc biệt bởi mãnh lực của Hậu Sanh Bất Tương Ứng Duyên.

LỜI GIẢI THÍCH

Trong Bất Tương Ứng Duyên này, khi đã quán sát rồi thì cần nên thấy được rằng mặc dù 6 Cảnh Sắc sẽ giúp đỡ ủng hộ đối với 6 loại Cảnh Pháp (*Ārammanika - dhamma*) như bất luận có Tâm Nhãn Môn (*Cakkhudvārikacitta*) v.v. Tuy nhiên, tại nơi đây, Đức Phật Ngài không có lập ý sắp đặt vào bất luận loại nào trong Bất Tương Ứng Năng Duyên – Sở Duyên. Có thể sắp đặt duy nhất chỉ là ở trong nhóm Cảnh Duyên, là chỉ với những 6 loại Cảnh Sắc và 6 loại Cảnh Pháp đây làm thành Bất Tương Ứng.

Câu chuyện này, Ngài Chú Giải Sư có đề cập rằng việc làm thành Bất Tương Ứng từ nơi 6 loại Cảnh Sắc với 6 loại Cảnh Pháp, quả là hiện bày rõ ràng, không có điều chi phải thắc mắc. Tuy nhiên, trong khoảng giữa 6 Vật (*Cha Vatthu*) với 7 Thức Giới (*7 Vinnānadhātu*) mà làm thành Năng Duyên với Sở Duyên, thì sẽ có điều thắc mắc là khi 7 Thức Giới sanh khởi từ 6 Vật thì y như thể là 7 loại Thức Giới này đã hiện hữu ở trong cả 6 Sắc Vật với sự hòa hợp thành cùng một thể chất với nhau, nhưng quả thực là không có được hiện hữu như vậy, cho đến khi được tiếp xúc với Nhân Duyên một cách thích hợp rồi, thì những 7 loại Thức Giới này mới sẽ khởi sanh. Chính

nuơng vào điều cần phải thắc mắc này, Đức Phật Ngài mới lập ý chỉ lấy 6 loại Sắc Vật với 7 loại Thức Giới này, để thành Pháp hiện hành cho đặng làm thành Bất Tương Ứng Năng Duyên và Sở Duyên.

Còn Tứ Danh Uẩn mà giúp đỡ ủng hộ đối với Tứ Sắc Thân (*Catujakāya*), cho dù quả thật là sẽ sanh ở trong phần Nội Thân, tuy nhiên việc giúp đỡ ủng hộ của Tứ Danh Uẩn đối với Tứ Sắc Thân đây, là với việc làm thành Bất Tương Ứng, không thể làm thành Tương Ứng được, do đó, Đức Phật Ngài mới lập ý trình bày trong Bất Tương Ứng Duyên này.

CHÚ GIẢI KHÁI LƯỢC VÀ GIẢI THÍCH TÓM TẮT TRONG BẤT TƯƠNG ỨNG DUYÊN

Vacanattha – Chú Giải Khái Lược

“*Ekuppādatā dipakārehi na payuttanti = Vippayuttam*” - Pháp mà không hòa hợp nhau theo phương cách đồng sanh với nhau (*Ekuppādatā – Câu Sanh*), v.v. gọi là Bất Tương Ứng.

“*Vippayuttabhāvena upakārako dhammo = Vippayuttapaccayo*” - Pháp mà hỗ trợ nhau theo việc làm thành bất tương ứng, gọi là Bất Tương Ứng Duyên.

GIẢI THÍCH TÓM TẮT TRONG BẤT TƯƠNG ỨNG DUYÊN

Bất Tương Ứng Duyên đây, tức là cả hai Danh và Sắc làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với cả hai Danh và Sắc theo việc làm thành Bất Tương Ứng Duyên, và Bất Tương Ứng Duyên này có ý nghĩa trực tiếp đối nghịch với Tương Ứng Duyên, tức là không hòa hợp với 4 loại trạng thái, đó là:

1. *Ekuppāda*: Đồng Sanh,
2. *Ekanirodha*: Đồng Diệt,
3. *Ekārammana*: Đồng Cảnh,
4. *Ekavatthuka*: Đồng Trú Căn.

Khi không có hòa hợp với cả 4 loại trạng thái này, nên mới được gọi là Bất Tương Ứng, có ý nghĩa là, cho dù quả thực có đồng câu sanh với nhau, chẳng hạn như ngay sát na mà Tâm sanh khởi thì Sắc Tâm cũng đồng cùng sanh, và trong thời Tái Tục thì ngay sát na Tứ Danh Uẩn sanh khởi, Sắc Nghiệp cũng đồng cùng sanh khởi. Việc câu sanh hoặc đồng cùng sanh với nhau như thế này, cũng không được gọi là

Tương Ưng, do bởi nguyên nhân là Danh và Sắc, cho dù sẽ cùng sanh với nhau thành “*Ekuppāda*” (Đồng Sanh) đi nữa, nhưng vẫn không hội đủ cả Tứ Trọng Thái như đã có được đề cập đến rồi, do đó mới không thể làm được Tương Ưng, và gọi là Bất Tương Ưng.

Tỷ dụ như có hai người ở chung một nhà, tuy nhiên không phải là bà con anh em với nhau, và việc ăn ở ngủ nghỉ cho đến cả tiền bạc cũng chẳng có được tiêu xài chung với nhau, bất quá chỉ là ở chung một nhà mà thôi. Nếu như sẽ có người hỏi rằng hai người này là bà con với nhau hay không, thì sẽ phải trả lời rằng chẳng phải như vậy đâu. Đó chỉ là nương nhau ở chung trong cùng một nhà mà thôi. Điều này như thế nào, thì tất cả chúng hữu tình hữu sanh mạng, cho dù Danh Pháp với Sắc Pháp có câu sanh với nhau, hoặc là nương tựa vào nhau, hoặc là Sắc sanh trước Danh, thì những loại này cũng có nhiệm vụ duy nhất là giúp đỡ hỗ trợ lẫn nhau với việc làm thành Bất Tương Ưng Duyên mà thôi.

Một phần khác nữa, Ngài Giáo Thọ cổ xưa đã tỷ dụ Bất Tương Ưng Duyên này giống như với 6 loại vị, đó là ngọt, chua, chát, mặn, cay, đắng. Khi lấy tất cả 6 loại vị này đem hòa trộn vào chung với nhau, thì không có khả năng kết hợp lại với nhau cho thành một vị chung nhất, chẳng hạn như bất luận một nồi canh ca ri nào mà khi đem hòa hợp đủ cả 6 loại vị, có ngọt, mặn, chua, cay, v.v. vào với nhau, tuy nhiên những loại vị này cũng không có khả năng hòa hợp lại thành một vị chung nhất, và người thọ thực có khả năng nói được tức thì rằng đây là vị chua, đây là vị mặn, và đây là vị ngọt, trái nghịch với *Tứ Mật Tráp (Catumadhusa)* đã được trình bày trong phần Tương Ưng Duyên. Một trường hợp khác nữa, các loại vị này thường làm nhiệm vụ riêng biệt của mình, và cũng có trạng thái riêng biệt của mình, trong cùng một phương thức, tức là vị chua thì có nhiệm vụ làm cho nồi canh ca ri đó có vị chua hiện bày, vị mặn thì có nhiệm vụ làm cho nồi canh ca ri đó có vị mặn hiện bày, và vị ngọt, cay, đắng, chát, cũng cùng một phương thức như nhau. Bất luận một vị nào cũng không có khả năng sẽ kéo lôi những vị khác cùng hòa chung với mình để cho thành một vị chung nhất, và chua cũng vẫn là chua, và ngọt cũng vẫn là ngọt, mà thôi.

Điều tỷ dụ này như thế nào, thì Danh Pháp và Sắc Pháp, cho dù quả thực là câu sanh nhau, tuy nhiên Danh cũng vẫn còn là Danh, Sắc cũng vẫn còn là Sắc, và không thể hòa chung thành một với nhau được. Việc làm nhiệm vụ ở mỗi loại của Danh Pháp và Sắc Pháp cũng hiện hành khác biệt nhau, tức là ngay sát na Danh Pháp sanh khởi thì thường làm nhiệm vụ tiếp thu Cảnh, còn Sắc Pháp thì làm nhiệm vụ đi theo sự chỉ đạo của Danh Pháp một lần nữa. Việc khác biệt của Danh Pháp và Sắc Pháp là như vậy, nên mới có khả năng phân tách ra được rằng đây là Danh và đây là Sắc.

Chẳng hạn như trong việc tiến tu Thiền Quán (*Vipassanā*) thì khi hành giả đạt được *Tuệ Phân Biệt Danh Sắc (Nāmarūpaparicchedanāna)*, nếu hành giả là *Tịnh Quán Trí Giả (Suddhivipassanānika)* thì thường đa phần là thấy Thực Tính của Sắc trước, còn nếu hành giả là *Chỉ Quán Trí Giả (Samathavipassanānika)* thì thường đa phần là thấy Thực Tính của Danh trước. Khi quán sát tiếp tục cho đến nhìn thấy cả Danh và Sắc, điều này trình bày cho thấy được rằng cả hai Danh Pháp và Sắc Pháp đây, không có khả năng hòa hợp khấn khít với nhau thành chung một khối, tương tự như Tâm và Tâm Sở là phần Danh Pháp với nhau vậy. Do đó, việc câu sanh nhau nhưng không hòa hợp như vậy, mới được gọi là thành Bất Tương Ứng, tương tự như điều tỷ dụ vừa nêu ở phần trên vậy.

Lời nói rằng “Bất Tương Ứng” đây, có hai loại, đó là:

1. *Abhāvavippayuyya – Khiếm Diện Bất Tương Ứng*: có ý nghĩa là thành Bất Tương Ứng với sự không có, chẳng hạn như là “*Ditthagatavippayutta – Bất Tương Ứng Kiến*” là Tâm không phối hợp với Tà Kiến, hoặc Tâm xa lìa khỏi Tà Kiến, hoặc Tâm không có Tà Kiến. “*Nānavippayutta – Bất Tương Ứng Trí*” là Tâm không phối hợp với Tuệ, hoặc Tâm xa lìa khỏi Tuệ, hoặc Tâm không có Tuệ.
2. *Visamsatthavippayutta – Phân Cách Bất Tương Ứng*: có ý nghĩa là thành Bất Tương Ứng bằng cách không hòa trộn nhau, tức là chính lời nói rằng Bất Tương Ứng trong Bất Tương Ứng Duyên này vậy.

Tóm tắt nội dung rằng Bất Tương Ứng Duyên đây, có Danh Pháp và Sắc Pháp câu sanh với nhau và giúp đỡ hỗ trợ lẫn nhau, hoặc Sắc Pháp sanh trước giúp đỡ hỗ trợ Danh Pháp sanh sau, hoặc Danh Pháp sanh sau giúp đỡ hỗ trợ Sắc Pháp sanh trước, vừa theo thích hợp. Sự việc mà có được hiện hành như vậy là với mãnh lực của Bất Tương Ứng Duyên.

TÓM LƯỢC BA LOẠI NỘI DUNG PHÁP CỦA BẤT TƯƠNG ỨNG DUYÊN

Trong phần Bất Tương Ứng Duyên xiển thuật (*Vippayuttapaccayuddesa*) đây, Bất Tương Ứng Duyên hiện hữu với 3 hoặc 4 thể loại, như sau:

* Với ba thể loại, đó là:

1. *Sahajātavippayuttapaccaya – Câu Sanh Bất Tương Ứng Duyên*,
2. *Purejātavippayuttapaccaya – Tiền Sinh Bất Tương Ứng Duyên*,

3. *Pacchājātavippayuttapaccaya* – *Hậu Sinh Bất Tương Ứng Duyên*.

* Với bốn thể loại, đó là:

1. *Sahajātavippayuttapaccaya* – *Câu Sanh Bất Tương Ứng Duyên*,
2. *Vatthupurejātavippayuttapaccaya* – *Vật Tiền Sinh Bất Tương Ứng Duyên*,
3. *Vatthārammanapurejātavippayuttapaccaya* – *Vật Cảnh Tiền Sinh Bất Tương Ứng Duyên*.
4. *Pacchājātavippayuttapaccaya* – *Hậu Sinh Bất Tương Ứng Duyên*.

Trong cả ba hoặc bốn thể loại này, tóm lược ba thể loại Nội Dung Pháp hiện hữu như sau:

I. CÂU SANH BẤT TƯƠNG ỨNG DUYÊN (SAHAJĀTAVIPPAYUTTAPACCAYA)

Câu Sanh Bất Tương Ứng Duyên hiện hữu hai loại trạng thái: (1) là Câu Sanh, và (2) là Bất Tương Ứng, cùng phối hợp nhau trong Duyên này, có ý nghĩa là Pháp Năng Duyên câu sanh với Pháp Sở Duyên, nhưng không làm việc tương ưng hòa hợp lẫn nhau. Câu Sanh Bất Tương Ứng Duyên có Danh Sắc làm Năng Duyên, và Danh Sắc làm Sở Duyên.

Trong Câu Sanh Bất Tương Ứng Duyên hiện hữu ba loại Pháp là (1) Pháp Năng Duyên, (2) Pháp Sở Duyên, (3) Pháp Định Duyên, như tiếp theo đây:

1. Pháp Câu Sanh Bất Tương Ứng Năng Duyên (*Sahajātavippayuttapaccaya - dhamma*): Tứ Danh Uẩn ở thời Bình Nhựt và Tái Tục, là 75 Tâm (trừ 4 Tâm Dị Thục Quả Vô Sắc Giới, 10 Tâm Ngũ Song Thức, và Tâm Tử của Bạc Vô Sinh), 52 Tâm Sở phối hợp đang sanh khởi một cách nhất định và bất định ở trong Cõi Ngũ Uẩn. Và Tứ Danh Uẩn Tái Tục Ngũ Uẩn tức là 15 Tâm Tái Tục, 35 Tâm Sở phối hợp, và Ý Vật Tái Tục làm người hỗ trợ lẫn nhau (một cách đặc biệt ở thời Tái Tục).

2. Pháp Câu Sanh Bất Tương Ứng Sở Duyên (*Sahajātavippayuttapaccayuppan - nadhamma*): Sắc Tâm, hoặc là Sắc Nghiệp Tái Tục, Tứ Danh Uẩn Tái Tục Cõi Ngũ Uẩn và hoặc là Ý Vật Tái Tục hiện hành một cách đối chiếu tương phản lẫn nhau (tức là Ý Vật Tái Tục nương nhờ lẫn nhau vào Tứ Danh Uẩn Tái Tục Ngũ Uẩn và Tứ Danh Uẩn Tái Tục Ngũ Uẩn nương nhờ lẫn nhau vào Ý Vật Tái Tục).

3. Pháp Câu Sanh Bất Tương Ưng Địch Duyên (*Sahajātavippayuttapaccanika – dhamma*): 89 Tâm, 52 Tâm Sở phối hợp (trừ Tứ Danh Uẩn Tái Tục Ngũ Uẩn), Sắc Ngoại, Sắc Vật Thực, Sắc Quý Tiết, Sắc Nghiệp Phạm Thiên Vô Tướng, hoặc là Sắc Nghiệp Bình Nhục.

Ghi chú: Trong Pháp Câu Sanh Bất Tương Ưng Năng Duyên loại trừ 4 Tâm Di Thực Quả Vô Sắc Giới, 10 Tâm Ngũ Song Thức, và Tâm Tử của Bạc Vô Sinh cũng bởi vì những loại Tâm này không có khả năng làm cho Sắc Tâm và Sắc Nghiệp Tái Tục được khởi sanh. Còn việc nói rằng 75 Tâm, 52 Tâm Sở phối hợp đang sanh khởi một cách nhất định và bất định trong Cõi Ngũ Uẩn, có ý nghĩa là trong 75 Tâm này chỉ có 33 Tâm đặc biệt sanh trong Cõi Ngũ Uẩn, đó là 2 Tâm căn Sân, 2 Tâm Tiếp Thân, 3 Tâm Thảm Tấn, 1 Tâm Khai Ngũ Môn, 1 Tâm Tiểu Sinh, 8 Tâm Đại Quả, 15 Tâm Sắc Giới, 1 Tâm Đạo Thất Lai. Với những loại Tâm này thì không thể sanh trong Cõi Tứ Uẩn, do đó mới nhất định làm được **Câu Sanh Bất Tương Ưng Năng Duyên**. Còn 42 Tâm còn lại, đó là 8 Tâm căn Tham, 2 Tâm căn Si, 1 Tâm Khai Ý Môn, 8 Tâm Đại Thiện, 8 Tâm Đại Duy Tác, 8 Tâm Vô Sắc Giới (4 Thiện, 4 Duy Tác), 7 Tâm Siêu Thế. Với những loại Tâm này sanh được trong cả Cõi Ngũ Uẩn và Tứ Uẩn, và ngay khi sanh trong Cõi Ngũ Uẩn thì làm được **Câu Sanh Bất Tương Ưng Năng Duyên**. Còn nếu sanh trong Cõi Tứ Uẩn thì không thể làm được Câu Sanh Bất Tương Ưng Năng Duyên được. Do đó 75 Tâm này mới được đề cập rằng sanh khởi một cách nhất định và bất định trong Cõi Ngũ Uẩn, như đã được giải thích như vậy.

PHÂN TÍCH CÂU SANH BẤT TƯƠNG ƯNG DUYÊN THEO TRẠNG THÁI, GIỐNG, THỜI GIAN VÀ MÃNH LỰC

Trong Câu Sanh Bất Tương Ưng Duyên đây, việc giúp đỡ ủng hộ đối với Pháp Sở Duyên của Pháp làm thành Câu Sanh Bất Tương Ưng Năng Duyên đó,

- * **Rằng theo Trang Thái:** có hai loại, là cùng câu sanh với Sở Duyên (*Sahajāta – Câu Sanh*), và cho dù sẽ làm chỗ nương sanh cho Pháp Sở Duyên trong cùng một phương thứcặng hiện hữu, nhưng lại không được phối hợp thành một thể chất với nhau (*Vippayutta – Bất Tương Ưng*).
- * **Rằng theo Giống:** là giống Câu Sanh.
- * **Rằng theo Thời Gian:** là thời kỳ Hiện Tại.
- * **Rằng theo Mãnh Lực:** có hai loại mãnh lực, đó là (1) mãnh lực xuất sinh và (2) mãnh lực bảo hộ.

PHÂN TÍCH GIAI ĐOẠN VẤN ĐỀ (PANHĀVĀRA) VÀ CHI PHÁP TRONG CÂU SANH BẤT TƯƠNG ỨNG DUYÊN

Tại đây, Đức Phật sắp đặt trước tiên ba câu làm cốt lõi gọi là Câu Chánh Diện, là Câu Thiện, Câu Bất Thiện, Câu Vô Ký làm Pháp Năng Duyên, kế đó phân tích Pháp Sở Duyên bằng cách chia chẻ ở câu sau, như sẽ thấy tiếp sau đây:

(A) KUSALAPADA – CÂU THIỆN “ABYĀKATAPADĀVASĀNA - PHẦN CUỐI CÂU VÔ KÝ” – TRONG CÂU THIỆN

“Kusalo dhammo abyākatassa dhammassa Sahajātavippayuttapaccayena paccayo” – Pháp Thiện làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Pháp Vô Ký với mãnh lực Câu Sanh Bất Tương Ứng Duyên.

Pháp Thiện làm Câu Sanh Bất Tương Ứng Năng Duyên, là 21 Tâm Thiện, 38 Tâm Sở phối hợp.

Pháp Vô Ký làm Câu Sanh Bất Tương Ứng Sở Duyên, là Sắc Tâm Thiện.

ANUVĀDA – CÂU PHỤ

“Sahajātā kusalā khandhā cittasamutthānānam rūpānam Sahajātavippayutta - paccayena paccayo” - Câu Sanh: Tứ Danh Uẩn Thiện làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Sắc Tâm xuất sinh xứ (Sắc mà có Danh Uẩn Thiện làm xuất sinh xứ) với mãnh lực Câu Sanh Bất Tương Ứng Duyên.

Tại đây, bắt luận một trong Tứ Danh Uẩn Thiện, là 21 Tâm Thiện, 38 Tâm Sở phối hợp, làm Câu Sanh Bất Tương Ứng Năng Duyên.

Sắc Tâm Thiện làm Câu Sanh Bất Tương Ứng Sở Duyên.

Trong câu Pháp Thiện làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Pháp Vô Ký, ngay khi sanh khởi thì có Duyên tựu vào giúp đỡ ủng hộ (*Ghatanā – Hiệp Lực*) đồng cùng sanh với nhau vừa theo thích hợp là:

- (1) Câu Sanh Bất Tương Ứng Duyên,
- (2) Câu Sanh Duyên,
- (3) Câu Sanh Y Duyên,

(4) Câu Sanh Hiện Hữu Duyên,

(5) Câu Sanh Bất Ly Duyên.

* Rằng theo Thời Gian: hiện hành trong thời kỳ Bình Nhựt.

* Rằng theo Địa Giới: hiện hành trong Cõi Ngũ Uẩn.

* Rằng theo Người: hiện hành trong 4 Phạm và 7 bậc Thánh Hữu Học.

* Rằng theo Lộ Trình: hiện hành trong Lộ Trình Ngũ Môn Đồng Lực Thiện và Lộ Trình Ý Môn Đồng Lực Thiện, tùy theo trường hợp.

(B) AKUSALAPADA – CÂU BẤT THIỆN

“ABYĀKATAPADĀVASĀNA - PHẦN CUỐI CÂU VÔ KÝ” –
TRONG CÂU BẤT THIỆN

“Akusalo dhammo abyākatassa dhammassa Sahajātavippayuttapaccayena paccayo” – Pháp Bất Thiện làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Pháp Vô Ký với mãnh lực Câu Sanh Bất Tương Ưng Duyên.

Pháp Bất Thiện làm Câu Sanh Bất Tương Ưng Năng Duyên, là 12 Tâm Bất Thiện, 27 Tâm Sở phối hợp.

Pháp Vô Ký làm Câu Sanh Bất Tương Ưng Sở Duyên, là Sắc Tâm Bất Thiện.

ANUVĀDA – CÂU PHỤ

“Sahajātā akusalā khandhā cittasamutthānānam rūpānam Sahajātavippayuttapaccayena paccayo” - Câu Sanh: Tứ Danh Uẩn Bất Thiện làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Sắc Tâm xuất sinh xứ (Sắc mà có Danh Uẩn Bất Thiện làm xuất sinh xứ) với mãnh lực Câu Sanh Bất Tương Ưng Duyên.

Tại đây, bắt luận một trong Tứ Danh Uẩn Bất Thiện, là 12 Tâm Bất Thiện, 27 Tâm Sở phối hợp, làm Câu Sanh Bất Tương Ưng Năng Duyên.

Sắc Tâm Bất Thiện làm Câu Sanh Bất Tương Ưng Sở Duyên.

Trong câu Pháp Bất Thiện làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Pháp Vô Ký, ngay khi sanh khởi thì có Duyên tựa vào giúp đỡ ủng hộ (*Ghatanā – Hiệp Lực*) đồng cùng sanh với nhau vừa theo thích hợp là:

(1) Câu Sanh Bất Tương Ưng Duyên,

(2) Câu Sanh Duyên,

- (3) Câu Sanh Y Duyên,
- (4) Câu Sanh Hiện Hữu Duyên,
- (5) Câu Sanh Bất Ly Duyên.

- * Rằng theo Thời Gian: hiện hành trong thời kỳ Bình Nhựt.
- * Rằng theo Địa Giới: hiện hành trong Cõi Ngũ Uẩn.
- * Rằng theo Người: hiện hành trong 4 Phạm và 3 bậc Quả Hữu Học.
- * Rằng theo Lộ Trình: hiện hành trong Lộ Trình Ngũ Môn Đồng Lực Bất Thiện và Lộ Trình Ý Môn Đồng Lực Bất Thiện, tùy theo trường hợp.

(C) ABYĀKATAPADA – CÂU VÔ KÝ “ABYĀKATAPADĀVASĀNA - PHẦN CUỐI CÂU VÔ KÝ” – TRONG CÂU VÔ KÝ

“Abyākato dhammo abyākatassa dhammassa Sahajātavippayuttapaccayena paccayo” – Pháp Vô Ký làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Pháp Vô Ký với mãnh lực Câu Sanh Bất Tương Ứng Duyên.

Pháp Vô Ký làm Câu Sanh Bất Tương Ứng Năng Duyên, là 22 Tâm Dị Thục Quả (trừ 4 Tâm Dị Thục Quả Vô Sắc, 10 Tâm Ngũ Song Thức, và Tâm Tử của bậc Vô Sinh), 20 Tâm Duy Tác, 38 Tâm Sở phối hợp ở cả trong thời kỳ Tái Tục và Bình Nhựt; Tứ Danh Uẩn Tái Tục Cõi Ngũ Uẩn và Ý Vật Tái Tục trong thời kỳ Tái Tục.

Pháp Vô Ký làm Câu Sanh Bất Tương Ứng Sở Duyên, là Sắc Tâm Dị Thục Quả và Duy Tác, Sắc Nghiệp Tái Tục, Tứ Danh Uẩn Tái Tục Cõi Ngũ Uẩn (là 15 Tâm Tái Tục Ngũ Uẩn, 35 Tâm Sở phối hợp), Ý Vật Tái Tục.

ANUVĀDA – CÂU PHỤ

1/ *“Sahajātā vipākābyākatā kiriyābyākatā khandhā cittasamutthānānam rūpānam Sahajātavippayuttapaccayena paccayo”* - Câu Sanh: Tứ Danh Uẩn Vô Ký Dị Thục Quả Vô Ký Duy Tác làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Sắc Tâm xuất sinh xứ (Sắc mà có Danh Uẩn Dị Thục Quả và Duy Tác làm xuất sinh xứ) với mãnh lực Câu Sanh Bất Tương Ứng Duyên.

Tại đây, bắt luận một trong Tứ Danh Uẩn Vô Ký Dị Thục Quả Vô Ký Duy Tác, là 22 Tâm Dị Thục Quả (trừ 4 Tâm Dị Thục Quả Vô Sắc, 10 Tâm Ngũ Song Thức, và Tâm Tử của bậc Vô Sinh), 35 Tâm Sở phối hợp trong thời kỳ Bình Nhựt, làm Câu Sanh Bất Tương Ứng Năng Duyên.

Sắc Tâm Dị Thục Quả và Duy Tác làm Câu Sanh Bất Tương Ưng Sở Duyên.

2/ “*Patisandhikkhane vipākābyākatā khandhā katattārūpānam Sahajātavippa – yuttapaccayena paccayo*” - Trong sát na Tái Tục, Tứ Danh Uẩn Dị Thục Quả làm duyên, giúp đỡ ủng hộ đối với Sắc mà sanh từ nơi Nghiệp, tức là Sắc Tái Tục, với mãnh lực của Câu Sanh Bất Tương Ưng Duyên.

Tại đây, bắt luận một trong Tứ Danh Uẩn Tái Tục Cõi Ngũ Uẩn, tức là 15 Tâm Tái Tục Ngũ Uẩn, 35 Tâm Sở phối hợp trong thời kỳ Tái Tục, làm Câu Sanh Bất Tương Ưng Năng Duyên.

Sắc Nghiệp Tái Tục làm Câu Sanh Bất Tương Ưng Sở Duyên.

3/ “*Khandhā vatthussa Sahajātavippayuttapaccayena paccayo*” - Tứ Danh Uẩn Tái Tục làm duyên, giúp đỡ ủng hộ đối với Ý Vật Tái Tục, với mãnh lực Câu Sanh Bất Tương Ưng Duyên.

Tại đây, bắt luận một trong Tứ Danh Uẩn Tái Tục Cõi Ngũ Uẩn, tức là 15 Tâm Tái Tục Ngũ Uẩn, 35 Tâm Sở phối hợp trong thời kỳ Tái Tục, làm Câu Sanh Bất Tương Ưng Năng Duyên.

Ý Vật Tái Tục làm Câu Sanh Bất Tương Ưng Sở Duyên.

4/ “*Vatthu khandhānam Sahajātavippayuttapaccayena paccayo*” - Ý Vật Tái Tục làm duyên, giúp đỡ ủng hộ đối với Tứ Danh Uẩn Tái Tục, với mãnh lực Câu Sanh Bất Tương Ưng Duyên.

Tại đây, Ý Vật Tái Tục làm Câu Sanh Bất Tương Ưng Năng Duyên.

Tứ Danh Uẩn Tái Tục Cõi Ngũ Uẩn làm Câu Sanh Bất Tương Ưng Sở Duyên.

Trong câu Pháp Vô Ký làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Pháp Vô Ký, ngay khi sanh khởi thì có Duyên tựu vào giúp đỡ ủng hộ (*Ghatanā – Hiệp Lực*) đồng cùng sanh với nhau trong thời kỳ Bình Nhựt và Tái Tục, tùy theo trường hợp là:

* Duyên Hiệp Lực trong thời kỳ Bình Nhựt, gồm có:

- (1) Câu Sanh Bất Tương Ưng Duyên,
- (2) Câu Sanh Duyên,
- (3) Câu Sanh Y Duyên,
- (4) Dị Thục Quả Duyên,
- (5) Câu Sanh Hiện Hữu Duyên,

(6) Câu Sanh Bất Ly Duyên.

* Duyên Hiệp Lực trong thời kỳ Tái Tục, gồm có:

- (1) Câu Sanh Bất Tương Ứng Duyên,
- (2) Câu Sanh Duyên,
- (3) Hổ Tương Duyên,
- (4) Câu Sanh Y Duyên,
- (5) Dị Thục Quả Duyên,
- (6) Câu Sanh Hiện Hữu Duyên,
- (7) Câu Sanh Bất Ly Duyên.

* Rằng theo Thời Gian: hiện hành trong thời kỳ Bình Nhựt và Tái Tục.

* Rằng theo Địa Giới: hiện hành trong Cõi Ngũ Uẩn.

* Rằng theo Người: hiện hành trong 4 Phạm và 4 Thánh Quả.

* Rằng theo Lộ Trình: hiện hành trong Lộ Trình Ngũ Môn, Lộ Trình Ý Môn (trừ Đồng Lực Thiện và Bất Thiện), và sanh trong Tâm Hữu Phần khi vẫn chưa đến Lộ Trình Tâm, tùy theo trường hợp.

SAHAJĀTAVIPPAYUTTAPACCAYA SUDDHASANKHAYĀVĀRA – PHẦN TÍNH GIẢN ĐƠN Ở CÂU SANH BẤT TƯƠNG ỨNG DUYÊN

Theo như đã được đề cập ở phía trên, thì tóm tắt số lượng câu đơn “*suddhapada*” ở Giai Đoạn Vấn Đề của Câu Sanh Bất Tương Ứng Duyên có được ba câu như sau:

1/ *Kusalo abyākatassa Sahajātavippayuttapaccayena paccayo* - Thiện làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Vô Ký, với mãnh lực Câu Sanh Bất Tương Ứng Duyên.

2/ *Akusalo abyākatassa Sahajātavippayuttapaccayena paccayo* - Bất Thiện làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Vô Ký, với mãnh lực Câu Sanh Bất Tương Ứng Duyên.

3/ *Abyākato abyākatassa Sahajātavippayuttapaccayena paccayo* - Vô Ký làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Vô Ký, với mãnh lực Câu Sanh Bất Tương Ứng Duyên.

SAHAJĀTAVIPPAYUTTAPACCAYASABHĀGA CÂU SANH BẤT TƯƠNG ỨNG DUYÊN TÁU HỢP

Theo cách phối hợp khác, thì có nhiều loại Duyên tựu vào như sau:

- (1) Câu Sanh Duyên,
- (2) Hỗ Tương Duyên,
- (3) Câu Sanh Y Duyên,
- (4) Dị Thục Quả Duyên,
- (5) Câu Sanh Hiện Hữu Duyên,
- (6) Câu Sanh Bất Ly Duyên.

Có ý nghĩa là những loại Duyên này thường hòa hợp vừa theo trường hợp của mình với Câu Sanh Bất Tương Ứng Duyên khi đã được hiện hữu.

KẾT THÚC GIAI ĐOẠN VẤN ĐỀ CỦA CÂU SANH BẤT TƯƠNG ỨNG DUYÊN

Tóm lược ba thể loại Nội Dung Pháp của:

2. *Vật Tiền Sinh Bất Tương Ứng Duyên (Vatthupurejātavippayuttapaccaya)* thì tương tự với *Vật Tiền Sinh Y Duyên (Vatthupurejātanissayapaccaya)*.
 3. *Vật Cảnh Tiền Sinh Bất Tương Ứng Duyên (Vatthārammanapurejātavippayuttapaccaya)* thì tương tự với *Vật Cảnh Tiền Sinh Y Duyên (Vatthārammanapurejātanissayapaccaya)*.
 4. *Hậu Sanh Bất Tương Ứng Duyên (Pacchājātavippayuttapaccaya)* thì tương tự với *Hậu Sanh Duyên (Pacchājātapaccaya)*.
-

II. VẬT TIỀN SINH BẤT TƯƠNG ỨNG DUYÊN (VATTHUPUREJĀTAVIPPAYUTTAPACCAYA)

Vật Tiền Sinh Bất Tương Ứng Duyên đây, có Sắc làm Năng Duyên, Danh làm Sở Duyên, và việc giúp đỡ ủng hộ đối với Pháp Sở Duyên của Pháp làm thành *Vật Tiền Sinh Bất Tương Ứng Năng Duyên* đó,

- * Rằng theo Trạng Thái: có 3 thể loại là: (1) thành chỗ sanh khởi (*Vật – Vatthu*), (2) sanh trước (*Tiền Sinh – Purejāta*), và (3) không hòa hợp với nhau (*Bất Tương Ứng – Vippayutta*). Phối hợp cả ba thể loại trạng thái này vào trong một Duyên, nên Duyên này được gọi là Vật Tiền Sinh Bất Tương Ứng Duyên.
- * Rằng theo Giống: là giống Vật Tiền Sinh, có ý nghĩa là Pháp Năng Duyên giúp

đỡ ủng hộ đối với Pháp Sở Duyên thể theo ba sự việc là (1) làm Vật, (2) sanh trước, và (3) không hòa hợp với nhau (làm bất tương ưng).

- * Rằng theo Thời Gian: là thời kỳ Hiện Tại, có ý nghĩa là Pháp Năng Duyên vẫn còn hiện hữu và vẫn chưa diệt mất.
- * Rằng theo Mãnh Lực: có hai loại mãnh lực, đó là (1) mãnh lực xuất sinh, và (2) mãnh lực bảo hộ.

Ghi chú: Với ba Nội Dung Pháp (Pháp Năng Duyên, Pháp Sở Duyên và Pháp Dịch Duyên) của Vật Tiền Sinh Bất Tương Ưng Duyên thì tương tự với **Vật Tiền Sinh Y Duyên**. Do đó, không phải trình bày tại đây, xin Quý Học Giả vui lòng xem lại ở phần Vật Tiền Sinh Y Duyên.

Phần Phân Tích Giai Đoạn Vấn Đề của Vật Tiền Sinh Bất Tương Ưng Duyên cùng với Phần Dịch Nghĩa, Giải Thích, Chi Pháp, Duyên Hiệp Lực, Thời Gian, Địa Giới, Người và Lộ Trình Tâm, cũng tương tự với Vật Tiền Sinh Y Duyên, với mọi trường hợp.

Do đó, tại đây chỉ trình bày đặc biệt chỉ ở phần Pāli trong Giai Đoạn Vấn Đề, còn Phần Dịch Nghĩa và Chi Pháp, cũng xin Quý Học Giả xem lại ở phần Vật Tiền Sinh Y Duyên.

Cuối cùng, Phần Tính Giản Đơn và Phần Duyên Tấu Hợp của Vật Tiền Sinh Bất Tương Ưng Duyên thì cũng tương tự với Vật Tiền Sinh Y Duyên, nên cũng không cần trình bày ở trong Duyên này.

Tại đây, chỉ trình bày Phần Pāli trong Giai Đoạn Vấn Đề, còn phần Lời Dịch và Chi Pháp thì xin Quý Học Giả vui lòng xem lại ở phần Vật Tiền Sinh Y Duyên.

PHÂN TÍCH GIAI ĐOẠN VẤN ĐỀ (PANHĀVĀRA) VÀ CHI PHÁP TRONG VẬT TIỀN SINH BẤT TƯƠNG ƯNG DUYÊN

Tại đây, Đức Phật sắp đặt duy nhất chỉ một Câu làm cốt lõi, gọi là Câu Chánh Diện, là Câu Vô Ký làm Pháp Năng Duyên, và kế đó phân tích Pháp Sở Duyên bằng cách chia chẻ ở Câu sau, như sẽ thấy tiếp sau đây:

ABYĀKATAPADA – CÂU VÔ KÝ “ABYĀKATAPADĀVASĀNA – PHẦN CUỐI CÂU VÔ KÝ” – TRONG CÂU VÔ KÝ

“Abyākato dhammo abyākatassa dhammassa Vatthupurejātavippayutta-paccayena paccayo” - Pháp Vô Ký làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Pháp Vô Ký với mãnh lực Vật Tiền Sinh Bất Tương Ưng Duyên.

ANUVĀDA – CÂU PHỤ

1/ **“Purejātam cakkhāyatanam cakkhuvinnānassa Vatthupurejātavippayutta-paccayena paccayo”** - Tiền Sinh: Nhãn xứ làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Nhãn Thức với mãnh lực Vật Tiền Sinh Bất Tương Ưng Duyên.

2/ **“Purejātam sotāyatanam sotavinnānassa Vatthupurejātavippayutta-paccayena paccayo”** - Tiền Sinh: Nhĩ Xứ làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Nhĩ Thức với mãnh lực Vật Tiền Sinh Bất Tương Ưng Duyên.

3/ **“Purejātam ghānāyatanam ghānavinnānassa Vatthupurejātavippayutta-paccayena paccayo”** - Tiền Sinh: Tỷ Xứ làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Tỷ Thức với mãnh lực Vật Tiền Sinh Bất Tương Ưng Duyên.

4/ **“Purejātam jivhāyatanam jivhāvinnānassa Vatthupurejātavippayutta-paccayena paccayo”** - Tiền Sinh: Thiệt Xứ làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Thiệt Thức với mãnh lực Vật Tiền Sinh Bất Tương Ưng Duyên.

5/ **“Purejātam kāyāyatanam kāyavinnānassa Vatthupurejātavippayutta-paccayena paccayo”** - Tiền Sinh: Thân Xứ làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Thân Thức với mãnh lực Vật Tiền Sinh Bất Tương Ưng Duyên.

6/ **“Purejātam Vatthu vipākābyākatānam kiriyābyākatānam khandhānam Vatthupurejātapaccayena paccayo”** - Tiền Sinh: Ý Vật làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với những Uẩn Vô Ký Dị Thục Quả Vô Ký Duy Tác với mãnh lực Vật Tiền Sinh Bất Tương Ưng Duyên.

“KUSALAPADĀVASĀNA – PHẦN CUỐI CÂU THIỆN” –
TRONG CÂU VÔ KÝ

“Abyākato dhammo kusalassa dhammassa Vatthupurejātavippayutta-paccayena paccayo” - Pháp Vô Ký làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Pháp ThiệN với mãnh lực Vật Tiền Sinh Bất Tương Ưng Duyên.

ANUVĀDA – CÂU PHỤ

“Purejātam vatthu kusalānam khandhānam Vatthupurejātavippayutta-paccayena paccayo” - Tiền Sinh: Ý Vật làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với những Uẩn Thiện với mãnh lực Vật Tiền Sinh Bất Tương Ứng Duyên.

“AKUSALAPADĀVASĀNA – PHẦN CUỐI CÂU BẤT THIỆN” –
TRONG CÂU VÔ KÝ

“Abyākato dhammo akusalassa dhammassa Vatthupurejātavippayutta-paccayena paccayo” – Pháp Vô Ký làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Pháp Bất Thiện với mãnh lực Vật Tiền Sinh Bất Tương Ứng Duyên.

ANUVĀDA – CÂU PHỤ

“Purejātam vatthu akusalānam khandhānam Vatthupurejātavippayutta-paccayena paccayo” - Tiền Sinh: Ý Vật làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với những Uẩn Bất Thiện với mãnh lực Vật Tiền Sinh Bất Tương Ứng Duyên.

KẾT THÚC VẬT TIỀN SINH BẤT TƯƠNG ỨNG DUYÊN

III. VẬT CẢNH TIỀN SINH BẤT TƯƠNG ỨNG DUYÊN (VATTHĀRAMMANAPUREJĀTAVIPPA YUTTAPACCAYA)

Vật Cảnh Tiền Sinh Bất Tương Ứng Duyên đây, có Sắc làm Năng Duyên, Danh Sắc làm Sở Duyên, và việc giúp đỡ ủng hộ đối với Pháp Sở Duyên của Pháp làm thành *Vật Cảnh Tiền Sinh Bất Tương Ứng Năng Duyên* đó,

- * Rằng theo Trang Thái: có 4 thể loại là: (1) với Ý Vật (*Vật – Vatthu*), (2) với Cảnh (*Ārammana – Cảnh*), (3) sanh trước (*Tiền Sinh – Purejāta*), và (4) không hòa hợp với nhau (*Bất Tương Ứng – Vippayutta*). Phối hợp cả bốn thể loại trạng thái này vào trong một Duyên, nên Duyên này được gọi là Vật Cảnh Tiền Sinh Bất Tương Ứng Duyên.
- * Rằng theo Giống: là giống Cảnh, có ý nghĩa là Pháp Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Pháp Sở Duyên thể theo sự việc làm thành Cảnh.
- * Rằng theo Thời Gian: là thời kỳ Hiện Tại, có ý nghĩa là Pháp Năng Duyên vẫn còn hiện hữu và vẫn chưa diệt mất, để giúp đỡ ủng hộ cho Pháp Sở Duyên.

* Rằng theo Mãnh Lực: có hai loại mãnh lực, đó là (1) mãnh lực xuất sinh, và (2) mãnh lực bảo hộ.

Ghi chú: Với ba Nội Dung Pháp (Pháp Năng Duyên, Pháp Sở Duyên và Pháp Dịch Duyên) của Vật Cảnh Tiền Sinh Bất Tương Ưng Duyên thì tương tự với ***Vật Cảnh Tiền Sinh Y Duyên***. Do đó, không phải trình bày tại đây, xin Quý Học Giả vui lòng xem lại ở phần Vật Cảnh Tiền Sinh Y Duyên.

Phần Phân Tích Giai Đoạn Vấn Đề của Vật Cảnh Tiền Sinh Bất Tương Ưng Duyên cùng với Phần Dịch Nghĩa, Giải Thích, Chi Pháp, Duyên Hiệp Lực, Thời Gian, Địa Giới, Người và Lộ Trình Tâm, cũng tương tự với Vật Cảnh Tiền Sinh Y Duyên, với mọi trường hợp.

Do đó, tại đây chỉ trình bày đặc biệt chỉ ở phần Pāli trong Giai Đoạn Vấn Đề, còn Phần Dịch Nghĩa và Chi Pháp, cũng xin Quý Học Giả xem lại ở phần Vật Cảnh Tiền Sinh Y Duyên.

Cuối cùng, Phần Tính Giản Đơn và Phần Duyên Tấu Hợp của Vật Cảnh Tiền Sinh Bất Tương Ưng Duyên thì cũng tương tự với Vật Cảnh Tiền Sinh Y Duyên, nên cũng không cần trình bày ở trong Duyên này.

Tại đây, chỉ trình bày Phần Pāli trong Giai Đoạn Vấn Đề, còn phần Lời Dịch và Chi Pháp thì xin Quý Học Giả vui lòng xem lại ở phần Vật Cảnh Tiền Sinh Y Duyên.

PHÂN TÍCH GIAI ĐOẠN VẤN ĐỀ (PANHĀVĀRA) VÀ CHI PHÁP TRONG VẬT CẢNH TIỀN SINH BẤT TƯƠNG ƯNG DUYÊN

Tại đây, Đức Phật sắp đặt duy nhất chỉ một Câu làm cốt lõi, gọi là Câu Chánh Diện, là Câu Vô Ký làm Pháp Năng Duyên, và kế đó phân tích Pháp Sở Duyên bằng cách chia chẻ ở Câu sau, như sẽ thấy tiếp sau đây:

ABYĀKATAPADA – CÂU VÔ KÝ

“ABYĀKATAPADĀVASĀNA – PHẦN CUỐI CÂU VÔ KÝ” – TRONG CÂU VÔ KÝ

“Abyākato dhammo abyākatassa dhammassa Vatthūrammanapurejāta-vippyuttapaccayena paccayo” - Pháp Vô Ký làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Pháp Vô Ký với mãnh lực Vật Cảnh Tiền Sinh Bất Tương Ưng Duyên.

ANUVĀDA – CÂU PHỤ

“Purejātam vatthu vipākābyākatānam kiriyābyākatānam khandhānam Vatthārammanapurejātapaccayena paccayo” - Tiền Sinh: Ý Vật làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với những Uẩn Vô Ký Dị Thục Quả Vô Ký Duy Tác với mãnh lực Vật Cảnh Tiền Sinh Bất Tương Ứng Duyên.

“KUSALAPADĀVASĀNA – PHẦN CUỐI CÂU THIỆN” –
TRONG CÂU VÔ KÝ

“Abyākato dhammo kusalassa dhammassa Vatthārammanapurejāta-vippayuttapaccayena paccayo” - Pháp Vô Ký làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Pháp Thiện với mãnh lực Vật Cảnh Tiền Sinh Bất Tương Ứng Duyên.

ANUVĀDA – CÂU PHỤ

“Purejātam vatthu kusalānam khandhānam Vatthārammanapurejāta-vippayuttapaccayena paccayo” - Tiền Sinh: Ý Vật làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với những Uẩn Thiện với mãnh lực Vật Cảnh Tiền Sinh Bất Tương Ứng Duyên.

“AKUSALAPADĀVASĀNA – PHẦN CUỐI CÂU BẤT THIỆN” –
TRONG CÂU VÔ KÝ

“Abyākato dhammo akusalassa dhammassa Vatthārammanapurejāta-vippayuttapaccayena paccayo” – Pháp Vô Ký làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Pháp Bất Thiện với mãnh lực Vật Cảnh Tiền Sinh Bất Tương Ứng Duyên.

ANUVĀDA – CÂU PHỤ

“Purejātam vatthu akusalānam khandhānam Vatthārammanapurejāta-vippayuttapaccayena paccayo” - Tiền Sinh: Ý Vật làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với những Uẩn Bất Thiện với mãnh lực Vật Cảnh Tiền Sinh Bất Tương Ứng Duyên.

KẾT THÚC VẬT CẢNH TIỀN SINH BẤT TƯƠNG ỨNG DUYÊN

IV. HẬU SANH BẤT TƯƠNG ỨNG DUYÊN (PACCHĀJĀTAVIPPAYUTTAPACCAYA)

Hậu Sanh Bất Tương Ứng Duyên đây, có Danh làm Năng Duyên, Sắc làm Sở Duyên, và việc giúp đỡ ủng hộ đối với Pháp Sở Duyên của Pháp làm thành **Hậu Sanh Bất Tương Ứng Năng Duyên** đó,

- * Rằng theo Trang Thái: có 2 thể loại là: (1) sanh sau Pháp Sở Duyên (**Hậu Sanh – Pacchājāta**), và (2) không hòa hợp với nhau (**Bất Tương Ứng – Vippayutta**). Phối hợp cả hai thể loại trạng thái này vào trong một Duyên, nên Duyên này được gọi là Hậu Sanh Bất Tương Ứng Duyên.
- * Rằng theo Giống: là giống Hậu Sanh, có ý nghĩa là Pháp Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Pháp Sở Duyên bằng cách sanh sau Pháp Sở Duyên.
- * Rằng theo Thời Gian: là thời kỳ Hiện Tại, có ý nghĩa là Pháp Năng Duyên vẫn còn hiện hữu và vẫn chưa diệt mất.
- * Rằng theo Mãnh Lực: chỉ có duy nhất một loại mãnh lực, là mãnh lực bảo hộ.

Ghi chú: Với ba Nội Dung Pháp (Pháp Năng Duyên, Pháp Sở Duyên và Pháp Dịch Duyên) của Hậu Sanh Bất Tương Ứng Duyên thì tương tự với **Hậu Sanh Duyên**. Do đó, không phải trình bày tại đây, xin Quý Học Giả vui lòng xem lại ở phần Hậu Sanh Duyên.

Phân Phân Tích Giai Đoạn Vấn Đề của Vật Tiền Sinh Bất Tương Ứng Duyên cùng với Phân Dịch Nghĩa, Giải Thích, Chi Pháp, Duyên Hiệp Lực, Thời Gian, Địa Giới, Người và Lộ Trình Tâm, cũng tương tự với Hậu Sanh Duyên, với mọi trường hợp.

Do đó, tại đây chỉ trình bày đặc biệt chỉ ở phần Pāli trong Giai Đoạn Vấn Đề, còn Phân Dịch Nghĩa và Chi Pháp, cũng xin Quý Học Giả xem lại ở phần Hậu Sanh Duyên.

Cuối cùng, Phần Tính Giản Đơn và Phần Duyên Tấu Hợp của Hậu Sanh Bất Tương Ứng Duyên thì cũng tương tự với Hậu Sanh Duyên, nên cũng không cần trình bày ở trong Duyên này.

Tại đây, chỉ trình bày Phần Pāli trong Giai Đoạn Vấn Đề, còn phần Lời Dịch và Chi Pháp thì xin Quý Học Giả vui lòng xem lại ở phần Hậu Sanh Duyên.

PHÂN TÍCH GIAI ĐOẠN VẤN ĐỀ (PANHĀVĀRA) VÀ CHI PHÁP TRONG HẬU SANH BẤT TƯƠNG ỨNG DUYÊN

Tại đây, Đức Phật sắp đặt ba Câu làm cốt lõi, gọi là Câu Chánh Diện, là Câu Thiện, Câu Bất Thiện, Câu Vô Ký làm Pháp Năng Duyên, và kế đó phân tích Pháp Sở Duyên bằng cách chia chẻ ở Câu sau, như sẽ thấy tiếp sau đây:

(A) KUSALAPADA – CÂU THIỆN “ABYĀKATAPADĀVASĀNA – PHẦN CUỐI CÂU VÔ KÝ” – TRONG CÂU THIỆN

“Kusalo dhammo abyākatassa dhammassa Pacchājātavippayuttapaccayena paccayo” – Pháp Thiện làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Pháp Vô Ký với mãnh lực Hậu Sanh Bất Tương Ứng Duyên.

ANUVĀDA – CÂU PHỤ

“Pacchājāta kusalā khandhā purejātassa imassa kāyassa Pacchājāta-vippayuttapaccayena paccayo” - Hậu Sanh: Những Uẩn Thiện làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Sắc Thân này đã sanh trước, với mãnh lực Hậu Sanh Bất Tương Ứng Duyên.

(B) AKUSALAPADA – CÂU BẤT THIỆN “ABYĀKATAPADĀVASĀNA – PHẦN CUỐI CÂU VÔ KÝ” – TRONG CÂU BẤT THIỆN

“Akusalo dhammo abyākatassa dhammassa Pacchājātavippayuttapaccayena paccayo” – Pháp Bất Thiện làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Pháp Vô Ký với mãnh lực Hậu Sanh Bất Tương Ứng Duyên.

ANUVĀDA – CÂU PHỤ

“Pacchājāta akusalā khandhā purejātassa imassa kāyassa Pacchājāta-vippayuttapaccayena paccayo” - Hậu Sanh: Những Uẩn Bất Thiện làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Sắc Thân này đã sanh trước, với mãnh lực Hậu Sanh Bất Tương Ứng Duyên.

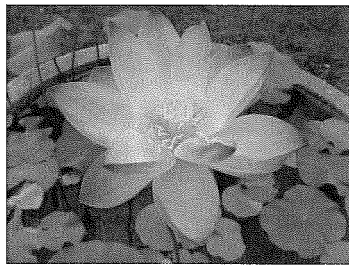
(C) ABYĀKATAPADA – CÂU VÔ KÝ
“ABYĀKATAPADĀVASĀNA – PHẦN CUỐI CÂU VÔ KÝ” –
TRONG CÂU VÔ KÝ

“*Abyākato dhammo abyākatassa dhammassa Pacchājātavippayuttapaccayena paccayo*” - Pháp Vô Ký làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Pháp Vô Ký với mãnh lực Hậu Sanh Bất Tương Ứng Duyên.

ANUVĀDA – CÂU PHỤ

“*Pacchājāta vipākābyākatā kiriyābyākatā khandhā purejātassa imassa kāyassa Pacchājātavippayuttapaccayena paccayo*” - Hậu Sanh: Những Uẩn Vô Ký Dị Thục Quả Vô Ký Duy Tác làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Sắc Thân này đã sanh trước, với mãnh lực Hậu Sanh Bất Tương Ứng Duyên.

KẾT THÚC HẬU SANH BẤT TƯƠNG ỨNG DUYÊN
KẾT THÚC BẤT TƯƠNG ỨNG DUYÊN



DUYÊN THỨ HAI MƯƠI MỐT VÀ HAI MƯƠI BỐN

ATTHIPACCAYA – HIỆN HỮU DUYÊN

AVIGATAPACCAYA – BẤT LY DUYÊN

ATTHIPACCAYANIDDESAVĀRA – PHẦN XIÊN MINH HIỆN HỮU DUYÊN

AVIGATAPACCAYANIDDESAVĀRA – PHẦN XIÊN MINH BẤT LY DUYÊN

Loại Duyên nào mà Đức Thế Tôn thuyết giảng một cách khái lược trong phần xiên thuật Duyên là “*Atthipaccaya – Hiện Hữu Duyên*” và “*Avigatapaccaya – Bất Ly Duyên*”, thì loại Duyên đó được Đức Thế Tôn thuyết giảng một cách tỷ mỷ kỹ càng trong phần xiên minh Duyên.

1. Cattāro khandhā arūpino aññamaññaṃ Atthipaccayena paccayo Avigatapaccayena paccayo – Pe –

17. Yam rūpam nissāya manodhātu ca manovinnānadhātu ca vattanti tam rūpam manodhātuyā ca manovinnānadhātuyā ca tamsampayuttakānanca dhammānam Atthipaccayena paccayo Avigatapaccayo.

DỊCH NGHĨA VÀ LỜI GIẢI THÍCH MỘT CÁCH TUẦN TỰ

1. Cattāro khandhā arūpino aññamaññaṃ Atthipaccayena paccayo Avigatapaccayena paccayo – Tứ Uẩn Vô Sắc (Tứ Danh Uẩn) làm duyên, tức là giúp đỡ hỗ trợ lẫn nhau, hoặc hỗ tương lẫn nhau, với mãnh lực Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên.

Tại đây, Tứ Danh Uẩn tức là 89 Tâm, 52 Tâm Sở phối hợp ở thời kỳ Bình Nhựt và Tái Tục, làm duyên giúp đỡ hỗ tương lẫn nhau, với mãnh lực Câu Sanh Hiện Hữu Duyên và Câu Sanh Bất Ly Duyên.

2. Cattāro mahābhūtā aññamaññaṃ Atthipaccayena paccayo Avigatapaccayena paccayo – Tứ Sắc Đại Hiện làm duyên, tức là giúp đỡ ủng hộ hỗ trợ lẫn nhau, hoặc hỗ tương lẫn nhau, với mãnh lực Câu Sanh Hiện Hữu Duyên và Câu Sanh Bất Ly Duyên.

3. Okkantikkhane nāmarūpam aññamaññaṃ Atthipaccayena paccayo Avigatapaccayena paccayo - Trong sát na Tái Tục, Danh Sắc làm duyên hỗ tương lẫn nhau, với mãnh lực Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên.

Tại đây, Tứ Danh Uẩn và Ý Vật Tái Tục trong sát na Tái Tục ở trong Cõi Ngũ Uẩn làm duyên, tức là giúp đỡ ủng hộ hỗ trợ lẫn nhau, hoặc hỗ tương lẫn nhau, với mãnh lực Câu Sanh Hiện Hữu Duyên và Câu Sanh Bất Ly Duyên.

4. *Cittacetāsikā dhammā cittasamutthānānam rūpānam Atthipaccayena paccayo Avigatapaccayena paccayo* - Những Pháp Tâm và tâm Sở làm duyên đối với Sắc Tâm xuất sinh xứ, với mãnh lực Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên.

Tại đây, Tứ Danh Uẩn tức là 75 Tâm, 52 tâm Sở phối hợp (trừ 10 Tâm Ngũ Song Thức, 4 Tâm Dị Thục Quả Vô Sắc Giới, và Tâm Tử của bậc Vô Sinh) làm duyên, tức là giúp đỡ ủng hộ đối với Sắc mà có Tâm làm xuất sinh xứ (17 Sắc Tâm), với mãnh lực Câu Sanh Hiện Hữu Duyên và Câu Sanh Bất Ly Duyên.

5. *Mahābhūtā upādārūpānam Atthipaccayena paccayo Avigatapaccayena paccayo* - Những Đại Hiện làm duyên đối với Sắc Y Sinh với mãnh lực Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên.

Tại đây, Tứ Sắc Đại Hiện tức là Sắc Tâm Đại Hiện, Sắc Nghiệp Đại Hiện, Sắc Quý Tiết Đại Hiện, Sắc Vật Thực Đại Hiện và Sắc Ngoại Đại Hiện làm duyên, tức là giúp đỡ ủng hộ đối với 24 Sắc Y Sinh, với mãnh lực Câu Sanh Hiện Hữu Duyên và Câu Sanh Bất Ly Duyên.

6. *Cakkhāyatanaṃ cakkhuvinnānadhātuyā tamsampayuttakānanca dhammānam Atthipaccayena paccayo Avigatapaccayena paccayo* - Nhãn Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức Giới và Pháp Tương Ứng với Nhãn Thức Giới với mãnh lực Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên.

Tại đây, Nhãn Xứ Trung Thọ (*Majjhimāyukacakkhāyatana*) đồng câu sanh với cái Tâm Hữu Phần Quá Khứ thứ nhất, hoặc là 49 Nhãn Xứ ở thời gian Trụ (*Thītipatta*) làm duyên, tức là giúp đỡ ủng hộ đối với Nhãn Thức Giới và 7 Tâm Sở Biến Hành phối hợp với Nhãn Thức Giới, với mãnh lực Vật Tiền Sinh Hiện Hữu Duyên và Vật Tiền Sinh Bất Ly Duyên.

7. *Sotāyatanaṃ sotavinnānadhātuyā tamsampayuttakānanca dhammānam Atthipaccayena paccayo Avigatapaccayena paccayo* - Nhĩ Xứ làm duyên đối với Nhĩ Thức Giới và Pháp Tương Ứng với Nhĩ Thức Giới với mãnh lực Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên.

Tại đây, Nhĩ Xứ Trung Thọ (*Majjhimāyukasotāyatana*) đồng câu sanh với cái Tâm Hữu Phần Quá Khứ thứ nhất, hoặc là 49 Nhĩ Xứ ở thời gian Trụ (*Thītipatta*) làm

duyên, tức là giúp đỡ ủng hộ đối với Nhĩ Thức Giới và 7 Tâm Sở Biến Hành phối hợp với Nhĩ Thức Giới, với mãnh lực Vật Tiền Sinh Hiện Hữu Duyên và Vật Tiền Sinh Bất Ly Duyên.

8. Ghānāyatanam ghānavinnānadhātuyā tamsampayuttakānanca dhammānam Atthipaccayena paccayo Avigatapaccayena paccayo - Tỷ Xứ làm duyên đối với Tỷ Thức Giới và Pháp Tương Ứng với Tỷ Thức Giới với mãnh lực Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên.

Tại đây, Tỷ Xứ Trung Thọ (*Majjhimāyukaghānāyatana*) đồng câu sanh với cái Tâm Hữu Phần Quá Khứ thứ nhất, hoặc là 49 Tỷ Xứ ở thời gian Trụ (*Thītipatta*) làm duyên, tức là giúp đỡ ủng hộ đối với Tỷ Thức Giới và 7 Tâm Sở Biến Hành phối hợp với Tỷ Thức Giới, với mãnh lực Vật Tiền Sinh Hiện Hữu Duyên và Vật Tiền Sinh Bất Ly Duyên.

9. Jivhāyatanam jivhāvinnānadhātuyā tamsampayuttakānanca dhammānam Atthipaccayena paccayo Avigatapaccayena paccayo - Thiệt Xứ làm duyên đối với Thiệt Thức Giới và Pháp Tương Ứng với Thiệt Thức Giới với mãnh lực Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên.

Tại đây, Thiệt Xứ Trung Thọ (*Majjhimāyukajivhāyatana*) đồng câu sanh với cái Tâm Hữu Phần Quá Khứ thứ nhất, hoặc là 49 Thiệt Xứ ở thời gian Trụ (*Thītipatta*) làm duyên, tức là giúp đỡ ủng hộ đối với Thiệt Thức Giới và 7 Tâm Sở Biến Hành phối hợp với Thiệt Thức Giới, với mãnh lực Vật Tiền Sinh Hiện Hữu Duyên và Vật Tiền Sinh Bất Ly Duyên.

10. Kāyāyatanam kāyavinnānadhātuyā tamsampayuttakānanca dhammānam Atthipaccayena paccayo Avigatapaccayena paccayo - Thân Xứ làm duyên đối với Thân Thức Giới và Pháp Tương Ứng với Thân Thức Giới với mãnh lực Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên.

Tại đây, Thân Xứ Trung Thọ (*Majjhimāyukakāyāyatana*) đồng câu sanh với cái Tâm Hữu Phần Quá Khứ thứ nhất, hoặc là 49 Thân Xứ ở thời gian Trụ (*Thītipatta*) làm duyên, tức là giúp đỡ ủng hộ đối với Thân Thức Giới và 7 Tâm Sở Biến Hành phối hợp với Thân Thức Giới, với mãnh lực Vật Tiền Sinh Hiện Hữu Duyên và Vật Tiền Sinh Bất Ly Duyên.

11. Rūpāyatanam cakkhuvinnānadhātuyā tamsampayuttakānanca dhammānam Atthipaccayena paccayo Avigatapaccayena paccayo - Sắc Xứ làm duyên đối

với Nhãn Thức Giới và Pháp Tương Ứng với Nhãn Thức Giới với mãnh lực Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên.

Tại đây, Cảnh Sắc ở thời kỳ Hiện Tại làm duyên, tức là giúp đỡ ủng hộ đối với Nhãn Thức Giới và 7 Tâm Sở Biến Hành phối hợp với Nhãn Thức Giới, với mãnh lực Vật Cảnh Tiền Sinh Hiện Hữu Duyên và Vật Cảnh Tiền Sinh Bất Ly Duyên.

12. *Saddāyatanam sotavinnānadhātuyā tamsampayuttakānanca dhammānam Atthipaccayena paccayo Avigatapaccayena paccayo* - Thinh Xứ làm duyên đối với Nhĩ Thức Giới và Pháp Tương Ứng với Nhĩ Thức Giới với mãnh lực Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên.

Tại đây, Cảnh Thinh ở thời kỳ Hiện Tại làm duyên, tức là giúp đỡ ủng hộ đối với Nhĩ Thức Giới và 7 Tâm Sở Biến Hành phối hợp với Nhĩ Thức Giới, với mãnh lực Vật Cảnh Tiền Sinh Hiện Hữu Duyên và Vật Cảnh Tiền Sinh Bất Ly Duyên.

13. *Gandhāyatanam ghānavinnānadhātuyā tamsampayuttakānanca dhammā - nam Atthipaccayena paccayo Avigatapaccayena paccayo* - Khí Xứ làm duyên đối với Tỷ Thức Giới và Pháp Tương Ứng với Tỷ Thức Giới với mãnh lực Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên.

Tại đây, Cảnh Khí ở thời kỳ Hiện Tại làm duyên, tức là giúp đỡ ủng hộ đối với Tỷ Thức Giới và 7 Tâm Sở Biến Hành phối hợp với Tỷ Thức Giới, với mãnh lực Vật Cảnh Tiền Sinh Hiện Hữu Duyên và Vật Cảnh Tiền Sinh Bất Ly Duyên.

14. *Rasāyatanam jivhāvinnānadhātuyā tamsampayuttakānanca dhammānam Atthipaccayena paccayo Avigatapaccayena paccayo* - Vị Xứ làm duyên đối với Thiệt Thức Giới và Pháp Tương Ứng với Thiệt Thức Giới với mãnh lực Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên.

Tại đây, Cảnh Vị ở thời kỳ Hiện Tại làm duyên, tức là giúp đỡ ủng hộ đối với Thiệt Thức Giới và 7 Tâm Sở Biến Hành phối hợp với Thiệt Thức Giới, với mãnh lực Vật Cảnh Tiền Sinh Hiện Hữu Duyên và Vật Cảnh Tiền Sinh Bất Ly Duyên.

15. *Photthabbāyatanam kāyavinnānadhātuyā tamsampayuttakānanca dhammānam Atthipaccayena paccayo Avigatapaccayena paccayo* - Xúc Xứ làm duyên đối với Thân Thức Giới và Pháp Tương Ứng với Thân Thức Giới với mãnh lực Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên.

Tại đây, Cảnh Xúc ở thời kỳ Hiện Tại làm duyên, tức là giúp đỡ ủng hộ đối với

Thân Thức Giới và 7 Tâm Sở Biến Hành phối hợp với Thân Thức Giới, với mãnh lực Vật Cảnh Tiền Sinh Hiện Hữu Duyên và Vật Cảnh Tiền Sinh Bất Ly Duyên.

16. Rūpāyatanam saddāyatanam gandhāyatanam rasāyatanam photthab-bāyatanam manodhātuyā tamsampayuttakānanca dhammānam Atthipaccayena paccayo Avigatapaccayena paccayo - Sắc Xứ, Thinh Xứ, Khí Xứ, Vị Xứ, Xúc Xứ làm duyên đối với Ý Giới và Pháp Tương Ứng với Ý Giới với mãnh lực Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên.

Tại đây, Cảnh Sắc, Cảnh Thinh, Cảnh Khí, Cảnh Vị, Cảnh Xúc, tức là Ngũ Cảnh ở thời kỳ Hiện Tại làm duyên, tức là giúp đỡ ủng hộ đối với 3 Ý Giới và 10 Tâm Sở Tợ Tha phối hợp với 3 Ý Giới (trừ Cần, Hỷ, Dục), với mãnh lực Cảnh Tiền Sinh Hiện Hữu Duyên và Cảnh Tiền Sinh Bất Ly Duyên.

17. Yam rūpam nissāya manodhātu ca manovinnānadhātu ca vattanti tam rūpam manodhātuyā ca manovinnānadhātuyā ca tamsampayuttakānanca dhammānam Atthipaccayena paccayo Avigatapaccayena paccayo - Ý Giới và Ý Thức Giới y chỉ vào Sắc nào mà hiện hành, thì Sắc đó làm duyên đối với Ý Giới, Ý Thức Giới và Pháp Tương Ứng với cả hai Giới với mãnh lực Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên.

Tại đây, 3 Ý Giới, và 72 Ý Thức Giới, 52 Tâm Sở phối hợp (trừ 4 Tâm Dị Thục Quả Vô Sắc Giới) ở thời kỳ Bình Nhựt trong Cõi Ngũ Uẩn nương vào Sắc Vật nào mà sanh khởi, thì Ý Vật đó làm duyên, tức là giúp đỡ ủng hộ đối với 3 Ý Giới và 72 Ý Thức Giới (trừ 4 Tâm Dị Thục Quả Vô Sắc Giới), 52 Tâm Sở phối hợp với 3 Ý Giới và 72 Ý Thức Giới, với mãnh lực Vật Tiền Sinh Hiện Hữu Duyên, Vật Cảnh Tiền Sinh Hiện Hữu Duyên, và Vật Tiền Sinh Bất Ly Duyên, Vật Cảnh Tiền Sinh Bất Ly Duyên.

Ghi chú: Lời Dịch, Phân Tích Câu, và Nội Dung Chi Pháp, Lời Giải Thích thì tương tự với **Câu Sanh Duyên** và **Tiền Sinh Duyên**.

Hiện Hữu Duyên này, có 5 thể loại với nhau, đó là: Câu Sanh Hiện Hữu, Tiền Sinh Hiện Hữu, Hậu Sanh Hiện Hữu, Vật Thực Hiện Hữu, và Quyền Hiện Hữu. Tuy nhiên trong phần Duyên xiển minh đây lập ý chỉ trình bày có hai Duyên thôi, đó là Câu Sanh Hiện Hữu, Tiền Sinh Hiện Hữu. Còn trong Giai Đoạn Vấn Đề thì lập ý trình bày đủ cả 5 thể loại. Sự việc là như vậy, cũng bởi vì việc trình bày ở tại đây chỉ là “Phần chưa hoàn bị” (*Sāvasesanaya*), tức là phần thuyết giảng với nội dung vẫn còn dư sót. (Xin xem thêm phần giải thích ở Dị Thục Quả Duyên).

CHÚ GIẢI VÀ LỜI GIẢI THÍCH VỀ HIỆN HỮU DUYÊN VÀ BẤT LY DUYÊN

I. HIỆN HỮU DUYÊN (ATTHIPACCAYA)

Vacanattha – Chú Giải:

“*Paccuppannalakkhanena atthibhāvena tādisasseva dhammassa upathambha-katthena upakārako dhammo = Atthipaccayo*” - Pháp làm duyên giúp đỡ ủng hộ với nội dung giúp đỡ ủng hộ đối với Pháp mà có cùng thực tính như nhau, với sự việc làm cho Pháp Thực Tính được hiện hữu, tức là có trạng thái của việc đang sanh vẫn còn hiện hữu, gọi là Hiện Hữu Duyên.

GIẢI THÍCH TÓM TẮT VỀ HIỆN HỮU DUYÊN

Từ ngữ “*Atthi*” dịch là Hiện Hữu, ở tại đây có ý nghĩa là cả hai, Pháp Năng Duyên và Pháp Sở Duyên vẫn đang còn hiện bày trước mắt, vẫn chưa diệt mất. Tức là Pháp Năng Duyên làm thành người ủng hộ đối với Pháp Sở Duyên đó, vẫn đang còn hiện bày trong khoảng sanh (*Upāda*), trụ (*Thīti*), diệt (*Bhanga*), vẫn chưa diệt đi; và Pháp Sở Duyên mà sanh khởi theo sự ủng hộ của Pháp Năng Duyên cũng vẫn đang còn hiện bày ở trong khoảng sanh, trụ, diệt đi một cách tương tự. Việc hiện hữu của Pháp thực hiện nhiệm vụ Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ đối với tất cả Pháp Sở Duyên vẫn đang còn hiện bày tương tự với mình như vậy, mới được gọi là “*làm Hiện Hữu Duyên*”. Nếu như bất luận một phía nào không còn hiện bày, tức là đã đi đến sự diệt mất thì không gọi là “*Hiện Hữu*”, và không làm “*Hiện Hữu Duyên*” được.

Ngài Giáo Thọ cổ xưa tỷ dụ Pháp Hiện Hữu Duyên này ví như một nền đất giúp đỡ ủng hộ đối với tất cả cây cối được phát triển tươi tốt và đặng tồn tại. Việc giúp đỡ này, là việc giúp đỡ theo trạng thái đang hiện bày trước mắt, tức là mặt đất ở bên phía ủng hộ vẫn đang còn hiện bày trước mắt, cây cối ở bên phần nhận lãnh việc ủng hộ cũng vẫn đang còn hiện hữu. Nếu như bất luận một phía nào không còn thì việc giúp đỡ ủng hộ cũng không thành tựu. Điều này như thế nào, thì Pháp làm Hiện Hữu Duyên cũng tương tự như vậy. Tức là Pháp Năng Duyên và Pháp Sở Duyên vẫn đang còn hiện hữu với nhau, mới có thể giúp đỡ ủng hộ với nhau được, như đã được giải thích như vậy.

Lại nữa, trong Phụ Chú Giải Phát Thứ (*Patthānaanutikā*), Ngài trình bày về Hiện Hữu Duyên này, với từ ngữ “*Atthi*” tức là Pháp hiện bày sự hiện hữu trong khoảng sát na Sanh, Trụ, Diệt và vẫn chưa diệt mất đi. Tuy nhiên cả ba sát na này, thì việc hiện bày của Hiện Hữu Duyên thường là hiện bày trong sát na Trụ, hơn là trong sát na Sanh và sát na Diệt, vì lẽ trong sát na Sanh và sát na Diệt là những sát na đang sanh và đang diệt, do đó việc hiện bày sự hiện hữu không được rõ ràng bằng với trong sát na Trụ. Ở trong Pháp Sở Duyên thì cũng tương tự, tức là việc hiện bày sự hiện hữu của Pháp Sở Duyên cũng thường luôn hiện bày vào sát na Trụ, hơn là trong sát na sanh và sát na Diệt.

Trong Chú Giải Phát Thứ (*Patthānaatthakathā*) và Phụ Chú Giải Căn Phát Thứ (*Patthānamūlatikā*) có trình bày rằng là Pháp mà làm thành Hiện Hữu Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Pháp Sở Duyên, có hai loại mãnh lực trong việc giúp đỡ ủng hộ, đó là:

1. Giúp đỡ ủng hộ cho Pháp Sở Duyên khởi sanh, gọi là Mãnh Lực Xuất Sinh (*Janakasatti*).
2. Giúp đỡ ủng hộ cho Pháp Sở Duyên được tồn tại, gọi là Mãnh Lực Bảo Hộ (*Upathambhakasatti*).

Trong cả hai loại giúp đỡ ủng hộ này, Pháp mà làm Hiện Hữu Năng Duyên có mãnh lực trong việc giúp đỡ ủng hộ cho Pháp Sở Duyên được tồn tại trọng yếu hơn việc giúp đỡ ủng hộ cho Pháp Sở Duyên khởi sanh, do đó trong Hiện Hữu Duyên này, mặc dù thực sự có hai loại mãnh lực giúp đỡ ủng hộ, tuy nhiên mãnh lực giúp đỡ ủng hộ cho Pháp Sở Duyên được tồn tại, gọi là “*Mãnh Lực Bảo Hộ*” mới là chủ vị trong Duyên này.

Trong Pháp mà làm Hiện Hữu Năng Duyên lập ý chỉ lấy Tâm, Tâm Sở và Sắc Pháp mà thôi. Với Pháp Siêu Lý còn lại là Níp Bàn thì không thể làm Hiện Hữu Năng Duyên được, vì theo như đã có trình bày ở phần trên là Hiện Hữu Duyên, tức là Pháp vẫn đang còn hiện bày ở trước mắt. Với lời nói rằng “*đang còn hiện bày*” có ý nghĩa đến ở trong sát na hiện tại, chính là ở ngay trong khoảng sanh, trụ, diệt. Nếu vượt ra khỏi cả ba sát na, tức là đã diệt mất thì không thể làm Hiện Hữu Duyên được. Do đó, ba loại Pháp Siêu Lý là Tâm, Tâm Sở, và Sắc Pháp, là Pháp hiện hữu sanh, trụ, diệt, mới sắp thành Hiện Hữu Duyên được.

Còn Níp Bàn, mặc dù quả thật là Pháp hiện bày sự hiện hữu theo thực tính của Pháp Siêu Lý, tuy nhiên Níp Bàn không phải là Pháp hiện hữu sanh, trụ, diệt; có ý nghĩa là không có Níp Bàn đang sanh, Níp Bàn đang trụ và Níp Bàn đang diệt mất.

Một khi Níp Bàn không có ở trong cả ba sát na này rồi, mới không thể làm Hiện Hữu Duyên được.

Một trường hợp khác, Níp Bàn là Pháp Định Duyên trong cả 24 Duyên. Tất cả là vì chính Níp Bàn không làm được Pháp Sở Duyên của 24 Duyên. Sự việc mà bậc Chánh Đẳng Giác bất khải thuyết đề trong tất cả Pháp Định Duyên của 24 Duyên là cũng vì lẽ Ngài lập ý tạo nền tảng cho hiểu biết rằng khi Níp Bàn không làm được Pháp Sở Duyên thì nhất định phải làm Pháp Định Duyên, như đã được nhìn thấy Chi Pháp làm Pháp Sở Duyên của cả 24 Duyên thì thường luôn không có hiện bày Níp Bàn. Và trong một trường hợp khác nữa, trong tất cả Pháp Sở Duyên và Pháp Định Duyên của 24 Duyên đây, Đức Phật Ngài thuyết giảng cho hiện bày một cách đặc biệt chỉ là Pháp Hữu Vi (*Sankhatadhamma*) mà thôi, còn Níp Bàn là Pháp Vô Vi (*Asankhatadhamma*), do đó Ngài mới không lập ý thuyết giảng cho hiện bày một cách trực tiếp.

II. BẤT LY DUYÊN (AVIGATAPACCAYA)

Bất Ly Duyên đây, có phần Duyên xiên mình và phần Giai Đoạn Vấn Đề v.v. hoàn toàn tương tự với Hiện Hữu Duyên với mọi trường hợp. Do đó, tại đây chỉ trình bày đặc biệt ở phần Giải Thích mà thôi.

Vacanattha – Chú Giải:

“Avigatabhāvena nirodhassa appattiyā tādissasseva dhammassa upathambakat – thena upakārako dhammo = Avigatapaccayo” - Pháp mà làm người giúp đỡ với nội dung làm thành người bảo hộ đối với Pháp Sở Duyên (vẫn còn hiện hữu) trong cùng một phương thức tương tự với chính mình, với thực tính không rời xa lìa khỏi, tức là vẫn chưa đi đến sự diệt mất, gọi là Bất Ly Duyên.

GIẢI THÍCH TÓM TẮT VỀ BẤT LY DUYÊN

Từ ngữ ***“Avigata”*** dịch là ***“Bất Ly”***, không rời xa lìa khỏi. Tại nơi đây có ý nghĩa là Pháp Năng Duyên vẫn còn hiện hữu để giúp đỡ đối với Pháp Sở Duyên đó, vẫn chưa rời xa lìa khỏi, hoặc vẫn chưa diệt mất đi, và Pháp Sở Duyên là người thọ lãnh việc giúp đỡ cũng vẫn còn hiện hữu, vẫn chưa rời xa lìa khỏi trong cùng một phương thức tương tự với Pháp Năng Duyên.

Tỷ như nước trong đại dương thường làm thành nơi nương nhờ đối với đàn cá và rùa, v.v. cho được thọ lãnh sự thỏa thích vui mừng và phát triển tăng trưởng lên. Nước trong đại dương cần phải hiện hữu mới có thể giúp đỡ ủng hộ đối với tất cả đàn cá và rùa, và cũng tương tự là tất cả đàn cá và rùa cũng phải hiện hữu mới được thọ lãnh việc giúp đỡ từ nơi nước của đại dương. Nếu như bất luận một trong hai phía mà không còn hiện hữu, thì không có khả năng sẽ có việc giúp đỡ hoặc có việc thọ lãnh việc giúp đỡ lẫn nhau. Điều này như thế nào, thì Pháp làm thành Bất Ly Năng Duyên với Pháp làm thành Bất Ly Sở Duyên cũng tương tự trong cùng một phương thức với nhau. Cả hai phía phải hiện hữu, tức là vẫn chưa diệt mất đi, mới sẽ làm thành người giúp đỡ và người thọ lãnh việc giúp đỡ, cũng tương tự như nước ở đại dương với đàn cá và rùa vậy.

Bất Ly Duyên đây, như đã có được trình bày là tương tự với Hiện Hữu Duyên, tuy nhiên với nguyên nhân chỉ mà Đức Phật Ngài lại vẫn khái thuyết thêm phần Bất Ly Duyên này nữa sau khi đã trình bày phần Hiện Hữu Duyên ? Điều này là vì Ngài lập ý khái thuyết với sự *Thuyết Giáo Hoàn Hảo (Desanāvilāsa – thuyết giảng chỉ giáo một cách tốt đẹp)*, là lập ý thuyết giảng mong sao cho được tốt đẹp tỷ mỹ kỹ càng hơn nữa. Và một trường hợp khác nữa là để cho tương xứng thích hợp với bản tánh của tất cả chúng sanh khả huấn luyện, bằng cách:

1. Có một vài hạng người được liễu tri trong việc trình bày theo thành ngữ,
2. Có một vài hạng người được liễu tri trong việc trình bày theo một thành ngữ khác nữa.

Do đó, Ngài mới lập ý khái thuyết thêm phần Bất Ly Duyên nữa, với nội dung cũng tương tự với Hiện Hữu Duyên, và chỉ khác biệt nhau là do dùng thành ngữ trong việc trình bày mà thôi.

Một phần khác nữa, trong Phụ Chú Giải Căn Phát Thứ có trình bày rằng Hiện Hữu Duyên với Bất Ly Duyên đây, cho dù quả thật là có Chi Pháp Siêu Lý tương tự với nhau, tuy nhiên theo tướng trạng của mãnh lực trong việc làm người giúp đỡ cũng có một vài sự khác biệt nhau. Tức là mãnh lực làm thành người giúp đỡ theo sự hiện bày việc hiện hữu của Chi Pháp Siêu Lý thì gọi là **Hiện Hữu Duyên**, và mãnh lực làm thành người giúp đỡ theo sự việc không rời xa lìa khỏi, là vẫn chưa diệt mất đi của Chi Pháp Siêu Lý thì gọi là **Bất Ly Duyên**.

Có ý nghĩa là, mục đích của Hiện Hữu Duyên là chủ yếu nhắm hướng vào việc vẫn còn hiện hữu, Pháp Thực Tính vẫn còn hiện hữu, thường hiện bày rõ ràng trong sát na Trụ nhiều hơn ở các sát na khác, và khi vẫn còn hiện bày việc hiện hữu là cũng cùng ý nghĩa với việc vẫn chưa diệt mất đi.

Còn mục đích của Bất Ly Duyên là chủ yếu nhắm hướng vào việc không rời xa lìa khỏi, Pháp Thực Tính vẫn chưa rời xa lìa khỏi, thường hiện bày kể từ sát na Sanh cho đến sát na Diệt, gần sắp diệt mất đi, và khi vẫn chưa rời xa lìa khỏi là cũng cùng một ý nghĩa tương tự với việc vẫn chưa diệt mất đi vậy.

Nội dung trình bày đến việc khác biệt giữa Hiện Hữu Duyên với Bất Ly Duyên đây, có phần Pāli trong Phụ Chú Giải Căn Phát Thủ điều 175 (*Quyển Thứ sáu Phần Tổng Hợp – Chatthasanghāyanā*) như sau đây:

“Atthitāya sasabhāvato upakāraṇatā Atthipaccayatā, sabhāvāvigamenanirodhassa appattiyā upakāraṇatā Avigatapaccayatāti paccayabhāvaviseso dhammāvisesepi veditabbo”.

Việc giúp đỡ ủng hộ theo sự việc hiện hữu, tức là Chi Pháp Siêu Lý vẫn còn hiện bày, gọi là **Hiện Hữu Duyên**.

Việc giúp đỡ ủng hộ theo sự việc vẫn chưa rời xa lìa khỏi của Chi Pháp Siêu Lý, tức là vẫn chưa đi đến sự diệt mất đi, gọi là **Bất Ly Duyên**.

Như đã được đề cập đến, rõ là Chi Pháp Siêu Lý của Hiện Hữu Duyên với Bất Ly Duyên, cho dù quả thật là một với nhau, tuy nhiên mãnh lực làm việc giúp đỡ ủng hộ lại khác biệt nhau.

Trong phần Hiện Hữu Duyên xiển minh (*Atthipaccayaniddesa*) và Bất Ly Duyên xiển minh (*Avigatapaccayaniddesa*) đây, thì Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên hiện hữu 5 hoặc 6 thể loại Duyên.

I. HIỆN HỮU DUYÊN: có năm hoặc sáu thể loại, đó là:

1. Câu Sanh Hiện Hữu Duyên (*Sahajātatthipaccaya*)
2. Cảnh Tiền Sinh Hiện Hữu Duyên (*) (*Ārammanapurejātatthipaccaya*)
3. Vật Tiền Sinh Hiện Hữu Duyên (*) (*Vatthupurejātatthipaccaya*)
4. Hậu Sanh Hiện Hữu Duyên (*Pacchājātatthipaccaya*)
5. Vật Thực Hiện Hữu Duyên (*Āhāratthipaccaya*)
6. Quyền Hiện Hữu Duyên (*Indriyatthipaccaya*)

(*) Cả hai Duyên này kết hợp lại thành Tiền Sinh Hiện Hữu Duyên (*Purejātatthipaccaya*).

Trong năm hoặc sáu thể loại này, thì:

1. Câu Sanh Hiện Hữu Duyên tương tự với Câu Sanh Duyên
2. Cảnh Tiền Sinh Hiện Hữu Duyên tương tự với Cảnh Tiền Sinh Duyên
3. Vật Tiền Sinh Hiện Hữu Duyên tương tự với Vật Tiền Sinh Duyên
4. Hậu Sanh Hiện Hữu Duyên tương tự với Hậu Sanh Duyên
5. Vật Thực Hiện Hữu Duyên tương tự với Sắc Vật Thực Duyên
6. Quyền Hiện Hữu Duyên tương tự với Sắc Mạng Quyền Duyên

PHÂN TÍCH 5 HOẶC 6 THỂ LOẠI HIỆN HỮU DUYÊN THEO TRẠNG THÁI, GIỐNG, THỜI GIAN VÀ MÃNH LỰC

Trong 6 thể loại Hiện Hữu Duyên đây, khi phân tích theo Trạng Thái thì nên hiểu biết tên gọi theo phần Pāli của từng mỗi Duyên đó. Tại nơi đây, có được phân tích Trạng Thái của cả 6 thể loại Hiện Hữu Duyên để cho biết rõ một cách đặc biệt, như tiếp theo sau đây:

1. Trong 5 hoặc 6 thể loại Hiện Hữu Duyên đây, thì việc giúp đỡ ủng hộ đối với Pháp Sở Duyên của Pháp làm thành **Câu Sanh Hiện Hữu** đó,

* Rằng theo Trạng Thái: có hai loại, là (1) đồng cùng sanh với nhau (**Câu Sanh – Sahajāta**), (2) thành Pháp Thực Tính hiện hữu, tức là với việc đang sanh vẫn còn hiện hữu trước mắt (**Hiện Hữu – Atthi**).

* Rằng theo Giống, Thời Gian và Mãnh Lực: thì tương tự với Câu Sanh Duyên.

2. Việc giúp đỡ ủng hộ đối với Pháp Sở Duyên của Pháp làm thành **Cảnh Tiền Sinh Hiện Hữu** đó,

* Rằng theo Trạng Thái: có ba loại, là (1) với Cảnh, (2) với Tiền Sinh, (3) với Hiện Hữu.

* Rằng theo Giống, Thời Gian và Mãnh Lực: thì tương tự với Cảnh Tiền Sinh Duyên.

3. Việc giúp đỡ ủng hộ đối với Pháp Sở Duyên của Pháp làm thành **Vật Tiền Sinh Hiện Hữu** đó,

* Rằng theo Trạng Thái: có ba loại, là (1) với Vật, (2) với Tiền Sinh, (3) với Hiện Hữu.

* Rằng theo Giống, Thời Gian và Mãnh Lực: thì tương tự với Vật Tiền Sinh Duyên.

4. Việc giúp đỡ ủng hộ đối với Pháp Sở Duyên của Pháp làm thành **Hậu Sanh Hiện Hữu** đó,

- * Rằng theo Trang Thái: có hai loại, là (1) với Hậu Sanh, (2) với Hiện Hữu.
- * Rằng theo Giống, Thời Gian và Mãnh Lực: thì tương tự với Hậu Sanh Duyên.

5. Việc giúp đỡ ủng hộ đối với Pháp Sở Duyên của Pháp làm thành **Vật Thực Hiện Hữu** đó,

- * Rằng theo Trang Thái: có hai loại, là (1) với Vật Thực, (2) với Hiện Hữu.
- * Rằng theo Giống, Thời Gian và Mãnh Lực: thì tương tự với Sắc Vật Thực Duyên.

6. Việc giúp đỡ ủng hộ đối với Pháp Sở Duyên của Pháp làm thành **Quyền Hiện Hữu** đó,

- * Rằng theo Trang Thái: có hai loại, là (1) với Quyền, (2) với Hiện Hữu.
- * Rằng theo Giống, Thời Gian và Mãnh Lực: thì tương tự với Sắc Mạng Quyền Duyên.

II. BẤT LY DUYÊN: có 5 hoặc 6 thể loại, đó là;

1. Câu Sanh Bất Ly Duyên (*Sahajātaavigatapaccaya*)
2. Cảnh Tiền Sinh Bất Ly Duyên (*) (*Ārammanapurejātaavigatapaccaya*)
3. Vật Tiền Sinh Bất Ly Duyên (*) (*Vatthupurejātaavigatapaccaya*)
4. Hậu Sanh Bất Ly Duyên (*Pacchājātaavigatapaccaya*)
5. Vật Thực Bất Ly Duyên (*Āhāraavigatapaccaya*)
6. Quyền Bất Ly Duyên (*Indriyaavigatapaccaya*)

(*) Cả hai Duyên này kết hợp lại thành Tiền Sinh Bất Ly Duyên (*Purejāta - avigatapaccaya*)

Trong năm hoặc sáu thể loại này, thì:

1. Câu Sanh Bất Ly Duyên tương tự với Câu Sanh Hiện Hữu Duyên, hoặc Câu Sanh Duyên
2. Cảnh Tiền Sinh Bất Ly Duyên tương tự với Cảnh Tiền Sinh Hiện Hữu Duyên, hoặc Cảnh Tiền Sinh Duyên
3. Vật Tiền Sinh Bất Ly Duyên tương tự với Vật Tiền Sinh Hiện Hữu Duyên, hoặc Vật Tiền Sinh Duyên

4. Hậu Sanh Bất Ly Duyên tương tự với Hậu Sanh Hiện Hữu Duyên, hoặc Hậu Sanh Duyên
5. Vật Thực Bất Ly Duyên tương tự với Vật Thực Hiện Hữu Duyên, hoặc Sắc Vật Thực Duyên
6. Quyền Hiện Hữu Duyên tương tự với Quyền Hiện Hữu Duyên, hoặc Sắc Mạng Quyền Duyên

PHÂN TÍCH 5 HOẶC 6 THỂ LOẠI BẤT LY DUYÊN THEO TRẠNG THÁI, GIỐNG, THỜI GIAN VÀ MÃNH LỰC

Trong 6 thể loại Bất Ly Duyên đây, khi phân tích theo Trạng Thái thì nên hiểu biết tên gọi theo phần Pāli của từng mỗi Duyên đó. Tại nơi đây, có được phân tích Trạng Thái của cả 6 thể loại Hiện Hữu Duyên để cho biết rõ một cách đặc biệt, như tiếp theo sau đây:

1. Trong 5 hoặc 6 thể loại Bất Ly Duyên đây, thì việc giúp đỡ ủng hộ đối với Pháp Sở Duyên của Pháp làm thành **Câu Sanh Bất Ly** đó,

* Rằng theo Trạng Thái: có hai loại, là (1) đồng cùng sanh với nhau (**Câu Sanh – Sahajāta**), (2) thành Pháp Thực Tính hiện hữu, tức là với việc đang sanh vẫn còn hiện hữu trước mắt (**Bất Ly – Avigata**).

* Rằng theo Giống, Thời Gian và Mảnh Lực: thì tương tự với Câu Sanh Hiện Hữu Duyên, hoặc Câu Sanh Duyên.

2. Việc giúp đỡ ủng hộ đối với Pháp Sở Duyên của Pháp làm thành **Cảnh Tiền Sinh Bất Ly** đó,

* Rằng theo Trạng Thái: có ba loại, là (1) với Cảnh, (2) với Tiền Sinh, (3) với Bất Ly.

* Rằng theo Giống, Thời Gian và Mảnh Lực: thì tương tự với Cảnh Tiền Sinh Hiện Hữu Duyên, hoặc Cảnh Tiền Sinh Duyên.

3. Việc giúp đỡ ủng hộ đối với Pháp Sở Duyên của Pháp làm thành **Vật Tiền Sinh Bất Ly** đó,

* Rằng theo Trạng Thái: có ba loại, là (1) với Vật, (2) với Tiền Sinh, (3) với Bất Ly.

* Rằng theo Giống, Thời Gian và Mảnh Lực: thì tương tự với Vật Tiền Sinh Hiện Hữu Duyên, hoặc Vật Tiền Sinh Duyên.

4. Việc giúp đỡ ủng hộ đối với Pháp Sở Duyên của Pháp làm thành **Hậu Sanh Bất Ly** đó,

- * Rằng theo Trang Thái: có hai loại, là (1) với Hậu Sanh, (2) với Bất Ly.
- * Rằng theo Giống, Thời Gian và Mãnh Lực: thì tương tự với Hậu Sanh Hiện Hữu Duyên, hoặc Hậu Sanh Duyên.

5. Việc giúp đỡ ủng hộ đối với Pháp Sở Duyên của Pháp làm thành **Vật Thực Bất Ly** đó,

- * Rằng theo Trang Thái: có hai loại, là (1) với Vật Thực, (2) với Bất Ly.
- * Rằng theo Giống, Thời Gian và Mãnh Lực: thì tương tự với Vật Thực Hiện Hữu Duyên, hoặc Sắc Vật Thực Duyên.

6. Việc giúp đỡ ủng hộ đối với Pháp Sở Duyên của Pháp làm thành **Quyền Bất Ly** đó,

- * Rằng theo Trang Thái: có hai loại, là (1) với Quyền, (2) với Bất Ly.
- * Rằng theo Giống, Thời Gian và Mãnh Lực: thì tương tự với Quyền Hiện Hữu Duyên, hoặc Sắc Mạng Quyền Duyên.

PHÂN TÍCH GIAI ĐOẠN VẤN ĐỀ (PANHĀVĀRA) TRONG CÂU SANH HIỆN HỮU DUYÊN

Câu Sanh Hiện Hữu Duyên đây, có Danh Sắc làm Năng Duyên, Danh Sắc làm Sở Duyên, và Duyên này hoàn toàn tương tự Câu Sanh Duyên với mọi trường hợp. Do đó, tại đây chỉ trình bày riêng phần Pāli trong Giai Đoạn Vấn Đề mà thôi.

Phân tích Giai Đoạn Vấn Đề trong Câu Sanh Hiện Hữu Duyên, thì tại đây, Đức Phật sắp đặt trước tiên với năm Câu làm cốt lõi, gọi là Câu Chánh Diện, là Câu Thiện, Câu Bất Thiện, Câu Vô Ký, Câu Thiện và Vô Ký, Câu Bất Thiện và Vô Ký làm Pháp Năng Duyên; kế đó phân tích Pháp Sở Duyên bằng cách chia chẻ ở câu sau, như sẽ thấy tiếp sau đây:

(A) KUSALAPADA – CÂU THIỆN “KUSALAPADĀVASĀNA – PHẦN CUỐI CÂU THIỆN” – TRONG CÂU THIỆN

“*Kusalo dhammo kusalassa dhammassa Sahajātatthipaccayena paccayo*” - Pháp Thiện làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Pháp Thiện với mãnh lực Câu Sanh Hiện Hữu Duyên.

ANUVĀDA – CÂU PHỤ

1/ **“*Kusalo eko khandho tinnannam khandhānam Sahajātatthipaccayena paccayo*”** - Một Uẩn Thiện làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với ba Uẩn với mãnh lực Câu Sanh Hiện Hữu Duyên.

2/ **“*Tayo khandho ekassa kandhassa Sahajātatthipaccayena paccayo*”** - Ba Uẩn làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với một Uẩn với mãnh lực Câu Sanh Hiện Hữu Duyên.

3/ **“*Dve khandhā dvinnam khandhānam Sahajātatthipaccayena paccayo*”** - Hai Uẩn làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với hai Uẩn với mãnh lực Câu Sanh Hiện Hữu Duyên.

**“ABYĀKATAPADĀVASĀNA – PHẦN CUỐI CÂU VÔ KÝ” –
TRONG CÂU THIỆN**

“*Kusalo dhammo abyākatassa dhammassa Sahajātatthipaccayena paccayo*” - Pháp Thiện làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Pháp Vô Ký với mãnh lực Câu Sanh Hiện Hữu Duyên.

ANUVĀDA – CÂU PHỤ

“*Sahajātā kusalā khandhā cittasamutthānānam rūpānam Sahajātatthipaccayena paccayo*” – Câu Sanh: những Uẩn Thiện làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Sắc mà có Tâm làm xuất sinh xứ, với mãnh lực Câu Sanh Hiện Hữu Duyên.

**“KUSALĀBYĀKATAPADĀVASĀNA –
PHẦN CUỐI CÂU THIỆN VÀ VÔ KÝ” –
TRONG CÂU THIỆN**

“*Kusalo dhammo kusalassa ca abyākatassa ca dhammassa Sahajātatthipaccayena paccayo*” - Pháp Thiện làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Pháp Thiện và Vô Ký với mãnh lực Câu Sanh Hiện Hữu Duyên.

ANUVĀDA – CÂU PHỤ

1/ “*Kusalo eko khandho tinnannam khandhānam cittasamutthānānanca rūpānam Sahajātatthipaccayena paccayo*” - Một Uẩn Thiện làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với ba Uẩn và Sắc Tâm xuất sinh xứ với mãnh lực Câu Sanh Hiện Hữu Duyên.

2/ “*Tayo khandhā ekassa kandhassa cittasamutthānānanca rūpānam Sahajātatthipaccayena paccayo*” - Ba Uẩn làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với một Uẩn và Sắc Tâm xuất sinh xứ với mãnh lực Câu Sanh Hiện Hữu Duyên.

3/ “*Dve khandhā dvinnam khandhānam cittasamutthānānanca rūpānam Sahajātatthipaccayena paccayo*” - Hai Uẩn làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với hai Uẩn và Sắc Tâm xuất sinh xứ với mãnh lực Câu Sanh Hiện Hữu Duyên.

(B) AKUSALAPADA – CÂU BẤT THIỆN

“KUSALAPADĀVASĀNA – PHẦN CUỐI CÂU BẤT THIỆN” –
TRONG CÂU BẤT THIỆN

“*Akusalo dhammo akusalassa dhammassa Sahajātatthipaccayena paccayo*” - Pháp Bất Thiện làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Pháp Bất Thiện với mãnh lực Câu Sanh Hiện Hữu Duyên.

ANUVĀDA – CÂU PHỤ

1/ “*Akusalo eko khandho tinnannam khandhānam Sahajātatthipaccayena paccayo*” - Một Uẩn Bất Thiện làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với ba Uẩn với mãnh lực Câu Sanh Hiện Hữu Duyên.

2/ “*Tayo khandho ekassa kandhassa Sahajātatthipaccayena paccayo*” - Ba Uẩn làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với một Uẩn với mãnh lực Câu Sanh Hiện Hữu Duyên.

3/ “*Dve khandhā dvinnam khandhānam Sahajātatthipaccayena paccayo*” - Hai Uẩn làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với hai Uẩn với mãnh lực Câu Sanh Hiện Hữu Duyên.

“ABYĀKATAPADĀVASĀNA – PHẦN CUỐI CÂU VÔ KÝ” –
TRONG CÂU BẤT THIỆN

“Akusalo dhammo abyākatassa dhammassa Sahajātatthipaccayena paccayo” - Pháp Bất Thiện làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Pháp Vô Ký với mãnh lực Câu Sanh Hiện Hữu Duyên.

ANUVĀDA – CÂU PHỤ

“Sahajātā akusalā khandhā cittasamutthānānam rūpānam Sahajātatthipaccayena paccayo” – Câu Sanh: những Uẩn Bất Thiện làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Sắc mà có Tâm làm xuất sinh xứ, với mãnh lực Câu Sanh Hiện Hữu Duyên.

“AKUSALĀBYĀKATAPADĀVASĀNA –
PHẦN CUỐI CÂU BẤT THIỆN VÀ VÔ KÝ” –
TRONG CÂU BẤT THIỆN

“Akusalo dhammo akusalassa ca abyākatassa ca dhammassa Sahajātatthipaccayena paccayo” - Pháp Bất Thiện làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Pháp Bất Thiện và Vô Ký với mãnh lực Câu Sanh Hiện Hữu Duyên.

ANUVĀDA – CÂU PHỤ

1/ **“Akusalo eko khandho tinnannam khandhānam cittasamutthānānanca rūpānam Sahajātatthipaccayena paccayo”** - Một Uẩn Bất Thiện làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với ba Uẩn và Sắc Tâm xuất sinh xứ với mãnh lực Câu Sanh Hiện Hữu Duyên.

2/ **“Tayo khandhā ekassa kandhassa cittasamutthānānanca rūpānam Sahajātatthipaccayena paccayo”** - Ba Uẩn làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với một Uẩn và Sắc Tâm xuất sinh xứ với mãnh lực Câu Sanh Hiện Hữu Duyên.

3/ **“Dve khandhā dvinnam khandhānam cittasamutthānānanca rūpānam Sahajātatthipaccayena paccayo”** - Hai Uẩn làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với hai Uẩn và Sắc Tâm xuất sinh xứ với mãnh lực Câu Sanh Hiện Hữu Duyên.

(C) ABYĀKATAPADA – CÂU VÔ KÝ

“ABYĀKATAPADĀVASĀNA – PHẦN CUỐI CÂU VÔ KÝ” –
TRONG CÂU VÔ KÝ

“Abyākato dhammo abyākatassa dhammassa Sahajātatthipaccayena paccayo”

- Pháp Vô Ký làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Pháp Vô Ký với mãnh lực Câu Sanh Hiện Hữu Duyên.

ANUVĀDA – CÂU PHỤ

1/ “*Vipākābyākato kiriyābyākato eko khandho tinnannam khandhānam cittasamutthānānanca rūpānam Sahajātatthipaccayena paccayo*” - Một Uẩn Vô Ký Dị Thục Quả Vô Ký Duy Tác làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với ba Uẩn và Sắc Tâm xuất sinh xứ, với mãnh lực Câu Sanh Hiện Hữu Duyên.

2/ “*Tayo khandhā ekassa kandhassa cittasamutthānānanca rūpānam Sahajātatthipaccayena paccayo*” - Ba Uẩn làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với một Uẩn và Sắc Tâm xuất sinh xứ, với mãnh lực Câu Sanh Hiện Hữu Duyên.

3/ “*Dve khandhā dvinnam khandhānam cittasamutthānānanca rūpānam Sahajātatthipaccayena paccayo*” - Hai Uẩn làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với hai Uẩn và Sắc Tâm xuất sinh xứ, với mãnh lực Câu Sanh Hiện Hữu Duyên.

4/ “*Patisandhikkhane vipākābyākato eko khandho tinnannam khandhānam katattā ca rūpānam Sahajātatthipaccayena paccayo*” - Trong sát na Tái Tục, một Uẩn Vô Ký Dị Thục Quả làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với ba Uẩn và Sắc Tái Tục, với mãnh lực Câu Sanh Hiện Hữu Duyên.

5/ “*Tayo khandhā ekassa kandhassa katattā ca rūpānam Sahajātatthipaccayena paccayo*” - Ba Uẩn làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với một Uẩn và Sắc Tái Tục với mãnh lực Câu Sanh Hiện Hữu Duyên.

6/ “*Dve khandhā dvinnam khandhānam katattā ca rūpānam Sahajātatthipaccayena paccayo*” - Hai Uẩn làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với hai Uẩn và Sắc Tái Tục với mãnh lực Câu Sanh Hiện Hữu Duyên.

7/ “*Kandhā vatthussa Sahajātatthipaccayena paccayo*” - Những Uẩn làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Ý Vật với mãnh lực Câu Sanh Hiện Hữu Duyên.

8/ “*Vatthu khandhānam Sahajātatthipaccayena paccayo*” - Ý Vật làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với những Uẩn với mãnh lực Câu Sanh Hiện Hữu Duyên.

9/ “*Ekam mahābhūtam tinnannam mahābhūtānam Sahajātatthipaccayena paccayo*” - Một Đại Hiện làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với ba Đại Hiện với mãnh lực Câu Sanh Hiện Hữu Duyên.

10/ “*Tayo mahābhūtā ekassa mahābhūtassa Sahajātatthipaccayena paccayo*” -

Ba Đại Hiện làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với một Đại Hiện với mãnh lực Câu Sanh Hiện Hữu Duyên.

11/ “*Dve mahābhūtā dvinnam mahābhūtānam Sahajātatthipaccayena paccayo*” - Hai Đại Hiện làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với hai Đại Hiện với mãnh lực Câu Sanh Hiện Hữu Duyên.

12/ “*Mahābhūtā cittasamutthānānam rūpānam katattārūpānam upādārūpā - nam Sahajātatthipaccayena paccayo*” - Những Đại Hiện làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Sắc Tâm xuất sinh xứ, Sắc Tái Tục, Sắc Y Sinh, với mãnh lực Câu Sanh Hiện Hữu Duyên.

13/ “*Bāhīram ekam mahābhūtā - pe - Sahajātatthipaccayena paccayo*” - Một Đại Hiện Ngoại v.v. với mãnh lực Câu Sanh Hiện Hữu Duyên.

14/ “*Āhārasamutthānam ekam mahābhūtā - pe - Sahajātatthipaccayena paccayo*” - Một Đại Hiện Vật Thực xuất sinh xứ v.v. với mãnh lực Câu Sanh Hiện Hữu Duyên.

15/ “*Utusamutthānam ekam mahābhūtā - pe - Sahajātatthipaccayena paccayo*” - Một Đại Hiện Quý Tiết xuất sinh xứ v.v. với mãnh lực Câu Sanh Hiện Hữu Duyên.

16/ “*Asannasattānam ekam mahābhūtā tinnannam mahābhūtānam Sahajātatthipaccayena paccayo*” - Với Phạm Thiên Vô Tướng, một Đại Hiện làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với ba Đại Hiện với mãnh lực Câu Sanh Hiện Hữu Duyên.

17/ “*Tayo mahābhūtā ekassa mahābhūtassa Sahajātatthipaccayena paccayo*” - Ba Đại Hiện làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với một Đại Hiện với mãnh lực Câu Sanh Hiện Hữu Duyên.

18/ “*Dve mahābhūtā dvinnam mahābhūtānam Sahajātatthipaccayena paccayo*” - Hai Đại Hiện làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với hai Đại Hiện với mãnh lực Câu Sanh Hiện Hữu Duyên.

19/ “*Mahābhūtā katattārūpānam upādārūpānam Sahajātatthipaccayena paccayo*” - Những Đại Hiện làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Sắc Tái Tục, Sắc Y Sinh, với mãnh lực Câu Sanh Hiện Hữu Duyên.

(D) KUSALABYĀKATAPADA – CÂU THIỆN – VÔ KÝ
“ABYĀKATAPADĀVASĀNA – PHẦN CUỐI CÂU VÔ KÝ”
TRONG CÂU THIỆN – VÔ KÝ

“Kusalo ca abyākato ca dhammā abyākatassa dhammassa Sahajātatthipaccayena paccayo” - Pháp Thiện và Vô Ký làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Pháp Vô Ký, với mãnh lực Câu Sanh Hiện Hữu Duyên.

ANUVĀDA – CÂU PHỤ

“Kusalā khandhā ca mahābhūtā ca cittasamutthānānam rūpānam Sahajātatthipaccayena paccayo” - Những Uẩn Thiện và Đại Hiện làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Sắc Tâm xuất sinh xứ, với mãnh lực Câu Sanh Hiện Hữu Duyên.

(E) AKUSALĀBYĀKATAPADA – CÂU BẤT THIỆN – VÔ KÝ “ABYĀKATAPADĀVASĀNA – PHẦN CUỐI CÂU VÔ KÝ – TRONG CÂU BẤT THIỆN – VÔ KÝ

“Akusalo ca abyākato ca dhammā abyākatassa dhammassa Sahajātatthipaccayena paccayo” - Pháp Bất Thiện và Vô Ký làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Pháp Vô Ký, với mãnh lực Câu Sanh Hiện Hữu Duyên.

ANUVĀDA – CÂU PHỤ

“Akusalā khandhā ca mahābhūtā ca cittasamutthānānam rūpānam Sahajātatthipaccayena paccayo” - Những Uẩn Bất Thiện và Đại Hiện làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Sắc Tâm xuất sinh xứ, với mãnh lực Câu Sanh Hiện Hữu Duyên.

KẾT THÚC CÂU SANH HIỆN HỮU DUYÊN

PHÂN TÍCH GIAI ĐOẠN VẤN ĐỀ (PANHĀVĀRA) TRONG CẢNH TIỀN SINH HIỆN HỮU DUYÊN

Cảnh Tiền Sinh Hiện Hữu Duyên đây, có Sắc làm Năng Duyên, Danh làm Sở Duyên, và Duyên này hoàn toàn tương tự Cảnh Tiền Sinh Duyên với mọi trường hợp. Do đó, tại đây chỉ trình bày riêng phần Pāli trong Giai Đoạn Vấn Đề mà thôi.

Phân tích Giai Đoạn Vấn Đề trong Cảnh Tiền Sinh Hiện Hữu Duyên, thì tại đây,

Đức Phật sắp đặt duy nhứt chỉ có một Câu làm cốt lõi, gọi là Câu Chánh Diện, là Câu Vô Ký làm Pháp Năng Duyên; kế đó phân tích Pháp Sở Duyên bằng cách chia chẻ ở câu sau, như sẽ thấy tiếp sau đây:

ABYĀKATAPADA – CÂU VÔ KÝ
“ABYĀKATAPADĀVASĀNA – PHẦN CUỐI CÂU VÔ KÝ” –
TRONG CÂU VÔ KÝ

“Abyākato dhammo abyākatassa dhammassa Ārammanapurejātattthipaccayena paccayo” - Pháp Vô Ký làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Pháp Vô Ký với mãnh lực Cảnh Tiền Sinh Hiện Hữu Duyên.

ANUVĀDA – CÂU PHỤ

- 1/ *“Arahā cakkhum aniccato dukkhato anattato vipassati”* - Bạc Vô Sinh quán sát thấy Nhãn là Vô Thường, Khổ Đau, Vô Ngã.
- 2/ *“Sotam ghānam jivham kāyam rūpe sadde gandhe rase photthabbe vatthum aniccato dukkhato anattato vipassati”* - Quán sát thấy Nhĩ, Tỷ, Thiệt, Thân, Sắc, Thinh, Khí, Vị, Xúc, Ý Vật là Vô Thường, Khổ Đau, Vô Ngã.
- 3/ *“Dibbena cakkhunā rūpam passati”* - Thấy Sắc với Thiên Nhãn.
- 4/ *“Dibbāya sotadhātuyā saddam sunāti”* - Nghe âm thanh với Thiên Nhĩ Giới.
- 5/ *“Rūpāyatanam cakkhuvinnānassa Ārammanapurejātattthipaccayena paccayo”* – Sắc Xứ làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Nhãn Thức với mãnh lực Cảnh Tiền Sinh Hiện Hữu Duyên.
- 6/ *“Saddāyatanam sotavinnānassa Ārammanapurejātattthipaccayena paccayo”* Thinh Xứ làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Nhĩ Thức với mãnh lực Cảnh Tiền Sinh Hiện Hữu Duyên.
- 7/ *“Gandhāyatanam ghānavinnānassa Ārammanapurejātattthipaccayena paccayo”* - Khí Xứ làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Tỷ Thức với mãnh lực Cảnh Tiền Sinh Hiện Hữu Duyên.
- 8/ *“Rasāyatanam jivhāvinnānassa Ārammanapurejātattthipaccayena paccayo”* Vị Xứ làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Thiệt Thức với mãnh lực Cảnh Tiền Sinh Hiện Hữu Duyên.

9/ “*Photthabbāyatanam kāyavinnānassa Ārammanapurejātatthipaccayena paccayo*” - Xúc Xứ làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Thân Thức với mãnh lực Cảnh Tiền Sinh Hiện Hữu Duyên.

“KUSALAPADĀVASĀNA – PHẦN CUỐI CÂU THIỆN”
TRONG CÂU VÔ KÝ

“*Abyākato dhammo kusalassa dhammassa Ārammanapurejātatthipaccayena paccayo*” - Pháp Vô Ký làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Pháp Thiện với mãnh lực Cảnh Tiền Sinh Hiện Hữu Duyên.

ANUVĀDA – CÂU PHỤ

1/ “*Sekkhā vā putthujjanā vā cakkhum aniccato dukkhato anattato vipassanti*”
- Bạc Hữu Học hoặc Phạm Phu quán sát thấy Nhãn là Vô Thường, Khổ Đau, Vô Ngã.

2/ “*Sotam ghānam jivhā kāyam rūpe sadde gandhe rase photthabbe vatthum aniccato dukkhato anattato vipassanti*” - Quán sát thấy Nhĩ, Tỷ, Thiệt, Thân, Sắc, Thinh, Khí, Vị, Xúc, Ý Vật là Vô Thường, Khổ Đau, Vô Ngã.

3/ “*Dibbena cakkhunā rūpam passanti*” - Thấy Sắc với Thiên Nhãn.

4/ “*Dibbāya sotadhātuyā saddam sunanti*” - Nghe âm thanh với Thiên Nhĩ Giới.

“AKUSALAPADĀVASĀNA – PHẦN CUỐI CÂU BẤT THIỆN”
TRONG CÂU VÔ KÝ

“*Abyākato dhammo akusalassa dhammassa Ārammanapurejātatthipaccayena paccayo*” - Pháp Vô Ký làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Pháp Bất Thiện với mãnh lực Cảnh Tiền Sinh Hiện Hữu Duyên.

ANUVĀDA – CÂU PHỤ

1/ “*Cakkhum assādeti abhinandati tam ārabhha rāgo uppajjati ditthi uppajjati vicikicchā uppajjati uddhaccam uppajjati domanassam uppajjati*” - Người vui mừng thỏa thích với Nhãn, và khi nghĩ đến sự vật đó thì thường sanh khởi sự Tham Ái, Tà Kiến, Hoài Nghi, Điệu Cử, Ưu Phiền.

2/ “*Sotam ghānam jivham kāyam rūpe sadde gandhe rase photthabbe vatthum assādeti abhinandati tam ārabbha rāgo uppajjati ditṭhi uppajjati vicikicchā uppajjati uddhaccam uppajjati domanassam uppajjati*” - Người vui mừng thỏa thích với Nhĩ, Tỷ, Thiệt, Thân, Sắc, Thinh, Khí, Vị, Xúc, Ý Vật, và khi nghĩ đến những sự vật đó thì thường khởi sanh sự Tham Ái, Tà Kiến, Hoài Nghi, Điều Cử, Ưu Phiền.

KẾT THÚC CẢNH TIỀN SINH HIỆN HỮU DUYÊN

PHÂN TÍCH GIAI ĐOẠN VẤN ĐỀ (PANHĀVĀRA) TRONG VẬT TIỀN SINH HIỆN HỮU DUYÊN

Vật Tiền Sinh Hiện Hữu Duyên đây, có Sắc làm Năng Duyên, Danh làm Sở Duyên, và Duyên này hoàn toàn tương tự Vật Tiền Sinh Duyên với mọi trường hợp. Do đó, tại đây chỉ trình bày riêng phần Pāli trong Giai Đoạn Vấn Đề mà thôi.

Phân tích Giai Đoạn Vấn Đề trong Vật Tiền Sinh Hiện Hữu Duyên, thì tại đây, Đức Phật sắp đặt duy nhất chỉ có một Câu làm cốt lõi, gọi là Câu Chánh Điện, là Câu Vô Ký làm Pháp Năng Duyên; kế đó phân tích Pháp Sở Duyên bằng cách chia chẻ ở câu sau, như sẽ thấy tiếp sau đây:

ABYĀKATAPADA – CÂU VÔ KÝ “ABYĀKATAPADĀVASĀNA – PHẦN CUỐI CÂU VÔ KÝ” – TRONG CÂU VÔ KÝ

“*Abyākato dhammo abyākatassa dhammassa Vatthupurejātatthipaccayena paccayo*” - Pháp Vô Ký làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Pháp Vô Ký với mãnh lực Vật Tiền Sinh Hiện Hữu Duyên.

ANUVĀDA – CÂU PHỤ

1/ “*Cakkhāyatanam cakkhuvinnānassa Vatthupurejātatthipaccayena paccayo*” - Nhãn Xứ làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Nhãn Thức với mãnh lực Vật Tiền Sinh Hiện Hữu Duyên.

2/ “*Sotāyatanam sotavinnānassa Vatthupurejātatthipaccayena paccayo*” - Nhĩ Xứ làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Nhĩ Thức với mãnh lực Vật Tiền Sinh Hiện Hữu Duyên.

3/ “*Ghāṇāyatanam ghānavinnānassa Vatthupurejātattthipaccayena paccayo*” - Tỷ Xứ làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Tỷ Thức với mãnh lực Vật Tiền Sinh Hiện Hữu Duyên.

4/ “*Jivhāyatanam jivhāvinnānassa Vatthupurejātattthipaccayena paccayo*” - Thiệt Xứ làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Thiệt Thức với mãnh lực Vật Tiền Sinh Hiện Hữu Duyên.

5/ “*Kāyāyatanam kāyavinnānassa Vatthupurejātattthipaccayena paccayo*” - Thân Xứ làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Thân Thức với mãnh lực Vật Tiền Sinh Hiện Hữu Duyên.

6/ “*Vatthuvipākābyākatānam kiriyābyākatānam khandhānam Vatthupurejātattthipaccayena paccayo*” - Ý Vật làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với những Uẩn Vô Ký Dị Thực Quả Vô Ký Duy Tác với mãnh lực Vật Tiền Sinh Hiện Hữu Duyên.

“KUSALAPADĀVASĀNA – PHẦN CUỐI CÂU THIỆN” –
TRONG CÂU VÔ KÝ

“*Abyākato dhammo kusalassa dhammassa Vatthupurejātattthipaccayena paccayo*” - Pháp Vô Ký làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Pháp Thiện với mãnh lực Vật Tiền Sinh Hiện Hữu Duyên.

ANUVĀDA – CÂU PHỤ

“*Vatthu kusalānam khandhānam Vatthupurejātattthipaccayena paccayo*” - Ý Vật làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với những Uẩn Thiện với mãnh lực Vật Tiền Sinh Hiện Hữu Duyên.

“AKUSALAPADĀVASĀNA – PHẦN CUỐI CÂU BẤT THIỆN” –
TRONG CÂU VÔ KÝ

“*Abyākato dhammo akusalassa dhammassa Vatthupurejātattthipaccayena paccayo*” - Pháp Vô Ký làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với những Uẩn Bất Thiện với mãnh lực Vật Tiền Sinh Hiện Hữu Duyên.

ANUVĀDA – CÂU PHỤ

“*Vatthu akusalānam khandhānam Vatthupurejātatthipaccayena paccayo*” - Ý

Vật làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với những Uẩn Bất Thiện với mãnh lực Vật Tiền Sinh Hiện Hữu Duyên.

KẾT THÚC VẬT TIỀN SINH HIỆN HỮU DUYÊN

PHÂN TÍCH GIAI ĐOẠN VẤN ĐỀ (PANHĀVĀRA) TRONG HẬU SANH HIỆN HỮU DUYÊN

Hậu Sanh Hiện Hữu Duyên đây, có Danh làm Năng Duyên, Sắc làm Sở Duyên, và Duyên này hoàn toàn tương tự Hậu Sanh Duyên với mọi trường hợp. Do đó, tại đây chỉ trình bày riêng phần Pāli trong Giai Đoạn Vấn Đề mà thôi.

Phân tích Giai Đoạn Vấn Đề trong Hậu Sanh Hiện Hữu Duyên, thì tại đây, Đức Phật sắp đặt trước tiên với ba Câu làm cốt lõi, gọi là Câu Chánh Diện, là Câu Thiện, Câu Bất Thiện, Câu Vô Ký làm Pháp Năng Duyên; còn Pháp Sở Duyên ở câu sau thì duy nhất chỉ có một Câu là Câu Vô Ký, như sẽ thấy tiếp sau đây:

(A) KUSALAPADA – CÂU THIỆN

**“*ABYĀKATAPADĀVASĀNA – PHẦN CUỐI CÂU VÔ KÝ*” –
TRONG CÂU THIỆN**

“*Kusalo dhammo abyākatassa dhammassa Pacchājātatthipaccayena paccayo*” -
Pháp Thiện làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Pháp Vô Ký với mãnh lực Hậu Sanh Hiện Hữu Duyên.

ANUVĀDA – CÂU PHỤ

“*Pacchājātā kusalā khandhā purejātassa imassa kāyassa Pacchājātatthipaccayena paccayo*” - Hậu Sanh: những Uẩn Thiện làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Sắc Thân này đã sanh trước, với mãnh lực Hậu Sanh Hiện Hữu Duyên.

(B) AKUSALAPADA – CÂU BẤT THIỆN

**“*ABYĀKATAPADĀVASĀNA – PHẦN CUỐI CÂU VÔ KÝ*” –
TRONG CÂU BẤT THIỆN**

“Akusalo dhammo abyākatassa dhammassa Pacchājātatthipaccayena paccayo”

- Pháp Bất Thiện làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Pháp Vô Ký với mãnh lực Hậu Sanh Hiện Hữu Duyên.

ANUVĀDA – CÂU PHỤ

“Pacchājātā akusalā khandhā purejātassa imassa kāyassa Pacchājātatthipaccayena paccayo” - Hậu Sanh: những Uẩn Bất Thiện làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Sắc Thân này đã sanh trước, với mãnh lực Hậu Sanh Hiện Hữu Duyên.

(C) ABYĀKATAPADA – CÂU VÔ KÝ

**“ABYĀKATAPADĀVASĀNA – PHẦN CUỐI CÂU VÔ KÝ” –
TRONG CÂU VÔ KÝ**

“Abyākato dhammo abyākatassa dhammassa Pacchājātatthipaccayena paccayo” - Pháp Vô Ký làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Pháp Vô Ký với mãnh lực Hậu Sanh Hiện Hữu Duyên.

ANUVĀDA – CÂU PHỤ

“Pacchājātā vipākābyākatā kiriyābyākatā khandhā purejātassa imassa kāyassa Pacchājātatthipaccayena paccayo” - Hậu Sanh: những Uẩn Vô Ký Di Thực Quả Vô Ký Duy Tác làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Sắc Thân này đã sanh trước, với mãnh lực Hậu Sanh Hiện Hữu Duyên.

KẾT THÚC HẬU SANH HIỆN HỮU DUYÊN

PHÂN TÍCH GIAI ĐOẠN VẤN ĐỀ (PANHĀVĀRA) TRONG VẬT THỰC HIỆN HỮU DUYÊN

Vật Thực Hiện Hữu Duyên đây, có Sắc làm Năng Duyên, Sắc làm Sở Duyên, và Duyên này hoàn toàn tương tự Sắc Vật Thực Duyên với mọi trường hợp. Do đó, tại đây chỉ trình bày riêng phần Pāli trong Giai Đoạn Vấn Đề mà thôi.

Phân tích Giai Đoạn Vấn Đề trong Sắc Vật Thực Hiện Hữu Duyên, thì tại đây, Đức Phật sắp đặt duy nhứt chỉ có một Câu làm cốt lõi, gọi là Câu Chánh Diện, là Câu

Vô Ký làm Pháp Năng Duyên; còn Pháp Sở Duyên ở câu sau thì duy nhất chỉ có một Câu là Câu Vô Ký, như sẽ thấy tiếp sau đây:

ABYĀKATAPADA – CÂU VÔ KÝ
“ABYĀKATAPADĀVASĀNA – PHẦN CUỐI CÂU VÔ KÝ” –
TRONG CÂU VÔ KÝ

“Abyākato dhammo abyākatassa dhammassa Āhāratthipaccayena paccayo” -
Pháp Vô Ký làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Pháp Vô Ký với mãnh lực Vật Thực Hiện Hữu Duyên.

ANUVĀDA – CÂU PHỤ

“Kabalinkāro āhāro imassa kāyassa Āhāratthipaccayena paccayo” - Đoàn
Thực làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Sắc Thân này với mãnh lực Vật Thực Hiện Hữu Duyên.

KẾT THÚC VẬT THỰC HIỆN HỮU DUYÊN

PHÂN TÍCH GIAI ĐOẠN VẤN ĐỀ (PANHĀVĀRA)
TRONG QUYỀN HIỆN HỮU DUYÊN

Quyền Hiện Hữu Duyên đây, có Sắc làm Năng Duyên, Danh làm Sở Duyên, và Duyên này hoàn toàn tương tự Sắc Mạng Quyền Duyên với mọi trường hợp. Do đó, tại đây chỉ trình bày riêng phần Pāli trong Giai Đoạn Vấn Đề mà thôi.

Phân tích Giai Đoạn Vấn Đề trong Quyền Hiện Hữu Duyên, thì tại đây, Đức Phật sắp đặt duy nhất chỉ có một Câu làm cốt lõi, gọi là Câu Chánh Diện, là Câu Vô Ký làm Pháp Năng Duyên; còn Pháp Sở Duyên ở câu sau thì duy nhất chỉ có một Câu là Câu Vô Ký, như sẽ thấy tiếp sau đây:

ABYĀKATAPADA – CÂU VÔ KÝ
“ABYĀKATAPADĀVASĀNA – PHẦN CUỐI CÂU VÔ KÝ” –
TRONG CÂU VÔ KÝ

“Abyākato dhammo abyākatassa dhammassa Indriyatthipaccayena paccayo” -

Pháp Vô Ký làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Pháp Vô Ký với mãnh lực Quyền Hiện Hữu Duyên.

ANUVĀDA – CÂU PHỤ

“*Rūpājīvitindriyam katattārūpānam Indriyatthipaccayena paccayo*” - Sắc Mạng Quyền làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Sắc Tái Tục với mãnh lực Quyền Hiện Hữu Duyên.

KẾT THÚC QUYỀN HIỆN HỮU DUYÊN
KẾT THÚC HIỆN HỮU DUYÊN
KẾT THÚC BẤT LY DUYÊN



**DUYÊN THỨ HAI MƯƠI HAI VÀ HAI MƯƠI BA
NATTHIPACCAYA – VÔ HỮU DUYÊN
VIGATAPACCAYA – LY KHỨ DUYÊN**

**NATTHIPACCAYANIDDESAVĀRA - PHẦN XIÊN MINH VÔ HỮU DUYÊN
VIGATAPACCAYANIDDESAVĀRA - PHẦN XIÊN MINH LY KHỨ DUYÊN**

Loại Duyên nào mà Đức Thế Tôn thuyết giảng một cách khái lược trong phần xiển thuật Duyên là “*Natthipaccaya – Vô Hữu Duyên*” và “*Vigatapaccaya – Ly Khứ Duyên*”, thì loại Duyên đó được Đức Thế Tôn thuyết giảng một cách tỷ mỷ kỹ càng trong phần xiển minh Duyên.

Samanantaraniruddhā cittacetāsikā dhammā patuppannānam cittacetāsikānam dhammānam Natthipaccayena paccayo – Vigatapaccayena paccayo”.

DỊCH NGHĨA VÀ LỜI GIẢI THÍCH

“*Samanantaraniruddhā cittacetāsikā dhammā patuppannānam cittacetāsikānam dhammānam Natthipaccayena paccayo – Vigatapaccayena paccayo*” – Tất cả Tứ Danh Uẩn là Tâm và Tâm Sở mà ngoài ra Tâm Tử của bậc Vô Sinh đã diệt mất rồi, làm duyên một cách không còn dư sót theo tuần tự của chính mình, làm duyên tức là giúp đỡ ủng hộ đối với tất cả Tứ Danh Uẩn là Tâm và Tâm Sở cùng với Tâm Tử của bậc Vô Sinh đã sanh khởi tiếp nối với chính mình, với mãnh lực Vô Hữu Duyên và Ly Khứ Duyên.

**CHÚ GIẢI VÀ LỜI GIẢI THÍCH VỀ
VÔ HỮU DUYÊN VÀ LY KHỨ DUYÊN**

I. VÔ HỮU DUYÊN (NATTHIPACCAYA)

Vacanāttha – Chú Giải:

“*Parammatthabhāvena natthitāya upakārako dhammo = Natthipaccayo*” - Pháp làm duyên giúp đỡ ủng hộ với trạng thái Thực Tính Siêu Lý là không có hiện hữu, gọi là Vô Hữu Duyên.

GIẢI THÍCH TÓM TẮT VỀ VÔ HỮU DUYÊN

Từ ngữ “*Natthi*” dịch là Vô Hữu (*không có*), ở tại đây có ý nghĩa là Pháp Năng Duyên tức là Tâm và Tâm Sở không còn hiện bày sự hiện hữu trong khoảng sanh, trụ, diệt; tức là đã diệt mất rồi vậy. Và chính sự diệt mất của Tâm và Tâm Sở này, làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Pháp Sở Duyên, cũng chính là Tâm và Tâm Sở, cho được tiếp nối sanh khởi.

Theo thực tính thông thường của Danh Pháp là Tâm và Tâm Sở ngay khi sát na thứ nhất khởi sanh và vẫn chưa diệt mất đi, thì Tâm và Tâm Sở ở sát na thứ hai thường không có khả năng khởi sanh được, cho đến khi sát na Tâm và Tâm Sở thứ nhất phải diệt trước đi thì mới có cơ hội cho sát na Tâm và Tâm Sở thứ hai được khởi sanh tiếp tục, và như thế mà tuần tự đi.

Vô Hữu Duyên này được tỷ dụ ví như ánh sáng với sự tối tăm. Theo lẽ thường, sự tối tăm không có thể hiện bày được, một khi ánh sáng vẫn còn đang hiện hữu. Cho đến khi ánh sáng không còn hiện hữu thì lúc bấy giờ, sự tối tăm mới được khởi lên sự hiện bày, và như thế, sự tối tăm là thành quả của ánh sáng khi đã diệt mất. Điều này như thế nào, thì Pháp Vô Hữu Duyên đây cũng tương tự như thế, là Pháp Sở Duyên mà có được sanh khởi là cũng do Pháp Năng Duyên phải diệt mất đi rồi. Như thế, sự diệt mất hay sự không hiện hữu của Pháp Năng Duyên mới tạo công đức ủng hộ cho Pháp Sở Duyên, tức là làm cho Pháp Sở Duyên được khởi sanh lên, như đã được giải thích ở phần trên vậy.

Trong phần Đại Phụ Chú Giải Siêu Lý (*Paramatthadīpanīmahātīkā*) và Chú Giải Thanh Tịnh Đạo (*Visuddhimaggaatthakathā*) có trình bày Vô Hữu Duyên là bất luận một cái Tâm nào một khi đã sanh khởi trong bầm tánh của tất cả chúng sanh và vẫn chưa diệt mất đi, tức là vẫn còn trong khoảng sanh, trụ, diệt; thì các Tâm khác thường không có cơ hội được khởi sanh trong khoảng thời gian đó. Cho đến khi cái Tâm thứ nhất mà diệt mất đi rồi thì cái Tâm thứ hai mới sẽ có cơ hội khởi sanh lên được. Sự việc cái Tâm thứ hai có được khởi sanh là cũng do nương vào sự diệt mất của cái Tâm thứ nhất đã làm duyên giúp đỡ ủng hộ với mãnh lực của sự không hiện hữu, tức là Vô Hữu Duyên vậy.

Tóm lại, trong Vô Hữu Duyên này, một khi cái Tâm thứ nhất đã diệt mất đi rồi thì mới làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với cái Tâm thứ hai. Cái Tâm thứ hai thành Sở Duyên của cái Tâm thứ nhất đã diệt mất rồi, và khi cái Tâm thứ hai đã diệt mất rồi thì quay trở lại làm Năng Duyên với cái Tâm thứ ba. Cái Tâm thứ ba thành Sở Duyên của cái Tâm thứ hai đã diệt mất rồi, và khi cái Tâm thứ ba đã diệt mất rồi thì quay trở

lại làm Năng Duyên với cái Tâm thứ tư, và như thế cứ mãi liên tục, tính kể từ Tâm Tái Tục cho đến Tâm Tử của bậc Vô Sinh.

Ý nghĩa chánh yếu của Vô Hữu Duyên đây, là khởi xuất sự diệt mất hoặc sự không còn hiện hữu của Danh Pháp rồi mới sẽ làm được Vô Hữu Duyên. Nếu như Danh Pháp đã sanh trước mà vẫn chưa diệt mất, tức là vẫn còn hiện hữu thì không thể nào làm được Vô Hữu Duyên.

Vô Hữu Duyên đây, có Danh làm Năng Duyên, Danh làm Sở Duyên, và Duyên này hoàn toàn tương tự Vô Giác Duyên với mọi trường hợp. Do đó, tại đây xin chỉ trình bày đặc biệt riêng phần Giải Thích mà thôi.

KẾT THÚC VÔ HỮU DUYÊN

II. LY KHỨ DUYÊN (VIGATAPACCAYA)

Ly Khứ Duyên này, có Phần Duyên xiển minh và Phần Giai Đoạn Vấn Đề v.v. hoàn toàn tương tự Vô Giác Duyên với mọi trường hợp. Do đó, tại nơi đây xin chỉ trình bày đặc biệt riêng phần Giải Thích mà thôi.

Vacanattha – Chú Giải:

“Vigatabhāvena nirodhassa pattitāya upakārako dhammo = Vigatpaccayo” - Pháp làm duyên giúp đỡ ủng hộ với trạng thái Thực Tính Siêu Lý là xa lìa rời khỏi, gọi là Ly Khứ Duyên.

GIẢI THÍCH TÓM TẮT VỀ LY KHỨ DUYÊN

Từ ngữ ***“Vigata”*** dịch là Ly Khứ (*xa lìa rời khỏi*), có ý nghĩa đi đến sự diệt mất. Tại đây có ý nghĩa là Pháp Sở Duyên sẽ được sanh khởi một khi Pháp Năng Duyên đã xa lìa trước, tức là đã diệt mất trước rồi. Việc xa lìa của Pháp Năng Duyên làm thành người ủng hộ giúp đỡ đối với Pháp Sở Duyên cho được khởi sanh, do vậy mới được gọi là Ly Khứ Duyên, và được tỷ dụ ví như mặt trời và mặt trăng.

Theo lẽ thường, mặt trăng không thể nào hiện bày ánh sáng trong khi mặt trời vẫn chưa lặn mất. Tiếp đến khi mặt trời đã lặn mất thì ánh sáng của mặt trăng mới được phát khởi lên hiện bày. Mặt trời trở thành người giúp đỡ ủng hộ cho ánh sáng của mặt trăng theo trạng thái của việc đã lặn mất.

Điều này như thế nào thì Pháp làm thành Ly Khứ Năng Duyên cũng giúp đỡ ủng hộ đối với Pháp Sở Duyên cũng tương tự như vậy. Có nghĩa là việc xa lìa của Pháp Năng Duyên có mãnh lực giúp đỡ ủng hộ cho Pháp Sở Duyên được khởi sanh, tương tự như mặt trời đã lặn mất thì thường làm cho ánh sáng của mặt trăng được khởi phát lên hiện bày.

Ly Khứ Duyên đây, có Nội Dung và Chi Pháp hoàn toàn tương tự với Vô Gian Duyên, và Vô Hữu Duyên như đã có được trình bày là cũng có Nội Dung và Chi Pháp tương tự với nhau. Tuy nhiên, cho dù là Vô Hữu Duyên và Ly Khứ Duyên có Nội Dung và Chi Pháp quả thật là giống nhau, nhưng khi đề cập theo mãnh lực thì lại có ý nghĩa một cách đặc biệt khác biệt nhau như sau:

* Ý nghĩa của Vô Hữu Duyên là lập ý đến Pháp Năng Duyên làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Pháp Sở Duyên cho được sanh khởi với mãnh lực của việc **không có**. Có ý nghĩa là khi Pháp sanh trước phải không còn hiện hữu thì mới có cơ hội làm Pháp sanh sau được khởi sanh. Với trạng thái như vậy gọi là Vô Hữu Duyên, như điều tỷ dụ đã được dẫn chứng trong Vô Hữu Duyên, là ánh sáng phải diệt mất trước thì sự tối tăm mới được phát khởi lên hiện bày.

* Còn ý nghĩa của Ly Khứ Duyên là lập ý đến Pháp Năng Duyên làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Pháp Sở Duyên cho được sanh khởi với mãnh lực của việc **xa lìa**. Có nghĩa là khi Pháp sanh trước đã xa lìa rời khỏi thì làm làm cơ hội cho Pháp sanh sau được khởi sanh. Và tại đây, lời nói rằng “**xa lìa rời khỏi**” lập ý chỉ vào việc xa lìa rời khỏi mà thôi. Khi đã xa lìa rời khỏi thì cho dù là vẫn còn hiện hữu hoặc là không còn hiện hữu, đó không phải là nhiệm vụ của Ly Khứ Duyên. Nhiệm vụ đặc biệt của Ly Khứ Duyên là lập ý đặc biệt chỉ nhắm lấy trạng thái xa lìa rời khỏi, và chính trạng thái này mới gọi là Ly Khứ Duyên, như đã có được dẫn chứng điều tỷ dụ ở phía trên là mặt trời khi đã lặn mất rồi thì tạo cơ hội cho ánh sáng của mặt trăng được phát khởi lên hiện bày. Tuy nhiên, khi mặt trời đã lặn mất rồi thì không có nghĩa là mặt trời không còn nữa, và cũng không phải có ý nghĩa là mặt trời vẫn còn hiện hữu. Tại đây, chỉ lập ý một cách đặc biệt là sự xa lìa rời khỏi của mặt trời mà thôi.

Khác biệt với điều tỷ dụ của ánh sáng và bóng tối của Vô Hữu Duyên, vì lẽ bóng tối sẽ phát khởi lên hiện bày trước tiên và chắc chắn phải là ánh sáng tắt yếu phải diệt mất đi. Do đó, nhiệm vụ của **sự không có** mới làm thành nhiệm vụ của Vô Hữu Duyên, và nhiệm vụ của **sự xa lìa rời khỏi** làm thành nhiệm vụ của Ly Khứ Duyên vậy.

Sự sai khác nhau một cách đặc biệt giữa Vô Hữu Duyên và Ly Khứ Duyên có được trình bày trong Phụ Chú Giải Căn Phát Thứ (*Patthānamūlatīkā*) với ý nghĩa như sau: “*Abhāvamattena upakāraṇatā okāsadānam Natthipaccayatā, sabhāvāvigamanena appavattamānānam sabhāvāvigamanena upakāraṇatā Vigatapaccayatā. Natthitā ca nirodhā nantarasunnatā, Vigatatā nirodhappattatā ayametesam vireso*” - Việc giúp đỡ, tức là việc tạo cơ hội đối với Pháp Sở Duyên cho được sanh khởi theo trạng thái của **sự không có**, gọi là Vô Hữu Duyên. Việc vẫn chưa có cơ hội để được sanh khởi vì đã xa lìa rồi khỏi từ nơi Pháp Thực Tính, tức là việc giúp đỡ ủng hộ theo **sự xa lìa rồi khỏi** từ nơi Pháp Thực Tính đó, gọi là Ly Khứ Duyên.

Hoặc nói một cách khác, là sự không có mà được gọi là Vô Hữu Duyên, có ý nghĩa là sự việc đã diệt mất rồi, hoàn toàn không còn hiện hữu. Còn sự xa lìa rồi khỏi mà được gọi là Ly Khứ Duyên, có ý nghĩa là Pháp Năng Duyên đã rời khỏi mà thôi.

Như vậy, sự khác biệt giữa Vô Hữu Duyên và Ly Khứ Duyên đã có được trình bày như trên.

KẾT THÚC LY KHỨ DUYÊN



TÓM LƯỢC 24 DUYÊN (PACCAYA)

Trong 24 Duyên này, khi phân tích ra một cách đầy đủ chi tiết thì có được số lượng là 47 Duyên, như sau:

1. Nhân Duyên có 1 Duyên.
2. Cảnh có 1 Duyên.
3. Trưởng Duyên có 2 Duyên, là: a. Câu Sanh Trưởng Duyên, b. Cảnh Trưởng Duyên.
4. Vô Giác Duyên có 1 Duyên.
5. Đăng Vô Giác Duyên có 1 Duyên.
6. Câu Sanh Duyên có 1 Duyên.
7. Hổ Tương Duyên có 1 Duyên.
8. Y Chỉ Duyên có 3 Duyên, là: a. Câu Sanh Y Duyên, b. Vật Tiền Sinh Y Duyên, c. Vật Cảnh Tiền Sinh Y Duyên.
9. Cận Y Duyên có 3 Duyên, là: a. Cảnh Cận Y Duyên, b. Vô Giác Cận Y Duyên, c. Thường Cận Y Duyên.
10. Tiền Sinh Duyên có 2 Duyên, là: a. Vật Tiền Sinh Duyên, b. Cảnh Tiền Sinh Duyên.
11. Hậu Sanh Duyên có 1 Duyên.
12. Trùng Dục Duyên có 1 Duyên.
13. Nghiệp Duyên có 2 Duyên, là: a. Câu Sanh Nghiệp Duyên, b. Dị Thời Nghiệp Duyên.
14. Dị Thực Quả Duyên có 1 Duyên.
15. Vật Thực Duyên có 2 Duyên, là: a. Sắc Vật Thực Duyên, b. Danh Vật Thực Duyên.
16. Quyền Duyên có 3 Duyên, là: a. Câu Sanh Quyền Duyên, b. Tiền Sinh Quyền Duyên, c. Sắc Mạng Quyền Duyên.
17. Thiên Na Duyên có 1 Duyên.
18. Đồ Đạo Duyên có 1 Duyên.
19. Tương Ứng Duyên có 1 Duyên.
20. Bất Tương Ứng Duyên có 4 Duyên, là: a. Câu Sanh Bất Tương Ứng Duyên, b. Vật Tiền Sinh Bất Tương Ứng Duyên, c. Vật Cảnh Tiền Sinh Bất Tương Ứng Duyên, d. Hậu Sanh Bất Tương Ứng Duyên.

21. Hiện Hữu Duyên có 6 Duyên, là: **a.** Câu Sanh Hiện Hữu Duyên, **b.** Vật Tiền Sinh Hiện Hữu Duyên, **c.** Cảnh Tiền Sinh Hiện Hữu Duyên, **d.** Hậu Sanh Hiện Hữu Duyên, **e.** Vật Thực Hiện Hữu Duyên, **f.** Quyền Hiện Hữu Duyên.
22. Vô Hữu Duyên có 1 Duyên.
23. Ly Khứ Duyên có 1 Duyên.
24. Bất Ly Duyên có 6 Duyên, là: **a.** Câu Sanh Bất Ly Duyên, **b.** Vật Tiền Sinh Bất Ly Duyên, **c.** Cảnh Tiền Sinh Bất Ly Duyên, **d.** Hậu Sanh Bất Ly Duyên, **e.** Vật Thực Bất Ly Duyên, **f.** Quyền Bất Ly Duyên.

KẾT HỢP DUYÊN TRÒN ĐỦ CÓ 47 DUYÊN

TÓM LƯỢC PHÁP NĂNG DUYÊN (PACCAYADHAMMA) VÀ PHÁP SỞ DUYÊN (PACCAYUPPANNADHAMMA) TRONG 47 DUYÊN

I. Có 7 Duyên với Danh làm Năng Duyên và Danh làm Sở Duyên, đó là:

1. Vô Giác Duyên,
2. Đăng Vô Giác Duyên,
3. Vô Giác Cận Y Duyên,
4. Trùng Dục Duyên,
5. Tương Ứng Duyên,
6. Vô Hữu Duyên,
7. Ly Khứ Duyên.

II. Có 4 Duyên với Danh làm Năng Duyên và Sở làm Sở Duyên, đó là:

1. Hậu Sanh Duyên,
2. Hậu Sanh Bất Tương Ứng Duyên,
3. Hậu Sanh Hiện Hữu Duyên,
4. Hậu Sanh Bất Ly Duyên.

III. Có 9 Duyên với Danh làm Năng Duyên và Danh Sở làm Sở Duyên, đó là:

1. Nhân Duyên,
2. Câu Sanh Trưởng Duyên,
3. Câu Sanh Nghiệp Duyên,

4. Dị Thời Nghiệp Duyên,
5. Dị Thực Quả Duyên,
6. Danh Vật Thực Duyên,
7. Câu Sanh Quyền Duyên,
8. Thiên Na Duyên,
9. Đồ Đạo Duyên.

IV. Có 6 Duyên với Sắc làm Năng Duyên và Sắc làm Sở Duyên, đó là:

1. Sắc Vật Thực Duyên,
2. Sắc Mạng Quyền Duyên,
3. Vật Thực Hiện Hữu Duyên,
4. Quyền Hiện Hữu Duyên,
5. Vật Thực Bất Ly Duyên,
6. Quyền Bất Ly Duyên.

V. Có 11 Duyên với Sắc làm Năng Duyên và Danh làm Sở Duyên, đó là:

1. Vật Tiền Sinh Y Duyên,
2. Vật Cảnh Tiền Sinh Y Duyên,
3. Vật Tiền Sinh Duyên,
4. Cảnh Tiền Sinh Duyên,
5. Tiền Sinh Quyền Duyên,
6. Vật Tiền Sinh Bất Tương Ứng Duyên,
7. Vật Cảnh Tiền Sinh Bất Tương Ứng Duyên,
8. Vật Tiền Sinh Hiện Hữu Duyên,
9. Cảnh Tiền Sinh Hiện Hữu Duyên,
10. Vật Tiền Sinh Bất Ly Duyên,
11. Cảnh Tiền Sinh Bất Ly Duyên.

VI. Không có Duyên nào với Sắc làm Năng Duyên và Danh Sắc làm Sở Duyên.

VII. Có 2 Duyên với Danh Sắc làm Năng Duyên và Danh làm Sở Duyên, đó là:

1. Cảnh Trưởng Duyên,
2. Cảnh Cận Y Duyên.

VIII. Không có Duyên nào với Danh Sắc làm Năng Duyên và Sắc làm Sở Duyên.

IX. Có 6 Duyên với Danh Sắc làm Năng Duyên và Danh Sắc làm Sở Duyên, đó là:

1. Câu Sanh Duyên,
2. Hổ Tương Duyên,
3. Câu Sanh Y Duyên,
4. Câu Sanh Bất Tương Ứng Duyên,
5. Câu Sanh Hiện Hữu Duyên,
6. Câu Sanh Bất Ly Duyên.

X. Có 2 Duyên với Chế Định, Danh Sắc làm Năng Duyên và Danh làm Sở Duyên, đó là:

1. Cảnh Duyên,
2. Thường Cận Y Duyên.

XI. Không có Duyên nào với Chế Định, Danh Sắc làm Năng Duyên và Sắc làm Sở Duyên.

TÓM LƯỢC SỐ LƯỢNG VỀ GIỐNG (JÀTI) TRONG 24 HOẶC 47 DUYÊN

Có 9 loại Giống trong 24 hoặc 47 Duyên, đó là:

1. Giống Câu Sanh,
2. Giống Cảnh,
3. Giống Vô Gián,
4. Giống Vật Tiền Sinh,
5. Giống Hậu Sanh,
6. Giống Vật Thực,
7. Giống Sắc Mạng Quyền,
8. Giống Thường Cận Y,
9. Giống Dị Thời Nghiệp.

Có 15 Duyên ở trong Giống Câu Sanh, đó là:

1. Nhân Duyên,

2. Câu Sanh Trưởng Duyên,
3. Câu Sanh Duyên,
4. Hồ Tương Duyên,
5. Câu Sanh Y Duyên,
6. Câu Sanh Nghiệp Duyên,
7. Dị Thục Quả Duyên,
8. Danh Vật Thực Duyên,
9. Câu Sanh Quyền Duyên,
10. Thiền Na Duyên,
11. Đồ Đạo Duyên,
12. Tương Ứng Duyên,
13. Câu Sanh Bất Tương Ứng Duyên,
14. Câu Sanh Hiện Hữu Duyên,
15. Câu Sanh Bất Ly Duyên.

Có 8 Duyên ở trong Giống Cảnh, đó là:

1. Cảnh Duyên,
2. Cảnh Trưởng Duyên,
3. Vật Cảnh Tiền Sinh Y Duyên,
4. Cảnh Cận Y Duyên,
5. Cảnh Tiền Sinh Duyên,
6. Vật Cảnh Tiền Sinh Bất Tương Ứng Duyên,
7. Cảnh Tiền Sinh Hiện Hữu Duyên,
8. Cảnh Tiền Sinh Bất Ly Duyên.

Có 7 Duyên ở trong Giống Vô Gián, đó là:

1. Vô Gián Duyên,
2. Đẳng Vô Gián Duyên,
3. Vô Gián Cận Y Duyên,
4. Thường Cận Y Duyên,
5. Thường Cận Y Dị Thời Nghiệp Duyên (*: mục đích là chỉ lấy đặc biệt ở phần Tư Đạo làm người giúp đỡ ủng hộ đối với Tâm Quả),
6. Vô Hữu Duyên,
7. Ly Khứ Duyên.

Có 6 Duyên ở trong Giồng Vật Tiền Sinh, đó là:

1. Vật Tiền Sinh Y Duyên,
2. Vật Tiền Sinh Duyên,
3. Tiền Sinh Quyền Duyên,
4. Vật Tiền Sinh Bất Tương Ứng Duyên,
5. Vật Tiền Sinh Hiện Hữu Duyên,
6. Vật Tiền Sinh Bất Ly Duyên.

Có 4 Duyên ở trong Giồng Hậu Sanh, đó là:

1. Hậu Sanh Duyên,
2. Hậu Sanh Bất Tương Ứng Duyên,
3. Hậu Sanh Hiện Hữu Duyên,
4. Hậu Sanh Bất Ly Duyên.

Có 3 Duyên ở trong Giồng Vật Thực, đó là:

1. Sắc Vật Thực Duyên,
2. Vật Thực Hiện Hữu Duyên,
3. Vật Thực Bất Ly Duyên.

Có 3 Duyên ở trong Giồng Sắc Mạng Quyền, đó là:

1. Sắc Mạng Quyền Duyên,
2. Quyền Hiện Hữu Duyên,
3. Quyền Bất Ly Duyên.

Có 2 Duyên ở trong Giồng Thường Cận Y, đó là:

1. Thuần Thường Cận Y Duyên (*: là Tâm và Tâm Sở mà sanh trước và Sắc Pháp, Chế Định mà có năng lực mạnh, để được làm người giúp đỡ đối với Tâm và Tâm Sở mà sanh sau).
2. Hồn Hợp Thường Cận Y Dị Thời Nghiệp Duyên (+: là Tư Nghiệp *Cetanākamma*) mà có năng lực mạnh, để được làm người giúp đỡ đối với Danh Uẩn Dị Thực Quả (trừ Nghiệp Tư Đạo – *Maggacetanākamma*).

Có 1 Duyên ở trong Giồng Dị Thời Nghiệp, đó là:

1. Dị Thời Nghiệp Duyên (+: là Tư Nghiệp mà có năng lực yếu, làm người giúp đỡ đối với Dị Thực Quả Dục Giới và Tư Nghiệp mà có năng lực mạnh và yếu, làm người giúp đỡ đối với Sắc Nghiệp).

Ghi chú: (*) Theo như việc đã được phân chia thì với những loại Duyên sau đây: Thường Cận Y Dị Thời Nghiệp Duyên, Thuần Thường Cận Y Duyên, Hỗn Hợp Thường Cận Y Dị Thời Nghiệp Duyên, không thể đếm được thành 3 Duyên. Mà đếm kết hợp vào nhau chỉ có một loại Duyên, đó là Thường Cận Y Duyên mà thôi. Sự việc là như vậy, thường được thấy một cách rõ ràng, là khi phân tích 24 Duyên ra một cách đầy đủ chi tiết để có được 47 Duyên, hoặc là phần Tóm Lược Trạng Thái của mãnh lực giúp đỡ ủng hộ trong 47 Duyên, hoặc là kết hợp phần Tóm Lược cả 3 Nội Dung Pháp, và ở phần Phân Tích Giai Đoạn Vấn Đề chẳng hạn, thì không có hiện bày cả 3 loại Duyên này. Tên gọi của từng mỗi Duyên này, có thể chỉ có duy nhất là Thường Cận Y Duyên mà thôi. Với nguyên nhân này, việc trình bày Duyên một cách đầy đủ chi tiết trong bộ sách Chú Giải này, mới đếm được số lượng là 47 Duyên, như đã có đề cập rồi vậy.

Ghi chú: (+) Chi Pháp của Pháp Năng Duyên và Pháp Sở Duyên, theo như có hiện bày ở đây, chính là việc trình bày theo phần của Năm Bộ Chú Giải, dịch điều 205. Nếu trình bày Chi Pháp theo phần Pāli xiển thuật và phần Phân Tích Giai Đoạn Vấn Đề, thì có được như tiếp theo đây:

- Dị Thời Nghiệp Duyên, tức là tất cả 33 Tư Nghiệp mà có năng lực mạnh và năng lực yếu (21 Tư Thiện, 12 Tư Bất Thiện) làm thành người giúp đỡ đối với 36 Tâm Dị Thực Quả, 38 Tâm Sở phối hợp, và 20 Sắc Nghiệp Tái Tục, 20 Sắc Nghiệp Bình Nhứt, Sắc Nghiệp Phạm Thiên Vô Tướng.
- Cảnh Duyên mà Ngài đã trình bày Chi Pháp của Duyên này để ở trong Năm Bộ Chú Giải dịch điều 205, đó là Cảnh chẳng phải làm trưởng trội. Còn Cảnh mà làm trưởng trội, là thường kết hợp ở trong Cận Y Duyên, là với trạng thái của Cảnh Cận Y Duyên. Tuy nhiên, Cảnh Duyên mà ở trong Giống Cảnh đó, Chi Pháp của Duyên này là Cảnh ở cả phần làm trưởng trội và không làm trưởng trội. Có được sự hiểu biết như vậy, là vì Ngài đã không có trình bày việc loại trừ. Dựa vào lý do như đã đề cập đây, Dị Thời Nghiệp Duyên ở trong Giống Dị Thời Nghiệp, cũng sẽ có được Chi Pháp của tất cả Pháp Năng Duyên và Pháp Sở Duyên tương tự trong cùng một phương thức.

TÓM LƯỢC SỐ LƯỢNG VỀ THỜI GIAN (KĀLA) TRONG 24 HOẶC 47 DUYÊN

I. Có 17 hoặc 36 Duyên ở trong Thời Kỳ Hiện Tại (Paccayuppannakāla), đó là:

1. Nhân Duyên,
2. Câu Sanh Trưởng Duyên,
3. Câu Sanh Duyên,
4. Hồ Tương Duyên,
5. Y Chỉ Duyên có 3 Duyên,
6. Tiền Sinh Duyên có 2 Duyên,
7. Hậu Sanh Duyên,
8. Câu Sanh Nghiệp Duyên,
9. Dị Thục Quả Duyên,
10. Vật Thục Duyên có 2 Duyên,
11. Quyền Duyên có 3 Duyên,
12. Thiền Na Duyên,
13. Đồ Đạo Duyên,
14. Tương Ứng Duyên,
15. Bất Tương Ứng Duyên có 4 Duyên,
16. Hiện Hữu Duyên có 6 Duyên,
17. Bất Ly có 6 Duyên.

II. Có 7 Duyên ở trong Thời Kỳ Quá Khứ, đó là:

1. Vô Gián Duyên,
2. Đẳng Vô Gián Duyên,
3. Vô Gián Cận Y Duyên,
4. Trùng Dục Duyên,
5. Dị Thời Nghiệp Duyên,
6. Vô Hữu Duyên,
7. Ly Khứ Duyên.

III. Không có Duyên nào ở trong cả ba Thời Kỳ, Quá Khứ - Hiện Tại và Vị Lai.

IV. Có 4 Duyên ở trong Hiện Tại, Quá Khứ, Vị Lai và Ngoại Thời (Kālavimutti), đó là:

1. Cảnh Duyên,
 2. Cảnh Trưởng Duyên,
 3. Cảnh Cận Y Duyên,
 4. Thường Cận Y Duyên.
-

**TÓM LƯỢC TRẠNG THÁI CỦA MÃNH LỰC (SATTI)
GIÚP ĐỖ ỦNG HỘ TRONG 24 HOẶC 47 DUYÊN**

I. Có 8 Duyên làm mãnh lực Xuất Sinh (Janakasatti), đó là:

1. Vô Gián Duyên,
2. Đẳng Vô Gián Duyên,
3. Vô Gián Cận Y Duyên,
4. Thường Cận Y Duyên,
5. Trùng Dụng Duyên,
6. Dị Thời Nghiệp Duyên,
7. Vô Hữu Duyên,
8. Ly Khứ Duyên.

II. Có 4 Duyên làm mãnh lực Bảo Hộ (Upathambhakasatti), đó là:

1. Hậu Sanh Duyên,
2. Hậu Sanh Bất Tương Ứng Duyên,
3. Hậu Sanh Hiện Hữu Duyên,
4. Hậu Sanh Bất Ly Duyên.

III. Có 3 Duyên làm mãnh lực Bảo Dưỡng (Anupālakasatti), đó là:

1. Sắc Mạng Quyền Duyên,
2. Quyền Hiện Hữu Duyên (Sắc Mạng Quyền Hiện Hữu Duyên),
3. Quyền Bất Ly Duyên (Sắc Mạng Quyền Bất Ly Duyên).

IV. Có 32 Duyên làm mãnh lực Xuất Sinh và mãnh lực Bảo Hộ, đó là:

Loại trừ 8 Duyên làm mãnh lực Xuất Sinh, 4 Duyên làm mãnh lực Bảo Hộ, và 3 Duyên làm mãnh lực Bảo Dưỡng, thì còn lại 32 Duyên có hai loại mãnh lực (*) là mãnh lực Xuất Sinh và mãnh lực Bảo Hộ.

Ghi chú: Sắc Vật Thực Duyên, Vật Thực Duyên (Sắc Vật Thực Hiện Hữu Duyên), Vật Thực Bất Ly Duyên (Sắc Vật Thực Bất Ly Duyên) trong Năm Bộ Chú Giải dịch

- điều 84 có trình bày rằng: có hai mãnh lực, là mãnh lực Xuất Sinh và mãnh lực Bảo Hộ.
- điều 184 trình bày rằng: có hai mãnh lực, là mãnh lực Xuất Sinh và mãnh lực Bảo Hộ.

Tóm lại, ba Duyên ở trong Giống Vật Thực được sắp đặt ở trong Duyên mà có hai mãnh lực đều như nhau, và chẳng phải có một mãnh lực, hoặc ba mãnh lực, hay là bốn mãnh lực. Bất luận với trường hợp nào thì cũng chỉ có hai mãnh lực và Ngài đã trình bày thành hai đôi như vậy. Bạc Học Giả sẽ trình bày với đôi nào cũng được cả.

TÓM LƯỢC SỐ LƯỢNG VỀ ĐỊA GIỚI (BHŪMI) TRONG 24 HOẶC 47 DUYÊN

- I. Có đủ tất cả 24 hoặc 47 Duyên hiện hữu ở trong Cõi Ngũ Uẩn (Pancavo - kārabhūmi).
- II. Có 21 hoặc 25 Duyên hiện hữu ở trong Cõi Tứ Uẩn (Catuvokārabhūmi), đó là:
 1. Nhân Duyên,
 2. Cảnh Duyên,
 3. Trưởng Duyên có 2 Duyên,
 4. Vô Giác Duyên,
 5. Đẳng Vô Giác Duyên,
 6. Câu Sanh Duyên,
 7. Hổ Tương Duyên,
 8. Câu Sanh Y Duyên,
 9. Cận Y Duyên có 3 Duyên,
 10. Trùng Dục Duyên,
 11. Nghiệp Duyên có 2 Duyên,

12. Dị Thực Quả Duyên,
13. Danh Vật Thực Duyên,
14. Câu Sanh Quyền Duyên,
15. Thiền Na Duyên,
16. Đồ Đạo Duyên,
17. Tương Ứng Duyên,
18. Câu Sanh Hiện Hữu Duyên,
19. Vô Hữu Duyên,
20. Ly Khứ Duyên,
21. Câu Sanh Bất Ly Duyên.

III. Có 7 hoặc 9 Duyên hiện hữu ở trong Cõi Nhất Uẩn (Ekavo kārabhūmi) đó là:

1. Câu Sanh Duyên,
2. Hổ Tương Duyên,
3. Câu Sanh Y Duyên,
4. Dị Thời Nghiệp Duyên,
5. Sắc Mạng Quyền Duyên,
6. Hiện Hữu Duyên có 2 Duyên (là Câu Sanh Hiện Hữu Duyên và Quyền Hiện Hữu Duyên).
7. Bất Ly Duyên có 2 Duyên (là Câu Sanh Bất Ly Duyên và Quyền Bất Ly Duyên).

IV. Có 5 Duyên đặc biệt hiện hữu ở trong Nội Phần, tức là trong Vật Phi Mạng Quyền, đó là:

1. Câu Sanh Duyên,
2. Hổ Tương Duyên,
3. Câu Sanh Y Duyên,
4. Câu Sanh Hiện Hữu Duyên,
5. Câu Sanh Bất Ly Duyên.

V. Có 4 Duyên hiện hữu ở trong Biến Hành Duyên (Sabbatthānikapaccaya), đó là:

1. Câu Sanh Duyên,
2. Y Chỉ Duyên,
3. Hiện Hữu Duyên,

4. Bất Ly Duyên.

Ghi chú: Duyên làm thành nhân sắp đặt tất cả Pháp Hữu Vi (*Sankhata-dhamma*), Sắc Pháp, Danh Pháp, gọi là “*Biến Hành Duyên*” có nghĩa là trong “*Thế Giới Hữu Vi*” (*Sankhāraloka*) tất cả Vật Hữu Mạng Quyền và Phi Mạng Quyền đều phải vào ở trong 4 Duyên này, cả thảy.

Còn 20 Duyên còn lại, gọi là “*Bất Biến Hành Duyên*” (*Asankhatadhamma*) có nghĩa là Duyên không thể làm thành nhân sắp đặt hết tất cả các Pháp Hữu Vi, chỉ được làm thành Duyên một cách đặc biệt đối với Pháp Hữu Vi mà có liên quan với mình mà thôi.

Trong 24 Duyên (*) này, Đức Phật lập ý khái thuyết theo sự việc thành từng đôi một với nhau, và có 5 đôi như sau:

1. Nghĩa Lý Đồng Nhau (*Atthayayuga*) là một đôi,
2. Âm Thanh Đồng Nhau (*Saddayuga*) là một đôi,
3. Nghịch Thời Với Nhau (*Kālapatipakkhayuga*) là một đôi,
4. Dị Dạng Với Nhau (*Aññoññapatipakkhayuga*) là một đôi,
5. Nhân Quả Liên Quan (*Hetuppaphalayuga*) là một đôi.

Ghi chú: Việc trình bày tóm lược Pháp Năng Duyên và Pháp Sở Duyên trong 47 Duyên ở phần trên đề cập rằng “*không có Danh Sắc làm Năng Duyên và Sắc làm Sở Duyên*”, nhưng rồi ở trong Phần Pāli và Câu Phụ điều 315, 316 lại có trình bày rằng “*Kusalā khandhā ca mahābhūtā ca cittasamutthānānam rūpānam Sahajāta-paccayena paccayo*”. “*Akusala khandhā ca mahābhūtā ca cittasamutthānānam rūpānam Sahajātapaccayena paccayo*”. Khi là như vậy, việc viết bảng tóm lược chẳng phải là mâu thuẫn với Phần Pāli và Câu Phụ đã có trình bày để nơi đây hay sao ? Xin thưa rằng chẳng có mâu thuẫn nhau, vì lẽ Phương Pháp Pāli và Câu Phụ là chỉ có ở hai Giai Đoạn mà thôi, đó là Giai Đoạn thứ 8 và thứ 9 trong tất cả 9 Giai Đoạn, và chẳng phải là trong tất cả mọi Giai Đoạn của Câu Sanh Duyên. Do đó, Câu Sanh Duyên đây mới đề cập là “*không có Danh Sắc làm Năng Duyên và Sắc làm Sở Duyên*”.

1. **Nghĩa Lý Đồng Nhau (*Atthayuga*):** lập ý nhắm đến Duyên có được trình bày thành một đôi với nhau theo nội dung, tức là Vô Giác Duyên và Đẳng Vô Giác Duyên.

2. **Âm Thanh Đồng Nhau (*Saddayuga*):** lập ý nhắm đến Duyên có được trình bày thành một đôi với nhau theo việc phát âm, tức là Y Chỉ Duyên và Cận Y Duyên.
 3. **Nghịch Thời Với Nhau (*Kālapatipakkhayuga*):** lập ý nhắm đến Duyên có được trình bày thành một đôi với nhau theo cách đối nghịch nhau, tức là Tiền Sinh Duyên và Hậu Sanh Duyên.
 4. **Dị Dạng Với Nhau (*Aññoññapatikkhayuga*):** lập ý nhắm đến Duyên có được trình bày thành một đôi với nhau theo sự đối nghịch của tướng trạng làm nhiệm vụ giúp đỡ, tức là Tương Ứng Duyên với Bất Tương Ứng Duyên thành một đôi, Hiện Hữu Duyên với Vô Hữu Duyên thành một đôi, Ly Khứ với Bất Ly Duyên thành một đôi.
 5. **Nhân Quả Liên Quan (*Hetuphala*):** lập ý nhắm đến Duyên có được trình bày thành một đôi với nhau theo sự làm thành Nhân và thành Quả, tức là Nghiệp Duyên (Dị Thời Nghiệp) với Dị Thục Quả Duyên.
-

TRÌNH BÀY LIỆT KÊ MỘT CÁCH ĐẦY ĐỦ CHI TIẾT VỀ DUYÊN HIỆP LỰC (GHATANĀ) TRONG NHÂN DUYÊN

Trong Nhân Duyên có 24 cách về Duyên Hiệp Lực, đó là:

1. 9 Biến Hành Hiệp Lực (*Sāmannaghataṇā*),
2. 9 Hữu Quyền – Đạo Hiệp Lực (*SaIndriyaMaggaghataṇā*),
3. 6 Hữu Trưởng – Quyền – Đạo Hiệp Lực (*SādhipatiIndriyaMaggaghataṇā*).

9 BIẾN HÀNH HIỆP LỰC (SĀMANNAGHATANĀ 9) 4 VÔ DỊ THỤC QUẢ - 5 HỮU DỊ THỤC QUẢ

- 4 VÔ DỊ THỤC QUẢ (AVIPĀKA): đó là
 1. Biến Hành Hiệp Lực (*Sabbatthānikaghataṇā*),
 2. Hữu Hỗ Tương Hiệp Lực (*Sa Annannamannaghataṇā*),
 3. Hữu Hỗ Tương - Tương Ứng Hiệp Lực (*Sa AnnamannaSampayutta ghatanā*),
 4. Hữu Bất Tương Ứng Hiệp Lực (*Sa Vippayuttaghataṇā*).
- 5 HỮU DỊ THỤC QUẢ (SAVIPĀKA): đó là

1. Biên Hành Hiệp Lực,
2. Hữu Hỗ Tương Hiệp Lực,
3. Hữu Hỗ Tương - Tương Ứng Hiệp Lực,
4. Hữu Bất Tương Ứng Hiệp Lực,
5. Hữu Hỗ Tương - Bất Tương Ứng Hiệp Lực.

**9 HỮU QUYỀN – ĐẠO HIỆP LỰC
(SAINDRIYAMAGGAGHATANĀ 9)
4 VÔ DỊ THỰC QUẢ - 5 HỮU DỊ THỰC QUẢ**

• 4 VÔ DỊ THỰC QUẢ (AVIPĀKA) đó là:

1. Biên Hành Hữu Quyền – Đạo Hiệp Lực (*SaIndriyaMaggasabbatthāni-kaghatanā*),
2. Hữu Hỗ Tương Hiệp Lực,
3. Hữu Hỗ Tương – Tương Ứng Hiệp Lực,
4. Hữu Bất Tương Ứng Hiệp Lực.

• 5 HỮU DỊ THỰC QUẢ (SAVIPĀKA) đó là:

1. Biên Hành Hữu Quyền – Đạo Hiệp Lực,
2. Hữu Hỗ Tương Hiệp Lực,
3. Hữu Hỗ Tương – Tương Ứng Hiệp Lực,
4. Hữu Bất Tương Ứng Hiệp Lực,
5. Hữu Hỗ Tương – Bất Tương Ứng Hiệp Lực.

**6 HỮU TRƯỞNG – QUYỀN – ĐẠO HIỆP LỰC
(SĀDHIPATIINDRIYAMAGGAGHATANĀ 6)
3 VÔ DỊ THỰC QUẢ - 3 HỮU DỊ THỰC QUẢ**

• 3 VÔ DỊ THỰC QUẢ (AVIPĀKA): đó là

1. Biên Hành Hữu Trưởng – Quyền – Đạo Hiệp Lực,
2. Hữu Hỗ Tương – Tương Ứng Hiệp Lực,
3. Hữu Bất Tương Ứng Hiệp Lực.

• 3 HỮU DỊ THỰC QUẢ (SAVIPĀKA): đó là

1. Biên Hành Hữu Trưởng – Quyền – Đạo Hiệp Lực,
2. Hữu Hỗ Tương – Tương Ứng Hiệp Lực,
3. Hữu Bất Tương Ứng Hiệp Lực.

Kết hợp lại tất cả thì có được 24 Hiệp Lực trong Nhân Duyên.

**PHẦN GIẢNG RỘNG ĐẦY ĐỦ CHI TIẾT
VỀ DUYÊN HIỆP LỰC TRONG NHÂN DUYÊN
9 BIẾN HÀNH HIỆP LỰC (SĀMANNAGHATANĀ)
BỐN VÔ DỊ THỰC QUẢ**

1. Biến Hành Hiệp Lực: tức là 6 Nhân làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Tứ Danh Uẩn Tương Ứng, Sắc Tâm Hữu Nhân, Sắc Nghiệp Tái Tục Hữu Nhân. Liệt kê có được 5 Duyên Hiệp Lực, đó là: (1) Nhân Duyên, (2) Câu Sanh Duyên, (3) Câu Sanh Y Duyên, (4) Câu Sanh Hiện Hữu Duyên, (5) Câu Sanh Bất Ly Duyên.
2. Hữu Hổ Tương Hiệp Lực: tức là 6 Nhân làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Tứ Danh Uẩn Tương Ứng và Ý Vật. Liệt kê có được 6 Duyên Hiệp Lực, đó là: (1) Nhân Duyên, (2) Câu Sanh Duyên, (3) Hổ Tương Duyên, (4) Câu Sanh Y Duyên, (5) Câu Sanh Hiện Hữu Duyên, (6) Câu Sanh Bất Ly Duyên.
3. Hữu Hổ Tương – Tương Ứng Hiệp Lực: tức là 6 Nhân làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Tứ Danh Uẩn Tương Ứng. Liệt kê có được 7 Duyên Hiệp Lực, đó là: (1) Nhân Duyên, (2) Câu Sanh Duyên, (3) Hổ Tương Duyên, (4) Câu Sanh Y Duyên, (5) Tương Ứng Duyên, (6) Câu Sanh Hiện Hữu Duyên, (7) Câu Sanh Bất Ly Duyên.
4. Hữu Bất Tương Ứng Hiệp Lực: tức là 6 Nhân làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Sắc Tâm Hữu Nhân, Sắc Nghiệp Tái Tục Hữu Nhân. Liệt kê có được 6 Duyên Hiệp Lực, đó là: (1) Nhân Duyên, (2) Câu Sanh Duyên, (3) Câu Sanh Y Duyên, (4) Câu Sanh Bất Tương Ứng Duyên, (5) Câu Sanh Hiện Hữu Duyên, (6) Câu Sanh Bất Ly Duyên.

NĂM HỮU DỊ THỰC QUẢ

1. Biến Hành Hiệp Lực: tức là 3 Nhân trong Tâm Dị Thục Quả làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Tứ Danh Uẩn Tương Ứng, Sắc Tâm Hữu Nhân, Sắc Nghiệp Tái Tục Hữu Nhân. Liệt kê có được 6 Duyên Hiệp Lực, đó là: (1) Nhân Duyên, (2) Câu Sanh Duyên, (3) Câu Sanh Y Duyên, (4) Dị Thục Quả Duyên, (5) Câu Sanh Hiện Hữu Duyên, (6) Câu Sanh Bất Ly Duyên.

2. Hữu Hổ Tương Hiệp Lực: tức là 3 Nhân trong Tâm Dị Thục Quả làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Tứ Danh Uẩn Tương Ứng và Ý Vật. Liệt kê có được 7 Duyên Hiệp Lực, đó là: (1) Nhân Duyên, (2) Câu Sanh Duyên, (3) Hổ Tương Duyên, (4) Câu Sanh Y Duyên, (5) Dị Thục Quả Duyên, (6) Câu Sanh Hiện Hữu Duyên, (7) Câu Sanh Bất Ly Duyên.
3. Hữu Hổ Tương – Tương Ứng Hiệp Lực: tức là 3 Nhân trong Tâm Dị Thục Quả làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Tứ Danh Uẩn Tương Ứng. Liệt kê có được 8 Duyên Hiệp Lực, đó là: (1) Nhân Duyên, (2) Câu Sanh Duyên, (3) Hổ Tương Duyên, (4) Câu Sanh Y Duyên, (5) Dị Thục Quả Duyên, (6) Tương Ứng Duyên, (7) Câu Sanh Hiện Hữu Duyên, (8) Câu Sanh Bất Ly Duyên.
4. Hữu Bất Tương Ứng Duyên Hiệp Lực: tức là 3 Nhân trong Tâm Dị Thục Quả làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Sắc Tâm Hữu Nhân, Sắc Nghiệp Tái Tục Hữu Nhân. Liệt kê có được 7 Duyên Hiệp Lực, đó là: (1) Nhân Duyên, (2) Câu Sanh Duyên, (3) Câu Sanh Y Duyên, (4) Dị Thục Quả Duyên, (5) Câu Sanh Bất Tương Ứng Duyên, (6) Câu Sanh Hiện Hữu Duyên, (7) Câu Sanh Bất Ly Duyên.
5. Hữu Hổ Tương – Bất Tương Ứng Hiệp Lực: tức là 3 Nhân trong Tâm Dị Thục Quả làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Ý Vật. Liệt kê có được 8 Duyên Hiệp Lực, đó là: (1) Nhân Duyên, (2) Câu Sanh Duyên, (3) Hổ Tương Duyên, (4) Câu Sanh Y Duyên, (5) Dị Thục Quả Duyên, (6) Câu Sanh Bất Tương Ứng Duyên, (7) Câu Sanh Hiện Hữu Duyên, (8) Câu Sanh Bất Ly Duyên.

9 HỮU QUYỀN – ĐẠO HIỆP LỰC (SAINDRIYAMAGGAGHATANĀ 9)

BỐN VÔ DỊ THỤC QUẢ

1. Biến Hành Hữu Quyền – Đạo Hiệp Lực: tức là Nhân Vô Si làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Tứ Danh Uẩn Tương Ứng, Sắc Tâm Hữu Nhân, Sắc Nghiệp Tái Tục Hữu Nhân. Liệt kê có được 7 Duyên Hiệp Lực, đó là: (1) Nhân Duyên, (2) Câu Sanh Duyên, (3) Câu Sanh Y Duyên, (4) Câu Sanh Quyền Duyên, (5) Đồ Đạo Duyên, (6) Câu Sanh Hiện Hữu Duyên, (7) Câu Sanh Bất Ly Duyên.
2. Hữu Hổ Tương Hiệp Lực: tức là Nhân Vô Si làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Tứ Danh Uẩn Tương Ứng và Ý Vật. Liệt kê có được 8 Duyên Hiệp Lực, đó là: (1) Nhân Duyên, (2) Câu Sanh Duyên, (3) Hổ Tương Duyên, (4) Câu Sanh Y Duyên, (5) Câu Sanh Quyền Duyên, (6) Đồ Đạo Duyên, (7) Câu Sanh Hiện Hữu Duyên, (8) Câu Sanh Bất Ly Duyên.

3. Hữu Hỗ Tương – Tương Ứng Hiệp Lực: tức là Nhân Vô Si làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Tứ Danh Uẩn Tương Ứng. Liệt kê có được 9 Duyên Hiệp Lực, đó là: (1) Nhân Duyên, (2) Câu Sanh Duyên, (3) Hỗ Tương Duyên, (4) Câu Sanh Y Duyên, (5) Câu Sanh Quyền Duyên, (6) Đồ Đạo Duyên, (7) Tương Ứng Duyên, (8) Câu Sanh Hiện Hữu Duyên, (9) Câu Sanh Bất Ly Duyên.
4. Hữu Bất Tương Ứng Hiệp Lực: tức là Nhân Vô Si làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Sắc Tâm Hữu Nhân, Sắc Nghiệp Tái Tục Hữu Nhân. Liệt kê có được 8 Duyên Hiệp Lực, đó là: (1) Nhân Duyên, (2) Câu Sanh Duyên, (3) Câu Sanh Y Duyên, (4) Câu Sanh Quyền Duyên, (5) Đồ Đạo Duyên, (6) Câu Sanh Bất Tương Ứng Duyên, (7) Câu Sanh Hiện Hữu Duyên, (8) Câu Sanh Bất Ly Duyên.

NĂM HỮU DỊ THỰC QUẢ

1. Biến Hành Hữu Quyền – Đạo Hiệp Lực: tức là Nhân Vô Si ở trong Tâm Dị Thực Quả làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Tứ Danh Uẩn Tương Ứng, Sắc Tâm Hữu Nhân, Sắc Nghiệp Tái Tục Hữu Nhân. Liệt kê có được 8 Duyên Hiệp Lực, đó là: (1) Nhân Duyên, (2) Câu Sanh Duyên, (3) Câu Sanh Y Duyên, (4) Dị Thực Quả Duyên, (5) Câu Sanh Quyền Duyên, (6) Đồ Đạo Duyên, (7) Câu Sanh Hiện Hữu Duyên, (8) Câu Sanh Bất Ly Duyên.
2. Hữu Hỗ Tương Hiệp Lực: tức là Nhân Vô Si ở trong Tâm Dị Thực Quả làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Tứ Danh Uẩn Tương Ứng và Ý Vật. Liệt kê có được 9 Duyên Hiệp Lực, đó là: (1) Nhân Duyên, (2) Câu Sanh Duyên, (3) Hỗ Tương Duyên, (4) Câu Sanh Y Duyên, (5) Dị Thực Quả Duyên, (6) Câu Sanh Quyền Duyên, (7) Đồ Đạo Duyên, (8) Câu Sanh Hiện Hữu Duyên, (9) Câu Sanh Bất Ly Duyên.
3. Hữu Hỗ Tương – Tương Ứng Hiệp Lực: tức là Nhân Vô Si ở trong Tâm Dị Thực Quả làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Tứ Danh Uẩn Tương Ứng. Liệt kê có được 10 Duyên Hiệp Lực, đó là: (1) Nhân Duyên, (2) Câu Sanh Duyên, (3) Hỗ Tương Duyên, (4) Câu Sanh Y Duyên, (5) Dị Thực Quả Duyên, (6) Câu Sanh Quyền Duyên, (7) Đồ Đạo Duyên, (8) Tương Ứng Duyên, (9) Câu Sanh Hiện Hữu Duyên, (10) Câu Sanh Bất Ly Duyên.
4. Hữu Bất Tương Ứng Hiệp Lực: tức là Nhân Vô Si ở trong Tâm Dị Thực Quả làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Sắc Tâm Hữu Nhân, Sắc Nghiệp Tái Tục Hữu Nhân. Liệt kê có được 9 Duyên Hiệp Lực, đó là: (1) Nhân Duyên, (2) Câu Sanh Duyên, (3) Câu Sanh Y Duyên, (4) Dị Thực Quả Duyên, (5) Câu Sanh

Quyền Duyên, (6) Đồ Đạo Duyên, (7) Câu Sanh Bất Tương Ứng Duyên, (8) Câu Sanh Hiện Hữu Duyên, (9) Câu Sanh Bất Ly Duyên.

5. Hữu Hỗ Tương – Bất Tương Ứng Hiệp Lực: tức là Nhân Vô Si ở trong 13 Tâm Tái Tục Hữu Nhân Ngũ Uẩn làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Ý Vật. Liệt kê có được 10 Duyên Hiệp Lực, đó là: (1) Nhân Duyên, (2) Câu Sanh Duyên, (3) Hỗ Tương Duyên, (4) Câu Sanh Y Duyên, (5) Dị Thục Quả Duyên, (6) Câu Sanh Quyền Duyên, (7) Đồ Đạo Duyên, (8) Câu Sanh Bất Tương Ứng Duyên, (9) Câu Sanh Hiện Hữu Duyên, (10) Câu Sanh Bất Ly Duyên.

6 HỮU TRƯỞNG – QUYỀN – ĐẠO HIỆP LỰC (SĀDHIPATIINDRIYAMAGGAGHATANĀ 6)

BA VÔ DỊ THỰC QUẢ

1. Biến Hành Hữu Trưởng – Quyền – Đạo Hiệp Lực: tức là Thảm Trưởng (Nhân Vô Si) làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Tứ Danh Uẩn Tương Ứng Hữu Trưởng và Sắc Tâm Hữu Trưởng. Liệt kê có được 8 Duyên Hiệp Lực, đó là: (1) Nhân Duyên, (2) Câu Sanh Trưởng Duyên, (3) Câu Sanh Duyên, (4) Câu Sanh Y Duyên, (5) Câu Sanh Quyền Duyên, (6) Đồ Đạo Duyên, (7) Câu Sanh Hiện Hữu Duyên, (8) Câu Sanh Bất Ly Duyên.
2. Hữu Hỗ Tương – Tương Ứng Hiệp Lực: tức là Thảm Trưởng (Nhân Vô Si) làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Tứ Danh Uẩn Tương Ứng Hữu Trưởng. Liệt kê có được 10 Duyên Hiệp Lực, đó là: (1) Nhân Duyên, (2) Câu Sanh Trưởng Duyên, (3) Câu Sanh Duyên, (4) Hỗ Tương Duyên, (5) Câu Sanh Y Duyên, (6) Câu Sanh Quyền Duyên, (7) Đồ Đạo Duyên, (8) Tương Ứng Duyên, (9) Câu Sanh Hiện Hữu Duyên, (10) Câu Sanh Bất Ly Duyên.
3. Hữu Bất Tương Ứng Hiệp Lực: tức là Thảm Trưởng (Nhân Vô Si) làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Sắc Tâm Hữu Trưởng. Liệt kê có được 9 Duyên Hiệp Lực, đó là: (1) Nhân Duyên, (2) Câu Sanh Trưởng Duyên, (3) Câu Sanh Duyên, (4) Câu Sanh Y Duyên, (5) Câu Sanh Quyền Duyên, (6) Đồ Đạo Duyên, (7) Câu Sanh Bất Tương Ứng Duyên, (8) Câu Sanh Hiện Hữu Duyên, (9) Câu Sanh Bất Ly Duyên.

BA HỮU DỊ THỰC QUẢ

1. Biến Hành Hữu Trưởng – Quyền – Đạo Hiệp Lực: tức là Thảm Trưởng ở trong 4 Tâm Quả làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Tứ Danh Uẩn Tương Ứng Hữu

Trưởng và Sắc Tâm Hữu Trưởng. Liệt kê có được 9 Duyên Hiệp Lực, đó là: (1) Nhân Duyên, (2) Câu Sanh Trưởng Duyên, (3) Câu Sanh Duyên, (4) Câu Sanh Y Duyên, (5) Dị Thục Quả Duyên, (6) Câu Sanh Quyền Duyên, (7) Đồ Đạo Duyên, (8) Câu Sanh Hiện Hữu Duyên, (9) Câu Sanh Bất Ly Duyên.

2. Hữu Hổ Tương – Tương Ứng Hiệp Lực: tức là Thảm Trưởng ở trong 4 Tâm Quả làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Tứ Danh Uẩn Tương Ứng. Liệt kê có được 11 Duyên Hiệp Lực, đó là: (1) Nhân Duyên, (2) Câu Sanh Trưởng Duyên, (3) Câu Sanh Duyên, (4) Hổ Tương Duyên, (5) Câu Sanh Y Duyên, (6) Dị Thục Quả Duyên, (7) Câu Sanh Quyền Duyên, (8) Đồ Đạo Duyên, (9) Tương Ứng Duyên, (10) Câu Sanh Hiện Hữu Duyên, (11) Câu Sanh Bất Ly Duyên.

3. Hữu Bất Tương Ứng Hiệp Lực: tức là Thảm Trưởng ở trong 4 Tâm Quả làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Sắc Tâm Hữu Trưởng. Liệt kê có được 10 Duyên Hiệp Lực, đó là: (1) Nhân Duyên, (2) Câu Sanh Trưởng Duyên, (3) Câu Sanh Duyên, (4) Câu Sanh Y Duyên, (5) Dị Thục Quả Duyên, (6) Câu Sanh Quyền Duyên, (7) Đồ Đạo Duyên, (8) Câu Sanh Bất Tương Ứng Duyên, (9) Câu Sanh Hiện Hữu Duyên, (10) Câu Sanh Bất Ly Duyên.

Ghi chú: Tại đây, chỉ trình bày một cách đầy đủ chi tiết về phần Duyên Hiệp Lực của Nhân Duyên dùng để làm kiểu mẫu. Còn các Duyên còn lại thì phần Duyên Hiệp Lực giảng rộng cũng tùy thuận theo cùng một trạng thái với nhau, chỉ có sự khác biệt là phần tên gọi của các Duyên Hiệp Lực, Chi Pháp Siêu Lý, và phần liệt kê Duyên cũng có một vài sự khác biệt, tùy theo trường hợp.

KẾT THÚC PHẦN GIẢNG RỘNG ĐẦY ĐỦ CHI TIẾT VỀ DUYÊN HIỆP LỰC TRONG NHÂN DUYÊN

GIẢI THÍCH ĐẶC BIỆT VỀ PHẦN DUYÊN XIÊN MINH VÀ GIAI ĐOẠN VẤN ĐỀ CỦA 24 DUYÊN

Trong phần trình bày về phần Duyên Xiên Minh (*Paccayaniddesa*) thì Đức Phật có lập ý thuyết giảng một cách phân tích ra làm hai thể loại, đó là:

1. Trình bày theo thể loại “*Pháp Giải Thích*” (*Niddisittabhadhamma*),
2. Trình bày theo thể loại “*Pháp Giải Ngộ*” (*Nidassanākāradhamma*).

- I. Trình bày theo thể loại “Pháp Giải Thích”: Đức Phật có lập ý thuyết giảng bằng cách nêu tên ra trước để cho có sự hiểu biết rõ ràng, chẳng hạn như thuyết giảng về “Nhân Duyên” (*Hetupaccayoti*), “Cảnh Duyên” (*Ārammanapaccayoti*), v.v.
- II. Trình bày theo thể loại “Pháp Giải Ngộ”: Đức Phật có lập ý thuyết giảng bằng cách giải nghĩa cho rõ biết tướng trạng của Pháp mà đã có được nêu tên trong phần “Pháp Giải Thích”, chẳng hạn như khi nêu tên là “*Hetupaccayoti*” thì có sự giải nghĩa rằng “*Hetū hetusampayuttakānam dhammānam tamsamutthānānanca rūpānam Hetupaccayena paccayo*” - Những Nhân làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Pháp Tương Ứng với Nhân và Sắc có Pháp Tương Ứng với Nhân làm xuất sinh xứ với mãnh lực Nhân Duyên.

Trong phần “Pháp Giải Ngộ” có được chia ra làm bốn câu, đó là:

1. Câu thứ nhất là “*Kattupada – Câu Chủ Từ*”,
2. Câu thứ hai là “*Sampadānapada – Câu Liên Hệ*” (*Câu Chỉ Định*),
3. Câu thứ ba là “*Karanapada – Câu Chế Tác*”,
4. Câu thứ tư là “*Kiriyāpada – Câu Thuật Từ*” (*Câu Hành Động*).

Ví như trong Nhân Duyên có được trình bày như sau:

“*Hetū hetusampayuttakānam dhammānam tamsamutthānānanca rūpānam Hetupaccayena paccayo*” thì:

1. “*Hetū*” làm Câu Chủ Từ,
2. “*Hetusampayuttakānam dhammānam tamsamutthānānanca rūpānam*” làm Câu Liên Hệ,
3. “*Hetupaccayena*” làm Câu Chế Tác, và
4. “*Paccayo*” làm Câu Thuật Từ.

Trong cả bốn thể loại Câu này thì Đức Phật lập ý trình bày:

1. Pháp Năng Duyên theo Câu thứ nhất là Câu Chủ Từ,
2. Pháp Sở Duyên theo Câu thứ hai là Câu Liên Hệ,
3. Mãnh Lực Duyên theo Câu thứ ba là Câu Chế Tác, và
4. Việc giúp đỡ ủng hộ theo Câu thứ tư là Câu Thuật Từ.

Việc trình bày theo Câu Thuật Từ thì Đức Phật lập ý cho có được sự hiểu biết rằng tất cả Pháp làm Pháp Năng Duyên và Pháp Sở Duyên đều không phải là “*Tự Ngã*” (*Atta*), có nghĩa là chẳng phải chỉ huy, chỉ đạo.

Và như thế, những Duyên còn lại cũng có được trình bày theo cùng một phương thức tương tự.

Ở Giai Đoạn Vấn Đề (*Panhāvāra*) cũng có phân chia ra làm bốn thể loại Câu tương tự, ví như trong Giai Đoạn Vấn Đề của Nhân Duyên ở Phần Pāli có trình bày như sau: “*Kusalo dhammo kusalassa dhammassa Hetupaccayena paccayo*” thì:

1. “*Kusalo dhammo*” làm Câu Chủ Từ,
2. “*Kusalassa dhammassa*” làm Câu Liên Hệ,
3. “*Hetupaccayena*” làm Câu Chế Tác, và
4. “*Paccayo*” làm Câu Thuật Từ.

Và trong phần Câu Phụ Pāli (*Anuvāda*) cũng có trình bày như sau: “*Kusalā hetū sampayuttakānam khandhānam Hetupaccayena paccayo*” thì:

1. “*Kusalā hetū*” làm Câu Chủ Từ,
2. “*Sampayuttakānam khandhānam*” làm câu Liên Hệ,
3. “*Hetupaccayena*” làm Câu Chế Tác, và
4. “*Paccayo*” làm Câu Thuật Từ.

Về phần các Duyên còn lại, thì Giai Đoạn Vấn Đề ở phần Pāli và Câu Phụ cũng có được trình bày theo cùng một phương thức như trên.

I. PHẦN THUẬN DUYÊN (PACCAYĀNULOMAM)

II. GIAI ĐOẠN PHÁP SỐ (SANKHYĀVĀRO)

CÂU ĐƠN (SUDDHAM)

[440] *Hetuyā satta, Ārammane nava, Adhipatiyā dasa, Anantare satta, Samanantare satta, Sahajāte nava, Aññamaññe tīni, Nissaye terasa, Upanissaye nava, Purejāte tīni, Pacchājate tīni, Āsevane tīni, Kamme tīni, Vipāke ekam, Āhāre satta, Indriye satta, Jhāne satta, Magge satta, Sampayutte tīni, Vippayutte panca, Atthiyā terasa, Natthiyā satta, Vigate satta, Avigate terasa.*

Nhân bảy, Cảnh chín, Trưởng mười, Vô Giác bảy, Đẳng Vô Giác bảy, Câu Sanh chín, Hổ Tương ba, Y Chỉ mười ba, Cận Y chín, Tiền Sinh ba, Hậu Sanh ba, Trùng Dục ba, Nghiệp ba, Dị Thực Quả một, Vật Thực bảy, Quyền bảy, Thiên Na bảy, Đồ Đạo bảy, Tương Ứng ba, Bất Tương Ứng năm, Hiện Hữu mười ba, Vô Hữu bảy, Ly

Khứ bảy, Bất Ly mười ba.

NHÂN TÁU HỢP (HETUSABHĀGAM)

[441] *Hetupaccayā Adhipatiyā cattāri, Sahajāte satta, Annamanne tīni, Nissaye satta, Vipāke ekam, Indriye cattāri, Magge cattāri, Sampayutte tīni, Vippayutte tīni, Atthiyā satta, Avigate satta. (11)*

Nhân Duyên Trưởng bốn, Câu Sanh bảy, Hỗ Tương ba, Y Chỉ bảy, Dị Thục Quả một, Quyền bốn, Đồ Đạo bốn, Tương Ứng ba, Bất Tương Ứng ba, Hiện Hữu bảy, Bất Ly bảy. (11)

9 NHÂN BIẾN HÀNH HIỆP LỰC (HETUSĀMANNAGHATANĀ 9) (SĀMANNAVIPĀKAGHATANĀ) (BIẾN HÀNH VÔ DỊ THỤC QUẢ HIỆP LỰC)

- [442] 1. *Hetu Sahajāta Nissaya Atthi Avigatanti satta* – Nhân Câu Sanh Y Chỉ Hiện Hữu Bất Ly bảy.
2. *Hetu Sahajāta Aññamañña Nissaya Atthi Avigatanti tīni* - Nhân Câu Sanh Hỗ Tương Y Chỉ Hiện Hữu Bất Ly ba.
3. *Hetu Sahajāta Aññamañña Nissaya Sampayutta Atthi Avigatanti tīni* - Nhân Câu Sanh Hỗ Tương Y Chỉ Tương Ứng Hiện Hữu Bất Ly ba.
4. *Hetu Sahajāta Nissaya Vippayutta Atthi Avigatanti tīni* - Nhân Câu Sanh Y Chỉ Bất Tương Ứng Hiện Hữu Bất Ly ba.

(*Avipākam 4 – 4 Vô Dị Thục Quả*)

5. *Hetu Sahajāta Nissaya Vipāka Atthi Avigatanti ekam* - Nhân Câu Sanh Y Chỉ Dị Thục Quả Hiện Hữu Bất Ly một.
6. *Hetu Sahajāta Aññamañña Nissaya Vipāka Atthi Avigatanti ekam* - Nhân Câu Sanh Hỗ Tương Y Chỉ Dị Thục Quả Hiện Hữu Bất Ly một.
7. *Hetu Sahajāta Aññamañña Nissaya Vipāka Sampayutta Atthi Avigatanti ekam* - Nhân Câu Sanh Hỗ Tương Y Chỉ Dị Thục Quả Tương Ứng Hiện Hữu Bất Ly một.
8. *Hetu Sahajāta Nissaya Vipāka Vippayutta Atthi Avigatanti ekam* - Nhân Câu Sanh Y Chỉ Dị Thục Quả Bất Tương Ứng Hiện Hữu Bất Ly một.

9. *Hetu Sahajāta Aññamañña Nissaya Vipāka Vippayutta Atthi Avigatanti ekam* - Nhân Câu Sanh Hổ Tương Y Chỉ Dị Thục Quả Bất Tương Ứng Hiện Hữu Bất Ly một.

(Savipākam 5 – 5 Hữu Dị Thục Quả)

9 HỮU QUYỀN - ĐẠO HIỆP LỰC
(SAINDRIYAMAGGAGHATANĀ 9)
(SAINDRIYAMAGGA VIPĀKAGHATANĀ)
(HỮU QUYỀN ĐẠO VÔ DỊ THỤC QUẢ HIỆP LỰC)

- [443] 1. *Hetu Sahajāta Nissaya Indriya Magga Atthi Avigatanti cattāri* - Nhân Câu Sanh Y Chỉ Quyền Đồ Đạo Hiện Hữu Bất Ly bốn.
2. *Hetu Sahajāta Aññamañña Nissaya Indriya Magga Atthi Avigatanti dve* - Nhân Câu Sanh Hổ Tương Y Chỉ Quyền Đồ Đạo Hiện Hữu Bất Ly hai.
3. *Hetu Sahajāta Aññamañña Nissaya Indriya Magga Sampayutta Atthi Avigatanti dve* - Nhân Câu Sanh Hổ Tương Y Chỉ Quyền Đồ Đạo Tương Ứng Hiện Hữu Bất Ly hai.
4. *Hetu Sahajāta Nissaya Indriya Magga Vippayutta Atthi Avigatanti dve* - Nhân Câu Sanh Y Chỉ Quyền Đồ Đạo Bất Tương Ứng Hiện Hữu Bất Ly hai.
- (Avipākam 4 – 4 Vô Dị Thục Quả)
5. *Hetu Sahajāta Nissaya Vipāka Indriya Magga Atthi Avigatanti ekam* - Nhân Câu Sanh Y Chỉ Dị Thục Quả Quyền Đồ Đạo Hiện Hữu Bất Ly một.
6. *Hetu Sahajāta Aññamañña Nissaya Vipāka Indriya Magga Atthi Avigatanti ekam* - Nhân Câu Sanh Hổ Tương Y Chỉ Dị Thục Quả Quyền Đồ Đạo Hiện Hữu Bất Ly một.
7. *Hetu Sahajāta Aññamañña Nissaya Vipāka Indriya Magga Sampayutta Atthi Avigatanti ekam* - Nhân Câu Sanh Hổ Tương Y Chỉ Dị Thục Quả Quyền Đồ Đạo Tương Ứng Hiện Hữu Bất Ly một.
8. *Hetu Sahajāta Nissaya Vipāka Indriya Magga Vippayutta Atthi Avigatanti ekam* - Nhân Câu Sanh Y Chỉ Dị Thục Quả Quyền Đồ Đạo Bất Tương Ứng Hiện Hữu Bất Ly một.
9. *Hetu Sahajāta Aññamañña Nissaya Vipāka Indriya Magga Vippayutta Atthi Avigatanti ekam* - Nhân Câu Sanh Hổ Tương Y Chỉ Dị Thục Quả Quyền Đồ Đạo Bất Tương Ứng Hiện Hữu Bất Ly một.

(Savipākam 5 – 5 Hữu Dị Thục Quả)

6 HỮU TRƯỞNG – QUYỀN – ĐẠO HIỆP LỰC (SĀDHIPATIINDRIYAMAGGAGHATANĀ 6)

- [444] 1. *Hetu Adhipati Sahajāta Nissaya Indriya Magga Atthi Avigatanti cattāri* - Nhân Trưởng Câu Sanh Y Chỉ Quyền Đồ Đạo Hiện Hữu Bất Ly bốn.
2. *Hetu Adhipati Sahajāta Aññamañña Nissaya Indriya Magga Sampayutta Atthi Avigatanti dve* - Nhân Trưởng Câu Sanh Hổ Tương Y Chỉ Quyền Đồ Đạo Tương Ứng Hiện Hữu Bất Ly hai.
3. *Hetu Adhipati Sahajāta Nissaya Indriya Magga Vippayutta Atthi Avigatanti dve* - Nhân Trưởng Câu Sanh Y Chỉ Quyền Đồ Đạo Bất Tương Ứng Hiện Hữu Bất Ly hai.

(*Avipākam 3 – 3 Vô Dị Thục Quả*)

4. *Hetu Adhipati Sahajāta Nissaya Vipāka Indriya Magga Atthi Avigatanti ekam* - Nhân Trưởng Câu Sanh Y Chỉ Dị Thục Quả Quyền Đồ Đạo Hiện Hữu Bất Ly một.
5. *Hetu Adhipati Sahajāta Aññamañña Nissaya Vipāka Indriya Magga Sampayutta Atthi Avigatanti ekam* - Nhân Trưởng Câu Sanh Hổ Tương Y Chỉ Dị Thục Quả Quyền Đồ Đạo Tương Ứng Hiện Hữu Bất Ly một.
6. *Hetu Adhipati Sahajāta Nissaya Vipāka Indriya Magga Vippayutta Atthi Avigatanti ekam* - Nhân Trưởng Câu Sanh Y Chỉ Dị Thục Quả Quyền Đồ Đạo Bất Tương Ứng Hiện Hữu Bất Ly một.

(*Savipākam 3 – 3 Hữu Dị Thục Quả*)

KẾT THÚC NHÂN CĂN HETUMŪLAKAM NITTHITAM

CẢNH TÁU HỢP (ĀRAMMANASABHĀGAM)

[445] *Ārammana paccayā Adhipatiyā satta, Nissaye tīni, Upanissaye satta, Purejāte tīni, Vippayutte tīni, Atthiyā tīni, Avigate tīni. (7)*

Cảnh Duyên Trưởng bảy, Y Chỉ ba, Cận Y bảy, Tiền Sinh ba, Bất Tương Ứng ba, Hiện Hữu ba, Bất Ly ba. (7)

5 CẢNH HIỆP LỰC (ĀRAMMANAGHATANĀ 5)

- [446] 1. *Ārammana Adhipati Upanissayanti satta* - Cảnh Trường Cận Y bảy.
2. *Ārammana Purejāta Atthi Avigatanti tīni* - Cảnh Tiền Sinh Hiện Hữu Bất Ly ba.
3. *Ārammana Nissaya Purejāta Vippayutta Atthi Avigatanti tīni* - Cảnh Y Chỉ Tiền Sinh Bất Tương Ứng Hiện Hữu Bất Ly ba.
4. *Ārammana Adhipati Upanissaya Purejāta Atthi Avigatanti ekam* - Cảnh Trường Cận Y Tiền Sinh Hiện Hữu Bất Ly một.
5. *Ārammana Adhipati Nissaya Upanissaya Purejāta Vippayutta Atthi Avigatanti ekam* - Cảnh Trường Y Chỉ Cận Y Tiền Sinh Bất Tương Ứng Hiện Hữu Bất Ly một.

KẾT THÚC CẢNH CĂN ĀRAMMANAMŪLAKAM NITTHITAM

TRƯỜNG TÁU HỢP (ADHIPATISABHĀGAM)

[447] *Adhipatipaccayā Hetuyā cattāri, Ārammane satta, Sahajāte satta, Aññamaññe tīni, Nissaye attha, Upanissaye satta, Purejāte ekam, Vipāke ekam, Āhāre satta, Indriye satta, Magge satta, Sampayutte tīni, Vippayutte cattāri, Atthiyā attha, Avigate attha. (15)*

Trường Duyên Nhân bốn, Cảnh bảy, Câu Sanh bảy, Hổ Tương ba, Y Chỉ tám, Cận Y bảy, Tiền Sinh một, Dị Thục Quả một, Vật Thục bảy, Quyền bảy, Đồ Đạo bảy, Tương Ứng ba, Bất Tương Ứng bốn, Hiện Hữu tám, Bất Ly tám. (15)

3 TRƯỜNG HỖN HỢP HIỆP LỰC (ADHIPATIMISSAKAGHATANĀ 3)

- [448] 1. *Adhipati Atthi Avigatanti attha* - Trường Hiện Hữu Bất Ly tám.
2. *Adhipati Nissaya Atthi Avigatanti attha* - Trường Y Chỉ Hiện Hữu Bất Ly tám.
3. *Adhipati Nissaya Vippayutta Atthi Avigatanti cattāri* - Trường Y Chỉ Bất Tương Ứng Hiện Hữu Bất Ly bốn.

3 LINH TINH HIỆP LỰC (PAKINNAKAGHATANĀ 3)

- [449] 1. *Adhipati Ārammana Upanissaye satta* - Trường Cảnh Cận Y bảy.
2. *Adhipati Ārammana Upanissaya Purejāta Atthi Avigatanti ekam* - Trường Cảnh Cận Y Tiền Sinh Hiện Hữu Bất Ly một.
3. *Adhipati Ārammana Nissaya Upanissaya Purejāta Vippayutta Atthi Avigatanti ekam* - Trường Cảnh Y Chỉ Cận Y Tiền Sinh Bất Tương Ứng Hiện Hữu Bất Ly một.

6 CÂU SANH DỤC TRƯỞNG HIỆP LỰC (SAHAJĀTACHANDĀDHIPATIGHATANĀ 6)

- [450] 1. *Adhipati Sahajāta Nissaya Atthi Avigatanti satta* - Trường Câu Sanh Y Chỉ Hiện Hữu Bất Ly bảy.
2. *Adhipati Sahajāta Aññamañña Nissaya Sampayutta Atthi Avigatanti tīni* - Trường Câu Sanh Hổ Tương Y Chỉ Tương Ứng Hiện Hữu Bất Ly ba.
3. *Adhipati Sahajāta Nissaya Vippayutta Atthi Avigatanti tīni* - Trường Câu Sanh Y Chỉ Bất Tương Ứng Hiện Hữu Bất Ly ba.

(*Avipākam 3 – 3 Vô Dị Thục Quả*)

4. *Adhipati Sahajāta Nissaya Vipāka Atthi Avigatanti ekam* - Trường Câu Sanh Y Chỉ Dị Thục Quả Hiện Hữu Bất Ly một.
5. *Adhipati Sahajāta Aññamañña Nissaya Vipāka Sampayutta Atthi Avigatanti ekam* - Trường Câu Sanh Hổ Tương Y Chỉ Dị Thục Quả Tương Ứng Hiện Hữu Bất Ly một.
6. *Adhipati Sahajāta Nissaya Vipāka Vippayutta Atthi Avigatanti ekam* - Trường Câu Sanh Y Chỉ Dị Thục Quả Bất Tương Ứng Hiện Hữu Bất Ly một.

(*Savipākam 3 – 3 Hữu Dị Thục Quả*)

6 TÂM TRƯỞNG HIỆP LỰC (CITTĀDHIPATIGHATANĀ 6)

- [451] 1. *Adhipati Sahajāta Nissaya Āhāra Indriya Atthi Avigatanti satta* - Trường Câu Sanh Y Chỉ Vật Thục Quyền Hiện Hữu Bất Ly bảy.

2. *Adhipati Sahajāta Aññamañña Nissaya Āhāra Indriya Sampayutta Atthi Avigatanti tīni* - Trường Câu Sanh Hổ Tương Y Chỉ Vật Thực Quyền Tương Ứng Hiện Hữu Bất Ly ba.
3. *Adhipati Sahajāta Nissaya Āhāra Indriya Vippayutta Atthi Avigatanti tīni* - Trường Câu Sanh Y Chỉ Vật Thực Quyền Bất Tương Ứng Hiện Hữu Bất Ly ba.

(*Avipākam 3 – 3 Vô Dị Thực Quả*)

4. *Adhipati Sahajāta Nissaya Vipāka Āhāra Indriya Atthi Avigatanti ekam* - Trường Câu Sanh Y Chỉ Dị Thực Quả Vật Thực Quyền Hiện Hữu Bất Ly một.
5. *Adhipati Sahajāta Aññamañña Nissaya Vipāka Āhāra Indriya Sampayutta Atthi Avigatanti ekam* - Trường Câu Sanh Hổ Tương Y Chỉ Dị Thực Quả Vật Thực Quyền Tương Ứng Hiện Hữu Bất Ly một.
6. *Adhipati Sahajāta Nissaya Vipāka Āhāra Indriya Vippayutta Atthi Avigatanti ekam* - Trường Câu Sanh Y Chỉ Dị Thực Quả Vật Thực Quyền Bất Tương Ứng Hiện Hữu Bất Ly một.

(*Savipākam 3 – 3 Hữu Dị Thực Quả*)

6 CẦN TRƯỞNG HIỆP LỰC (VIRIYĀDHIPATIGHATANĀ 6)

- [452] 1. *Adhipati Sahajāta Nissaya Indriya Magga Atthi Avigatanti satta* - Trường Câu Sanh Y Chỉ Quyền Đồ Đạo Hiện Hữu Bất Ly bảy.
2. *Adhipati Sahajāta Aññamañña Nissaya Indriya Magga Sampayutta Atthi Avigatanti tīni* - Trường Câu Sanh Hổ Tương Y Chỉ Quyền Đồ Đạo Tương Ứng Hiện Hữu Bất Ly ba.
 3. *Adhipati Sahajāta Nissaya Indriya Magga Vippayutta Atthi Avigatanti tīni* - Trường Câu Sanh Y Chỉ Quyền Đồ Đạo Bất Tương Ứng Hiện Hữu Bất Ly ba.

(*Avipākam 3 – 3 Vô Dị Thực Quả*)

4. *Adhipati Sahajāta Nissaya Vipāka Indriya Magga Atthi Avigatanti ekam* - Trường Câu Sanh Y Chỉ Dị Thực Quả Quyền Đồ Đạo Hiện Hữu Bất Ly một.
5. *Adhipati Sahajāta Aññamañña Nissaya Vipāka Indriya Magga Sampayutta Atthi Avigatanti ekam* - Trường Câu Sanh Hổ Tương Y Chỉ Dị

Thục Quả Quyền Đồ Đạo Tương Ứng Hiện Hữu Bất Ly một.

6. *Adhipati Sahajāta Nissaya Vipāka Indriya Magga Vippayutta Atthi Avigatanti ekam* - Trưởng Câu Sanh Y Chỉ Dị Thục Quả Quyền Bất Tương Ứng Hiện Hữu Bất Ly một.

(*Savipākam 3 – 3 Hữu Dị Thục Quả*)

6 THẨM TRƯỞNG HIỆP LỰC (VĪMAMSĀDHIPATIGHATANĀ 6)

- [453] 1. *Adhipati Hetu Nissaya Indriya Magga Atthi Avigatanti cattāri* - Trưởng Nhân Y Chỉ Quyền Đồ Đạo Hiện Hữu Bất Ly bốn.
2. *Adhipati Hetu Sahajāta Annamanna Nissaya Indriya Magga Sampayutta Atthi Avigatanti dve* - Trưởng Nhân Câu Sanh Hổ Tương Y Chỉ Quyền Đồ Đạo Tương Ứng Hiện Hữu Bất Ly hai.
3. *Adhipati Hetu Sahajāta Nissaya Indriya Magga Vippayutta Atthi Avigatanti dve* - Trưởng Nhân Câu Sanh Y Chỉ Quyền Đồ Đạo Bất Tương Ứng Hiện Hữu Bất Ly hai.

(*Avipākam 3 – 3 Vô Dị Thục Quả*)

4. *Adhipati Hetu Sahajāta Nissaya Vipāka Indriya Magga Atthi Avigatanti ekam* - Trưởng Nhân Câu Sanh Y Chỉ Dị Thục Quả Quyền Đồ Đạo Hiện Hữu Bất Ly một.
5. *Adhipati Hetu Sahajāta Annamanna Nissaya Vipāka Indriya Magga Sampayutta Atthi Avigatanti ekam* - Trưởng Nhân Câu Sanh Hổ Tương Y Chỉ Dị Thục Quả Quyền Đồ Đạo Tương Ứng Hiện Hữu Bất Ly một.
6. *Adhipati Hetu Sahajāta Nissaya Vipāka Indriya Magga Vippayutta Atthi Avigatanti ekam* - Trưởng Nhân Câu Sanh Y Chỉ Dị Thục Quả Quyền Đồ Đạo Bất Tương Ứng Hiện Hữu Bất Ly một.

(*Savipākam 3 – 3 Hữu Dị Thục Quả*)

KẾT THÚC TRƯỞNG CĂN ADHIPATIMŪLAKAM NITTHITAM

VÔ GIÁN TÁU HỢP (ANANTARASABHĀGAM)

[454] *Anantarapaccayā Samanantare satta, Upanissaye satta, Āsevane tīni, Kamme ekam, Natthiyā satta, Vigate satta. (6)*

Vô Giác Duyên Đẳng Vô Giác bảy, Cận Y bảy, Trùng Dục ba, Nghiệp một, Vô Hữu bảy, Ly Khứ bảy. (6)

3 VÔ GIÁN HIỆP LỰC (ANANTARAGHATANĀ 3)

[455] 1. *Anantara Samanantara Upanissaya Natthi Vigatanti satta* - Vô Giác Đẳng Vô Giác Hỗ Tương Cận Y Vô Hữu Ly Khứ bảy.

2. *Anantara Samanantara Upanissaya Āsevana Natthi Vigatanti tīni* - Vô Giác Đẳng Vô Giác Cận Y Trùng Dục Vô Hữu Bất Ly ba.

3. *Anantara Samanantara Upanissaya Kamma Natthi Vigatanti ekam* - Vô Giác Đẳng Vô Giác Cận Y Nghiệp Vô Hữu Bất Ly một.

KẾT THÚC VÔ GIÁN CĂN ANANTARAMŪLAKAM NITTHITAM

ĐẲNG VÔ GIÁN DUYÊN TÁU HỢP SAMANTANTARASABHĀGAM

[456] *Samanantarapaccayā Anantare satta, Upanissaye satta, Āsevane tīni, Kamme ekam, Natthiyā satta, Vigate satta. (6)*

Đẳng Vô Giác Duyên Vô Giác bảy, Cận Y bảy, Trùng Dục ba, Nghiệp một, Vô Hữu bảy, Ly Khứ bảy. (6)

3 ĐẲNG VÔ GIÁN HIỆP LỰC (SAMANTANTARAGHATANĀ 3)

[457] 1. *Samanantara Anantara Upanissaya Natthi Vigatanti satta* - Đẳng Vô Giác Vô Giác Cận Y Vô Hữu Ly Khứ bảy.

2. *Samanantara Anantara Upanissaya Āsevana Natthi Vigatanti tīni* - Đẳng Vô Gián Vô Gián Cận Y Trùng Dục Vô Hữu Ly Khứ ba.
3. *Samanantara Anantara Upanissaya Kamma Natthi Vigatanti ekam* - Đẳng Vô Gián Vô Gián Cận Y Nghiệp Vô Hữu Ly Khứ một.

KẾT THÚC ĐẲNG VÔ GIÁN CĂN
SAMANANTARAMŪLAKAM NITTHITAM

CÂU SANH TÁU HỢP (SAHAJĀTASABHĀGAM)

[458] *Sahajātapaccayena Hetuyā satta, Adhipatiyā satta, Aññamañña tīni, Nissaya nava, Kamme satta, Vipāke ekam, Āhāre satta, Indriye satta, Jhāne satta, Magge satta, Sampayutte tīni, Vippayutte tīni, Atthiyā nava, Avigate nava. (14)* - Câu Sanh Duyên Nhân bảy, Trưởng bảy, Hổ Tương ba, Y Chỉ chín, Nghiệp bảy, Dị Thực Quả một, Vật Thực bảy, Quyền bảy, Thiền Na bảy, Đồ Đạo bảy, Tương Ứng ba, Bất Tương Ứng ba, Hiện Hữu chín, Bất Ly chín. (14)

10 CÂU SANH HIỆP LỰC
(SAHAJĀTAGHATANĀ 10)

- [459] 1. *Sahajāta Nissaya Atthi Avigatanti nava* - Câu Sanh Y Chỉ Hiện Hữu Bất Ly chín.
2. *Sahajāta Aññamañña Nissaya Atthi Avigatanti tīni* - Câu Sanh Hổ Tương Y Chỉ Hiện Hữu Bất Ly ba.
3. *Sahajāta Aññamañña Nissaya Sampayutta Atthi Avigatanti tīni* - Câu Sanh Hổ Tương Y Chỉ Tương Ứng Hiện Hữu Bất Ly ba.
4. *Sahajāta Nissaya Vippayutta Atthi Avigatanti tīni* - Câu Sanh Y Chỉ Bất Tương Ứng Hiện Hữu Bất Ly ba.
5. *Sahajāta Aññamañña Nissaya Vippayutta Atthi Avigatanti ekam* - Câu Sanh Hổ Tương Y Chỉ Bất Tương Ứng Hiện Hữu Bất Ly một.
- (Avipākam 5 – 5 Vô Dị Thực Quả)
6. *Sahajāta Nissaya Vipāka Atthi Avigatanti ekam* - Câu Sanh Y Chỉ Dị Thực Quả Hiện Hữu Bất Ly một.
7. *Sahajāta Aññamañña Nissaya Vipāka Atthi Avigatanti ekam* - Câu Sanh Hổ Tương Y Chỉ Dị Thực Quả Hiện Hữu Bất Ly một.

8. *Sahajāta Aññamañña Nissaya Vipāka Sampayutta Atthi Avigatanti ekam* - Câu Sanh Hổ Tương Y Chỉ Dị Thực Quả Tương Ứng Hiện Hữu Bất Ly một.
9. *Sahajāta Nissaya Vipāka Vippayutta Atthi Avigatanti ekam* - Câu Sanh Y Chỉ Dị Thực Quả Bất Tương Ứng Hiện Hữu Bất Ly một.
10. *Sahajāta Aññamañña Nissaya Vipāka Vippayutta Atthi Avigatanti ekam* - Câu Sanh Hổ Tương Y Chỉ Dị Thực Quả Bất Tương Ứng Hiện Hữu Bất Ly một.

(*Savipākam 5 – 5 Hữu Dị Thực Quả*)

KẾT THÚC CÂU SANH CĂN SAHAJĀTAMŪLAKAM NITTHITAM

HỔ TƯƠNG TÁU HỢP (AÑÑAMAÑÑASABHĀGAM)

[460] *Aññamaññapaccayā Hetuyā tīni, Adhipatiyā tīni, Sahajāte tīni, Nissaye tīni, Kamme tīni, Vipāke ekam, Āhāre tīni, Indriye tīni, Jhāne tīni, Magge tīni, Sampayutte tīni, Vippayutte ekam, Atthiyā tīni, Avigate tīni. (14)*

Hổ Tương Duyên Nhân ba, Trưởng ba, Câu Sanh ba, Y Chỉ ba, Nghiệp ba, Dị Thực Quả một, Vật Thực ba, Quyền ba, Thiên Na ba, Đồ Đạo ba, Tương Ứng ba, Bất Tương Ứng một, Hiện Hữu ba, Bất Ly ba. (14)

6 HỔ TƯƠNG HIỆP LỰC (AÑÑAMAÑÑAGHATANĀ 6)

- [461] 1. *Aññamañña Sahajāta Nissaya Atthi Avigatanti tīni* - Hổ Tương Câu Sanh Y Chỉ Hiện Hữu Bất Ly ba.
2. *Aññamañña Sahajāta Nissaya Sampayutta Atthi Avigatanti tīni* - Hổ Tương Câu Sanh Y Chỉ Tương Ứng Hiện Hữu Bất Ly ba.
3. *Aññamañña Sahajāta Nissaya Vippayutta Atthi Avigatanti ekam* - Hổ Tương Câu Sanh Y Chỉ Bất Tương Ứng Hiện Hữu Bất Ly một.

(*Avipākam 3 – 3 Vô Dị Thực Quả*)

4. *Aññamañña Sahajāta Nissaya Vipāka Atthi Avigatanti ekam* - Hổ Tương Câu Sanh Y Chỉ Dị Thực Quả Hiện Hữu Bất Ly một.

5. *Aññamañña Sahajāta Nissaya Vipāka Sampayutta Atthi Avigatanti ekam* - Hồ Tương Câu Sanh Y Chỉ Dị Thục Quả Tương Ứng Hiện Hữu Bất Ly một.
6. *Aññamañña Sahajāta Nissaya Vipāka Vippayutta Atthi Avigatanti ekam* - Hồ Tương Câu Sanh Y Chỉ Dị Thục Quả Bất Tương Ứng Hiện Hữu Bất Ly một.

(*Savipākam 3 – 3 Hữu Dị Thục Quả*)

KẾT THÚC HỒ TƯƠNG CĂN AÑÑAMAÑÑAMŪLAKAM NITTHITAM

Y CHỈ TÁU HỢP (NISSAYASABHĀGAM)

[462] *Nissayapaccayā Hetuyā satta, Ārammane tīni, Adhipatiyā attha, Sahajāte nava, Aññamaññe tīni, Upanissaye ekam, Purejāte tīni, Kamme satta, Vipāke ekam, Āhāre satta, Indriye satta, Jhāne satta, Magge satta, Sampayutte tīni, Vippayutte panca, Atthiyā terasa, Avigate terasa. (17)*

Y Chỉ Duyên Nhân bảy, Cảnh ba, Trướng tám, Câu Sanh chín, Hồ Tương ba, Căn Y một, Tiền Sinh ba, Nghiệp bảy, Dị Thục Quả một, Vật Thục bảy, Quyền bảy, Thiên Na bảy, Đồ Đạo bảy, Tương Ứng ba, Bất Tương Ứng năm, Hiện Hữu mười ba, Bất Ly mười ba. (17)

6 Y CHỈ HỖN HỢP HIỆP LỰC (NISSAYAMISSAKAGHATANĀ 6)

- [463] 1. *Nissaya Atthi Avigatanti terasa* - Y Chỉ Hiện Hữu Bất Ly mười ba.
2. *Nissaya Adhipati Atthi Avigatanti attha* - Y Chỉ Trướng Hiện Hữu Bất Ly tám.
3. *Nissaya Indriya Atthi Avigatanti satta* - Y Chỉ Quyền Hiện Hữu Bất Ly bảy.
4. *Nissaya Vippayutta Atthi Avigatanti panca* - Y Chỉ Bất Tương Ứng Hiện Hữu Bất Ly năm.
5. *Nissaya Adhipati Vippayutta Atthi Avigatanti cattāri* - Y Chỉ Trướng Bất Tương Ứng Hiện Hữu Bất Ly bốn.
6. *Nissaya Indriya Vippayutta Atthi Avigatanti tīni* - Y Chỉ Quyền Bất Tương Ứng Hiện Hữu Bất Ly ba.

4 LINH TINH HIỆP LỰC
(PAKIṆṆAKAGHATANĀ 4)

- [464] 1. *Nissaya Purejāta Vippayutta Atthi Avigatanti tīni* - Y Chỉ Tiền Sinh Bất Tương Ứng Hiện Hữu Bất Ly ba.
2. *Nissaya Ārammana Purejāta Vippayutta Atthi Avigatanti tīni* - Y Chỉ Cảnh Tiền Sinh Bất Tương Ứng Hiện Hữu Bất Ly ba.
3. *Nissaya Ārammana Adhipati Upanissaya Purejāta Vippayutta Atthi Avigatanti ekam* - Y Chỉ Cảnh Trưởng Cận Y Tiền Sinh Bất Tương Ứng Hiện Hữu Bất Ly một.
4. *Nissaya Purejāta Indriya Vippayutta Atthi Avigatanti ekam* - Y Chỉ Tiền Sinh Quyền Bất Tương Ứng Hiện Hữu Bất Ly một.

10 CÂU SANH HIỆP LỰC
(SAHAJĀTAGHATANĀ 10)

- [465] 1. *Nissaya Sahajāta Atthi Avigatanti nava* - Y Chỉ Câu Sanh Hiện Hữu Bất Ly chín.
2. *Nissaya Sahajāta Aññamañña Atthi Avigatanti tīni* - Y Chỉ Câu Sanh Hổ Tương Ứng Hiện Hữu Bất Ly ba.
3. *Nissaya Sahajāta Aññamañña Sampayutta Atthi Avigatanti tīni* - Y Chỉ Câu Sanh Hổ Tương Tương Ứng Hiện Hữu Bất Ly ba.
4. *Nissaya Sahajāta Vippayutta Atthi Avigatanti tīni* - Y Chỉ Câu Sanh Bất Tương Ứng Hiện Hữu Bất Ly ba.
5. *Nissaya Sahajāta Aññamañña Vippayutta Atthi Avigatanti ekam* - Y Chỉ Câu Sanh Hổ Tương Bất Tương Ứng Hiện Hữu Bất Ly một.

(*Avipākam 5 – 5 Vô Dị Thực Quả*)

6. *Nissaya Sahajāta Vipāka Atthi Avigatanti ekam* - Y Chỉ Câu Sanh Dị Thực Quả Hiện Hữu Bất Ly một.
7. *Nissaya Sahajāta Aññamañña Vipāka Atthi Avigatanti ekam* - Y Chỉ Câu Sanh Hổ Tương Dị Thực Quả Hiện Hữu Bất Ly một.
8. *Nissaya Sahajāta Aññamañña Vipāka Sampayutta Atthi Avigatanti ekam* - Y Chỉ Câu Sanh Hổ Tương Dị Thực Quả Tương Ứng Hiện Hữu Bất Ly một.

9. *Nissaya Sahajāta Vipāka Vippayutta Atthi Avigatanti ekam* - Y Chỉ Câu Sanh Dị Thục Quả Bất Tương Ứng Hiện Hữu Bất Ly một.
10. *Nissaya Sahajāta Aññamañña Vipāka Vippayutta Atthi Avigatanti ekam* - Y Chỉ Câu Sanh Hổ Tương Dị Thục Quả Bất Tương Ứng Hiện Hữu Bất Ly một.

(*Savipākam 5 – 5 Hữu Dị Thục Quả*)

KẾT THÚC Y CHỈ CĂN NISSAYAMŪLAKAM NITTHITAM

CẬN Y TÁU HỢP (UPANISSAYASABHĀGAM)

[466] *Upanissayapaccayā Ārammane satta, Adhipatīyā satta, Anantare satta, Samanantare satta, Nissaye ekam, Purejāte ekam, Āsevane tīni, Kamme dve, Vippayutte ekam, Atthiyā ekam, Natthiyā satta, Vigate satta, Avigate ekam. (13)* - Cận Y Duyên Cảnh bảy, Trưởng bảy, Vô Gian bảy, Đẳng Vô Gian bảy, Y Chỉ một, Tiền Sinh một, Trùng Dục ba, Nghiệp hai, Bất Tương Ứng một, Hiện Hữu một, Vô Hữu bảy, Ly Khứ bảy, Bất Ly một. (13)

7 CẬN Y HIỆP LỰC (UPANISSAYAGHATANĀ 7)

- [467] 1. *Upanissaya Ārammana Adhipati satta* - Cận Y Cảnh Trưởng bảy.
2. *Upanissaya Ārammana Adhipati Purejāta Atthi Avigatanti ekam* - Cận Y Cảnh Trưởng Tiền Sinh Hiện Hữu Bất Ly một.
3. *Upanissaya Ārammana Adhipati Nissaya Purejāta Vippayutta Atthi Avigatanti ekam* - Cận Y Cảnh Trưởng Y Chỉ Tiền Sinh Bất Tương Ứng Hiện Hữu Bất Ly một.
4. *Upanissaya Anantara Samanantara Natthi Vigatanti satta* - Cận Y Vô Gian Đẳng Vô Gian Vô Hữu Ly Khứ bảy.
5. *Upanissaya Anantara Samanantara Āsevana Natthi Vigatanti tīni* - Cận Y Vô Gian Đẳng Vô Gian Trùng Dục Vô Hữu Ly Khứ ba.
6. *Upanissaya Kammanti dve* - Cận Y Nghiệp hai.
7. *Upanissaya Anantara Samanantara Kamma Natthi Vigatanti ekam* - Cận Y Vô Gian Đẳng Vô Gian Nghiệp Vô Hữu Ly Khứ một.

KẾT THÚC CẬN Y CĂN
UPANISSAYAMŪLAKAM NITTHITAM

TIỀN SINH TÁU HỢP (PUREJĀTASABHĀGAM)

[468] *Purejātapaccayā Ārammane tīni, Adhipati ekam, Nissaye tīni, Upanissaye ekam, Indriye ekam, Vippayutte tīni, Atthiyā tīni, Avigate tīni. (8)*

Tiền Sinh Duyên Cảnh ba, Trưởng một, Y Chỉ ba, Cận Y một, Quyền một, Bất Tương Ứng ba, Hiện Hữu ba, Bất Ly ba. (8)

7 TIỀN SINH HIỆP LỰC
(PUREJĀTAGHATANĀ 7)

- [469] 1. *Purejāta Atthi Avigatanti tīni* - Tiền Sinh Hiện Hữu Bất Ly ba.
2. *Purejāta Nissaya Vippayutta Atthi Avigatanti tīni* - Tiền Sinh Y Chỉ Bất Tương Ứng Hiện Hữu Bất Ly ba.
3. *Purejāta Ārammana Atthi Avigatanti tīni* - Tiền Sinh Cảnh Hiện Hữu Bất Ly ba.
4. *Purejāta Ārammana Nissaya Vippayutta Atthi Avigatanti tīni* - Tiền Sinh Cảnh Y Chỉ Bất Tương Ứng Hiện Hữu Bất Ly ba.
5. *Purejāta Ārammana Adhipati Upanissaya Atthi Avigatanti ekam* - Tiền Sinh Cảnh Trưởng Cận Y Hiện Hữu Bất Ly một.
6. *Purejāta Ārammana Adhipati Nissaya Upanissaya Vippayutta Atthi Avigatanti ekam* - Tiền Sinh Cảnh Trưởng Y Chỉ Cận Y Bất Tương Ứng Hiện Hữu Bất Ly một.
7. *Purejāta Nissaya Indriya Vippayutta Atthi Avigatanti ekam* - Tiền Sinh Y Chỉ Quyền Bất Tương Ứng Hiện Hữu Bất Ly một.

KẾT THÚC TIỀN SINH CĂN
PUREJĀTAMŪLAKAM NITTHITAM

HẬU SANH TÁU HỢP (PACCHĀJĀTASABHĀGAM)

- [470] *Pacchājātapaccayā Vippayutte tīni, Atthiyā tīni, Avigate tīni. (3)*
Hậu Sanh Duyên Bất Tương Ứng ba, Hiện Hữu ba, Bất Ly ba. (3)

1 HẬU SANH HIỆP LỰC
(PACCHĀJĀTAGHATANĀ 1)

- [471] *Pacchājāta Vippayutta Atthi Avigatanti tīni.*
Hậu Sanh Bất Tương Ứng Hiện Hữu Bất Ly ba.

KẾT THÚC HẬU SANH CĂN
PACCHĀJĀTAMŪLAKAM NITTHITAM

TRỪNG DỤNG TÁU HỢP (ĀSEVANASABHĀGAM)

- [472] *Āsevanapaccayā Anantare tīni, Samanantare tīni, Upanissaye tīni, Natthiyā tīni, Vigate tīni. (5)*
Trùng Dụng Duyên Vô Gian ba, Đẳng Vô Gian ba, Cận Y ba, Vô Hữu ba, Ly Khứ ba. (5)

1 TRỪNG DỤNG HIỆP LỰC
(ĀSEVANAGHATANĀ 1)

- [473] *Āsevana Anantara Samanantara Upanissaya Natthi Vigatanti tīni -* Trùng Dụng Vô Gian Đẳng Vô Gian Cận Y Vô Hữu Ly Khứ ba.

KẾT THÚC TRỪNG DỤNG CĂN
ĀSEVANAMŪLAKAM NITTHITAM

NGHIỆP TÁU HỢP (KAMMASABHĀGAM)

- [474] *Kammapaccayā Anantare ekam, Samanantare ekam, Sahajāte satta, Aññamaññe tīni, Nissaye satta, Upanissaye dve, Vipāke ekam, Āhāre satta,*

Sampayutte tīni, Vippayutte tīni, Atthiyā satta, Natthiyā ekam, Vigate ekam, Avigate satta. (14)

Nghiệp Duyên Vô Gian một, Đẳng Vô Gian một, Câu Sanh bảy, Hồ Tương ba, Y Chỉ bảy, Cận Y hai, Dị Thực Quả một, Vật Thực bảy, Tương Ứng ba, Bất Tương Ứng ba, Hiện Hữu bảy, Vô Hữu một, Ly Khứ một, Bất Ly bảy. (14)

2 NGHIỆP LINH TINH HIỆP LỰC (KAMMAPAKIṆṆAKAGHATANĀ 2)

- [475] 1. *Kamma Upanissaya dve* - Nghiệp Cận Y hai.
2. *Kamma Anantara Samanantara Upanissaya Natthi Vigatanti ekam* - Nghiệp Vô Gian Đẳng Vô Gian Cận Y Vô Hữu Ly Khứ một.

9 CÂU SANH HIỆP LỰC (SAHAJĀTAGHATANĀ 9)

- [476] 1. *Kamma Sahajāta Nissaya Āhāra Atthi Avigatanti satta* - Nghiệp Câu Sanh Y Chỉ Vật Thực Hiện Hữu Bất Ly bảy.
2. *Kamma Sahajāta Aññamañña Nissaya Āhāra Atthi Avigatanti tīni* - Nghiệp Câu Sanh Hồ Tương Y Chỉ Vật Thực Hiện Hữu Bất Ly ba.
3. *Kamma Sahajāta Aññamañña Nissaya Āhāra Sampayutta Atthi Avigatanti tīni* - Nghiệp Câu Sanh Hồ Tương Y Chỉ Vật Thực Tương Ứng Hiện Hữu Bất Ly ba.
4. *Kamma Sahajāta Nissaya Āhāra Vippayutta Atthi Avigatanti tīni* - Nghiệp Câu Sanh Y Chỉ Vật Thực Bất Tương Ứng Hiện Hữu Bất Ly ba.

(*Avipākam 4 – 4 Vô Dị Thực Quả*)

5. *Kamma Sahajāta Nissaya Vipāka Āhāra Atthi Avigatanti ekam* - Nghiệp Câu Sanh Y Chỉ Dị Thực Quả Vật Thực Hiện Hữu Bất Ly một.
6. *Kamma Sahajāta Aññamañña Nissaya Vipāka Āhāra Atthi Avigatanti ekam* - Nghiệp Câu Sanh Hồ Tương Y Chỉ Dị Thực Quả Vật Thực Hiện Hữu Bất Ly một.
7. *Kamma Sahajāta Aññamañña Nissaya Vipāka Āhāra Sampayutta Atthi Avigatanti ekam* - Nghiệp Câu Sanh Hồ Tương Y Chỉ Dị Thực Quả Vật Thực Tương Ứng Hiện Hữu Bất Ly một.

8. *Kamma Sahajāta Nissaya Vipāka Āhāra Vippayutta Atthi Avigatanti ekam* - Nghiệp Câu Sanh Y Chỉ Dị Thục Quả Vật Thục Bất Tương Ứng Hiện Hữu Bất Ly một.
9. *Kamma Sahajāta Aññamañña Nissaya Vipāka Āhāra Vippayutta Atthi Avigatanti ekam* - Nghiệp Câu Sanh Hổ Tương Y Chỉ Dị Thục Quả Vật Thục Bất Tương Ứng Hiện Hữu Bất Ly một.

(Savipākam 5 – 5 Hữu Dị Thục Quả)

KẾT THÚC NGHIỆP CĂN KAMMAMŪLAKAM NITTHITAM

DỊ THỰC QUẢ TÁU HỢP VIPĀKASABHĀGAM

[477] *Vipākapaccayā Hetuyā ekam, Adhipatiyā ekam, Sahajāte ekam, Aññamaññe ekam, Nissaye ekam, Kamme ekam, Āhāre ekam, Indriye ekam, Jhāne ekam, Magge ekam, Sampayutte ekam, Vippayutte ekam, Atthiyā ekam, Avigate ekam.*
(14)

Dị Thục Quả Duyên Nhân một, Trưởng một, Câu Sanh một, Hổ Tương một, Y Chỉ một, Nghiệp một, Vật Thục một, Quyền một, Thiên Na một, Đồ Đạo một, Tương Ứng một, Bất Tương Ứng một, Hiện Hữu một, Bất Ly một. (14)

5 DỊ THỰC QUẢ HIỆP LỰC (VIPĀKAGHATANĀ 5)

- [478] 1. *Vipāka Sahajāta Nissaya Atthi Avigatanti ekam* - Dị Thục Quả Câu Sanh Y Chỉ Hiện Hữu Bất Ly một.
2. *Vipāka Sahajāta Aññamañña Nissaya Atthi Avigatanti ekam* - Dị Thục Quả Câu Sanh Hổ Tương Y Chỉ Hiện Hữu Bất Ly một.
3. *Vipāka Sahajāta Aññamañña Nissaya Sampayutta Atthi Avigatanti ekam* - Dị Thục Quả Câu Sanh Hổ Tương Y Chỉ Tương Ứng Hiện Hữu Bất Ly một.
4. *Vipāka Sahajāta Nissaya Vippayutta Atthi Avigatanti ekam* - Dị Thục Quả Câu Sanh Y Chỉ Bất Tương Ứng Hiện Hữu Bất Ly một.
5. *Vipāka Sahajāta Aññamañña Nissaya Vippayutta Atthi Avigatanti ekam* -

Dị Thực Quả Câu Sanh Hổ Tương Y Chỉ Bất Tương Ứng Hiện Hữu Bất Ly một.

**KẾT THÚC DỊ THỰC QUẢ CĂN
VIPĀKAMŪLAKAM NITTHITAM**

VẬT THỰC TÁU HỢP (ĀHĀRASABHĀGAM)

[479] *Āhārapaccayā Adhipatiyā satta, Sahajāte satta, Aññamaññe tīni, Nissaye satta, Kamme satta, Vipāke ekam, Indriye satta, Sampayutte tīni, Vippayutte tīni, Atthiyā satta, Avigate satta. (11)*

Vật Thực Duyên Trường bảy, Câu Sanh bảy, Hổ Tương ba, Y Chỉ bảy, Nghiệp bảy, Dị Thực Quả một, Quyền bảy, Tương Ứng ba, Bất Tương Ứng ba, Hiện Hữu bảy, Bất Ly bảy. (11)

**1 VẬT THỰC HỖN HỢP HIỆP LỰC
(ĀHĀRAMISSAKAGHATANĀ 1)**

[480] 1. *Āhāra Atthi Avigatanti satta* - Vật Thực Hiện Hữu Bất Ly bảy.

**9 CÂU SANH BIẾN HÀNH HIỆP LỰC
(SAHAJĀTASĀMANNAGHATANĀ 9)**

[481] 1. *Āhāra Sahajāta Nissaya Atthi Avigatanti satta* - Vật Thực Câu Sanh Y Chỉ Hiện Hữu Bất Ly bảy.

2. *Āhāra Sahajāta Aññamañña Nissaya Atthi Avigatanti tīni* - Vật Thực Câu Sanh Hổ Tương Y Chỉ Hiện Hữu Bất Ly ba.

3. *Āhāra Sahajāta Aññamañña Nissaya Sampayutta Atthi Avigatanti tīni* - Vật Thực Câu Sanh Hổ Tương Y Chỉ Tương Ứng Hiện Hữu Bất Ly ba.

4. *Āhāra Sahajāta Nissaya Vippayutta Atthi Avigatanti tīni* - Vật Thực Câu Sanh Y Chỉ Bất Tương Ứng Hiện Hữu Bất Ly ba.

(Avipākam 4 – 4 Vô Dị Thực Quả)

5. *Āhāra Sahajāta Nissaya Vipāka Atthi Avigatanti ekam* - Vật Thực Câu Sanh Y Chỉ Dị Thực Quả Hiện Hữu Bất Ly một.

6. *Āhāra Sahajāta Aññamañña Nissaya Vipāka Atthi Avigatanti ekam* - Vật Thực Câu Sanh Hổ Tương Y Chỉ Dị Thực Quả Hiện Hữu Bất Ly một.
7. *Āhāra Sahajāta Aññamañña Nissaya Vipāka Sampayutta Atthi Avigatanti ekam* - Vật Thực Câu Sanh Hổ Tương Y Chỉ Dị Thực Quả Tương Ứng Hiện Hữu Bất Ly một.
8. *Āhāra Sahajāta Nissaya Vipāka Vippayutta Atthi Avigatanti ekam* - Vật Thực Câu Sanh Y Chỉ Dị Thực Quả Bất Tương Ứng Hiện Hữu Bất Ly một.
9. *Āhāra Sahajāta Aññamañña Nissaya Vipāka Vippayutta Atthi Avigatanti ekam* - Vật Thực Câu Sanh Hổ Tương Y Chỉ Dị Thực Quả Bất Tương Ứng Hiện Hữu Bất Ly một.

(Savipākam 5 – 5 Hữu Dị Thực Quả)

9 HỮU NGHIỆP HIỆP LỰC (SAKAMMAGHATANĀ 9)

- [482] 1. *Āhāra Sahajāta Nissaya Kamma Atthi Avigatanti satta* - Vật Thực Câu Sanh Y Chỉ Nghiệp Hiện Hữu Bất Ly bảy.
2. *Āhāra Sahajāta Aññamañña Nissaya Kamma Atthi Avigatanti tīni* - Vật Thực Câu Sanh Hổ Tương Y Chỉ Nghiệp Hiện Hữu Bất Ly ba.
3. *Āhāra Sahajāta Aññamañña Nissaya Kamma Sampayutta Atthi Avigatanti tīni* - Vật Thực Câu Sanh Hổ Tương Y Chỉ Nghiệp Tương Ứng Hiện Hữu Bất Ly ba.
4. *Āhāra Sahajāta Nissaya Kamma Vippayutta Atthi Avigatanti tīni* - Vật Thực Câu Sanh Y Chỉ Nghiệp Bất Tương Ứng Hiện Hữu Bất Ly ba.

(Avipākam 4 – 4 Vô Dị Thực Quả)

5. *Āhāra Sahajāta Nissaya Kamma Vipāka Atthi Avigatanti ekam* - Vật Thực Câu Sanh Y Chỉ Nghiệp Dị Thực Quả Hiện Hữu Bất Ly một.
6. *Āhāra Sahajāta Aññamañña Nissaya Kamma Vipāka Atthi Avigatanti ekam* - Vật Thực Câu Sanh Hổ Tương Y Chỉ Nghiệp Dị Thực Quả Hiện Hữu Bất Ly một.
7. *Āhāra Sahajāta Aññamañña Nissaya Kamma Vipāka Sampayutta Atthi Avigatanti ekam* - Vật Thực Câu Sanh Hổ Tương Y Chỉ Nghiệp Dị Thực Quả Tương Ứng Hiện Hữu Bất Ly một.
8. *Āhāra Sahajāta Nissaya Kamma Vipāka Vippayutta Atthi Avigatanti ekam* - Vật Thực Câu Sanh Y Chỉ Nghiệp Dị Thực Quả Bất Tương Ứng Hiện Hữu Bất Ly một.

9. *Āhāra Sahajāta Aññamañña Nissaya Kamma Vipāka Vippayutta Atthi Avigatanti ekam* - Vật Thực Câu Sanh Hổ Tương Y Chỉ Nghiệp Dị Thực Quả Bất Tương Ứng Hiện Hữu Bất Ly một.

(Savipākam 5 – 5 Hữu Dị Thực Quả)

9 HỮU QUYỀN HIỆP LỰC (SAINDRIYAGHATANĀ 9)

- [483] 1. *Āhāra Sahajāta Nissaya Indriya Atthi Avigatanti satta* - Vật Thực Câu Sanh Y Chỉ Quyền Hiện Hữu Bất Ly bảy.
2. *Āhāra Sahajāta Aññamañña Nissaya Indriya Atthi Avigatanti tīni* - Vật Thực Câu Sanh Hổ Tương Y Chỉ Quyền Hiện Hữu Bất Ly ba.
3. *Āhāra Sahajāta Aññamañña Nissaya Indriya Sampayutta Atthi Avigatanti tīni* - Vật Thực Câu Sanh Hổ Tương Y Chỉ Quyền Tương Ứng Hiện Hữu Bất Ly ba.
4. *Āhāra Sahajāta Nissaya Indriya Vippayutta Atthi Avigatanti tīni* - Vật Thực Câu Sanh Y Chỉ Quyền Bất Tương Ứng Hiện Hữu Bất Ly ba.

(Avipākam 4 – 4 Vô Dị Thực Quả)

5. *Āhāra Sahajāta Nissaya Vipāka Indriya Atthi Avigatanti ekam* - Vật Thực Câu Sanh Y Chỉ Dị Thực Quả Quyền Hiện Hữu Bất Ly một.
6. *Āhāra Sahajāta Aññamañña Nissaya Vipāka Indriya Atthi Avigatanti ekam* - Vật Thực Câu Sanh Hổ Tương Y Chỉ Dị Thực Quả Quyền Hiện Hữu Bất Ly một.
7. *Āhāra Sahajāta Aññamañña Nissaya Vipāka Indriya Sampayutta Atthi Avigatanti ekam* - Vật Thực Câu Sanh Hổ Tương Y Chỉ Dị Thực Quả Quyền Tương Ứng Hiện Hữu Bất Ly một.
8. *Āhāra Sahajāta Nissaya Vipāka Indriya Vippayutta Atthi Avigatanti ekam* - Vật Thực Câu Sanh Y Chỉ Dị Thực Quả Quyền Bất Tương Ứng Hiện Hữu Bất Ly một.
9. *Āhāra Sahajāta Aññamañña Nissaya Vipāka Indriya Vippayutta Atthi Avigatanti ekam* - Vật Thực Câu Sanh Hổ Tương Y Chỉ Dị Thực Quả Quyền Bất Tương Ứng Hiện Hữu Bất Ly một.

(Savipākam 5 – 5 Hữu Dị Thực Quả)

6 HỮU TRƯỞNG – QUYỀN HIỆP LỰC (SĀDHIPATIINDRIYAGHATANĀ 6)

- [484] 1. *Āhāra Adhipati Sahajāta Nissaya Indriya Atthi Avigatanti satta* - Vật Thực Trưởng Câu Sanh Y Chỉ Quyền Hiện Hữu Bất Ly bảy.
2. *Āhāra Adhipati Sahajāta Aññamañña Nissaya Indriya Sampayuttā Atthi Avigatanti tīni* - Vật Thực Trưởng Câu Sanh Hổ Tương Y Chỉ Quyền Tương Ứng Hiện Hữu Bất Ly ba.
3. *Āhāra Adhipati Sahajāta Nissaya Indriya Vippayutta Atthi Avigatanti tīni* - Vật Thực Trưởng Câu Sanh Y Chỉ Quyền Bất Tương Ứng Hiện Hữu Bất Ly ba.

(*Avipākam 3 – 3 Vô Dị Thực Quả*)

4. *Āhāra Adhipati Sahajāta Nissaya Vipāka Indriya Atthi Avigatanti ekam* - Vật Thực Trưởng Câu Sanh Y Chỉ Dị Thực Quả Quyền Hiện Hữu Bất Ly một.
5. *Āhāra Adhipati Sahajāta Aññamañña Nissaya Vipāka Indriya Sampayutta Atthi Avigatanti ekam* - Vật Thực Trưởng Câu Sanh Hổ Tương Y Chỉ Dị Thực Quả Quyền Tương Ứng Hiện Hữu Bất Ly một.
6. *Āhāra Adhipati Sahajāta Nissaya Vipāka Indriya Vippayutta Atthi Avigatanti ekam* - Vật Thực Trưởng Câu Sanh Y Chỉ Dị Thực Quả Quyền Bất Tương Ứng Hiện Hữu Bất Ly một.

(*Savipākam 3 - 3 Hữu Dị Thực Quả*)

KẾT THÚC VẬT THỰC CĂN ĀHĀRAMŪLAKAM NITTHITAM

QUYỀN TÁU HỢP (INDRIYASABHĀGAM)

[485] *Indriyapaccayā Hetuyā cattāri, Adhipatiyā satta, Sahajāte satta, Aññamaññe tīni, Nissaye satta, Purejāte ekam, Vipāke ekam, Āhāre satta, Jhāne satta, Magge satta, Sampayutte tīni, Vippayutte tīni, Atthiyā satta, Avigate satta. (14)* - Quyền Duyên Nhân bốn, Trưởng bảy, Câu Sanh bảy, Hổ Tương ba, Y Chỉ bảy, Tiền Sinh một, Dị Thực Quả một, Vật Thực bảy, Thiên Na bảy, Đồ Đạo bảy, Tương Ứng ba, Bất Tương Ứng ba, Hiện Hữu bảy, Bất Ly bảy. (14)

3 QUYỀN HỖN HỢP HIỆP LỰC (INDRIYAMISSAKAGHATANĀ 3)

- [486] 1. *Indriya Atthi Avigatanti satta* - Quyền Hiện Hữu Bất Ly bảy.
2. *Indriya Nissaya Atthi Avigatanti satta* - Quyền Y Chỉ Hiện Hữu Bất Ly bảy.
3. *Indriya Nissaya Vippayutta Atthi Avigatanti tīni* - Quyền Y Chỉ Bất Tương Ứng Hiện Hữu Bất Ly ba.

1 LINH TINH HIỆP LỰC (PAKINNAKAGHATANĀ 1)

- [487] 1. *Indriya Nissaya Purejāta Vippayutta Atthi Avigatanti ekam* - Quyền Y Chỉ Tiền Sinh Bất Tương Ứng Hiện Hữu Bất Ly một.

9 CÂU SANH BIẾN HÀNH HIỆP LỰC (SAHAJĀTASĀMANNAGHATANĀ 9)

- [488] 1. *Indriya Sahajāta Nissaya Atthi Avigatanti satta* - Quyền Câu Sanh Y Chỉ Hiện Hữu Bất Ly bảy.
2. *Indriya Sahajāta Aññamañña Nissaya Atthi Avigatanti tīni* - Quyền Câu Sanh Hổ Tương Y Chỉ Hiện Hữu Bất Ly ba.
3. *Indriya Sahajāta Aññamañña Nissaya Sampayutta Atthi Avigatanti tīni* - Quyền Câu Sanh Hổ Tương Y Chỉ Tương Ứng Hiện Hữu Bất Ly ba.
4. *Indriya Sahajāta Nissaya Vippayutta Atthi Avigatanti tīni* - Quyền Câu Sanh Y Chỉ Bất Tương Ứng Hiện Hữu Bất Ly ba.

(*Avipākam 4 – 4 Vô Dị Thục Quả*)

5. *Indriya Sahajāta Nissaya Vipāka Atthi Avigatanti ekam* - Quyền Câu Sanh Y Chỉ Dị Thục Quả Hiện Hữu Bất Ly một.
6. *Indriya Sahajāta Aññamañña Nissaya Vipāka Atthi Avigatanti ekam* - Quyền Câu Sanh Hổ Tương Y Chỉ Dị Thục Quả Hiện Hữu Bất Ly một.
7. *Indriya Sahajāta Aññamañña Nissaya Vipāka Sampayutta Atthi Avigatanti ekam* - Quyền Câu Sanh Hổ Tương Y Chỉ Dị Thục Quả Tương Ứng Hiện Hữu Bất Ly một.

8. *Indriya Sahajāta Nissaya Vipāka Vippayutta Atthi Avigatanti ekam* - Quyền Câu Sanh Y Chỉ Dị Thục Quả Bất Tương Ứng Hiện Hữu Bất Ly một.
9. *Indriya Sahajāta Aññamañña Nissaya Vipāka Vippayutta Atthi Avigatanti ekam* - Quyền Câu Sanh Hổ Tương Y Chỉ Dị Thục Quả Bất Tương Ứng Hiện Hữu Bất Ly một.

(*Savipākam 5 – 5 Hữu Dị Thục Quả*)

9 HỮU ĐẠO HIỆP LỰC (SAMAGGAGHATANĀ 9)

- [489] 1. *Indriya Sahajāta Nissaya Magga Atthi Avigatanti satta* - Quyền Câu Sanh Y Chỉ Đồ Đạo Hiện Hữu Bất Ly bảy.
2. *Indriya Sahajāta Aññamañña Nissaya Magga Atthi Avigatanti tīni* - Quyền Câu Sanh Hổ Tương Y Chỉ Đồ Đạo Hiện Hữu Bất Ly ba.
3. *Indriya Sahajāta Aññamañña Nissaya Magga Sampayutta Atthi Avigatanti tīni* - Quyền Câu Sanh Hổ Tương Y Chỉ Đồ Đạo Tương Ứng Hiện Hữu Bất Ly ba.
4. *Indriya Sahajāta Nissaya Magga Vippayutta Atthi Avigatanti tīni* - Quyền Câu Sanh Y Chỉ Đồ Đạo Bất Tương Ứng Hiện Hữu Bất Ly ba.

(*Avipākam 4 – 4 Vô Dị Thục Quả*)

5. *Indriya Sahajāta Nissaya Vipāka Magga Atthi Avigatanti ekam* - Quyền Câu Sanh Y Chỉ Dị Thục Quả Đồ Đạo Hiện Hữu Bất Ly một.
6. *Indriya Sahajāta Aññamañña Nissaya Vipāka Magga Atthi Avigatanti ekam* - Quyền Câu Sanh Hổ Tương Y Chỉ Dị Thục Quả Đồ Đạo Hiện Hữu Bất Ly một.
7. *Indriya Sahajāta Aññamañña Nissaya Vipāka Magga Sampayutta Atthi Avigatanti ekam* - Quyền Câu Sanh Hổ Tương Y Chỉ Dị Thục Quả Đồ Đạo Tương Ứng Hiện Hữu Bất Ly một.
8. *Indriya Sahajāta Nissaya Vipāka Magga Vippayutta Atthi Avigatanti ekam* - Quyền Câu Sanh Y Chỉ Dị Thục Quả Đồ Đạo Bất Tương Ứng Hiện Hữu Bất Ly một.
9. *Indriya Sahajāta Aññamañña Nissaya Vipāka Magga Vippayutta Atthi Avigatanti ekam* - Quyền Câu Sanh Hổ Tương Y Chỉ Dị Thục Quả Đồ Đạo Bất Tương Ứng Hiện Hữu Bất Ly một.

(*Savipākam 5 – 5 Hữu Dị Thục Quả*)

9 HỮU THIỀN NA HIỆP LỰC (SAJHĀNAGHATANĀ 9)

- [490] 1. *Indriya Sahajāta Nissaya Jhāna Atthi Avigatanti satta* - Quyền Câu Sanh Y Chỉ Thiền Na Hiện Hữu Bất Ly bảy.
2. *Indriya Sahajāta Aññamañña Nissaya Jhāna Atthi Avigatanti tīni* - Quyền Câu Sanh Hổ Tương Y Chỉ Thiền Na Hiện Hữu Bất Ly ba.
3. *Indriya Sahajāta Aññamañña Nissaya Jhāna Sampayutta Atthi Avigatanti tīni* - Quyền Câu Sanh Hổ Tương Y Chỉ Thiền Na Tương Ứng Hiện Hữu Bất Ly ba.
4. *Indriya Sahajāta Nissaya Jhāna Vippayutta Atthi Avigatanti tīni* - Quyền Câu Sanh Y Chỉ Thiền Na Bất Tương Ứng Hiện Hữu Bất Ly ba.

(Avipākam 4 – 4 Vô Dị Thực Quả)

5. *Indriya Sahajāta Nissaya Vipāka Jhāna Atthi Avigatanti ekam* - Quyền Câu Sanh Y Chỉ Dị Thực Quả Thiền Na Hiện Hữu Bất Ly một.
6. *Indriya Sahajāta Aññamañña Nissaya Vipāka Jhāna Atthi Avigatanti ekam* - Quyền Câu Sanh Hổ Tương Y Chỉ Dị Thực Quả Thiền Na Hiện Hữu Bất Ly một.
7. *Indriya Sahajāta Aññamañña Nissaya Vipāka Jhāna Sampayutta Atthi Avigatanti ekam* - Quyền Câu Sanh Hổ Tương Y Chỉ Dị Thực Quả Thiền Na Tương Ứng Hiện Hữu Bất Ly một.
8. *Indriya Sahajāta Nissaya Vipāka Jhāna Vippayutta Atthi Avigatanti ekam* - Quyền Câu Sanh Y Chỉ Dị Thực Quả Thiền Na Bất Tương Ứng Hiện Hữu Bất Ly một.
9. *Indriya Sahajāta Aññamañña Nissaya Vipāka Jhāna Vippayutta Atthi Avigatanti ekam* - Quyền Câu Sanh Hổ Tương Y Chỉ Dị Thực Quả Thiền Na Bất Tương Ứng Hiện Hữu Bất Ly một.

(Savipākam 5 - 5 Hữu Dị Thực Quả)

9 HỮU THIỀN – ĐẠO HIỆP LỰC (SAJHĀNAMAGGAGHATANĀ 9)

- [491] 1. *Indriya Sahajāta Nissaya Jhāna Magga Atthi Avigatanti satta* - Quyền Câu Sanh Y Chỉ Thiền na Đồ Đạo Hiện Hữu Bất Ly bảy.

2. *Indriya Sahajāta Aññamañña Nissaya Jhāna Magga Atthi Avigatanti tīni* - Quyền Câu Sanh Hổ Tương Y Chỉ Thiên Na Đồ Đạo Hiện Hữu Bất Ly ba.
3. *Indriya Sahajāta Aññamañña Nissaya Jhāna Magga Sampayutta Atthi Avigatanti tīni* - Quyền Câu Sanh Hổ Tương Y Chỉ Thiên Na Đồ Đạo Tương Ứng Hiện Hữu Bất Ly ba.
4. *Indriya Sahajāta Nissaya Jhāna Magga Vippayutta Atthi Avigatanti tīni* - Quyền Câu Sanh Y Chỉ Thiên Na Đồ Đạo Bất Tương Ứng Hiện Hữu Bất Ly ba.

(*Avipākam 4 – 4 Vô Dị Thực Quả*)

5. *Indriya Sahajāta Nissaya Vipāka Jhāna Magga Atthi Avigatanti ekam* - Quyền Câu Sanh Y Chỉ Dị Thực Quả Thiên Na Đồ Đạo Hiện Hữu Bất Ly một.
6. *Indriya Sahajāta Aññamañña Nissaya Vipāka Jhāna Magga Atthi Avigatanti ekam* - Quyền Câu Sanh Hổ Tương Y Chỉ Dị Thực Quả Thiên Na Đồ Đạo Hiện Hữu Bất Ly một.
7. *Indriya Sahajāta Aññamañña Nissaya Vipāka Jhāna Magga Sampayutta Atthi Avigatanti ekam* - Quyền Câu Sanh Hổ Tương Y Chỉ Dị Thực Quả Thiên Na Đồ Đạo Tương Ứng Hiện Hữu Bất Ly một.
8. *Indriya Sahajāta Nissaya Vipāka Jhāna Magga Vippayutta Atthi Avigatanti ekam* - Quyền Câu Sanh Y Chỉ Dị Thực Quả Thiên Na Đồ Đạo Bất Tương Ứng Hiện Hữu Bất Ly một.
9. *Indriya Sahajāta Aññamañña Nissaya Vipāka Jhāna Magga Vippayutta Atthi Avigatanti ekam* - Quyền Câu Sanh Hổ Tương Y Chỉ Dị Thực Quả Thiên Na Đồ Đạo Bất Tương Ứng Hiện Hữu Bất Ly một.

(*Savipākam 5 – 5 Hữu Dị Thực Quả*)

9 HỮU VẬT THỰC HIỆP LỰC (SĀHĀRAGHATANĀ 9)

- [492] 1. *Indriya Sahajāta Nissaya Āhāra Atthi Avigatanti satta* - Quyền Câu Sanh Y Chỉ Vật Thực Hiện Hữu Bất Ly bảy.
2. *Indriya Sahajāta Aññamañña Nissaya Āhāra Atthi Avigatanti tīni* - Quyền Câu Sanh Hổ Tương Y Chỉ Vật Thực Hiện Hữu Bất Ly ba.
 3. *Indriya Sahajāta Aññamañña Nissaya Āhāra Sampayutta Atthi Avigatanti tīni* - Quyền Câu Sanh Hổ Tương Y Chỉ Vật Thực Tương Ứng Hiện Hữu

Bất Ly ba.

4. *Indriya Sahajāta Nissaya Āhāra Vippayutta Atthi Avigatanti tīni* - Quyền Câu Sanh Y Chỉ Vật Thực Bất Tương Ứng Hiện Hữu Bất Ly ba.
(*Avipākam 4 - 4 Vô Dị Thực Quả*)

5. *Indriya Sahajāta Nissaya Vipāka Āhāra Atthi Avigatanti ekam* - Quyền Câu Sanh Y Chỉ Dị Thực Quả Vật Thực Hiện Hữu Bất Ly một.
6. *Indriya Sahajāta Aññamañña Nissaya Vipāka Āhāra Atthi Avigatanti ekam* - Quyền Câu Sanh Hổ Tương Y Chỉ Dị Thực Quả Vật Thực Hiện Hữu Bất Ly một.
7. *Indriya Sahajāta Aññamañña Nissaya Vipāka Āhāra Sampayutta Atthi Avigatanti ekam* - Quyền Câu Sanh Hổ Tương Y Chỉ Dị Thực Quả Vật Thực Tương Ứng Hiện Hữu Bất Ly một.
8. *Indriya Sahajāta Nissaya Vipāka Āhāra Vippayutta Atthi Avigatanti ekam* - Quyền Câu Sanh Y Chỉ Dị Thực Quả Vật Thực Bất Tương Ứng Hiện Hữu Bất Ly một.
9. *Indriya Sahajāta Aññamañña Nissaya Vipāka Āhāra Vippayutta Atthi Avigatanti ekam* - Quyền Câu Sanh Hổ Tương Y Chỉ Dị Thực Quả Vật Thực Bất Tương Ứng Hiện Hữu Bất Ly một.
(*Savipākam 5 – 5 Hữu Dị Thực Quả*)

6 HỮU TRƯỞNG – VẬT THỰC HIỆP LỰC (SĀDHIPATĪĀHĀRAGHATANĀ 6)

- [493] 1. *Indriya Adhipati Sahajāta Nissaya Āhāra Atthi Avigatanti satta* - Quyền Trưởng Câu Sanh Y Chỉ Vật Thực Hiện Hữu Bất Ly bảy.
2. *Indriya Adhipati Sahajāta Aññamañña Nissaya Āhāra Sampayutta Atthi Avigatanti tīni* - Quyền Trưởng Câu Sanh Hổ Tương Y Chỉ Vật Thực Tương Ứng Hiện Hữu Bất Ly ba.
3. *Indriya Adhipati Sahajāta Nissaya Āhāra Vippayutta Atthi Avigatanti tīni* - Quyền Trưởng Câu Sanh Y Chỉ Vật Thực Bất Tương Ứng Hiện Hữu Bất Ly ba.
(*Avipākam 3 – 3 Vô Dị Thực Quả*)

4. *Indriya Adhipati Sahajāta Nissaya Vipāka Āhāra Atthi Avigatanti ekam* - Quyền Trưởng Câu Sanh Y Chỉ Dị Thực Quả Vật Thực Hiện Hữu Bất Ly một.

5. *Indriya Adhipati Sahajāta Aññamañña Nissaya Vipāka Āhāra Sampayutta Atthi Avigatanti ekam* - Quyền Trưởng Câu Sanh Hổ Tương Y Chỉ Dị Thực Quả Vật Thực Tương Ứng Hiện Hữu Bất Ly một.
6. *Indriya Adhipati Sahajāta Nissaya Vipāka Āhāra Vippayutta Atthi Avigatanti ekam* - Quyền Trưởng Câu Sanh Y Chỉ Dị Thực Quả Vật Thực Bất Tương Ứng Hiện Hữu Bất Ly một.

(Savipākam 3 – 3 Hữu Dị Thực Quả)

6 HỮU TRƯỞNG – ĐẠO HIỆP LỰC (SĀDHIPATIMAGGAGHATANĀ 6)

- [494] 1. *Indriya Adhipati Sahajāta Nissaya Magga Atthi Avigatanti satta* - Quyền Trưởng Câu Sanh Y Chỉ Đồ Đạo Hiện Hữu Bất Ly bảy.
2. *Indriya Adhipati Sahajāta Aññamañña Nissaya Magga Sampayutta Atthi Avigatanti tīni* - Quyền Trưởng Câu Sanh Hổ Tương Y Chỉ Đồ Đạo Tương Ứng Hiện Hữu Bất Ly ba.
3. *Indriya Adhipati Sahajāta Nissaya Magga Vippayutta Atthi Avigatanti tīni* - Quyền Trưởng Câu Sanh Y Chỉ Đồ Đạo Bất Tương Ứng Hiện Hữu Bất Ly ba.

(Avipākam 3 – 3 Vô Dị Thực Quả)

4. *Indriya Adhipati Sahajāta Nissaya Vipāka Magga Atthi Avigatanti ekam* - Quyền Trưởng Câu Sanh Y Chỉ Dị Thực Quả Đồ Đạo Hiện Hữu Bất Ly một.
5. *Indriya Adhipati Sahajāta Aññamañña Nissaya Vipāka Magga Sampayutta Atthi Avigatanti ekam* - Quyền Trưởng Câu Sanh Hổ Tương Y Chỉ Dị Thực Quả Đồ Đạo Tương Ứng Hiện Hữu Bất Ly một.
6. *Indriya Adhipati Sahajāta Nissaya Vipāka Magga Vippayutta Atthi Avigatanti ekam* - Quyền Trưởng Câu Sanh Y Chỉ Dị Thực Quả Đồ Đạo Bất Tương Ứng Hiện Hữu Bất Ly một.

(Savipākam 3 – 3 Hữu Dị Thực Quả)

9 HỮU NHÂN – ĐẠO HIỆP LỰC. (SAHETUMAGGAGHATANĀ 9)

- [495] 1. *Indriya Hetu Sahajāta Nissaya Magga Atthi Avigatanti cattāri* - Quyền Nhân Câu Sanh Y Chỉ Đồ Đạo Hiện Hữu Bất Ly bốn.

2. *Indriya Hetu Sahajāta Aññamañña Nissaya Magga Atthi Avigatanti dve* - Quyền Nhân Câu Sanh Hổ Tương Y Chỉ Đồ Đạo Hiện Hữu Bất Ly hai.
3. *Indriya Hetu Sahajāta Aññamañña Nissaya Magga Sampayutta Atthi Avigatanti dve* - Quyền Nhân Câu Sanh Hổ Tương Y Chỉ Đồ Đạo Tương Ứng Hiện Hữu Bất Ly hai.
4. *Indriya Hetu Sahajāta Nissaya Magga Vippayutta Atthi Avigatanti dve* - Quyền Nhân Câu Sanh Y Chỉ Đồ Đạo Bất Tương Ứng Hiện Hữu Bất Ly hai.
(Avipākam 4 – 4 Vô Dị Thực Quả)

5. *Indriya Hetu Sahajāta Nissaya Vipāka Magga Atthi Avigatanti ekam* - Quyền Nhân Câu Sanh Y Chỉ Dị Thực Quả Đồ Đạo Hiện Hữu Bất Ly một.
6. *Indriya Hetu Sahajāta Aññamañña Nissaya Vipāka Magga Atthi Avigatanti ekam* - Quyền Nhân Câu Sanh Hổ Tương Y Chỉ Dị Thực Quả Đồ Đạo Hiện Hữu Bất Ly một.
7. *Indriya Hetu Sahajāta Aññamañña Nissaya Vipāka Magga Sampayutta Atthi Avigatanti ekam* - Quyền Nhân Câu Sanh Hổ Tương Y Chỉ Dị Thực Quả Đồ Đạo Tương Ứng Hiện Hữu Bất Ly một.
8. *Indriya Hetu Sahajāta Nissaya Vipāka Magga Vippayutta Atthi Avigatanti ekam* - Quyền Nhân Câu Sanh Y Chỉ Dị Thực Quả Đồ Đạo Bất Tương Ứng Hiện Hữu Bất Ly một.
9. *Indriya Hetu Sahajāta Aññamañña Nissaya Vipāka Magga Vippayutta Atthi Avigatanti ekam* - Quyền Nhân Câu Sanh Hổ Tương Y Chỉ Dị Thực Quả Đồ Đạo Bất Tương Ứng Hiện Hữu Bất Ly một.
(Savipākam 5 – 5 Hữu Dị Thực Quả)

6 HỮU NHÂN – TRƯỞNG – ĐẠO HIỆP LỰC (SAHETUADHIPATIMAGGAGHATANĀ 6)

- [496] 1. *Indriya Hetu Adhipati Sahajāta Nissaya Magga Atthi Avigatanti cattāri* - Quyền Nhân Trưởng Câu Sanh Y Chỉ Đồ Đạo Hiện Hữu Bất Ly bốn.
2. *Indriya Hetu Adhipati Sahajāta Aññamañña Nissaya Magga Sampayutta Atthi Avigatanti dve* - Quyền Nhân Trưởng Câu Sanh Hổ Tương Y Chỉ Đồ Đạo Tương Ứng Hiện Hữu Bất Ly hai.
 3. *Indriya Hetu Adhipati Sahajāta Nissaya Magga Vippayutta Atthi Avigatanti dve* - Quyền Nhân Trưởng Câu Sanh Y Chỉ Đồ Đạo Bất Tương Ứng Hiện Hữu Bất Ly hai.

(*Avipākam 3 – 3 Vô Dị Thục Quả*)

4. *Indriya Hetu Adhipati Sahajāta Nissaya Vipāka Magga Atthi Avigatanti ekam* - Quyền Nhân Trưởng Câu Sanh Y Chỉ Dị Thục Quả Đồ Đạo Hiện Hữu Bất Ly một.
5. *Indriya Hetu Adhipati Sahajāta Aññamañña Nissaya Vipāka Magga Sampayutta Atthi Avigatanti ekam* - Quyền Nhân Trưởng Câu Sanh Hổ Tương Y Chỉ Dị Thục Quả Đồ Đạo Tương Ứng Hiện Hữu Bất Ly một.
6. *Indriya Hetu Adhipati Sahajāta Nissaya Vipāka Magga Vippayutta Atthi Avigatanti ekam* - Quyền Nhân Trưởng Câu Sanh Y Chỉ Dị Thục Quả Đồ Đạo Bất Tương Ứng Hiện Hữu Bất Ly một.

(*Savipākam 3 – 3 Hữu Dị Thục Quả*)

KẾT THÚC QUYỀN CĂN INDRIYAMŪLAKAM NITTHITAM

THIỀN NA TÁU HỢP (JHĀNASABHĀGAM)

[497] *Jhānapaccayā Sahajāte satta, Aññamaññe tīni, Nissaye satta, Vipāke ekam, Indriye satta, Magge satta, Sampayutte tīni, Vippayutte tīni, Atthiyā satta, Avigate satta. (10)*

Thiền Na Duyên Câu Sanh bảy, Hổ Tương ba, Y Chỉ bảy, Dị Thục Quả một, Quyền bảy, Đồ Đạo bảy, Tương Ứng ba, Bất Tương Ứng ba, Hiện Hữu bảy, Bất Ly bảy. (10)

9 BIẾN HÀNH HIỆP LỰC (SĀMANNAGHATANĀ 9)

- [498] 1. *Jhāna Sahajāta Nissaya Atthi Avigatanti satta* - Thiền Na Câu Sanh Y Chỉ Hiện Hữu Bất Ly bảy.
2. *Jhāna Sahajāta Aññamañña Nissaya Atthi Avigatanti tīni* - Thiền Na Câu Sanh Hổ Tương Y Chỉ Hiện Hữu Bất Ly ba.
3. *Jhāna Sahajāta Aññamañña Nissaya Sampayutta Atthi Avigatanti tīni* - Thiền Na Câu Sanh Hổ Tương Y Chỉ Tương Ứng Hiện Hữu Bất Ly ba.

4. *Jhāna Sahajāta Nissaya Vippayutta Atthi Avigatanti tīni* - Thiền Na Câu Sanh Y Chỉ Bất Tương Ứng Hiện Hữu Bất Ly ba.

(Avipākam 4 – 4 Vô Dị Thực Quả)

5. *Jhāna Sahajāta Nissaya Vipāka Atthi Avigatanti ekam* - Thiền Na Câu Sanh Y Chỉ Dị Thực Quả Hiện Hữu Bất Ly một.

6. *Jhāna Sahajāta Aññamañña Nissaya Vipāka Atthi Avigatanti ekam* - Thiền Na Câu Sanh Hổ Tương Y Chỉ Dị Thực Quả Hiện Hữu Bất Ly một.

7. *Jhāna Sahajāta Aññamañña Nissaya Vipāka Sampayutta Atthi Avigatanti ekam* - Thiền Na Câu Sanh Hổ Tương Y Chỉ Dị Thực Quả Tương Ứng Hiện Hữu Bất Ly một.

8. *Jhāna Sahajāta Nissaya Vipāka Vippayutta Atthi Avigatanti ekam* - Thiền Na Câu Sanh Y Chỉ Dị Thực Quả Bất Tương Ứng Hiện Hữu Bất Ly một.

9. *Jhāna Sahajāta Aññamañña Nissaya Vipāka Vippayutta Atthi Avigatanti ekam* - Thiền Na Câu Sanh Hổ Tương Y Chỉ Dị Thực Quả Bất Tương Ứng Hiện Hữu Bất Ly một.

(Savipākam 5 – 5 Hữu Dị Thực Quả)

9 HỮU QUYỀN HIỆP LỰC (SAINDRIYAGHATANĀ 9)

- [499] 1. *Jhāna Sahajāta Nissaya Indriya Atthi Avigatanti satta* - Thiền Na Câu Sanh Y Chỉ Quyền Hiện Hữu Bất Ly bảy.

2. *Jhāna Sahajāta Aññamañña Nissaya Indriya Atthi Avigatanti tīni* - Thiền Na Câu Sanh Hổ Tương Y Chỉ Quyền Hiện Hữu Bất Ly ba.

3. *Jhāna Sahajāta Aññamañña Nissaya Indriya Sampayutta Atthi Avigatanti tīni* - Thiền Na Câu Sanh Hổ Tương Y Chỉ Quyền Tương Ứng Hiện Hữu Bất Ly ba.

4. *Jhāna Sahajāta Nissaya Indriya Vippayutta Atthi Avigatanti tīni* - Thiền Na Câu Sanh Y Chỉ Quyền Bất Tương Ứng Hiện Hữu Bất Ly ba.

(Avipākam 4 – 4 Vô Dị Thực Quả)

5. *Jhāna Sahajāta Nissaya Vipāka Indriya Atthi Avigatanti ekam* - Thiền Na Câu Sanh Y Chỉ Dị Thực Quả Quyền Hiện Hữu Bất Ly một.

6. *Jhāna Sahajāta Aññamañña Nissaya Vipāka Indriya Atthi Avigatanti ekam* - Thiền Na Câu Sanh Hổ Tương Y Chỉ Dị Thực Quả Quyền Hiện Hữu Bất Ly một.

7. *Jhāna Sahajāta Aññamañña Nissaya Vipāka Indriya Sampayutta Atthi Avigatanti ekam* - Thiền Na Câu Sanh Hổ Tương Y Chỉ Dị Thục Quả Quyền Tương Ứng Hiện Hữu Bất Ly một.
8. *Jhāna Sahajāta Nissaya Vipāka Indriya Vippayutta Atthi Avigatanti ekam*- Thiền Na Câu Sanh Y Chỉ Dị Thục Quả Quyền Bất Tương Ứng Hiện Hữu Bất Ly một.
9. *Jhāna Sahajāta Aññamañña Nissaya Vipāka Indriya Vippayutta Atthi Avigatanti ekam* - Thiền Na Câu Sanh Hổ Tương Y Chỉ Dị Thục Quả Quyền Bất Tương Ứng Hiện Hữu Bất Ly một.
(*Savipākam 5 – 5 Hữu Dị Thục Quả*)

9 HỮU ĐẠO HIỆP LỰC (SAMAGGAGHATANĀ 9)

- [500] 1. *Jhāna Sahajāta Nissaya Magga Atthi Avigatanti satta* - Thiền Na Câu Sanh Y Chỉ Đồ Đạo Hiện Hữu Bất Ly bảy.
2. *Jhāna Sahajāta Aññamañña Nissaya Magga Atthi Avigatanti tīni* - Thiền Na Câu Sanh Hổ Tương Y Chỉ Đồ Đạo Hiện Hữu Bất Ly ba.
3. *Jhāna Sahajāta Aññamañña Nissaya Magga Sampayutta Atthi Avigatanti tīni* - Thiền Na Câu Sanh Hổ Tương Y Chỉ Đồ Đạo Tương Ứng Hiện Hữu Bất Ly ba.
4. *Jhāna Sahajāta Nissaya Magga Vippayutta Atthi Avigatanti tīni* - Thiền Na Câu Sanh Y Chỉ Đồ Đạo Bất Tương Ứng Hiện Hữu Bất Ly ba.
(*Avipākam 4 – 4 Vô Dị Thục Quả*)
5. *Jhāna Sahajāta Nissaya Vipāka Magga Atthi Avigatanti ekam* - Thiền Na Câu Sanh Y Chỉ Dị Thục Quả Đồ Đạo Hiện Hữu Bất Ly một.
6. *Jhāna Sahajāta Aññamañña Nissaya Vipāka Magga Atthi Avigatanti ekam* - Thiền Na Câu Sanh Hổ Tương Y Chỉ Dị Thục Quả Đồ Đạo Hiện Hữu Bất Ly một.
7. *Jhāna Sahajāta Aññamañña Nissaya Vipāka Magga Sampayutta Atthi Avigatanti ekam* - Thiền na Câu Sanh Hổ Tương Y Chỉ Dị Thục Quả Đồ Đạo Tương Ứng Hiện Hữu Bất Ly một.
8. *Jhāna Sahajāta Nissaya Vipāka Magga Vippayutta Atthi Avigatanti ekam* - Thiền Na Câu Sanh Y Chỉ Dị Thục Quả Đồ Đạo Bất Tương Ứng Hiện Hữu Bất Ly một.

9. *Jhāna Sahajāta Aññamañña Nissaya Vipāka Magga Vippayutta Atthi Avigatanti ekam* - Thiền Na Câu Sanh Hổ Tương Y Chỉ Dị Thục Quả Đồ Đạo Bất Tương Ứng Hiện Hữu Bất Ly một.

(*Savipākam 5 – 5 Hữu Dị Thục Quả*)

**9 HỮU QUYỀN – ĐẠO HIỆP LỰC
(SAINDRIYAMAGGAGHATANĀ 9)**

- [501] 1. *Jhāna Sahajāta Nissaya Indriya Magga Atthi Avigatanti satta* - Thiền Na Câu Sanh Y Chỉ Quyền Đồ Đạo Hiện Hữu Bất Ly bảy.
2. *Jhāna Sahajāta Aññamañña Nissaya Indriya Magga Atthi Avigatanti tīni* - Thiền Na Câu Sanh Hổ Tương Y Chỉ Quyền Đồ Đạo Hiện Hữu Bất Ly ba.
3. *Jhāna Sahajāta Aññamañña Nissaya Indriya Magga Sampayutta Atthi Avigatanti tīni* - Thiền Na Câu Sanh Hổ Tương Y Chỉ Quyền Đồ Đạo Tương Ứng Hiện Hữu Bất Ly ba.
4. *Jhāna Sahajāta Nissaya Indriya Magga Vippayutta Atthi Avigatanti tīni* - Thiền Na Câu Sanh Y Chỉ Quyền Đồ Đạo Bất Tương Ứng Hiện Hữu Bất Ly ba.

(*Avipākam 4 – 4 Vô Dị Thục Quả*)

5. *Jhāna Sahajāta Nissaya Vipāka Indriya Magga Atthi Avigatanti ekam* - Thiền Na Câu Sanh Y Chỉ Dị Thục Quả Quyền Đồ Đạo Hiện Hữu Bất Ly một.
6. *Jhāna Sahajāta Aññamañña Nissaya Vipāka Indriya Magga Atthi Avigatanti ekam* - Thiền Na Câu Sanh Hổ Tương Y Chỉ Dị Thục Quả Quyền Đồ Đạo Hiện Hữu Bất Ly một.
7. *Jhāna Sahajāta Aññamañña Nissaya Vipāka Indriya Magga Sampayutta Atthi Avigatanti ekam* - Thiền Na Câu Sanh Hổ Tương Y Chỉ Dị Thục Quả Quyền Đồ Đạo Tương Ứng Hiện Hữu Bất Ly một.
8. *Jhāna Sahajāta Nissaya Vipāka Indriya Magga Vippayutta Atthi Avigatanti ekam* - Thiền Na Câu Sanh Y Chỉ Dị Thục Quả Quyền Đồ Đạo Bất Tương Ứng Hiện Hữu Bất Ly một.
9. *Jhāna Sahajāta Aññamañña Nissaya Vipāka Indriya Magga Vippayutta Atthi Avigatanti ekam* - Thiền Na Câu Sanh Hổ Tương Y Chỉ Dị Thục Quả Quyền Đồ Đạo Bất Tương Ứng Hiện Hữu Bất Ly một.

(*Savipākam 5 – 5 Hữu Dị Thục Quả*)

KẾT THÚC THIỀN NA CĂN
JHĀNAMŪLAKAM NITTHITAM

ĐỒ ĐẠO TÀU HỢP (MAGGASABHĀGAM)

[502] *Maggapaccayā Hetuyā cattāri, Adhipatiyā satta, Sahajāte satta, Annamanne tīni, Nissaye satta, Vipāke ekam, Indriye satta, Jhāne satta, Sampayutte tīni, Vippayutte tīni, Atthiyā satta, Avigate satta. (12)*

Đồ Đạo Duyên Nhân bốn, Trưởng bảy, Câu Sanh bảy, Hổ Tương ba, Y Chỉ bảy, Dị Thục Quả một, Quyền bảy, Thiền Na bảy, Tương Ứng ba, Bất Tương Ứng ba, Hiện Hữu bảy, Bất Ly bảy. (12)

9 ĐẠO BIẾN HÀNH HIỆP LỰC
(MAGGASĀMANNAGHATANĀ 9)

- [503] 1. *Magga Sahajāta Nissaya Atthi Avigatanti satta* - Đồ Đạo Câu Sanh Y Chỉ Hiện Hữu Bất Ly bảy.
2. *Magga Sahajāta Aññamañña Nissaya Atthi Avigatanti tīni* - Đồ Đạo Câu Sanh Hổ Tương Y Chỉ Hiện Hữu Bất Ly ba.
3. *Magga Sahajāta Aññamañña Nissaya Sampayutta Atthi Avigatanti tīni* - Đồ Đạo Câu Sanh Hổ Tương Y Chỉ Tương Ứng Hiện Hữu Bất Ly ba.
4. *Magga Sahajāta Nissaya Vippayutta Atthi Avigatanti tīni* - Đồ Đạo Câu Sanh Y Chỉ Bất Tương Ứng Hiện Hữu Bất Ly ba.

(*Avipākam 4 – 4 Vô Dị Thục Quả*)

5. *Magga Sahajāta Nissaya Vipāka Atthi Avigatanti ekam* - Đồ Đạo Câu Sanh Y Chỉ Dị Thục Quả Hiện Hữu Bất Ly một.
6. *Magga Sahajāta Aññamañña Nissaya Vipāka Atthi Avigatanti ekam* - Đồ Đạo Câu Sanh Hổ Tương Y Chỉ Dị Thục Quả Hiện Hữu Bất Ly một.
7. *Magga Sahajāta Aññamañña Nissaya Vipāka Sampayutta Atthi Avigatanti ekam* - Đồ Đạo Câu Sanh Hổ Tương Y Chỉ Dị Thục Quả Tương Ứng Hiện Hữu Bất Ly một.
8. *Magga Sahajāta Nissaya Vipāka Vippayutta Atthi Avigatanti ekam* - Đồ Đạo Câu Sanh Y Chỉ Dị Thục Quả Bất Tương Ứng Hiện Hữu Bất Ly một.

9. *Magga Sahajāta Aññamañña Nissaya Vipāka Vippayutta Atthi Avigatanti ekam* - Đồ Đạo Câu Sanh Hổ Tương Y Chỉ Dị Thục Quả Bất Tương Ứng Hiện Hữu Bất Ly một.

(Savipākam 5 – 5 Hữu Dị Thục Quả)

9 HỮU QUYỀN HIỆP LỰC (SAINDRIYAGHATANĀ 9)

- [504] 1. *Magga Sahajāta Nissaya Indriya Atthi Avigatanti satta* - Đồ Đạo Câu Sanh Y Chỉ Quyền Hiện Hữu Bất Ly bảy.
2. *Magga Sahajāta Aññamañña Nissaya Indriya Atthi Avigatanti tīni* - Đồ Đạo Câu Sanh Hổ Tương Y Chỉ Quyền Hiện Hữu Bất Ly ba.
3. *Magga Sahajāta Aññamañña Nissaya Indriya Sampayutta Atthi Avigatanti tīni* - Đồ Đạo Câu Sanh Hổ Tương Y Chỉ Quyền Tương Ứng Hiện Hữu Bất Ly ba.
4. *Magga Sahajāta Nissaya Indriya Vippayutta Atthi Avigatanti tīni* - Đồ Đạo Câu Sanh Y Chỉ Quyền Bất Tương Ứng Hiện Hữu Bất Ly ba.

(Avipākam 4 – 4 Vô Dị Thục Quả)

5. *Magga Sahajāta Nissaya Vipāka Indriya Atthi Avigatanti ekam* - Đồ Đạo Câu Sanh Y Chỉ Dị Thục Quả Quyền Hiện Hữu Bất Ly một.
6. *Magga Sahajāta Aññamañña Nissaya Vipāka Indriya Atthi Avigatanti ekam* - Đồ Đạo Câu Sanh Hổ Tương Y Chỉ Dị Thục Quả Quyền Hiện Hữu Bất Ly một.
7. *Magga Sahajāta Aññamañña Nissaya Vipāka Indriya Sampayutta Atthi Avigatanti ekam* - Đồ Đạo Câu Sanh Hổ Tương Y Chỉ Dị Thục Quả Quyền Tương Ứng Hiện Hữu Bất Ly một.
8. *Magga Sahajāta Nissaya Vipāka Indriya Vippayutta Atthi Avigatanti ekam* - Đồ Đạo Câu Sanh Y Chỉ Dị Thục Quả Quyền Bất Tương Ứng Hiện Hữu Bất Ly một.
9. *Magga Sahajāta Aññamañña Nissaya Vipāka Indriya Vippayutta Atthi Avigatanti ekam* - Đồ Đạo Câu Sanh Hổ Tương Y Chỉ Dị Thục Quả Quyền Bất Tương Ứng Hiện Hữu Bất Ly một.

(Savipākam 5 – 5 Hữu Dị Thục Quả)

9 HỮU THIỀN NA HIỆP LỰC (SAJHĀNAGHATANĀ 9)

- [505] 1. *Magga Sahajāta Nissaya Jhāna Atthi Avigatanti satta* - Đồ Đạo Câu Sanh Y Chỉ Thiền Na Hiện Hữu Bất Ly bảy.
2. *Magga Sahajāta Aññamañña Nissaya Jhāna Atthi Avigatanti tīni* - Đồ Đạo Câu Sanh Hổ Tương Y Chỉ Thiền Na Hiện Hữu Bất Ly ba.
3. *Magga Sahajāta Aññamañña Nissaya Jhāna Sampayutta Atthi Avigatanti tīni* - Đồ Đạo Câu Sanh Hổ Tương Y Chỉ Thiền Na Tương Ứng Hiện Hữu Bất Ly ba.
4. *Magga Sahajāta Nissaya Jhāna Vippayutta Atthi Avigatanti tīni* - Đồ Đạo Câu Sanh Y Chỉ Thiền Na Bất Tương Ứng Hiện Hữu Bất Ly ba.

(*Avipākam 4 – 4 Vô Dị Thực Quả*)

5. *Magga Sahajāta Nissaya Vipāka Jhāna Atthi Avigatanti ekam* - Đồ Đạo Câu Sanh Y Chỉ Dị Thực Quả Thiền Na Hiện Hữu Bất Ly một.
6. *Magga Sahajāta Aññamañña Nissaya Vipāka Jhāna Atthi Avigatanti ekam* - Đồ Đạo Câu Sanh Hổ Tương Y Chỉ Dị Thực Quả Thiền Na Hiện Hữu Bất Ly một.
7. *Magga Sahajāta Aññamañña Nissaya Vipāka Jhāna Sampayutta Atthi Avigatanti ekam* - Đồ Đạo Câu Sanh Hổ Tương Y Chỉ Dị Thực Quả Thiền Na Tương Ứng Hiện Hữu Bất Ly một.
8. *Magga Sahajāta Nissaya Vipāka Jhāna Vippayutta Atthi Avigatanti ekam* - Đồ Đạo Câu Sanh Y Chỉ Dị Thực Quả Thiền Na Bất Tương Ứng Hiện Hữu Bất Ly một.
9. *Magga Sahajāta Aññamañña Nissaya Vipāka Jhāna Vippayutta Atthi Avigatanti ekam* - Đồ Đạo Câu Sanh Hổ Tương Y Chỉ Dị Thực Quả Thiền Na Bất Tương Ứng Hiện Hữu Bất Ly một.

(*Savipākam 5 – 5 Hữu Dị Thực Quả*)

9 HỮU QUYỀN – THIỀN NA HIỆP LỰC (SAINDRIYAJHĀNAGHATANĀ 9)

- [506] 1. *Magga Sahajāta Nissaya Indriya Jhāna Atthi Avigatanti satta* - Đồ Đạo Câu Sanh Y Chỉ Quyền Thiền Na Hiện Hữu Bất Ly bảy.

2. *Magga Sahajāta Aññamañña Nissaya Indriya Jhāna Atthi Avigatanti tīni* - Đồ Đạo Câu Sanh Hổ Tương Y Chỉ Quyền Thiền Na Hiện Hữu Bất Ly ba.
3. *Magga Sahajāta Aññamañña Nissaya Indriya Jhāna Sampayutta Atthi Avigatanti tīni* - Đồ Đạo Câu Sanh Hổ Tương Y Chỉ Quyền Thiền Na Tương Ứng Hiện Hữu Bất Ly ba.
4. *Magga Sahajāta Nissaya Indriya Jhāna Vippayutta Atthi Avigatanti tīni* - Đồ Đạo Câu Sanh Y Chỉ Quyền Thiền Na Bất Tương Ứng Hiện Hữu Bất Ly ba.

(Avipākam 4 – 4 Vô Dị Thực Quả)

5. *Magga Sahajāta Nissaya Vipāka Indriya Jhāna Atthi Avigatanti ekam* - Đồ Đạo Câu Sanh Y Chỉ Dị Thực Quả Quyền Thiền Na Hiện Hữu Bất Ly một.
6. *Magga Sahajāta Aññamañña Nissaya Vipāka Indriya Jhāna Atthi Avigatanti ekam* - Đồ Đạo Câu Sanh Hổ Tương Y Chỉ Dị Thực Quả Quyền Thiền Na Hiện Hữu Bất Ly một.
7. *Magga Sahajāta Aññamañña Nissaya Vipāka Indriya Jhāna Sampayutta Atthi Avigatanti ekam* - Đồ Đạo Câu Sanh Hổ Tương Y Chỉ Dị Thực Quả Quyền Thiền Na Tương Ứng Hiện Hữu Bất Ly một.
8. *Magga Sahajāta Nissaya Vipāka Indriya Jhāna Vippayutta Atthi Avigatanti ekam* - Đồ Đạo Câu Sanh Y Chỉ Dị Thực Quả Quyền Thiền Na Bất Tương Ứng Hiện Hữu Bất Ly một.
9. *Magga Sahajāta Aññamañña Nissaya Vipāka Indriya Jhāna Vippayutta Atthi Avigatanti ekam* - Đồ Đạo Câu Sanh Hổ Tương Y Chỉ Dị Thực Quả Quyền Thiền Na Bất Tương Ứng Hiện Hữu Bất Ly một.

(Savipākam 5 – 5 Hữu Dị Thực Quả)

6 HỮU TRƯỞNG – QUYỀN HIỆP LỰC (SĀDHIPATIINDRIYAGHATANĀ 6)

- [507] 1. *Magga Adhipati Sahajāta Nissaya Indriya Atthi Avigatanti satta* - Đồ Đạo Trưởng Câu Sanh Y Chỉ Quyền Hiện Hữu Bất Ly bảy.
2. *Magga Adhipati Sahajāta Aññamañña Nissaya Indriya Sampayutta Atthi Avigatanti tīni* - Đồ Đạo Trưởng Câu Sanh Hổ Tương Y Chỉ Quyền Tương Ứng Hiện Hữu Bất Ly ba.

3. *Magga Adhipati Sahajāta Nissaya Indriya Vippayutta Atthi Avigatanti tīni* - Đồ Đạo Trưởng Câu Sanh Y Chỉ Quyền Bất Tương Ứng Hiện Hữu Bất Ly ba.

(*Avipākam 3 – 3 Vô Dị Thục Quả*)

4. *Magga Adhipati Sahajāta Nissaya Vipāka Indriya Atthi Avigatanti ekam* - Đồ Đạo Trưởng Câu Sanh Y Chỉ Dị Thục Quả Quyền Hiện Hữu Bất Ly một.
5. *Magga Adhipati Sahajāta Aññamañña Nissaya Vipāka Indriya Sampayutta Atthi Avigatanti ekam* - Đồ Đạo Trưởng Câu Sanh Hổ Tương Y Chỉ Dị Thục Quả Quyền Tương Ứng Hiện Hữu Bất Ly một.
6. *Magga Adhipati Sahajāta Nissaya Vipāka Indriya Vippayutta Atthi Avigatanti ekam* - Đồ Đạo Trưởng Câu Sanh Y Chỉ Dị Thục Quả Quyền Bất Tương Ứng Hiện Hữu Bất Ly một.

(*Savipākam 3 – 3 Hữu Dị Thục Quả*)

9 HỮU NHÂN – QUYỀN HIỆP LỰC (SAHETUINDRIYAGHATANĀ 9)

- [508] 1. *Magga Hetu Sahajāta Nissaya Indriya Atthi Avigatanti cattāri* - Đồ Đạo Nhân Câu Sanh Y Chỉ Quyền Hiện Hữu Bất Ly bốn.
2. *Magga Hetu Sahajāta Aññamañña Nissaya Indriya Atthi Avigatanti dve* - Đồ Đạo Nhân Câu Sanh Hổ Tương Y Chỉ Quyền Hiện Hữu Bất Ly hai .
3. *Magga Hetu Sahajāta Aññamañña Nissaya Indriya Sampayutta Atthi Avigatanti dve* - Đồ Đạo Nhân Câu Sanh Hổ Tương Y Chỉ Quyền Tương Ứng Hiện Hữu Bất Ly hai.
4. *Magga Hetu Sahajāta Nissaya Indriya Vippayutta Atthi Avigatanti dve* - Đồ Đạo Nhân Câu Sanh Y Chỉ Quyền Bất Tương Ứng Hiện Hữu Bất Ly hai.

(*Avipākam 4 – 4 Vô Dị Thục Quả*)

5. *Magga Hetu Sahajāta Nissaya Vipāka Indriya Atthi Avigatanti ekam* - Đồ Đạo Nhân Câu Sanh Y Chỉ Dị Thục Quả Quyền Hiện Hữu Bất Ly một.
6. *Magga Hetu Sahajāta Aññamañña Nissaya Vipāka Indriya Atthi Avigatanti ekam* - Đồ Đạo Nhân Câu Sanh Hổ Tương Y Chỉ Dị Thục Quả Quyền Hiện Hữu Bất Ly một.
7. *Magga Hetu Sahajāta Aññamañña Nissaya Vipāka Indriya Sampayutta Atthi Avigatanti ekam* - Đồ Đạo Nhân Câu Sanh Hổ Tương Y Chỉ Dị Thục

Quả Quyền Tương Ứng Hiện Hữu Bất Ly một.

8. *Magga Hetu Sahajāta Nissaya Vipāka Indriya Vippayutta Atthi Avigatanti ekam* - Đồ Đạo Nhân Câu Sanh Y Chỉ Dị Thực Quả Quyền Bất Tương Ứng Hiện Hữu Bất Ly một.
9. *Magga Hetu Sahajāta Aññamañña Nissaya Vipāka Indriya Vippayutta Atthi Avigatanti ekam* - Đồ Đạo Nhân Câu Sanh Hổ Tương Y Chỉ Dị Thực Quả Quyền Bất Tương Ứng Hiện Hữu Bất Ly một.
(*Savipākam 5 – 5 Hữu Dị Thực Quả*)

6 HỮU NHÂN – TRƯỞNG – QUYỀN HIỆP LỰC (SAHETUADHIPATIINDRIYAGHATANĀ 6)

- [509] 1. *Magga Hetu Adhipati Sahajāta Nissaya Indriya Atthi Avigatanti cattāri* - Đồ Đạo Nhân Trưởng Câu Sanh Y Chỉ Quyền Hiện Hữu Bất Ly bốn.
2. *Magga Hetu Adhipati Sahajāta Aññamañña Nissaya Indriya Sampayutta Atthi Avigatanti dve* - Đồ Đạo Nhân Trưởng Câu Sanh Hổ Tương Y Chỉ Quyền Tương Ứng Hiện Hữu Bất Ly hai.
3. *Magga Hetu Adhipati Sahajāta Nissaya Indriya Vippayutta Atthi Avigatanti dve* - Đồ Đạo Nhân Trưởng Câu Sanh Y Chỉ Quyền Bất Tương Ứng Hiện Hữu Bất Ly hai.

(*Avipākam 3 – 3 Vô Dị Thực Quả*)

4. *Magga Hetu Adhipati Sahajāta Nissaya Vipāka Indriya Atthi Avigatanti ekam* - Đồ Đạo Nhân Trưởng Câu Sanh Y Chỉ Dị Thực Quả Quyền Hiện Hữu Bất Ly một.
5. *Magga Hetu Adhipati Sahajāta Aññamañña Nissaya Vipāka Indriya Sampayutta Atthi Avigatanti ekam* - Đồ Đạo Nhân Trưởng Câu Sanh Hổ Tương Y Chỉ Dị Thực Quả Quyền Tương Ứng Hiện Hữu Bất Ly một.
6. *Magga Hetu Adhipati Sahajāta Nissaya Vipāka Indriya Vippayutta Atthi Avigatanti ekam* - Đồ Đạo Nhân Trưởng Câu Sanh Y Chỉ Dị Thực Quả Quyền Bất Tương Ứng Hiện Hữu Bất Ly một.

(*Savipākam 3 – 3 Hữu Dị Thực Quả*)

KẾT THÚC ĐỒ ĐẠO CĂN MAGGAMŪLAKAM NITTHITAM

TƯƠNG ỨNG TÁU HỢP (SAMPAYUTTASABHĀGAM)

[510] *Sampayuttapaccayā Hetuyā tīni, Adhipatīyā tīni, Sahajāte tīni, Aññamaññe tīni, Nissaye tīni, Kamme tīni, Vipāke ekam, Āhāre tīni, Indriye tīni, Jhāne tīni, Magge tīni, Atthiyā tīni, Avigate tīni. (13)*

Tương Ứng Duyên Nhân ba, Trưởng ba, Câu Sanh ba, Hồ Tương ba, Y Chỉ ba, Nghiệp ba, Dị Thục Quả một, Vật Thục ba, Quyền ba, Thiên Na ba, Đồ Đạo ba, Hiện Hữu ba, Bất Ly ba. (13)

2 TƯƠNG ỨNG HIỆP LỰC (SAMPAYUTTAGHATANĀ 2)

[511] 1. *Sampayutta Sahajāta Aññamañña Nissaya Atthi Avigatanti tīni* - Tương Ứng Câu Sanh Hồ Tương Y Chỉ Hiện Hữu Bất Ly ba.

(Avipākam 1 – 1 Vô Dị Thục Quả)

2. *Sampayutta Sahajāta Aññamañña Nissaya Vipāka Atthi Avigatanti ekam* - Tương Ứng Câu Sanh Hồ Tương Y Chỉ Dị Thục Quả Hiện Hữu Bất Ly một.

(Savipākam 1 – 1 Hữu Dị Thục Quả)

KẾT THÚC TƯƠNG ỨNG CĂN SAMPAYUTTAMŪLAKAM NITTHITAM

BẤT TƯƠNG ỨNG TÁU HỢP VIPPAYUTTASABHĀGAM

[512] *Vippayuttapaccayā Hetuyā tīni, Ārammane tīni, Adhipatīyā cattāri, Sahajāte tīni, Aññamaññe ekam, Nissaye panca, Upanissaye ekam, Purejāte tīni, Pacchājāte tīni, Kamme tīni, Vipāke ekam, Āhāre tīni, Indriye tīni, Jhāne tīni, Magge tīni, Atthiyā panca, Avigate panca. (17)*

Bất Tương Ứng Duyên Nhân ba, Cảnh ba, Trưởng bốn, Câu Sanh ba, Hồ Tương một, Y Chỉ năm, Cận Y một, Tiền Sinh ba, Hậu Sanh ba, Nghiệp ba, Dị Thục Quả

một, Vật Thực ba, Quyền ba, Thiền Na ba, Đồ Đạo ba, Hiện Hữu năm, Bất Ly năm.
(17)

4 BẤT TƯƠNG ỨNG HỖN HỢP HIỆP LỰC (VIPPAYUTTAMISSAKAGHATANĀ 4)

- [513] 1. *Vippayutta Atthi Avigatanti panca* - Bất Tương Ứng Hiện Hữu Bất Ly năm.
2. *Vippayutta Nissaya Atthi Avigatanti panca* - Bất Tương Ứng Y Chỉ Hiện Hữu Bất Ly năm.
3. *Vippayutta Adhipati Nissaya Atthi Avigatanti cattāri* - Bất Tương Ứng Trưởng Y Chỉ Hiện Hữu Bất Ly bốn.
4. *Vippayutta Nissaya Indriya Atthi Avigatanti tīni* - Bất Tương Ứng Y Chỉ Quyền Hiện Hữu Bất Ly ba.

5 LINH TINH HIỆP LỰC (PAKINNAKAGHATANĀ 5)

- [514] 1. *Vippayutta Pacchājāta Atthi Avigatanti tīni* - Bất Tương Ứng Hậu Sanh Hiện Hữu Bất Ly ba.
2. *Vippayutta Nissaya Purejāta Atthi Avigatanti tīni* - Bất Tương Ứng Y Chỉ Tiền Sinh Hiện Hữu Bất Ly ba.
3. *Vippayutta Ārammana Nissaya Purejāta Atthi Avigatanti tīni* - Bất Tương Ứng Cảnh Y Chỉ Tiền Sinh Hiện Hữu Bất Ly ba.
4. *Vippayutta Ārammana Adhipati Nissaya Upanissaya Purejāta Atthi Avigatanti ekam* - Bất Tương Ứng Cảnh Trưởng Y Chỉ Cận Y Tiền Sinh Hiện Hữu Bất Ly một.
5. *Vippayutta Nissaya Purejāta Indriya Atthi Avigatanti ekam* - Bất Tương Ứng Y Chỉ Tiền Sinh Quyền Hiện Hữu Bất Ly một.

4 CÂU SANH HIỆP LỰC (SAHAJĀTAGHATANĀ 4)

- [515] 1. *Vippayutta Sahajāta Nissaya Atthi Avigatanti tīni* - Bất Tương Ứng Câu Sanh Y Chỉ Hiện Hữu Bất Ly ba.
2. *Vippayutta Sahajāta Annamanna Nissaya Atthi Avigatanti ekam* - Bất Tương Ứng Câu Sanh Hổ Tương Y Chỉ Hiện Hữu Bất Ly một.

(*Avipākam 2 – 2 Vô Dị Thục Quả*)

3. *Vippayutta Sahajāta Nissaya Vipāka Atthi Avigatanti ekam* - Bất Tương Ứng Câu Sanh Y Chỉ Dị Thục Quả Hiện Hữu Bất Ly một.
4. *Vippayutta Sahajāta Aññamañña Nissaya Vipāka Atthi Avigatanti ekam* - Bất Tương Ứng Câu Sanh Hổ Tương Y Chỉ Dị Thục Quả Hiện Hữu Bất Ly một.

(*Savipākam 2 – 2 Hữu Dị Thục Quả*)

KẾT THÚC BẤT TƯƠNG ỨNG CĂN VIPPAYUTTAMŪLAKAM NITTHITAM

HIỆN HỮU TÁU HỢP (ATTHISABHĀGAM)

[516] *Atthipaccayā Hetuyā satta, Ārammane tīni, Adhipatiyā attha, Sahajāte nava, Aññamaññe tīni, Nissaye terasa, Upanissaye ekam, Purejāte tīni, Pacchājate tīni, Kamme satta, Vipāke ekam, Āhāre satta, Indriye satta, Jhāne satta, Magge satta, Sampayutte tīni, Vippayutte panca, Avigate terasa. (18)*

Hiện Hữu Duyên Nhân bảy, Cảnh ba, Trường tám, Câu Sanh chín, Hổ Tương ba, Y Chỉ mười ba, Cận Y một, Tiền Sinh ba, Hậu Sanh ba, Nghiệp bảy, Dị Thục Quả một, Vật Thục bảy, Quyền bảy, Thiên Na bảy, Đồ Đạo bảy, Tương Ứng ba, Bất Tương Ứng năm, Bất Ly mười ba. (18)

11 HIỆN HỮU HỖN HỢP HIỆP LỰC (ATTHIMISSAKAGHATANĀ 11)

- [517] 1. *Atthi Avigatanti terasa* - Hiện Hữu Bất Ly mười ba.
2. *Atthi Nissaya Avigatanti terasa* - Hiện Hữu Y Chỉ Bất Ly mười ba.
3. *Atthi Adhipati Avigatanti attha* - Hiện Hữu Trường Bất Ly tám.
4. *Atthi Adhipati Nissaya Avigatanti attha* - Hiện Hữu Trường Y Chỉ Bất Ly tám.
5. *Atthi Āhāra Avigatanti satta* - Hiện Hữu Vật Thục Bất Ly bảy.
6. *Atthi Indriya Avigatanti satta* - Hiện Hữu Quyền Bất Ly bảy.
7. *Atthi Nissaya Indriya Avigatanti satta* - Hiện Hữu Y Chỉ Quyền Bất Ly bảy.

8. *Atthi Vippayutta Avigatanti panca* - Hiện Hữu Bất Tương Ứng Bất Ly năm.
9. *Atthi Nissaya Vippayutta Avigatanti panca* - Hiện Hữu Y Chỉ Bất Tương Ứng Bất Ly năm.
10. *Atthi Adhipati Nissaya Vippayutta Avigatanti cattāri* - Hiện Hữu Trưởng Y Chỉ bất Tương Ứng Bất Ly bốn.
11. *Atthi Nissaya Vippayutta Avigatanti tīni* - Hiện Hữu Y Chỉ Bất Tương Ứng Bất Ly ba.

8 LINH TINH HIỆP LỰC (PAKINNAKAGHATANĀ 8)

- [518] 1. *Atthi Pacchājāta Vippayutta Avigatanti tīni* - Hiện Hữu Hậu Sanh Bất Tương Ứng Bất Ly ba.
2. *Atthi Purejāta Avigatanti tīni* - Hiện Hữu Tiền Sinh Bất Ly ba.
3. *Atthi Nissaya Purejāta Vippayutta Avigatanti tīni* - Hiện Hữu Y Chỉ Tiền Sinh Bất Tương Ứng Bất Ly ba.
4. *Atthi Ārammana Purejāta Avigatanti tīni* - Hiện Hữu Cảnh Tiền Sinh Bất Ly ba.
5. *Atthi Ārammana Nissaya Purejāta Vippayutta Avigatanti tīni* - Hiện Hữu Cảnh Y Chỉ Tiền Sinh Bất Tương Ứng Bất Ly ba.
6. *Atthi Ārammana Adhipati Upanissaya Purejāta Avigatanti ekam* - Hiện Hữu Cảnh Trưởng Cận Y Tiền Sinh Bất Ly một.
7. *Atthi Ārammana Adhipati Nissaya Upanissaya Purejāta Vippayutta Avigatanti ekam* - Hiện Hữu Cảnh Trưởng Y Chỉ Cận Y Tiền Sinh Bất Tương Ứng Bất Ly một.
8. *Atthi Nissaya Purejāta Indriya Vippayutta Avigatanti ekam* - Hiện Hữu Y Chỉ Tiền Sinh Quyền Bất Tương Ứng Bất Ly một.

10 CÂU SANH HIỆP LỰC (SAHAJĀTAGHATANĀ 10)

- [519] 1. *Atthi Sahajāta Nissaya Avigatanti nava* - Hiện Hữu Câu Sanh Y Chỉ Bất Ly chín.
2. *Atthi Sahajāta Aññamañña Nissaya Avigatanti tīni* - Hiện Hữu Câu Sanh Hổ Tương Y Chỉ Bất Ly ba.

3. *Atthi Sahajāta Aññamañña Nissaya Sampayutta Avigatanti tīni* - Hiện Hữu Câu Sanh Hổ Tương Y Chỉ Tương Ứng Bất Ly ba.
4. *Atthi Sahajāta Nissaya Vippayutta Avigatanti tīni* - Hiện Hữu Câu Sanh Y Chỉ Bất Tương Ứng Bất Ly ba.
5. *Atthi Sahajāta Aññamañña Nissaya Vippayutta Avigatanti ekam* - Hiện Hữu Câu Sanh Hổ Tương Y Chỉ Bất Tương Ứng Bất Ly một.
(*Avipākam 5 – 5 Vô Dị Thục Quả*)
6. *Atthi Sahajāta Nissaya Vipāka Avigatanti ekam* - Hiện Hữu Câu Sanh Y Chỉ Dị Thục Quả Bất Ly một.
7. *Atthi Sahajāta Aññamañña Nissaya Vipāka Avigatanti ekam* - Hiện Hữu Câu Sanh Hổ Tương Y Chỉ Dị Thục Quả Bất Ly một.
8. *Atthi Sahajāta Aññamañña Nissaya Vipāka Sampayutta Avigatanti ekam* - Hiện Hữu Câu Sanh Hổ Tương Y Chỉ Dị Thục Quả Tương Ứng Bất Ly một.
9. *Atthi Sahajāta Nissaya Vipāka Vippayutta Avigatanti ekam* - Hiện Hữu Câu Sanh Y Chỉ Dị Thục Quả Bất Tương Ứng Bất Ly một.
10. *Atthi Sahajāta Aññamañña Nissaya Vipāka Vippayutta Avigatanti ekam* - Hiện Hữu Câu Sanh Hổ Tương Y Chỉ Dị Thục Quả Bất Tương Ứng Bất Ly một.
(*Savipākam 5 – 5 Hữu Dị Thục Quả*)

KẾT THÚC HIỆN HỮU CĂN ATTHIMŪLAKAM NITTHITAM

VÔ HỮU TÁU HỢP (NATTHISABHĀGAM)

[520] *Natthipaccayā Anantare satta, Samanantare satta, Upanissaye satta, Āsevane tīni, Kamme ekam, Vigate satta.* (6)

Vô Hữu Duyên Vô Gián bảy, Đẳng Vô Gián bảy, Cận Y bảy, Trùng Dụng ba, Nghiệp một, Ly Khứ bảy. (6)

3 VÔ HỮU HIỆP LỰC (NATTHIGHATANĀ 3)

[521] 1. *Natthi Anantara Samanantara Upanissaya Vigatanti satta* - Vô Hữu Vô Gián Đẳng Vô Gián Cận Y Ly Khứ bảy.

2. *Natthi Anantara Samanantara Upanissaya Āsevana Vigatanti tīni* - Vô Hữu Vô Gian Đẳng Vô Gian Cận Y Trùng Dục Ly Khứ ba.
3. *Natthi Anantara Samanantara Upanissaya Kamma Vigatanti ekam* - Vô Hữu Vô Gian Đẳng Vô Gian Cận Y Nghiệp Ly Khứ một.

KẾT THÚC VÔ HỮU CĂN
NATTHIMŪLAKAM NITTHITAM

LY KHỨ TÁU HỢP (VIGATASABHĀGAM)

[522] *Vigatapaccayā Anantare satta, Samanantare satta, Upanissaye satta, Āsevane tīni, Kamme ekam, Natthiyā satta.* (6)

Ly Khứ Duyên Vô Gian bảy, Đẳng Vô Gian bảy, Cận Y bảy, Trùng Dục ba, Nghiệp một, Vô Hữu bảy. (6)

3 LY KHỨ HIỆP LỰC
(VIGATAGHATANĀ 3)

- [523] 1. *Vigata Anantara Samanantara Upanissaya Natthiyā satta* - Ly Khứ Vô Gian Đẳng Vô Gian Cận Y Vô Hữu bảy.
2. *Vigata Anantara Samanantara Upanissaya Āsevana Natthiyā tīni* - Ly Khứ Vô Gian Đẳng Vô Gian Cận Y Trùng Dục Vô Hữu ba.
3. *Vigata Anantara Samanantara Upanissaya Kamma Natthiyā ekam* - Ly Khứ Vô Gian Đẳng Vô Gian Cận Y Nghiệp Vô Hữu một.

KẾT THÚC LY KHỨ CĂN
VIGATAMŪLAKAM NITTHITAM

BẤT LY TÁU HỢP (AVIGATASABHĀGAM)

[524] *Avigatapaccayā Hetuyā satta, Ārammane tīni, Adhipatiyā attha, Sahajāte nava, Aññamaññe tīni, Nissaye terasa, Upanissaye ekam, Purejāte tīni, Pacchājāte tīni, Kamme satta, Vipāke ekam, Āhāre satta, Indriye satta, Jhāne satta, Magge*

satta, Sampayutte tīni, Vippayutte panca, Atthiyā terasa. (18)

Bất Ly Duyên Nhân bảy, Cảnh ba, Trưởng tám, Câu Sanh chín, Hồ Tương ba, Y Chỉ mười ba, Cận Y một, Tiền Sinh ba, Hậu Sanh ba, Nghiệp bảy, Dị Thục Quả một, Vật Thục bảy, Quyền bảy, Thiền Na bảy, Đồ Đạo bảy, Tương Ứng ba, Bất Tương Ứng năm, Hiện Hữu mười ba. (18)

11 BẤT LY HỖN HỢP HIỆP LỰC (AVIGATAMISSAKAGHATĀNĀ 11)

- [525] 1. *Avigata Atthīti terasa* - Bất Ly Hiện Hữu mười ba.
 2. *Avigata Nissaya Atthīti terasa* - Bất Ly Y Chỉ Hiện Hữu mười ba.
 3. *Avigata Adhipati Atthīti attha* - Bất Ly Trưởng Hiện Hữu tám.
 4. *Avigata Adhipati Nissaya Atthīti attha* - Bất Ly Trưởng Y Chỉ Hiện Hữu tám.
 5. *Avigata Āhāra Atthīti satta* - Bất Ly Vật Thục Hiện Hữu bảy.
 6. *Avigata Indriya Atthīti satta* - Bất Ly Quyền Hiện Hữu bảy.
 7. *Avigata Nissaya Indriya Atthīti satta* - Bất Ly Y Chỉ Quyền Hiện Hữu bảy.
 8. *Avigata Vippayutta Atthīti panca* - Bất Ly Bất Tương Ứng Hiện Hữu năm.
 9. *Avigata Nissaya Vippayutta Atthīti panca* - Bất Ly Y Chỉ Bất Tương Ứng Hiện Hữu năm.
 10. *Avigata Adhipati Nissaya Vippayutta Atthīti cattāri* - Bất Ly Trưởng Y Chỉ Bất Tương Ứng Hiện Hữu bốn.
 11. *Avigata Nissaya Indriya Vippayutta Atthīti tīni* - Bất Ly Y Chỉ Quyền Bất Tương Ứng Hiện Hữu ba.

8 LINH TINH HIỆP LỰC (PAKINNAKAGHATĀNĀ 8)

- [526] 1. *Avigata Pacchājāta Vippayutta Atthīti tīni* - Bất Ly Hậu Sanh Bất Tương Ứng Hiện Hữu ba.
 2. *Avigata Purejāta Atthīti tīni* - Bất Ly Tiền Sinh Hiện Hữu ba.
 3. *Avigata Nissaya Purejāta Vippayutta Atthīti tīni* - Bất Ly Y Chỉ Tiền Sinh Bất Tương Ứng Hiện Hữu ba.
 4. *Avigata Ārammana Purejāta Atthīti tīni* - Bất Ly Cảnh Tiền Sinh Hiện Hữu ba.

5. *Avigata Ārammana Nissaya Purejāta Vippayutta Atthīti tīni* - Bất Ly Cảnh Y Chỉ Tiền Sinh Bất Tương Ứng Hiện Hữu ba.
6. *Avigata Ārammana Adhipati Upanissaya Purejāta Atthīti ekam* - Bất Ly Cảnh Trường Cận Y Tiền Sinh Hiện Hữu một.
7. *Avigata Ārammana Adhipati Nissaya Upanissaya Purejāta Vippayutta Atthīti ekam* - Bất Ly Cảnh Trường Y Chỉ Cận Y Tiền Sinh Bất Tương Ứng Hiện Hữu một.
8. *Avigata Nissaya Purejāta Indriya Vippayutta Atthīti ekam* - Bất Ly Y Chỉ Tiền Sinh Quyền Bất Tương Ứng Hiện Hữu một.

10 CÂU SANH HIỆP LỰC (SAHAJĀTAGHATĀNĀ 10)

- [527] 1. *Avigata Sahajāta Nissaya Atthīti nava* - Bất Ly Câu Sanh Y Chỉ Hiện Hữu chín.
2. *Avigata Sahajāta Aññamañña Nissaya Atthīti tīni* - Bất Ly Câu Sanh Hổ Tương Y Chỉ Hiện Hữu ba.
 3. *Avigata Sahajāta Aññamañña Nissaya Sampayutta Atthīti tīni* - Bất Ly Câu Sanh Hổ Tương Y Chỉ Tương Ứng Hiện Hữu ba.
 4. *Avigata Sahajāta Nissaya Vippayutta Atthīti tīni* - Bất Ly Câu Sanh Y Chỉ Bất Tương Ứng Hiện Hữu ba.
 5. *Avigata Sahajāta Aññamañña Nissaya Vippayutta Atthīti ekam* - Bất Ly Câu Sanh Hổ Tương Y Chỉ Bất Tương Ứng Hiện Hữu một.
- (Avipākam 5 – 5 Vô Dị Thục Quả)

6. *Avigata Sahajāta Nissaya Vipāka Atthīti ekam* – Bất Ly Câu Sanh Y Chỉ Dị Thục Quả Hiện Hữu một.
7. *Avigata Sahajāta Aññamañña Nissaya Vipāka Atthīti ekam* - Bất Ly Câu Sanh Hổ Tương Y Chỉ Dị Thục Quả Hiện Hữu một.
8. *Avigata Sahajāta Aññamañña Nissaya Vipāka Sampayutta Atthīti ekam* - Bất Ly Câu Sanh Hổ Tương Y Chỉ Dị Thục Quả Tương Ứng Hiện Hữu một.
9. *Avigata Sahajāta Aññamañña Nissaya Vipāka Vippayutta Atthīti ekam* - Bất Ly Câu Sanh Hổ Tương Y Chỉ Dị Thục Quả Bất Tương Ứng Hiện Hữu một.
10. *Avigata Sahajāta Aññamañña Nissaya Vipāka Vippayutta Atthīti ekam* -

Bất Ly Câu Sanh Hổ Tương Y Chỉ Dị Thục Quả Bất Tương Ứng Hiện Hữu một.
(*Savipākam 5 – 5 Hữu Dị Thục Quả*)

KẾT THÚC BẤT LY CĂN
AVIGATAMŪLAKAM NITTHITAM

KẾT THÚC TOÁN THUẬT PHẦN THUẬN
GIAI ĐOẠN VẤN ĐỀ
PANHĀVĀRASSA ANULOMAGANANĀ NITTHITAM

II. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN
PACCANĪYUDDHĀRO

- [528] 1. *Kusalo dhammo kusalassa dhammassa Ārammanapaccayena paccayo* -
Pháp Thiện làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Pháp Thiện với mãnh lực của
Cảnh Duyên,
- *Kusalo dhammo kusalassa dhammassa Sahajātapaccayena paccayo* -
Pháp Thiện làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Pháp Thiện với mãnh lực
Câu Sanh Duyên,
- *Kusalo dhammo kusalassa dhammassa Upanissayapaccayena paccayo* -
Pháp Thiện làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Pháp Thiện với mãnh lực
Cận Y Duyên.
2. *Kusalo dhammo akusalassa dhammassa Ārammanapaccayena paccayo* -
Pháp Thiện làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Pháp Bất Thiện với mãnh
lực Cảnh Duyên,
- *Kusalo dhammo akusalassa dhammassa Upanissayapaccayena paccayo*
- Pháp Thiện làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Pháp Cận Y Duyên.
3. *Kusalo dhammo abyākatassa dhammassa Ārammanapaccayena paccayo*
- Pháp Thiện làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Pháp Vô Ký với mãnh lực
Cảnh Duyên,
- *Kusalo dhammo abyākatassa dhammassa Sahajātapaccayena paccayo* -
Pháp Thiện làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Pháp Vô Ký với mãnh lực
Câu Sanh Duyên,

- *Kusalo dhammo abyākatassa dhammassa Upanissayapaccayena paccayo*
- Pháp Thiện làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Pháp Vô Ký với mãnh lực Cận Y Duyên,
 - *Kusalo dhammo abyākatassa dhammassa Paccahājātapaccayena paccayo*
- Pháp Thiện làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Pháp Vô Ký với mãnh lực Hậu Sanh Duyên,
 - *Kusalo dhammo abyākatassa dhammassa Kammappaccayena paccayo* -
Pháp Thiện làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Pháp Vô Ký với mãnh lực Nghiệp Duyên.
4. *Kusalo dhammo kusalassa ca abyākatassa ca dhammassa Sahajāta-paccayena paccayo. (4)* - Pháp Thiện làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Pháp Thiện và Vô Ký với mãnh lực Câu Sanh Duyên. (4)

- [529] 1. *Akusalo dhammo akusalassa dhammassa Ārammanapaccayena paccayo* -
Pháp Bất Thiện làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Pháp Bất Thiện với mãnh lực Cảnh Duyên,
- *Akusalo dhammo akusalassa dhammassa Sahajātapaccayena paccayo* -
Pháp Bất Thiện làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Pháp Bất Thiện với mãnh lực Câu Sanh Duyên,
 - *Akusalo dhammo akusalassa dhammassa Upanissayapaccayena paccayo*
- Pháp Bất Thiện làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Pháp Bất Thiện với mãnh lực Cận Y Duyên.
2. *Akusalo dhammo kusalassa dhammassa Ārammanapaccayena paccayo* -
Pháp Bất Thiện làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Pháp Thiện với mãnh lực Cảnh Duyên,
- *Akusalo dhammo kusalassa dhammassa Upanissayapaccayena paccayo*
- Pháp Bất Thiện làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Pháp Thiện với mãnh lực Cận Y Duyên.
3. *Akusalo dhammo abyākatassa dhammassa Ārammanapaccayena paccayo* -
Pháp Bất Thiện làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Pháp Vô Ký với mãnh lực Cảnh Duyên,
- *Akusalo dhammo abyākatassa dhammassa Sahajātapaccayena paccayo* -
Pháp Bất Thiện làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Pháp Vô Ký với mãnh lực Câu Sanh Duyên,

- *Akusalo dhammo abyākatassa dhammassa Upanissayapaccayena paccayo*
- Pháp Bất Thiện làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Pháp Vô Ký với mãnh lực Cận Y Duyên,
- *Akusalo dhammo abyākatassa dhammassa Pacchājātapaccayena paccayo*
- Pháp Bất Thiện làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Pháp Vô Ký với mãnh lực Hậu Sanh Duyên,
- *Akusalo dhammo abyākatassa dhammassa Kammapaccayena paccayo* -
Pháp Bất Thiện làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Pháp Vô Ký với mãnh lực Nghiệp Duyên.

4. *Akusalo dhammo akusalassa ca abyākatassa ca dhammassa Sahajātapaccayena paccayo. (4)* - Pháp Bất Thiện làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Pháp Bất Thiện và Vô Ký với mãnh lực Câu Sanh Duyên. (4)

- [530] 1. *Abyākato dhammo abyākatassa dhammassa Ārammanapaccayena paccayo* - Pháp Vô Ký làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Pháp Vô Ký với mãnh lực Cảnh Duyên,
- *Abyākato dhammo abyākatassa dhammassa Sahajātapaccayena paccayo*
- Pháp Vô Ký làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Pháp Vô Ký với mãnh lực Câu Sanh Duyên,
 - *Abyākato dhammo abyākatassa dhammassa Upanissayapaccayena paccayo* - Pháp Vô Ký làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Pháp Vô Ký với mãnh lực Cận Y Duyên,
 - *Abyākato dhammo abyākatassa dhammassa Purejātapaccayena paccayo*
- Pháp Vô Ký làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Pháp Vô Ký với mãnh lực Tiền Sinh Duyên,
 - *Abyākato dhammo abyākatassa dhammassa Pacchājātapaccayena paccayo* - Pháp Vô Ký làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Pháp Vô Ký với mãnh lực Hậu Sanh Duyên,
 - *Abyākato dhammo abyākatassa dhammassa Āhārapaccayena paccayo* - Pháp Vô Ký làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Pháp Vô Ký với mãnh lực Vật Thực Duyên,
 - *Abyākato dhammo abyākatassa dhammassa Indriyapaccayena paccayo* - Pháp Vô Ký làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Pháp Vô Ký với mãnh lực Quyền Duyên.

2. *Abyākato dhammo kusalassa dhammassa Ārammanapaccayena paccayo* - Pháp Vô Ký làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Pháp Thiện với mãnh lực Cảnh Duyên,
 - *Abyākato dhammo kusalassa dhammassa Upanissayapaccayena paccayo* - Pháp Vô Ký làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Pháp Thiện với mãnh lực Cận Y Duyên,
 - *Abyākato dhammo kusalassa dhammassa Purejātapaccayena paccayo* - Pháp Vô Ký làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Pháp Thiện với mãnh lực Tiền Sinh Duyên.
3. *Abyākato dhammo akusalassa dhammassa Ārammanapaccayena paccayo* - Pháp Vô Ký làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Pháp Bất Thiện với mãnh lực Cảnh Duyên,
 - *Abyākato dhammo akusalassa dhammassa Upanissayapaccayena paccayo* - Pháp Vô Ký làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Pháp Bất Thiện với mãnh lực Cận Y Duyên,
 - *Abyākato dhammo akusalassa dhammassa Purejātapaccayena paccayo.*
 (3) - Pháp Vô Ký làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Pháp Bất Thiện với mãnh lực Tiền Sinh Duyên. (3)

[531] 1. *Kusalo ca abyākato ca dhammā kusalassa dhammassa Sahajātam, Purejātam* - Pháp Thiện và Vô Ký làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Pháp Thiện với mãnh lực Câu Sanh Duyên, với mãnh lực Tiền Sinh Duyên.

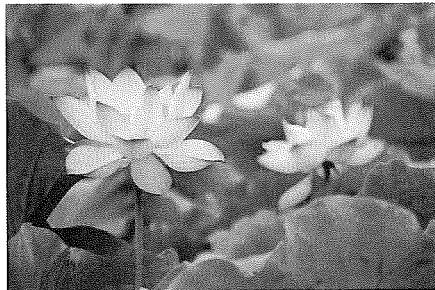
2. *Kusalo ca abyākato ca dhammā abyākatassa dhammassa Sahajātam, Pacchājātam, Āhāram, Indriyam.* (2) - Pháp Thiện và Vô Ký làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Pháp Vô Ký với mãnh lực Câu Sanh Duyên, với mãnh lực Hậu Sanh Duyên, với mãnh lực Vật Thực Duyên, với mãnh lực Quyền Duyên. (2)

[532] 1. *Akusalo ca abyākato ca dhammā akusalassa dhammassa Sahajātam, Purejātam* - Pháp Bất Thiện và Vô Ký làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Pháp Bất Thiện với mãnh lực Câu Sanh Duyên, với mãnh lực Tiền Sinh Duyên.

2. *Akusalo ca abyākato ca dhammā abyākatassa dhammassa Sahajātam, Pacchājātam, Āhāram, Indriyam.* (2) - Pháp Bất Thiện và Vô Ký làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Pháp Vô Ký với mãnh lực Câu Sanh Duyên,

với mãnh lực Hậu Sanh Duyên, với mãnh lực Vật Thực Duyên, với mãnh lực Quyền Duyên. (2)

**KẾT THÚC DUYÊN ĐỐI NGHỊCH
Ở GIAI ĐOẠN VẤN ĐỀ
PANHĀVĀRASSA PACCANIYUDDHĀRO NITTHITAM**



PHẦN PHỤ LỤC

TÁU HỢP (SABHĀGA) – HIỆP LỰC (GHATANĀ)

Tầu Hợp (*Sabhāga*), có ý nghĩa đến việc dất dẫn Duyên mà có cùng mãnh lực và được hòa hợp vào với nhau, và đi đến hiện bày sánh đôi với Duyên chủ vị, hoặc Duyên được cất nhắc lên trước, luôn cả trình bày số lượng Giai Đoạn (*Vāra*) cùng nhau của Duyên Tầu Hợp và với Duyên chủ vị đó, chẳng hạn như là trong Nhân Tầu Hợp có phần Pāli trình bày như sau:

“Hetupaccayā Adhipatiyā cattāri, Sahajāte satta, Aññamaññe tīni, Nissaye satta, Vipāke ekam, Indriye cattāri, Magge cattāri, Sampayutte tīni, Vippayutte tīni, Atthiyā satta, Avigate satta”.

Có ý nghĩa là trong sát na này, Duyên chủ vị hoặc Duyên được cất nhắc lên trước, là Nhân Duyên, còn Duyên được vào với nhau mà có cùng mãnh lực hòa hợp với Nhân Duyên đó, là Trưởng Duyên (*Câu Sanh Trưởng Duyên*) và số lượng Giai Đoạn hòa hợp với nhau của Duyên Tầu Hợp ở trong chỗ này là 4 Giai Đoạn (*Câu*), Trạng Thái hoặc Lộ Trình Tâm thì tương tự trong cùng một phương thức, nên gọi là Tầu Hợp (*Sabhāga*). Duyên Tầu Hợp của Nhân Duyên có được 11 Duyên, và có kiểu mẫu dẫn chứng như tiếp theo đây:

1. Tâm Sở Tuệ Quyền ở trong 34 Đồng Lực Hữu Trưởng, tức là Nhân Vô Si và Thâm Trưởng có được làm duyên với nhau, vì lẽ như thế Trưởng Duyên mới tầu hợp được với Nhân Duyên.
2. Sáu Nhân ở trong 71 Tâm Hữu Nhân có được cùng nhau làm Năng Duyên cho đối với Pháp Sở Duyên, vì lẽ như thế mới được sắp thành Nhân Duyên và Câu Sanh Duyên.
3. Sáu Nhân ở trong 71 Tâm Hữu Nhân đều có mãnh lực để được làm Năng Duyên cho đối với Pháp Sở Duyên mà đồng cùng sanh với mình, vì lẽ như thế mới được sắp thành Nhân Duyên và Hổ Tương Duyên.
4. Sáu Nhân ở trong 71 Tâm Hữu Nhân có khả năng có mãnh lực để được cùng nhau làm Năng Duyên cho đối với Pháp Sở Duyên cho được câu sanh với nhau, vì lẽ như thế mới được sắp thành Nhân Duyên và Câu Sanh Y Duyên.
5. Ba Nhân Vô Ký ở trong 21 Tâm Dị Thục Quả có được làm Năng Duyên cho đối với Pháp Sở Duyên để được cùng sanh với mình, vì lẽ như thế mới được sắp đặt thành Nhân Duyên và Dị Thục Quả Duyên.

6. Tâm Sở Tuệ Quyền ở trong 47 Tâm Tam Nhân, là Nhân Vô Si và cả Tứ Tuệ Quyền (*Pannindriya*) đều được cùng nhau làm Năng Duyên cho đối với Pháp Sở Duyên để được cùng sanh với mình, vì lẽ như thế mới được sắp đặt thành Nhân Duyên và Câu Sanh Quyền Duyên.
7. Tâm Sở Tuệ Quyền ở trong 47 Tâm Tam Nhân, là Nhân Vô Si và Chi Đạo Chánh Kiến (*Sammādiṭṭhimagganga*) có khả năng để cùng nhau làm được Năng Duyên cho đối với Pháp Sở Duyên, vì lẽ như thế mới được sắp đặt thành Nhân Duyên và Đồ Đạo Duyên.
8. Sáu Nhân ở trong 71 Tâm Hữu Nhân có khả năng để cùng nhau làm được Năng Duyên cho đối với Pháp Sở Duyên để được cùng sanh với mình, vì lẽ như thế mới được sắp đặt thành Nhân Duyên và Tương Ứng Duyên.
9. Sáu Nhân ở trong 71 Tâm Hữu Nhân có khả năng để cùng nhau làm được Năng Duyên cho đối với Pháp Sở Duyên, vì lẽ như thế mới sắp đặt thành Nhân Duyên và Câu Sanh Bất Tương Ứng Duyên.
10. Sáu Nhân ở trong 71 Tâm Hữu Nhân có khả năng để cùng nhau làm được Năng Duyên cho đối với Pháp Sở Duyên cho được cùng sanh với mình, vì lẽ như thế mới sắp đặt thành Nhân Duyên và Câu Sanh Hiện Hữu Duyên.
11. Sáu Nhân ở trong 71 Tâm Hữu Nhân có khả năng để cùng nhau làm được Năng Duyên cho đối với Pháp Sở Duyên cho được cùng sanh với mình, vì lẽ như thế mới sắp đặt thành Nhân Duyên và Câu Sanh Bất Ly Duyên.

Hiệp Lực (*Ghatanā*), có ý nghĩa đến việc tập hợp Duyên mà hiện hành ở khoảng giữa Năng Duyên và Sở Duyên một cách đặc biệt, với mãnh lực của Duyên chủ vị, hoặc Duyên được cất nhắc lên trước, luôn cả trình bày số lượng Giai Đoạn (*Vāra*) cùng nhau của Duyên Hiệp Lực và với Duyên chủ vị đó.

Câu chuyện Tấu Hợp và Hiệp Lực rất là quan trọng và hữu ích, do đó, mới được trích dẫn trong Tạng Pālì ở phần Tấu Hợp và Hiệp Lực, để bỏ vào trong Phần Phụ Lục của quyển kinh này, nhằm với mục đích như sau:

1. Làm tăng thêm giá trị hình thành nền tảng cho đối với giáo khoa thư của Viện.
2. Dùng làm tài liệu so sánh với những điều chi tiết hoặc những Chi Pháp sai khác trong giáo khoa thư.
3. Dùng dẫn chứng hoặc nghiên cứu cho có được thêm nhiều thuận lợi hơn, mà không phải đi mở xem trong Tạng Vô Tỷ Pháp.
4. Để cho phát sanh kỹ năng trong việc học hỏi nghiên cứu Tam Tạng trong những cơ hội sau này.

Ghi chú: Phần Pāli Tầu Hợp và Hiệp Lực được trích dẫn trong bản Văn Kiện Tam Tạng đã được hiệu đính, Phật Lịch 2530 (*Văn Bản Pāli Ngữ*) quyển thứ 40, điều 215 – 245.

TÓM LƯỢC CHÚ GIẢI (*VACANATTHA*) VÀ BA LOẠI
NỘI DUNG PHÁP TRONG 24 DUYÊN

I. NHÂN DUYÊN (*HETUPACCAYA*):

1. “*Hinoti patitthāti etthāti = Hetu*” – Pháp Sở Duyên tồn tại duy nhất ở trong Pháp này, do đó, Pháp này mới gọi là Nhân (*Hetu*).

2. “*Hetu ca so paccayo cāti = Hetupaccayo*” - Chính vì Nhân làm duyên, mới gọi là Nhân Duyên.

3. “*Mūlatthena upakārako dhammo = Hetupaccayo*” - Pháp giúp đỡ ủng hộ vì với ý nghĩa làm thành căn gốc, gọi là Nhân Duyên.

Từ ngữ “*Hetu – Nhân*” có được bốn thể loại, đó là:

1.1. “*Hetuhetu – Nhân Nhân*”: tức là sáu Nhân, gồm Tham, Sân, Si, Vô Tham, Vô Sân, Vô Si.

1.2. “*Paccayahetu – Nhân Duyên*”: tức là Tứ Sắc Đại Hiện mà làm thành Nhân trong việc gọi tên của Sắc Uẩn.

1.3. “*Uttamahetu – Chí Thượng Nhân*”: tức là Nghiệp Thiện và Nghiệp Bất Thiện mà làm thành Nhân cho sanh Thiện Dị Thục Quả (*Kusalavipāka*) và Bất Thiện Dị Thục Quả (*Akuslavipāka*).

1.4. “*Sādhāranahetu – Phổ Thông Nhân*”: tức là Vô Minh, mà làm thành Nhân cho sanh tất cả Pháp Hành (*Sankhāradhamma – Ngũ Uẩn*).

Và trong cả bốn loại Nhân (*Hetu*) này thì Nhân Duyên tức là *Nhân Nhân* (*Hetuhetu*).

* **Pháp Nhân Năng Duyên:** Lục Nhân Tương Ứng, tức là Tham, Sân, Si, Vô Tham, Vô Sân, Vô Si.

* **Pháp Nhân Sở Duyên:** 71 Tâm Hữu Nhân, 52 Tâm Sở phối hợp (trừ Tâm Sở Si ở trong 2 Tâm căn Si), 17 Sắc Tâm Hữu Nhân và 20 Sắc Nghiệp Tái Tục Hữu Nhân.

- * **Pháp Nhân Địch Duyên:** 18 Tâm Vô Nhân, 12 Tâm Sở Tợ Tha (trừ Dục), Tâm Sở Si ở trong 2 Tâm căn Si), Sắc Tâm Vô Nhân, Sắc Nghiệp Tái Tục Vô Nhân, Sắc Ngoại, Sắc Vật Thực, Sắc Quý Tiết, Sắc Nghiệp Phạm Thiên Vô Tướng, Sắc Nghiệp Bình Nhục.

II. **CẢNH DUYÊN (ĀRAMMANAPACCAYA):**

1. “*Cittacetāsikehi ālambiyatīti = Ārammanam*” - Pháp chủng mà tất cả Tâm và Tâm Sở nắm giữ lấy, gọi là Cảnh (*Ārammana*).
2. “*Ā abhimukhaṃ ramanti etthāti = Ārammanam*” - Tất cả Tâm và Tâm Sở vui thích tụ hội với nhau trong Pháp chủng này, do đó Pháp chủng này mới gọi là Cảnh.
3. “*Cittacetāsikā āgantvā ramanti etthāti = Ārammanam*” - Tất cả Tâm và Tâm Sở vui thích duyệt ý trong Pháp chủng này, do đó Pháp chủng này mới gọi là Cảnh.
4. “*Cittacetāsikā ālambatīti = Ārammanam*” - Pháp chủng nào thường níu kéo, nắm giữ lấy tất cả Tâm và Tâm Sở, với nguyên nhân đó, Pháp chủng đó mới gọi là Cảnh.
5. “*Ārammanabhāvena upakārako dhammo = Ārammanapaccayo*” - Pháp giúp đỡ ủng hộ theo sự làm thành Cảnh, gọi là Cảnh Duyên.

- * **Pháp Cảnh Năng Duyên:** Lục Cảnh, tức là 89 Tâm, 52 Tâm Sở phối hợp, 28 Sắc ở thời kỳ Quá Khứ, Hiện Tại, Vị Lai, Níp Bàn và Chế Định ở phần ngoại thời (*Kālavimutti*).

- * **Pháp Cảnh Sở Duyên:** 89 Tâm, 52 Tâm Sở phối hợp.

- * **Pháp Cảnh Địch Duyên:** 7 phần Sắc, đó là Sắc Tâm (*Cittaja Rūpa*), Sắc Nghiệp Tái Tục (*Patisandhi Kammaja Rūpa*), Sắc Ngoại (*Bāhira Rūpa*), Sắc Vật Thực (*Āhāraja Rūpa*), Sắc Quý Tiết (*Utuja Rūpa*), Sắc Nghiệp Phạm Thiên Vô Tướng (*Asannasatta Kammaja Rūpa*), Sắc Nghiệp Bình Nhục (*Pavatti Kammaja Rūpa*).

III. **TRƯỞNG DUYÊN (ADHIPATIPACCAYA):**

1. “*Adhinānam pati = Adhipati*” - Thực Tính Pháp mà lớn trội hơn Pháp Tương Ứng mà có liên quan với mình, gọi là Trưởng (*Adhipati*).
2. “*Adhipati ca so paccayo cāti = Adhipatipaccayo*” - Chính Thực Tính Pháp đó làm Trưởng và làm Duyên, gọi là Trưởng Duyên.
3. “*Jetthakatthena upakārako dhammo = Adhipatipaccayo*” - Pháp giúp đỡ ủng hộ theo sự làm thành lớn trội, gọi là Trưởng Duyên.

Trong Trưởng Duyên lại được phân tích ra làm hai loại Duyên, đó là:

- (1) *Cảnh Trưởng Duyên (Ārammanādhīpatipaccaya)*,
- (2) *Câu Sinh Trưởng Duyên (Sahajātādhīpatipaccaya)*.

Và lần lượt có Chú Giải (*Vacanāttha*) về hai loại Duyên này như sau:

1. “*Ārammananca tam adhipati cāti = Ārammanādhīpati*” – Chính là Cảnh đó làm trưởng trội, mới gọi là Cảnh Trưởng.
2. “*Sahajātanca tam adhipati cāti = Sahajātādhīpati*” - Chính là Pháp chủng đó mà đồng câu sanh với nhau làm trưởng trội, gọi là Câu Sinh Trưởng.

(1) * **Pháp Cảnh Trưởng Năng Duyên:** Lục Cảnh tức là 18 Sắc Thành Tựu (*Nipphanna Rūpa*) làm Cảnh Thực Tính Duyệt Ý (*Sabhāvaīthārammana*) và Cảnh Tư Duy Duyệt Ý (*Parīkappaīthārammana*), đó là Cảnh đáng vui mừng thỏa thích ở cả ba thời kỳ, quá khứ - hiện tại và vị lai; 84 Tâm (trừ 2 Tâm căn Sân, 2 Tâm căn Si, 1 Tâm Thân Thức câu hành Khổ Thọ), 47 Tâm Sở phối hợp (trừ Sân, Tật, Lận, Hối, Hoài Nghi) ở cả ba thời kỳ, quá khứ - hiện tại và vị lai; và Níp Bàn ở phần Ngoại Thời.

* **Pháp Cảnh Trưởng Sở Duyên:** 8 Tâm căn Tham, 8 Tâm Đại Thiện, 4 Tâm Đại Duy Tác Tương Ứng Trí, 8 hoặc 40 Tâm Siêu Thế, 45 Tâm Sở phối hợp (trừ Sân, Tật, Lận, Hối, Hoài Nghi và Vô Lượng Phần), một cách nhất định và bất định.

- Về phần Nhất Định (*Ekanta*) là 8 Tâm Siêu Thế và 36 Tâm Sở phối hợp (trừ 2 Vô Lượng Phần).

- Về phần Bất Định (*Anekanta*) là 8 Tâm căn Tham, 8 Tâm Đại Thiện, 4 Tâm Đại Duy Tác Tương Ứng Trí, 45 Tâm Sở phối hợp (trừ Sân, Tật, Lận, Hối, Hoài Nghi và Vô Lượng Phần).

* **Pháp Cảnh Trưởng Dịch Duyên:** 81 Tâm Hiệp Thế (*Lokiyacitta*), 52 Tâm Sở phối hợp ngay trong thời kỳ không tiếp thu những Cảnh Duyệt Ý, và tất

cả Sắc Pháp gồm có Sắc Tâm, Sắc Nghiệp Tái Tục, Sắc Ngoại, Sắc Vật Thực, Sắc Quý Tiệt, Sắc Nghiệp Phạm Thiên Vô Tướng, Sắc Nghiệp Bình Nhục; một cách nhất định và bất định.

- Về phần Nhất Định (*Ekanta*) là tất cả Sắc Pháp, 2 Tâm căn Sân, 2 Tâm căn Si, 18 Tâm Vô Nhân, 8 Tâm Đại Quả, 4 Tâm Đại Duy Tác Bất Tương Ứng Trí, 27 Tâm Đáo Đại, 46 Tâm Sở phối hợp (trừ Tham, Tà Kiến, Ngã Mạn và 3 Ngăn Trừ Phần).
- Về phần Bất Định (*Anekanta*) là 8 Tâm căn Tham, 8 Tâm Đại Thiện, 4 Tâm Đại Duy Tác Tương Ứng Trí, 45 Tâm Sở phối hợp (trừ Sân, Tật, Lận, Hối, Hoài Nghi, và 2 Vô Lượng Phần).

(2) * Pháp Câu Sanh Trưởng Năng Duyên: Tứ Trưởng gồm có: Dục Trưởng là Tâm Sở Dục, Cần Trưởng là Tâm Sở Cần, Tâm Trưởng là 52 Tâm Đồng Lực Hữu Trưởng, và Thảm Trưởng là Tâm Sở Tuệ Quyền ở trong 52 Tâm Đồng Lực (trừ 2 Tâm Đồng Lực căn Si, 1 Tâm Đồng Lực Tiểu Sinh), một cách nhất định và bất định.

- Về phần Nhất Định (*Ekanta*) là bất luận một trong Tứ Trưởng câu sanh với 26 Tâm Đồng Lực Kiên Cố (*Appanā Javana*).
- Về phần Bất Định (*Anekanta*) là bất luận một trong Tứ Trưởng câu sanh với 26 Tâm Đồng Lực Dục Giới (trừ 2 Tâm Đồng Lực căn Si, 1 Tâm Đồng Lực Tiểu Sinh).

* Pháp Câu Sanh Trưởng Sở Duyên: 52 Tâm Đồng Lực Hữu Trưởng, 51 Tâm Sở phối hợp (trừ Hoài Nghi và Chi Pháp Trưởng ngay khi đang làm Năng Duyên) và Sắc Tâm Hữu Trưởng (là Sắc Tâm câu sanh với 52 Tâm Đồng Lực Hữu Trưởng), một cách nhất định và bất định.

- Về phần Nhất Định (*Ekanta*) là 26 Tâm Đồng Lực Kiên Cố, 38 Tâm Sở phối hợp (trừ Chi Pháp Trưởng ngay khi đang làm Pháp Năng Duyên) và Sắc Tâm Hữu Trưởng Kiên Cố (là Sắc Tâm câu sanh với 26 Tâm Đồng Lực Kiên Cố).
- Về phần Bất Định (*Anekanta*) là 26 Tâm Đồng Lực Dục Giới (trừ 2 Tâm Đồng Lực căn Si, 1 Tâm Đồng Lực Tiểu Sinh), 51 Tâm Sở phối hợp (trừ Hoài Nghi và Chi Pháp Trưởng ngay khi đang làm Pháp Năng Duyên), và Sắc Tâm Dục Giới Hữu Trưởng (là Sắc Tâm câu sanh với 26 Tâm Đồng Lực Dục Giới Hữu Trưởng).

*** Pháp Câu Sanh Trưởng Địch Duyên:** 54 Tâm Dục Giới ngay khi không làm Pháp Sở Duyên, 9 Tâm Dị Thục Quả Đáo Đại, 52 Tâm Sở phối hợp, và bất luận một trong Tứ Trưởng ngay khi đang làm Pháp Năng Duyên, Sắc Tâm Phi Trưởng (là Sắc Tâm bất câu sanh với 52 Tâm Đồng Lực Hữu Trưởng), Sắc Nghiệp Tái Tục, Sắc Ngoại, Sắc Vật Thực, Sắc Quý Tiết, Sắc Nghiệp Phạm Thiên Vô Tướng, Sắc Nghiệp Bình Nhựt; một cách nhất định và bất định.

- Về phần Nhất Định (*Ekanta*) là 2 Tâm căn Si, 18 Tâm Vô Nhân, 8 Tâm Đại Quả, 9 Tâm Dị Thục Quả Đáo Đại, 42 Tâm Sở phối hợp (trừ Tham, Tà Kiến, Ngã Mạn, Sân, Tật, Lận, Hối, 3 Ngăn Trừ Phần), Sắc Tâm Phi Trưởng, Sắc Nghiệp Tái Tục, Sắc Ngoại, Sắc Vật Thực, Sắc Quý Tiết, Sắc Nghiệp Phạm Thiên Vô Tướng, Sắc Nghiệp Bình Nhựt.
- Về phần Bất Định (*Anekanta*) là 26 Tâm Đồng Lực Dục Giới (trừ 2 Tâm Đồng Lực căn Si, 1 Tâm Đồng Lực Tiểu Sinh), 51 Tâm Sở phối hợp (trừ Hoài Nghi), Sắc Tâm Dục Giới Hữu Trưởng.

Phụ chú: (3) *Vật Cảnh Tiền Sinh Trưởng Duyên (Vatthārammanapurejātā - dhipatipaccaya)* là một loại Duyên thứ ba trong phần Trưởng Duyên (theo phần Chú Giải).

*** Pháp Vật Cảnh Tiền Sinh Trưởng Năng Duyên:** chỉ lấy Sắc Ý Vật Cận Tử trong Cảnh Duyệt Ý.

*** Pháp Vật Cảnh Tiền Sinh Trưởng Sở Duyên:** là 8 Tâm Tham khi cận tử và 22 Tâm Sở phối hợp.

*** Pháp Vật Cảnh Tiền Sinh Trưởng Địch Duyên:** Tâm và Tâm Sở phối hợp (trừ Pháp đang làm Pháp Sở Duyên), và tất cả Sắc Pháp.

IV. VÔ GIÁN DUYÊN (ANANTARAPACCAYA):

1. “*Anantarayati antaram karotīti = Anantaram*” - Pháp chủng ngăn cách, tức là thực hiện việc tách ly, làm cho có khoảng cách, gọi là Gián Đoạn (*Antara*).
2. “*Natthi yesam anantaranti = Anantarā*” - Không có khoảng cách ngăn cách, Pháp chủng đó gọi là Vô Gián Đoạn.
3. “*Anantarabhāvena upakārako dhammo = Anantarapaccayo*” - Pháp giúp đỡ ủng hộ theo sự không có khoảng ngăn cách, gọi là Vô Gián Duyên.

* **Pháp Vô Gian Năng Duyên:** 89 Tâm, 52 Tâm Sở phối hợp đã sanh trước (trừ Tâm Tử của bậc Vô Sinh).

* **Pháp Vô Gian Sở Duyên:** 89 Tâm, 52 Tâm Sở phối hợp sanh sau cùng với Tâm Tử của bậc Vô Sinh.

* **Pháp Vô Gian Dịch Duyên:** Tất cả Sắc Pháp với bảy phần Sắc Pháp.

V. **ĐẲNG VÔ GIÁN DUYÊN (SAMANANTARAPACCAYA):**

1. “*Sutthu anantarāti = Samanantarā*” - Pháp mà không có khoảng cách đoạn lìa ra, gọi là Đẳng Vô Gian.

2. “*Samanantaram hutvā upakārako dhammo = Samanantarapaccayo*” - Pháp giúp đỡ ủng hộ bằng cách không có sự khoảng cách đoạn lìa ra, gọi là Đẳng Vô Gian Duyên.

* **Pháp Đẳng Vô Gian Năng Duyên:** 89 Tâm, 52 Tâm Sở phối hợp đã sanh trước (trừ Tâm Tử của bậc Vô Sinh).

* **Pháp Đẳng Vô Gian Sở Duyên:** 89 Tâm, 52 Tâm Sở phối hợp sanh sau cùng với Tâm Tử của bậc Vô Sinh.

* **Pháp Đẳng Vô Gian Dịch Duyên:** Tất cả Sắc Pháp với bảy phần Sắc Pháp.

VI. **CÂU SANH DUYÊN (SAHAJĀTAPACCAYA):**

1. “*Jāyatīti = Jāto*” - Pháp nào thường sanh khởi, do đó, Pháp đó gọi là Sanh (*Jāto*).

2. “*Saha jāto = Sahajāto*” - Pháp mà đồng cùng sanh với nhau, gọi là Câu Sanh (*Sahajāto*).

3. “*Paccayuppannena saha jāyatīti = Sahajāto*” - Năng Duyên nào đồng cùng sanh với Pháp Sở Duyên, như thế Năng Duyên đó gọi là Câu Sanh.

4. “*Sahajāto hutvā upakārako dhammo = Sahajātapaccayo*” - Pháp mà vừa đồng cùng sanh, lại vừa hỗ tương lẫn nhau, gọi là Câu Sanh Duyên.

*** Pháp Câu Sanh Năng Duyên:**

- Tứ Danh Uẩn Tái Tục Bình Nhựt tức là 89 Tâm, 52 Tâm Sở phối hợp giúp đỡ ủng hộ và hỗ tương lẫn nhau trong Cõi Tứ Uẩn; giúp đỡ ủng hộ và hỗ tương lẫn nhau với Danh Uẩn cùng với Sắc Tâm, Sắc Nghiệp Tái Tục trong Cõi Ngũ Uẩn, hoặc là,
- Mỗi loại Đại Hiện trong Tứ Sắc Đại Hiện tức là Sắc Đại Hiện Tâm, Sắc Đại Hiện Nghiệp Tái Tục, Sắc Đại Hiện Ngoại, Sắc Đại Hiện Vật Thực, Sắc Đại Hiện Quý Tiết, Sắc Đại Hiện Nghiệp Phạm Thiên Vô Tướng, Sắc Đại Hiện Nghiệp Bình Nhựt làm việc giúp đỡ ủng hộ và hỗ tương lẫn nhau, và cũng có giúp đỡ ủng hộ đối với Sắc Y Sinh, hoặc là,
- Tứ Danh Uẩn Tái Tục Cõi Ngũ Uẩn và Ý Vật Tái Tục (là 2 Tâm Thảm Tấn Xả Thọ, 8 Tâm Đại Quả, 5 Tâm Dị Thục Quả Sắc Giới, 35 Tâm Sở phối hợp với Ý Vật Tái Tục) làm việc giúp đỡ ủng hộ và hỗ tương lẫn nhau.

*** Pháp Câu Sanh Sở Duyên:**

- Tứ Danh Uẩn Tái Tục Bình Nhựt tức là 89 Tâm, 52 Tâm Sở hiện hành theo việc quyết định hỗ tương lẫn nhau, Sắc Tâm, Sắc Nghiệp Tái Tục, hoặc là,
- Tất cả Sắc Y Sinh, từng mỗi loại Sắc Đại Hiện, hoặc là,
- Tứ Danh Uẩn Tái Tục Cõi Ngũ Uẩn và Ý Vật Tái Tục hiện hành theo việc quyết định hỗ tương lẫn nhau (là 2 Tâm Thảm Tấn Xả Thọ, 8 Tâm Đại Quả, 5 Tâm Dị Thục Quả Sắc Giới, 35 Tâm Sở phối hợp với Ý Vật Tái Tục) làm việc giúp đỡ ủng hộ và hỗ tương lẫn nhau.

*** Không có Pháp Câu Sanh Dịch Duyên.**

VII. HỖ TƯƠNG DUYÊN (AÑÑAMAÑÑAPACCAYA):

“*Aññamaññam hutvā paccayo = Aññamaññapaccayo*” - Thực Tính Pháp mà trong từng mỗi thành phần phải nương nhờ dựa dẫm lẫn nhau, mới được sanh khởi và đặng tồn tại được, gọi là Hổ Tương Duyên.

*** Pháp Hổ Tương Năng Duyên:**

- Tứ Danh Uẩn Tái Tục Bình Nhựt tức là 89 Tâm, 52 Tâm Sở phối hợp giúp đỡ ủng hộ và hỗ tương lẫn nhau, hoặc là,
- Mỗi loại Đại Hiện trong Tứ Sắc Đại Hiện gồm có Tứ Sắc Đại Hiện Tâm, v.v. làm việc giúp đỡ ủng hộ và hỗ tương lẫn nhau, hoặc là,

- Tứ Danh Uẩn Tái Tục Cõi Ngũ Uẩn và Ý Vật làm việc giúp đỡ ủng hộ và hỗ trợ lẫn nhau.

*** Pháp Hổ Tương Sở Duyên:**

- Tứ Danh Uẩn Tái Tục Bình Nhựt tức là 89 Tâm, 52 Tâm Sở phối hợp hiện hành theo việc quyết định lẫn nhau, hoặc là,
- Mỗi loại Đại Hiện trong Tứ Sắc Đại Hiện hiện hành theo việc quyết định lẫn nhau, hoặc là,
- Tứ Danh Uẩn Tái Tục Cõi Ngũ Uẩn và Ý Vật hiện hành theo việc quyết định lẫn nhau.

*** Pháp Hổ Tương Địch Duyên:**

- Sắc Tâm, Sắc Nghiệp Tái Tục (trừ Ý Vật) hiện hành theo việc quyết định từ nơi Danh Uẩn, hoặc là,
- Tất cả Sắc Y Sinh tức là Sắc Y Sinh Tâm, v.v. cho đến Sắc Y Sinh Nghiệp Bình Nhựt, hiện hành theo việc quyết định từ nơi Sắc Đại Hiện.
- Về phần Nhất Định (*Ekanta*) là Sắc Y Sinh Tâm, Sắc Y Sinh Nghiệp Tái Tục (trừ Ý Vật), Sắc Y Sinh Ngoại, Sắc Y Sinh Vật Thực, Sắc Y Sinh Quý Tiết, Sắc Y Sinh Nghiệp Phạm Thiên Vô Tướng, Sắc Y Sinh Nghiệp Bình Nhựt.
- Về phần Bất Định (*Anekanta*) là Sắc Đại Hiện Tâm, Sắc Đại Hiện Nghiệp Tái Tục, Ý Vật Tái Tục.

VIII. Y CHỈ DUYÊN (NISSAYAPACCAYA):

1. “*Nissayanti etthāti = Nissayo*” – Tất cả Pháp Sở Duyên thường nương nhờ vào trong Thực Tính Pháp này, do đó, Thực Tính Pháp này mới gọi là Y Chỉ (*Nissaya*), tức là làm thành chỗ nương nhờ của tất cả Pháp Sở Duyên.
2. “*Adhitthānākāravasena vā nissayākāravasena vā paccayuppannadham – mehi sīyate nissīyateti = Nissayo*” - Tất cả Pháp làm thành Pháp Sở Duyên nương nhờ theo trạng thái kiên cố hoặc theo trạng thái nương tựa, gọi là Y Chỉ.
3. “*Adhitthānākārena nissayākārena ca upakārako dhammo = Nissayapaccayo*” - Pháp giúp đỡ ủng hộ, một là theo trạng thái kiên cố, và hai là theo trạng thái nương tựa, gọi là Y Chỉ Duyên.

Trong Y Chỉ Duyên lại được phân tích ra làm hai hoặc ba loại Duyên, đó là:

- Với hai loại Duyên, đó là:

- (1) *Câu Sanh Y Duyên (Sahajātanissayapaccaya)*,
- (2) *Tiền Sinh Y Duyên (Purejātanissayapaccaya)*, hoặc là

- Với ba loại Duyên, đó là:

- (1) *Câu Sanh Y Duyên (Sahajātanissayapaccaya)*.
- (2) *Vật Tiền Sinh Y Duyên (Vatthupurejātanissayapaccaya)*,
- (3) *Vật Cảnh Tiền Sinh Y Duyên (Vatthārammanapurejātanissayapaccaya)*.

(1) *Câu Sanh Y Duyên* lại tương tự với Câu Sanh Duyên với mọi trường hợp.

(2) * Pháp Vật Tiền Sinh Y Năng Duyên: (theo phần Chú Giải cổ điển) thì Lục Vật gồm có:

- Ngũ Vật (có thể là ở thời kỳ Nọa Độn Thọ hoặc ở thời kỳ Trung Thọ) đồng câu sanh với Tâm Hữu Phần Quá Khứ thứ nhất,
- Cũng có thể là Ý Vật đồng câu sanh với Tâm sanh trước Tâm Tái Tục,
- Cũng có thể là Ý Vật sanh khởi trong sát na Tâm ngay trước khi xuất khỏi Thiền Diệt,
- Cũng có thể là Lục Vật đồng câu sanh với cái Tâm đếm thụt lùi ngược lại về sau 17 sát na kể từ Tâm Tử khởi đi trong Lộ Trình Cận Tử.

* (theo phần Chú Giải sau này) thì lấy cả 49 Sắc Ý Vật đang hiện hữu ở thời gian Trụ và đồng câu sanh với cả 3 sát na Tâm sanh trước của Tâm Hữu Phần Quá Khứ.

* Pháp Vật Tiền Sinh Y Sở Duyên: 7 Thức Giới gồm có Nhãn Thức Giới, v.v. 52 Tâm Sở phối hợp (trừ 4 Tâm Dị Thục Quả Vô Sắc) hiện hành trong thời kỳ Bình Nhựt Cối Ngũ Uẩn, một cách nhất định và bất định.

- Về phần Nhất Định (Ekanta) là 43 Tâm, tức là 2 Tâm căn Sân, 17 Tâm Vô Nhân (trừ Tâm Khai Ý Môn), 8 Tâm Đại Quả, 15 Tâm Sắc Giới, 1 Tâm Đạo Thất Lai, 48 Tâm Sở phối hợp (trừ Tham, Tà Kiến, Ngã Mạn, Hoài Nghi).
- Về phần Bất Định (Anekanta) là 42 Tâm, tức là 8 Tâm căn Tham, 2 Tâm căn Si, 1 Tâm Khai Ý Môn, 8 Tâm Đại Thiện, 8 Tâm Đại Duy Tác, 8 Tâm Vô Sắc Giới (trừ 4 Tâm Dị Thục Quả Vô Sắc Giới), 7 Tâm Siêu Thế (trừ 1 Tâm Đạo Thất Lai), 46 Tâm Sở phối hợp (trừ Sân, Tật, Lận, Hối, 2 Vô Lượng Phần).

*** Pháp Vật Tiền Sinh Y Địch Duyên:**

- 46 Ý Thức Giới tức là 8 Tâm căn Tham, 2 Tâm căn Si, 1 Tâm Khai Ý Môn, 8 Tâm Đại Thiện, 8 Tâm Đại Duy Tác, 12 Tâm Vô Sắc Giới, 7 Tâm Siêu Thế (trừ 1 Tâm Đạo Thất Lai), 46 Tâm Sở phối hợp (trừ Sân, Tật, Lận, Hối, 2 Vô Lượng Phần) hiện hành trong Cõi Tứ Uẩn, một cách nhất định và bất định, hoặc là
- 15 Tâm Tái Tục Cõi Ngũ Uẩn, 35 Tâm Sở phối hợp, hoặc là
- Tất cả Sắc Pháp có Sắc Tâm, v.v.
- Về phần Nhất Định (***Ekanta***) là 4 Tâm Dị Thục Quả Vô Sắc Giới, 30 Tâm Sở phối hợp và tất cả Sắc Pháp.
- Về phần Bất Định (***Anekanta***) là 42 Tâm, tức là 8 Tâm căn Tham, 2 Tâm căn Si, 1 Tâm Khai Ý Môn, 8 Tâm Đại Thiện, 8 Tâm Đại Duy Tác, 8 Tâm Vô Sắc Giới (trừ 4 Tâm Dị Thục Quả Vô Sắc Giới, 7 Tâm Siêu Thế (trừ 1 Tâm Đạo Thất Lai), 46 Tâm Sở phối hợp (trừ Sân, Tật, Lận, Hối, 2 Vô Lượng Phần).

Có nghĩa là, nếu nhóm Tâm này sanh trong Cõi Ngũ Uẩn thì thành Pháp Sở Duyên. Nếu sanh trong Cõi Tứ Uẩn thì thành Pháp Địch Duyên. Do đó, nhóm 42 Tâm này, vừa là Pháp Sở Duyên bất định và cũng vừa là Pháp Địch Duyên bất định.

(3) * Pháp Vật Cảnh Tiền Sinh Y Năng Duyên:

- Ý Vật đồng câu sanh với cái Tâm thứ nhất, mà đếm thụt lui ngược lại về sau 17 sát na kể từ Tâm Tử, ở trong thời kỳ Cận Tử, hoặc là
- Ý Vật hiện tại, tức là Ý Vật vẫn còn hiện hữu, ở trong sát na làm thành chỗ nương tựa và làm thành Cảnh.

*** Pháp Vật Cảnh Tiền Sinh Y Sở Duyên:**

- Tám sát na Cận Tử tức là 1 Tâm Khai Ý Môn, 5 sát na Tâm Đồng Lực Dục Giới, 2 sát na Tâm Na Cảnh, hoặc là
- Chín sát na Tâm tức là 1 Tâm Khai Ý Môn, 5 sát na Tâm Đồng Lực Dục Giới ở trong số lượng 29 Tâm Đồng Lực Dục Giới, 2 sát na Tâm Na Cảnh ở trong số lượng 11 Tâm Na Cảnh, 1 sát na Tâm Thắng Trí ở trong số lượng 2 Tâm Thắng Trí, 44 Tâm Sở phối hợp (trừ Tật, Lận, Hối, 3 Ngăn Trừ Phần, 2 Vô Lượng Phần) ở ngay sát na được đón nhận việc giúp đỡ ủng hộ từ nơi Vật Cảnh Tiền Sinh Y Năng Duyên.

*** Pháp Vật Cảnh Tiền Sinh Y Địch Duyên:**

- 89 Tâm, 52 Tâm Sở phối hợp ở trong sát na không có được đón nhận việc giúp đỡ ủng hộ từ nơi Vật Cảnh Tiền Sinh Y Năng Duyên, một cách nhất định và bất định, hoặc là
- Tất cả Sắc Pháp gồm có Sắc Tâm, v.v.
- Về phần Nhất Định (*Ekanta*) là 10 Tâm Ngũ Song Thức, 3 Tâm Ý Giới, 27 Tâm Đáo Đại cùng với những Thắng Trí (trừ 2 Tâm Thần Túc Thắng Trí), 8 Tâm Siêu Thế, 38 Tâm Sở phối hợp, và tất cả Sắc Pháp gồm có Sắc Tâm, v.v.
- Về phần Bất Định (*Anekanta*) là 1 Tâm Khai Ý Môn, 29 Tâm Đồng Lực Dục Giới, 11 Tâm Na Cảnh, 2 Tâm Thần Túc Thắng Trí, 44 Tâm Sở phối hợp (trừ Tật, Lận, Hối, 3 Ngăn Trừ Phần, 2 Vô Lượng Phần).

IX. CẬN Y DUYÊN (UPANISSAYAPACCAYA):

1. “*Bhuso nissayo = Upanissayo*” - Pháp làm thành chỗ nương nhờ một cách kiên cường, gọi là Cận Y.
2. (*Vā*) “*Balavataro nissayoti Upanissayo*” - (Hoặc là) Pháp làm thành chỗ nương nhờ, hình thành có rất nhiều năng lực, gọi là Cận Y.
3. “*Upanissayabhāvena upakārako dhammo = Upanissayapaccayo*” - Pháp mà làm thành người giúp đỡ ủng hộ bằng cách làm thành chỗ nương nhờ một cách kiên cường, gọi là Cận Y Duyên.
4. (*Vā*) “*Balavatarabhāvena upakārako dhammo Upanissayapaccayo*” - (Hoặc là) Pháp mà làm thành người giúp đỡ ủng hộ bằng cách làm thành chỗ nương nhờ, hình thành có rất nhiều năng lực, gọi là Cận Y Duyên.

Trong Cận Y Duyên lại được phân tích ra làm ba loại Duyên, đó là:

- (1) *Cảnh Cận Y Duyên (Ārammanūpanissayapaccaya)*,
- (2) *Vô Gián Cận Y Duyên (Anantarūpanissayapaccaya)*,
- (3) *Thường Cận Y Duyên (Pakatūpanissayapaccaya)*.

Và lần lượt có Chú Giải (*Vacanattha*) về các loại Duyên này, như sau:

“*Sutthu karīyitthāti = Pakato*” - Tác Nhân Pháp đã được thực hiện một cách tốt đẹp, gọi là *Thường Nhiên (Pakata)*, đã được hoàn thành, đã được thực hiện xong.

“Pakato upanissayoti = Pakattūpanissayapaccayo” - Tác Nhân Pháp đã được thực hiện một cách tốt đẹp, làm thành chỗ nương nhờ và có năng lực kiên cường, gọi là Thường Cận Y Duyên.

(Athāvā) “Ārammanānantarehi asammissoti hutvā pakatiyāyeva upanissayoti = Pakatūpanissayo” - (Một trường hợp khác) Tác Nhân Pháp mà làm thành chỗ nương nhờ có năng lực kiên cường với mãnh lực của chính tự thực tính của mình, không có liên quan với mãnh lực của Cảnh Duyên và Vô Giáns Duyên, gọi là Thường Cận Y Duyên.

“Pakato nāma attano santāne uppādito saddhāsīlādi upasevito vā utubhojanādi” - Tín và Giới, v.v. đã làm cho sanh khởi trong bản tánh của mình, gọi là **“Pakata”** – đã thực hiện. Quý Tiết và Bồ Phẩm mà mình đã được thụ hưởng, gọi là **“Pakata”** – đã thực hiện.

“Pakatiyāyevāti ārammanānantarehi asammissoti attho” - Dịch nghĩa với từ ngữ **“Pakati – một cách thông thường”** có ý nghĩa là không pha lẫn với Cảnh Duyên và Vô Giáns Duyên.

“Paccayamahāpadeso hesa yadidam Pakatūpanissayo” - Chính Thường Cận Y Duyên này được gọi là Đại Vị Trí Duyên.

(1) * Pháp Cảnh Cận Y Năng Duyên: Lục Cảnh tức là 18 Sắc Thành Tựu (**Nipphanna Rūpa**) làm Cảnh Thực Tính Duyệt Ý (**Sabhāvaitthārammana**) và Cảnh Tư Duy Duyệt Ý (**Parikappaitthārammana**), đó là Cảnh đáng vui mừng thỏa thích ở cả ba thời kỳ, quá khứ - hiện tại và vị lai; 84 Tâm (trừ 2 Tâm căn Sân, 2 Tâm căn Si, 1 Tâm Thân Thức câu hành Khổ Thọ), 47 Tâm Sở phối hợp (trừ Sân, Tật, Lận, Hối, Hoài Nghi) ở cả ba thời kỳ, quá khứ - hiện tại và vị lai; và Níp Bàn ở phần Ngoại Thời.

*** Pháp Cảnh Cận Y Sở Duyên:** 8 Tâm căn Tham, 8 Tâm Đại Thiện, 4 Tâm Đại Duy Tác Tương Ứng Trí, 8 hoặc 40 Tâm Siêu Thế, 45 Tâm Sở phối hợp (trừ Sân, Tật, Lận, Hối, Hoài Nghi và Vô Lượng Phần), một cách nhất định và bất định.

- Về phần Nhất Định (**Ekanta**) là 8 Tâm Siêu Thế và 36 Tâm Sở phối hợp (trừ 2 Vô Lượng Phần).

- Về phần Bất Định (**Anekanta**) là 8 Tâm căn Tham, 8 Tâm Đại Thiện, 4 Tâm Đại Duy Tác Tương Ứng Trí, 45 Tâm Sở phối hợp (trừ Sân, Tật, Lận, Hối, Hoài Nghi và Vô Lượng Phần).

*** Pháp Cảnh Cận Y Địch Duyên:** 81 Tâm Hiệp Thế (*Lokiyacitta*), 52 Tâm Sở phối hợp ngay trong thời kỳ không tiếp thu những Cảnh Duyệt Ý, và tất cả Sắc Pháp gồm có Sắc Tâm, Sắc Nghiệp Tái Tục, Sắc Ngoại, Sắc Vật Thực, Sắc Quý Tiết, Sắc Nghiệp Phạm Thiên Vô Tướng, Sắc Nghiệp Bình Nhục; một cách nhất định và bất định.

- Về phần Nhất Định (*Ekanta*) là tất cả Sắc Pháp, 2 Tâm căn Sân, 2 Tâm căn Si, 18 Tâm Vô Nhân, 8 Tâm Đại Quả, 4 Tâm Đại Duy Tác Bất Tương Ứng Trí, 27 Tâm Đáo Đại, 46 Tâm Sở phối hợp (trừ Tham, Tà Kiến, Ngã Mạn và 3 Ngăn Trừ Phần).
- Về phần Bất Định (*Anekanta*) là 8 Tâm căn Tham, 8 Tâm Đại Thiện, 4 Tâm Đại Duy Tác Tương Ứng Trí, 45 Tâm Sở phối hợp (trừ Sân, Tật, Lận, Hối, Hoài Nghi, và 2 Vô Lượng Phần).

Ghi chú: Từ lời giải thích cho đến tất cả ba loại Nội Dung Pháp của Cảnh Cận Y Duyên đều tương tự với Cảnh Trường Duyên, với mọi trường hợp.

(2) *** Pháp Vô Gian Cận Y Năng Duyên:** 89 Tâm, 52 Tâm Sở phối hợp đã sanh trước (trừ Tâm Tử của bậc Vô Sinh).

*** Pháp Vô Gian Cận Y Sở Duyên:** 89 Tâm, 52 Tâm Sở phối hợp sanh sau cùng với Tâm Tử của bậc Vô Sinh.

*** Pháp Vô Gian Cận Y Địch Duyên:** Tất cả Sắc Pháp với bảy phần Sắc Pháp.

Ghi chú: Từ lời giải thích cho đến tất cả ba loại Nội Dung Pháp của Vô Gian Cận Y Duyên đều tương tự với Vô Gian Duyên, với mọi trường hợp.

(3) *** Pháp Thường Cận Y Năng Duyên:** 89 Tâm, 52 Tâm Sở phối hợp, 28 Sắc Pháp đã sanh trước trước, và Chế Định, hình thành có rất nhiều năng lực (trừ Bất Tịnh Chế Định (*Asubhapaññatti*), Biến Xứ Chế Định (*Kasinapaññatti*), Thân Phần Chế Định (*Kotthāsapaññatti*), Sở Tức Chế Định (*Ānāpanapaññatti*), Hư Không Chế Định (*Ākāśapaññatti*), Danh Chế Định (*Nāmapaññatti*) v.v).

Ghi chú: Có ý nghĩa là tất cả Pháp Năng Duyên này phải là Tác Nhân Pháp có rất nhiều năng lực mới làm được Năng Duyên.

*** Pháp Thường Cận Y Sở Duyên:** 89 Tâm, 52 Tâm Sở sanh sau sau.

*** Pháp Thường Cận Địch Duyên:** Tất cả Sắc Pháp với 7 phần Sắc Pháp.

X. TIỀN SINH DUYÊN (PUREJĀTAPACCAYA):

1. “*Pure jāyitthāti = Purejāto*” - Thực Tính Pháp mà sanh trước Pháp Sở Duyên, gọi là Tiền Sinh.

2. “*Purejāto ca so paccayo cāti = Purejātapaccayo*” - Pháp mà sanh trước và lại làm duyên, gọi là Tiền Sinh Duyên.

Trong Tiền Sinh Duyên lại được phân tích ra làm hai loại Duyên, đó là:

(1) *Vật Tiền Sinh Duyên (Vatthupurejātapaccaya)* hoàn toàn tương tự Vật Tiền Sinh Duyên và Vật Tiền Sinh Y Duyên, với mọi trường hợp.

(2) *Cảnh Tiền Sinh Duyên (Ārammanapurejātapaccaya)*.

*** Pháp Cảnh Tiền Sinh Năng Duyên:** Lục Cảnh Sắc tức là 18 Sắc Thành Tụ ở ngay thời kỳ Hiện Tại.

*** Pháp Cảnh Tiền Sinh Sở Duyên:** 54 Tâm Dục Giới, 2 Tâm Thắng Trí, 50 Tâm Sở phối hợp (trừ 2 Vô Lượng Phần), đang thọ lãnh sự giúp đỡ ủng hộ từ nơi Pháp Năng Duyên, một cách nhất định và bất định.

- Về phần Nhất Định (Ekanta): 10 Tâm Ngũ Song Thức, 3 Tâm Ý Giới, 10 Tâm Sở Tợ Tha phối hợp.

- Về phần Bất Định (Anekanta): 41 Tâm Dục Giới (trừ 10 Tâm Ngũ Song Thức, 3 Tâm Ý Giới), 2 Tâm Thắng Trí, 50 Tâm Sở phối hợp (trừ 2 Vô Lượng Phần).

*** Pháp Cảnh Tiền Sinh Địch Duyên:** 76 hoặc 108 Tâm (trừ 10 Tâm Ngũ Song Thức, 3 Tâm Ý Giới), 52 Tâm Sở phối hợp, mà không có được thọ lãnh sự giúp đỡ ủng hộ từ nơi Pháp Năng Duyên, một cách nhất định và bất định. Và tất cả Sắc Pháp có Sắc Tâm, v.v.

- Về phần Nhất Định (Ekanta): Tất cả Sắc Pháp với 7 phần Sắc Pháp, 27 Tâm Đáo Đại (trừ 2 Tâm Thắng Trí), 8 Tâm Siêu Thế, 38 Tâm Sở phối hợp.

- Về phần Bất Định (Anekanta): tương tự với Pháp Sở Duyên ở phần Bất Định.

XI. HẬU SANH DUYÊN (PACCHĀJĀTAPACCAYA):

1. “*Pacchā jāyatīti = Pacchājāto*” – Pháp mà sanh sau Pháp Sở Duyên, gọi là Hậu Sanh.

2. “*Pacchājāto ca so paccayo cāti = Pacchājātapaccayo*” - Pháp mà sanh sau và lại làm duyên, gọi là Hậu Sanh Duyên.

3. “*Pacchājāto hutvā upakārako dhammo = Pacchājātapaccayo*” - Pháp mà sanh sau Pháp Sở Duyên, rồi lại giúp đỡ ủng hộ đối với Pháp sanh trước, gọi là Hậu Sanh Duyên.

*** Pháp Hậu Sanh Năng Duyên:** 85 Tâm sanh sau (trừ 4 Tâm Dị Thục Quả Vô Sắc Giới và Tâm Tái Tục), 52 Tâm Sở phối hợp, có Tâm Hữu Phần thứ nhất v.v. sanh sau ở trong Cõi Ngũ Uẩn, một cách nhất định và bất định.

- **Về phần Nhất Định (Ekanta):** 43 Tâm tức là 2 Tâm căn Sân, 10 Tâm Ngũ Song Thức, 3 Tâm Ý Giới, 11 Tâm Na Cảnh, 1 Tâm Tiểu Sinh, 15 Tâm Sắc Giới, 1 Tâm Đạo Thất Lai, 48 Tâm Sở phối hợp.
- **Về phần Bất Định (Anekanta):** 42 Tâm tức là 8 Tâm căn Tham, 2 Tâm căn Si, 1 Tâm Khai Ý Môn, 8 Tâm Đại Thiện, 8 Tâm Đại Duy Tác, 4 Tâm Thiện Vô Sắc Giới, 4 Tâm Duy Tác Vô Sắc Giới, 7 Tâm Siêu Thế (trừ Tâm Đạo Thất Lai), 46 Tâm Sở phối hợp (trừ 2 Vô Lượng Phần).

*** Pháp Hậu Sanh Sở Duyên:** Tất cả Sắc Pháp kể từ Nhất Sắc xuất sinh xứ cho đến Tứ Sắc xuất sinh xứ, tồn tại vào thời gian Trụ và đồng cấu sanh với cả ba sát na của cái Tâm sanh trước trước, có Tâm Tái Tục v.v.

*** Pháp Hậu Sanh Địch Duyên:** 89 Tâm có Tâm Tái Tục v.v., 52 Tâm Sở phối hợp và sát na sanh khởi của Sắc Tâm, Sắc Nghiệp Tái Tục, Sắc Vật Thực, Sắc Quý Tiết, Sắc Nghiệp Bình Nhựt, khởi sanh trong tâm tánh của chúng sanh trong Cõi Ngũ Uẩn (Hữu Mạng Quyền), và Sắc Ngoại, Sắc Nghiệp Phạm Thiên Vô Tướng.

XII. TRỪNG DỤNG DUYÊN (ĀSEVANAPACCAYA):

1. “*Āpunappunam sevanam = Āsevanam*” - Việc thụ hưởng Cảnh hoài hoài, gọi là Trùng Dụng.

2. “*Āsevati punappunam pavattatīti = Āsevanam*” - Chỉ một cái Tâm duy nhứt mà sanh khởi trùng lặp với nhau hoài hoài, gọi là Trùng Dục.

3. “*Āsevanam ca tam paccayam cāti = Āsevanapaccayam*” - Việc thụ hưởng Cảnh hoài hoài và lại làm duyên, gọi là Trùng Dục Duyên.

4. “*Āsevanatthena anantarānam pagunabalavabhāvāya upakārako dhammo = Āsevanapaccayo*” - Pháp làm việc giúp đỡ ủng hộ với sự nối tiếp nhau và không có gián đoạn, làm thành thực tính có năng lực tinh thông sắc sảo, và với ý nghĩa là thụ hưởng Cảnh hoài hoài, gọi là Trùng Dục Duyên.

*** Pháp Trùng Dục Năng Duyên:** 47 Tâm Đồng Lực Hiệp Thế sanh trước trước (trừ cái Tâm Đồng Lực cuối cùng ở trong cùng một chủng loại), 52 Tâm Sở phối hợp.

*** Pháp Trùng Dục Sở Duyên:** 51 Tâm Đồng Lực sanh sau sau (trừ Tâm Đồng Lực Dục Giới thứ nhất, và 4 Tâm Đồng Lực Quả), 52 Tâm Sở phối hợp.

*** Pháp Trùng Dục Dịch Duyên:** Tâm Đồng Lực thứ nhất của 29 Tâm Đồng Lực Dục Giới, 2 Tâm Khai Môn, 36 Tâm Dị Thục Quả, 52 Tâm Sở phối hợp và tất cả Sắc Pháp có Sắc Tâm, v.v.

XIII. NGHIỆP DUYÊN (KAMMAPACCAYA):

1. “*Karanam = Kammam*” - Sự việc tạo tác gọi là Nghiệp.

2. “*Karoti patisankharotīti = Kammam*” - Pháp sắp đặt hoặc tạo tác ra Pháp Sở Duyên, gọi là Nghiệp.

3. “*Kammanca tam paccayam cāti = Kammapaccayam*” - Chính với Pháp sắp đặt hoặc tạo tác ra Pháp Sở Duyên, và lại làm duyên, gọi là Nghiệp Duyên.

4. “*Kammabhāvena upakārako dhammo = Kammapaccayo*” - Pháp làm việc giúp đỡ ủng hộ theo sự việc sắp đặt hoặc tạo tác ra Pháp Sở Duyên, gọi là Nghiệp Duyên.

5. “*Cetanāham bhikkhave kammam vadāmi cetayitvā kammam karoti kāyena vācāya manasā*” - Này Chư Tỳ Khuru, Ta nói rằng chính Tư là Nghiệp. Chúng sanh tạo tác Nghiệp với thân, với lời, với ý, và thường có sự sắp đặt tạo tác là suy nghĩ trước rồi mới hành động.

Trong Nghiệp Duyên lại được phân tích ra làm hai loại Duyên, đó là:

- (1) *Câu Sanh Nghiệp Duyên (Sahajātakammappaccaya)*,
(2) *Dị Thời Nghiệp Duyên (Nānakkanikakammappaccaya)*.

Và lần lượt có Chú Giải (*Vacanattha*) về các Duyên này, như sau:

“*Kāyangavācangacittangābhisankharanabhūtena cittappayogasankhātena kiriyābhāvena paccayo upakāraṇakoti = Kammappaccayo*” - Pháp giúp đỡ ủng hộ theo hình thái của hành động tạo tác mà có liên quan với phương cách hiểu biết của Tâm, tức là Pháp giúp đỡ tạo tác với trạng thái từ nơi thân, từ nơi lời, và tâm, gọi là Nghiệp Duyên.

“*Nānakkhano = Nānakkhano*” - Khác biệt sát na với nhau, gọi là Dị Thời.

“*Nānakkhane pavattam kammam = Nānakkanikakammam*” - Nghiệp sanh khởi khác biệt sát na với nhau, gọi là Dị Thời Nghiệp.

“*Attano paccayuppannadhammapavattikkhanato visumbhūte atīte nānākhane siddhati = Nānakkanikā*” - Tư Tác Ý đã thành tựu trong thời kỳ quá khứ, khác biệt với từng sát na sanh khởi từ nơi Pháp Sở Duyên của mình, gọi là Dị Thời.

“*Nānakkanikakammam hutvā upakāraṇako dhammo = Nānakkanikakammapaccayo*” - Chính Pháp làm thành Dị Thời Nghiệp đó, làm duyên giúp đỡ ủng hộ, gọi là Dị Thời Nghiệp Duyên.

(1) * Pháp Câu Sanh Nghiệp Năng Duyên: 89 Tâm Sở Tư ở trong 89 Tâm.

* Pháp Câu Sanh Nghiệp Sở Duyên: 89 Tâm, 51 Tâm Sở phối hợp (trừ Tâm Sở Tư), Sắc Tâm, Sắc Nghiệp Tái Tục.

* Pháp Câu Sanh Nghiệp Dịch Duyên: 89 Tâm Sở Tư ở trong 89 Tâm, hoặc là Sắc Ngoại, Sắc Vật Thực, Sắc Quý Tiết, Sắc Nghiệp Phạm Thiên Vô Tướng, Sắc Nghiệp Bình Nhục.

(2) * Pháp Dị Thời Nghiệp Năng Duyên: Tâm Sở Tư ở trong 21 Tư Thiện, 12 Tư Bất Thiện ở thời quá khứ, tức là đã diệt mất rồi.

* Pháp Dị Thời Nghiệp Sở Duyên: 36 Tâm Dị Thực Quả, 38 Tâm Sở phối hợp, Sắc Nghiệp Tái Tục, Sắc Nghiệp Phạm Thiên Vô Tướng, Sắc Nghiệp Bình Nhục.

* Pháp Dị Thời Nghiệp Dịch Duyên: 21 Tâm Thiện, 12 Tâm Bất Thiện, 20

Tâm Duy Tác, 52 Tâm Sở phối hợp, hoặc là Sắc Tâm, Sắc Ngoại, Sắc Vật Thực, Sắc Quý Tiệt.

Ghi chú: Theo Nhà Chú Giải thì trong Nghiệp Duyên có thêm phần *Vô Gián Nghiệp* (*Anantarakammappaccaya*) với ba loại Nội Dung Pháp như sau:

(3) * **Pháp Vô Gián Nghiệp Năng Duyên:** Tâm Sở Tư ở trong Tâm Đạo vừa mới diệt mất.

* **Pháp Vô Gián Nghiệp Sở Duyên:** Tâm Quả Siêu Thế, 36 Tâm Sở phối hợp, sanh nối tiếp liền sau Tâm Đạo.

* **Pháp Vô Gián Nghiệp Địch Duyên:** 101 Tâm (trừ 20 Tâm Quả Siêu Thế), 52 Tâm Sở phối hợp, và Sắc Pháp.

XIV. **DỊ THỰC QUẢ DUYÊN (VIPĀKAPACCAYA):**

1. “*Pahāyapahātabbabhāvena annamannaviruddhānam kusalākusalānam pākāti = Vipākā*” - Pháp mà làm thành kết quả của Thiện và Bất Thiện, ở phần đối lập lẫn nhau theo sự việc hình thành *Pháp Truất Bối* (*Pahāyadhamma = Kusalahamma – Pháp Thiện*), và *Pháp Xả Đoạn* (*Pahātabbadhamma = Akusalahamma – Pháp Bất Thiện*), gọi là *Dị Thực Quả*.

2. (Và) “*Sāvajja anavajjabhāvena vā kanhasukkabhāvena vā annamanna-visitthānam kusalākusalānam pākāti = Vipākā*” - (Hoặc là) Pháp mà làm thành kết quả của Thiện và Bất Thiện một cách đặc thù dị biệt lẫn nhau, theo sự việc hình thành *Pháp Khiến Trách* (*Sāvajjadhamma = có tội lỗi*) và *Pháp Bất Khiến Trách* (*Anavajjadhamma = không có tội lỗi*), hoặc theo sự việc hình thành *Pháp Đen* và *Pháp Trắng*, gọi là *Dị Thực Quả*.

3. “*Vipāko ca so paccayo cāti = Vipākapaccayo*” - Chính *Dị Thực Quả* làm duyên mới gọi là *Dị Thực Quả Duyên*.

4. (Và) “*Vipaccanabhāvena paccayo upakāraṇakoti = Vipākapaccayo*” - (Hoặc là) Gọi là *Dị Thực Quả Duyên*, bởi do có nội dung là giúp đỡ ủng hộ bằng cách làm cho thành tựu.

* **Pháp Dị Thực Quả Năng Duyên:** Tứ Danh Uẩn Tái Tục Bình Nhứt tức là 36 Tâm *Dị Thực Quả*, 38 Tâm Sở phối hợp giúp đỡ ủng hộ hỗ tương lẫn nhau trong Cõi

Tứ Uẩn, lại giúp đỡ ủng hộ hỗ tương lẫn nhau với Sắc Tâm, Sắc Nghiệp Tái Tục trong Cõi Ngũ Uẩn.

*** Pháp Dị Thục Quả Sở Duyên:**

- Tứ Danh Uẩn Tái Tục Bình Nhựt tức là 36 Tâm Dị Thục Quả, 38 Tâm Sở phối hợp mà hiện hành một cách đối nghịch từ nơi sự hỗ tương lẫn nhau, hoặc là
- 13 Sắc Tâm Dị Thục Quả (trừ 2 Sắc Biểu Tri – *Vinnattirūpa*), Sắc Nghiệp Tái Tục.

*** Pháp Dị Thục Quả Địch Duyên:**

- Tứ Danh Uẩn Thiện, Bất Thiện và Duy Tác tức là 21 Tâm Thiện, 12 Tâm Bất Thiện, 20 Tâm Duy Tác, 52 Tâm Sở phối hợp, hoặc là
- Sắc Tâm mà sanh từ nơi Thiện, Bất Thiện và Duy Tác, Sắc Ngoại, Sắc Vật Thực, Sắc Quý Tiết, Sắc Nghiệp Phạm Thiên Vô Tướng, Sắc Nghiệp Bình Nhựt.

XV. VẬT THỰC DUYÊN (ĀHĀRAPACCAYA):

1. “*Sakasakapaccayuppanne āharati bhuso haratīti = Āhāro*” – Thực tính mà được thu thập thật nhiều và mang lại của từng mỗi người, gọi là Vật Thực.

2. “*Rūpārūpānam upathambhakattena upakāraka cattāro āhārā = Āhārapaccayo*” - Tứ Vật Thực mà ủng hộ với ý nghĩa làm thành vật bảo hộ đối với tất cả Sắc Pháp và Danh Pháp, gọi là Vật Thực Duyên.

3. “*Sabbe sattā āhāratthitikā*” - Nhứt thiết chúng sanh duy thực tồn (Tất cả chúng sanh được tồn tại là cũng chính do nhờ vào Vật Thực vậy).

4. “*Kabalam karīyatīti = Kabalīkāro*” - Vật Thực nào mà được làm thành miếng ăn, hoặc được làm thành từng miếng nhỏ, như thế, vật thực đó được gọi là Đoàn Thực.

5. “*Āharīyatīti = Āhāro*” - Thực phẩm nào mà người ưa thích bỏ vào miệng hoặc ưa thích nuốt vào, như thế, thực phẩm đó gọi là Vật Thực.

6. “*Kabalīkāro ca so āhāro cāti = Kabalākārāhāro*” - Thực phẩm nào đã được làm thành miếng ăn hoặc nắm vắt thành miếng nhỏ, ưa thích bỏ vào miệng hoặc ưa thích ăn nuốt vào, như thế, thực phẩm đó gọi là Đoàn Thực.

Trong Vật Thực Duyên lại được phân tích ra làm hai loại Duyên, đó là:

(1) *Sắc Vật Thực Duyên (Rūpaāhārapaccaya)*,

(2) *Danh Vật Thực Duyên (Nāmaāhārapaccaya)*.

(1) * Pháp Sắc Vật Thực Năng Duyên: Tất cả Vật Thực Nội (*Ajjhatta* – Nội Bộ, Nội Tạng, Nội Tánh) và Ngoại (*Bahiddha*) đã ăn hoặc chưa ăn, tức là chất dinh dưỡng hoặc bổ dưỡng.

Có nghĩa là Bồ Phẩm Ngoại Phần (*Bahiddhaojā*) tức là bồ phẩm (*vật thực bổ dưỡng*) ở trong các loại vật thực, làm thành Đoàn Thực, miếng ăn được làm thành từng miếng nhỏ, hoặc là vật thực có thể bỏ nuốt vào miệng.

Một trường hợp khác nữa là, Bồ Phẩm Tứ Xuất Sinh Xứ mỹ vị mà ở Nội Phần, tức là chất bổ sanh từ cả Tứ Xuất Sinh Xứ, đó là Bồ Phẩm Nghiệp, Bồ Phẩm Tâm, Bồ Phẩm Quý Tiết, Bồ Phẩm Vật Thực sanh ở bên trong, và Bồ Phẩm Quý Tiết tức là bồ phẩm ở trong các loại vật thực.

* Pháp Sắc Vật Thực Sở Duyên:

- 12 Sắc Vật Thực xuất sinh xứ.

- Một trường hợp khác nữa là, Tứ Sắc Xuất sinh xứ tức là 18 Sắc Nghiệp, 15 Sắc Tâm, 13 Sắc Quý Tiết, 12 Sắc Vật Thực, hiện hữu trong cùng một nhóm Sắc, với Pháp Năng Duyên, và hiện hữu trong những nhóm Sắc nữa (trừ chính bồ phẩm đang làm Pháp Năng Duyên, hiện hữu ở trong cùng một nhóm Sắc).

* Pháp Sắc Vật Thực Địch Duyên:

- 89 Tâm, 52 Tâm Sở phối hợp, Sắc Tâm, Sắc Nghiệp Tái Tục, Sắc Ngoại, Sắc Quý Tiết, Sắc Nghiệp Phạm Thiên Vô Tướng, Sắc Nghiệp Bình Nhựt.

- Một trường hợp nữa là, 89 Tâm, 52 Tâm Sở phối hợp, Sắc Nghiệp Tái Tục, Sắc Ngoại, Sắc Nghiệp Phạm Thiên Vô Tướng.

(2) * Pháp Danh Vật Thực Năng Duyên: Ba Chi Pháp của Danh Vật Thực tức là 89 Xúc, 89 Tư, 89 Thức.

* Pháp Danh Vật Thực Sở Duyên: 89 Tâm, 52 Tâm Sở phối hợp, Sắc Tâm, Sắc Nghiệp Tái Tục, cùng câu sanh với Pháp Năng Duyên.

* Pháp Danh Vật Thực Địch Duyên: Sắc Ngoại, Sắc Vật Thực, Sắc Quý Tiết, Sắc Nghiệp Phạm Thiên Vô Tướng, Sắc Nghiệp Bình Nhựt.

XVI. QUYỀN DUYÊN (INDRIYAPACCAYA):

1. “*Indati paramaissariyam karotīti = Indriyam*” - Pháp chủng nào làm to lớn, tức là tạo tác sự việc to lớn, gọi là Quyền Lực.

2. “*Indriyabhāvena upakārako dhammo = Indriyapaccayo*” - Pháp mà giúp đỡ ủng hộ một cách to lớn trọng yếu, hoặc là bằng cách làm thành người cai quản, gọi là Quyền Lực Duyên.

3. “*Issarayatthena adhipatīyatthena vā upakārakā itthindriyapurisindriya – vajjā vīsatindriyā = Indriyapaccayo*” - Trừ Nữ Quyền và Nam Quyền ra, hai mươi Pháp Quyền Lực còn lại làm Pháp giúp đỡ ủng hộ theo sự việc làm thành to lớn trọng đại, hoặc làm thành chủ yếu, gọi là Quyền Lực Duyên.

4. “*Indriyanca tampaccayancāti = Indriyapaccayam*” - Chính do Quyền Lực làm duyên, mới gọi là Quyền Lực Duyên.

Trong Quyền Lực Duyên lại được phân tích ra làm ba loại Duyên, đó là:

- (1) *Câu Sanh Quyền Duyên (Sahajātindriyapaccaya),*
- (2) *Tiền Sinh Quyền Duyên (Purejātindriyapaccaya),*
- (3) *Sắc Mạng Quyền Duyên (Rūpājīvitindriyapaccaya).*

Và có Chú Giải (*Vacanāttha*) về Tiền Sinh Quyền như sau:

“*Purejāto hutvā indriyabhāvena upakārako dhammo = Purejātindriyapaccayo*” - Pháp mà đã được sanh trước rồi, lại làm duyên giúp đỡ ủng hộ theo sự việc làm trọng yếu, gọi là Tiền Sinh Quyền Duyên.

(1) * Pháp Câu Sanh Quyền Năng Duyên: Bát Chi Pháp Danh Quyền tức là Mạng Quyền, Tâm, Thọ, Tín, Tấn, Niệm, Nhút Thống, và Tuệ.

* Pháp Câu Sanh Quyền Sở Duyên: 89 Tâm, 52 Tâm Sở phối hợp, Sắc Tâm, Sắc Nghiệp Tái Tục.

* Pháp Câu Sanh Quyền Dịch Duyên: Sắc Ngoại, Sắc Vật Thực, Sắc Quý Tiết, Sắc Nghiệp Phạm Thiên Vô Tướng, Sắc Nghiệp Bình Nhứt.

(2) * Pháp Tiền Sinh Quyền Năng Duyên:

- Cả ba nhóm Ngũ Vật (*Pancavatthu*) gồm có Ngũ Vật Nọa Độn Thọ v.v. Ngũ Vật Trung Thọ đồng câu sanh với cái Tâm Hữu Phần Quá Khứ thứ nhứt (theo phần Nhà Chú Giải cổ điển).

- Một trường hợp khác nữa là, 49 Ngũ Vật vào đến sát na Trụ của mình (Ngũ Vật ở thời kỳ Trung Thọ), hoặc là
- Bất luận một Sắc nào trong 49 Ngũ Vật ở thời gian Trụ (Ngũ Vật đang còn hiện hữu với Tâm Hữu Phần trước khi đi đến Ngũ Thức) (theo phần Nhà Chú Giải sau này).

*** Pháp Tiền Sinh Quyền Sở Duyên:** 10 Tâm Ngũ Song Thức, 7 Tâm Sở Biến Hành phối hợp.

*** Pháp Tiền Sinh Quyền Dịch Duyên:**

- 79 Tâm, 52 Tâm Sở phối hợp (trừ 10 Tâm Ngũ Song Thức), hoặc là
- Tất cả Sắc Pháp có Sắc Tâm, v.v.

(3) *** Pháp Sắc Mạng Quyền Năng Duyên:** Tất cả Sắc Mạng Quyền hiện hành trong thời kỳ Bình Nhựt và Tái Tục.

*** Pháp Sắc Mạng Quyền Sở Duyên:** 8 hoặc 9 Sắc Nghiệp còn lại ở trong cùng một Tổng Hợp với Sắc Mạng Quyền.

*** Pháp Sắc Mạng Quyền Dịch Duyên:**

- 89 Tâm, 52 Tâm Sở phối hợp, hoặc là
- Sắc Tâm, Sắc Ngoại, Sắc Vật Thực, Sắc Quý Tiết, hoặc là
- Sắc Mạng Quyền ở trong Sắc Nghiệp Tái Tục, Sắc Nghiệp Phạm Thiên Vô Tướng, Sắc Nghiệp Bình Nhựt.

XVII. THIỆN NA DUYÊN (JHĀNAPACCAYA):

1. “*Ārammanam jhāyati upanijjhāyatīti = Jhānam*” - Pháp chủng nào thường vào thăm thị lấy Cảnh có Cảnh Sắc, v.v. hoặc Biến Xứ (*Kasina*) v.v. với nguyên nhân đó, Pháp chủng đó gọi là Thiện Na.

2. “*Jhānanca tam paccayancāti = Jhānapaccayam*” - Chính do Thiện Na làm duyên nên mới gọi là Thiện Na Duyên.

3. “*Upanijjhāyanatthena upakārako dhammo = Jhānapaccayo*” - Pháp mà giúp đỡ ủng hộ với nội dung là thường vào thăm thị lấy Cảnh, gọi là Thiện Na Duyên.

4. “*Ārammanam upagantvā tasmim vā bhūsam dalham nippattitvā viya jhāyanatthena olokanatthena upakārako dhammo = Jhānapaccayo*” - Pháp làm duyên giúp đỡ ủng hộ với nội dung là thường đến sát cận với Cảnh, hoặc y như là rút

vào dính chặt ở trong Cảnh và rồi thâm thị, tức là nhìn một cách chăm chú vào, gọi là Thiền Na Duyên.

*** Pháp Thiền Na Năng Duyên:** Ngũ Chi Thiền tức là Tâm, Tứ, Hỷ, Thọ, Nhất Thống ở trong 79 Tâm (trừ 10 Tâm Ngũ Song Thức).

*** Pháp Thiền Na Sở Duyên:** 79 Tâm (trừ 10 Tâm Ngũ Song Thức), 52 Tâm Sở phối hợp, Sắc Tâm, Sắc Nghiệp Tái Tục.

*** Pháp Thiền Na Dịch Duyên:** 10 Tâm Ngũ Song Thức, 7 Tâm Sở Biến Hành phối hợp, Sắc Ngoại, Sắc Vật Thực, Sắc Quý Tiết, Sắc Nghiệp Phạm Thiên Vô Tướng, Sắc Nghiệp Bình Nhục.

XVIII. ĐỒ ĐẠO DUYÊN (MAGGAPACCAYA):

1. “*Maggo viyāti = Maggo*” - Pháp mà làm y như đường lộ, gọi là Đồ Đạo.

2. “*Sugatiduggatīnam nibbānassa ca abhimukhaṃ pāpanato = Maggo*” - Pháp mà gọi là Đồ Đạo, là cũng do làm thành Pháp dẫn dắt đi đến Thiện Thú, Khổ Thú, và Níp Bàn.

3. “*Maggabhāvena upakārako dhammo = Maggapaccayo*” - Pháp mà làm thành người giúp đỡ ủng hộ theo sự hành Đạo, tức là dẫn dắt đi đến Thiện Thú, Khổ Thú, và Níp Bàn, gọi là Đồ Đạo Duyên.

*** Pháp Đồ Đạo Năng Duyên:** Cửu Chi Đạo tức là Tuệ, Tâm, Chánh Ngữ, Chánh Nghiệp, Chánh Mạng, Tấn, Niệm, Nhất Thống, Tà Kiến ở trong 71 Tâm Hữu Nhân (trừ 18 Tâm Vô Nhân).

*** Pháp Đồ Đạo Sở Duyên:** 71 Tâm, 52 Tâm Sở phối hợp, Sắc Tâm Hữu Nhân, Sắc Nghiệp Tái Tục Hữu Nhân.

*** Pháp Đồ Đạo Dịch Duyên:** 18 Tâm Vô Nhân, 12 Tâm Sở Tợ Tha (trừ Dục), Sắc Tâm Vô Nhân, Sắc Nghiệp Tái Tục Vô Nhân, Sắc Ngoại, Sắc Vật Thực, Sắc Quý Tiết, Sắc Nghiệp Phạm Thiên Vô Tướng, Sắc Nghiệp Bình Nhục.

XIX. TƯƠNG ỨNG DUYÊN (SAMPAYUTTAPACCAYA):

1. “*Samam ekuppādatādīpakārehi yuttanti = Sampayuttam*” - Pháp chủng mà cùng chung hòa hợp với nhau và đồng khởi sanh trong cùng một sát na với nhau, gọi là Tương Ứng.

2. “*Sampayuttabhāvena upakārako dhammo = Sampayuttapaccayo*” - Pháp mà giúp đỡ lẫn nhau duyên theo nhân cùng chung hòa hợp với nhau, gọi là Tương Ứng Duyên.

* *Pháp Tương Ứng Năng Duyên (Sampayuttadhamma)*: Tứ Danh Uẩn Tái Tục - Bình Nhựt (*Pavattipatisandhināmakkhandha*) là 89 Tâm, 52 Tâm Sở giúp đỡ hỗ tương lẫn nhau.

* *Pháp Tương Ứng Sở Duyên (Sampayuttapaccayuppannadhamma)*: là 89 Tâm, 52 Tâm Sở hiện hành một cách đối chiếu tương phản lẫn nhau.

* *Pháp Tương Ứng Địch Duyên (Sampayuttapaccanikadhamma)*: Tất cả Sắc, gồm có Sắc Tâm, Sắc Nghiệp Tái Tục, Sắc Ngoại, Sắc Vật Thực, Sắc Quý Tiết, Sắc Nghiệp Phạm Thiên Vô Tướng, Sắc Nghiệp Bình Nhựt.

XX. BẤT TƯƠNG ỨNG DUYÊN (VIPPAYUTTAPACCAYA):

1. “*Ekuppādatādīpakārehi na payuttanti = Vippayuttam*” - Pháp mà không hòa hợp nhau theo phương cách đồng sanh với nhau (*Ekuppādatā – Câu Sanh*), v.v. gọi là Bất Tương Ứng.

2. “*Vippayuttabhāvena upakārako dhammo = Vippayuttapaccayo*” - Pháp mà hỗ trợ lẫn nhau theo việc làm thành bất tương ứng, gọi là Bất Tương Ứng Duyên.

Trong Bất Tương Ứng Duyên lại được phân tích ra làm ba hoặc bốn loại Duyên, như sau:

* Với ba thể loại, đó là:

1. *Sahajātavippayuttapaccaya – Câu Sanh Bất Tương Ứng Duyên,*
2. *Purejātavippayuttapaccaya – Tiền Sinh Bất Tương Ứng Duyên,*
3. *Pacchājātavippayuttapaccaya – Hậu Sinh Bất Tương Ứng Duyên.*

* Với bốn thể loại, đó là:

1. *Sahajātavippayuttapaccaya – Câu Sanh Bất Tương Ứng Duyên,*
2. *Vatthupurejātavippayuttapaccaya – Vật Tiền Sinh Bất Tương Ứng Duyên,*

3. *Vatthārammanapurejātavippayuttapaccaya* – *Vật Cảnh Tiền Sinh Bất Tương Ứng Duyên*,

4. *Pacchājātavippayuttapaccaya* – *Hậu Sinh Bất Tương Ứng Duyên*.

(1) * Pháp Câu Sanh Bất Tương Ứng Năng Duyên :

- Tứ Danh Uẩn ở thời Bình Nhựt và Tái Tục, là 75 Tâm (trừ 4 Tâm Dị Thực Quả Vô Sắc Giới, 10 Tâm Ngũ Song Thức, và Tâm Tử của Bạc Vô Sinh), 52 Tâm Sở phối hợp đang sanh khởi một cách nhất định và bất định ở trong Cõi Ngũ Uẩn.

- Và Tứ Danh Uẩn Tái Tục Ngũ Uẩn tức là 15 Tâm Tái Tục, 35 Tâm Sở phối hợp, và Ý Vật Tái Tục làm người hỗ trợ lẫn nhau (một cách đặc biệt ở thời Tái Tục).

* Pháp Câu Sanh Bất Tương Ứng Sở Duyên:

- Sắc Tâm, hoặc là Sắc Nghiệp Tái Tục, Tứ Danh Uẩn Tái Tục Cõi Ngũ Uẩn, và hoặc là

- Ý Vật Tái Tục hiện hành một cách đối chiếu tương phản lẫn nhau (tức là Ý Vật Tái Tục nương nhờ lẫn nhau vào Tứ Danh Uẩn Tái Tục Ngũ Uẩn và Tứ Danh Uẩn Tái Tục Ngũ Uẩn nương nhờ lẫn nhau vào Ý Vật Tái Tục).

* Pháp Câu Sanh Bất Tương Ứng Dịch Duyên: 89 Tâm, 52 Tâm Sở phối hợp (trừ Tứ Danh Uẩn Tái Tục Ngũ Uẩn), Sắc Ngoại, Sắc Vật Thực, Sắc Quý Tiết, Sắc Nghiệp Phạm Thiên Vô Tướng, hoặc là Sắc Nghiệp Bình Nhựt.

(2) *Vật Tiền Sinh Bất Tương Ứng Duyên (Vatthupurejātavippayuttapaccaya)* thì tương tự với *Vật Tiền Sinh Y Duyên (Vatthupurejātanissayapaccaya)*.

(3) *Vật Cảnh Tiền Sinh Bất Tương Ứng Duyên (Vatthārammanapurejātavippayuttapaccaya)* thì tương tự với *Vật Cảnh Tiền Sinh Y Duyên (Vatthāramma - napurejātanissayapaccaya)*.

(4) *Hậu Sanh Bất Tương Ứng Duyên (Pacchājātavippayuttapaccaya)* thì tương tự với *Hậu Sanh Duyên (Pacchājātapaccaya)*.

XXI. HIỆN HỮU DUYÊN (ATTHIPACCAYA):

“Paccuppannalakkhanena atthibhāvena tādisasseva dhammassa upathambha -

katthena upakārako dhammo = Atthipaccayo” - Pháp làm duyên giúp đỡ ủng hộ với nội dung giúp đỡ ủng hộ đối với Pháp mà có cùng thực tính như nhau, với sự việc làm cho Pháp Thực Tính được hiện hữu, tức là có trạng thái của việc đang sanh vẫn còn hiện hữu, gọi là Hiện Hữu Duyên.

Trong Hiện Hữu Duyên lại được phân tích ra năm hoặc sáu loại Duyên, đó là:

1. Câu Sanh Hiện Hữu Duyên (*Sahajātatthipaccaya*)
2. Cảnh Tiền Sinh Hiện Hữu Duyên (*) (*Ārammanapurejātattthipaccaya*)
3. Vật Tiền Sinh Hiện Hữu Duyên (*) (*Vatthupurejātattthipaccaya*)
4. Hậu Sanh Hiện Hữu Duyên (*Pacchājātattthipaccaya*)
5. Vật Thực Hiện Hữu Duyên (*Āhāratthipaccaya*)
6. Quyền Hiện Hữu Duyên (*Indriyatthipaccaya*)

(*) Cả hai Duyên này kết hợp lại thành Tiền Sinh Hiện Hữu Duyên (*Purejātattthipaccaya*)

Trong năm hoặc sáu thể loại này, thì:

1. Câu Sanh Hiện Hữu Duyên tương tự với Câu Sanh Duyên
2. Cảnh Tiền Sinh Hiện Hữu Duyên tương tự với Cảnh Tiền Sinh Duyên
3. Vật Tiền Sinh Hiện Hữu Duyên tương tự với Vật Tiền Sinh Duyên
4. Hậu Sanh Hiện Hữu Duyên tương tự với Hậu Sanh Duyên
5. Vật Thực Hiện Hữu Duyên tương tự với Sắc Vật Thực Duyên
6. Quyền Hiện Hữu Duyên tương tự với Sắc Mạng Quyền Duyên

XXII. VÔ HỮU DUYÊN (NATTHIPACCAYA):

“*Parammatthabhāvena natthitāya upakārako dhammo = Natthipaccayo*” - Pháp làm duyên giúp đỡ ủng hộ với trạng thái Thực Tính Siêu Lý là không có hiện hữu, gọi là Vô Hữu Duyên.

XXIII. LY KHỨ DUYÊN (VIGATAPACCAYA):

1. “*Vigatabhāvena nirodhassa pattitāya upakārako dhammo = Vigatpaccayo*” - Pháp làm duyên giúp đỡ ủng hộ với trạng thái Thực Tính Siêu Lý là xa lìa rời khỏi,

gọi là Ly Khứ Duyên.

2. “*Abhāvamattena upakāraṇatā okāsaḍānam Natthipaccayatā, sabhāvāviga - manena appavattamānānam sabhāvavigamanena upakāraṇatā Vigatapaccayatā. Natthitā ca nirodhā nantarasunnatā, Vigatatā nirodhappattatā ayametesam viseso*”

- Việc giúp đỡ, tức là việc tạo cơ hội đối với Pháp Sở Duyên cho được sanh khởi theo trạng thái của *sự không có*, gọi là Vô Hữu Duyên. Việc vẫn chưa có cơ hội để được sanh khởi vì đã xa lìa rời khỏi từ nơi Pháp Thực Tính, tức là việc giúp đỡ ủng hộ theo *sự xa lìa rời khỏi* từ nơi Pháp Thực Tính đó, gọi là Ly Khứ Duyên.

XXIV. BẤT LY DUYÊN (AVIGATAPACCAYA):

1. “*Avigatabhāvena nirodhassa appattiyā tādissasseva dhammassa upatham - bhakatthena upakāraṇatā dhammo = Avigatapaccayo*” - Pháp mà làm người giúp đỡ với nội dung làm thành người bảo hộ đối với Pháp Sở Duyên (vẫn còn hiện hữu) trong cùng một phương thức tương tự với chính mình, với thực tính không rời xa lìa khỏi, tức là vẫn chưa đi đến sự diệt mất, gọi là Bất Ly Duyên.

2. “*Atthitāya sasabhāvato upakāraṇatā Atthipaccayatā, sabhāvāvigamena niro - dhassa appattiyā upakāraṇatā Avigatapaccayatāti paccayabhāvaviseso dham - māvisesepi veditabbo*” - Việc giúp đỡ ủng hộ theo sự việc hiện hữu, tức là Chi Pháp Siêu Lý vẫn còn hiện bày, gọi là *Hiện Hữu Duyên*.

Việc giúp đỡ ủng hộ theo sự việc vẫn chưa rời xa lìa khỏi của Chi Pháp Siêu Lý, tức là vẫn chưa đi đến sự diệt mất đi, gọi là *Bất Ly Duyên*.

Trong Bất Ly Duyên lại được phân tích ra làm năm hoặc sáu loại Duyên, đó là;

1. Câu Sanh Bất Ly Duyên (*Sahajātaavigatapaccaya*)
2. Cảnh Tiền Sinh Bất Ly Duyên (*) (*Ārammanapurejātaavigatapaccaya*)
3. Vật Tiền Sinh Bất Ly Duyên (*) (*Vatthupurejātaavigatapaccaya*)
4. Hậu Sanh Bất Ly Duyên (*Pacchājātaavigatapaccaya*)
5. Vật Thực Bất Ly Duyên (*Āhāraavigatapaccaya*)
6. Quyền Bất Ly Duyên (*Indriyaavigatapaccaya*)

(*) Cả hai Duyên này kết hợp lại thành Tiền Sinh Bất Ly Duyên (*Purejāta - avigatapaccaya*)

Trong năm hoặc sáu thể loại này, thì:

1. Câu Sanh Bất Ly Duyên tương tự với Câu Sanh Hiện Hữu Duyên, hoặc Câu Sanh Duyên
2. Cảnh Tiền Sinh Bất Ly Duyên tương tự với Cảnh Tiền Sinh Hiện Hữu Duyên, hoặc Cảnh Tiền Sinh Duyên
3. Vật Tiền Sinh Bất Ly Duyên tương tự với Vật Tiền Sinh Hiện Hữu Duyên, hoặc Vật Tiền Sinh Duyên
4. Hậu Sanh Bất Ly Duyên tương tự với Hậu Sanh Hiện Hữu Duyên, hoặc Hậu Sanh Duyên
5. Vật Thực Bất Ly Duyên tương tự với Vật Thực Hiện Hữu Duyên, hoặc Sắc Vật Thực Duyên
6. Quyền Hiện Hữu Duyên tương tự với Quyền Hiện Hữu Duyên, hoặc Sắc Mạng Quyền Duyên



BẢN TÓM LƯỢC 24 DUYÊN CHÍNH TRONG ĐẠI PHÁT THỦ

01	Nhân Duyên		01				Danh Vật Thực Duyên	24
02	Cảnh Duyên		02		16	Quyền Duyên	Câu Sinh Quyền Duyên	25
03	Trưởng Duyên	Cảnh Trưởng Duyên	03				Tiền Sinh Quyền Duyên	26
		Câu Sinh Trưởng Duyên	04				Sắc Mạng Quyền Duyên	27
		Vật Cảnh Tiền Sinh Trưởng	05		17	Thiền Na Duyên		28
					18	Đồ Đạo Duyên		29
04	Vô Giác Duyên		06					
05	Đẳng Vô Giác Duyên		06*		19	Tương Ứng Duyên		30
06	Câu Sinh Duyên		07		20	Bất Tương Ứng Duyên	Câu Sinh Bất Tương Ứng Duyên	31
07	Hổ Tương Duyên		08				Vật Tiền Sinh Bất Tương Ứng Duyên	32
08	Y Chỉ Duyên	Câu Sinh Y Duyên	09				Vật Cảnh Tiền Sinh Bất Tương Ứng Duyên	33
		Vật Tiền Sinh Y Duyên	10				Hậu Sinh Bất Tương Ứng Duyên	34
		Vật Cảnh Tiền Sinh Y Duyên	11		21	Hiện Hữu Duyên	Câu Sinh Hiện Hữu Duyên	35
							Vật Tiền Sinh Hiện Hữu Duyên	36
09	Cận Y Duyên	Cảnh Cận Y Duyên	12				Cảnh Tiền Sinh Hiện Hữu Duyên	37
		Vô Giác Cận Y Duyên	13				Hậu Sinh Hiện Hữu Duyên	38
		Thường Cận Y Duyên	14				Vật Thực Hiện Hữu Duyên	39
10	Tiền Sinh Duyên	Vật Tiền Sinh Duyên	15				Quyền Hiện Hữu Duyên	40
		Cảnh Tiền Sinh Duyên	16		22	Vô Hữu Duyên		41
11	Hậu Sinh Duyên		17		23	Ly Khứ Duyên		42
12	Trùng Dục Duyên		18		24	Bất Ly Duyên	Câu Sinh Bất Ly Duyên	43
13	Nghiệp Duyên	Câu Sinh Nghiệp Duyên	19				Vật Tiền Sinh Bất Ly Duyên	44
		Dị Thời Nghiệp Duyên	20				Cảnh Tiền Sinh Bất Ly Duyên	45
		Vô Giác Nghiệp Duyên	21				Hậu Sinh Bất Ly Duyên	46
							Vật Thực Bất Ly Duyên	47
14	Dị Thực Quả Duyên		22				Quyền Bất Ly Duyên	48
15	Vật Thực Duyên	Sắc Vật Thực Duyên	23					

BẢN TÓM LƯỢC 24 DUYÊN CHÍNH TRONG ĐẠI PHÁT THỦ

01	Nhân Duyên		01				Danh Vật Thực Duyên	24
02	Cảnh Duyên		02		16	Quyển Duyên	Câu Sinh Quyền Duyên	25
03	Trưởng Duyên	Cảnh Trưởng Duyên	03				Tiền Sinh Quyền Duyên	26
		Câu Sinh Trưởng Duyên	04				Sắc Mạng Quyền Duyên	27
		Vật Cảnh Tiền Sinh Trưởng	05		17	Thiền Na Duyên		28
			06		18	Đồ Đạo Duyên		29
04	Vô Giác Duyên		06*		19	Tương Ứng Duyên		30
05	Đẳng Vô Giác Duyên		07		20	Bất Tương Ứng Duyên	Câu Sinh Bất Tương Ứng Duyên	31
06	Câu Sinh Duyên		08				Vật Tiền Sinh Bất Tương Ứng Duyên	32
07	Hỗ Tương Duyên	Câu Sinh Y Duyên	09				Vật Cảnh Tiền Sinh Bất Tương Ứng Duyên	33
08	Y Chỉ Duyên	Vật Tiền Sinh Y Duyên	10				Hậu Sinh Bất Tương Ứng Duyên	34
		Vật Cảnh Tiền Sinh Y Duyên	11		21	Hiện Hữu Duyên	Câu Sinh Hiện Hữu Duyên	35
							Vật Tiền Sinh Hiện Hữu Duyên	36
09	Cận Y Duyên	Cảnh Cận Y Duyên	12				Cảnh Tiền Sinh Hiện Hữu Duyên	37
		Vô Giác Cận Y Duyên	13				Hậu Sinh Hiện Hữu Duyên	38
		Thường Cận Y Duyên	14				Vật Thực Hiện Hữu Duyên	39
10	Tiền Sinh Duyên	Vật Tiền Sinh Duyên	15				Quyển Hiện Hữu Duyên	40
		Cảnh Tiền Sinh Duyên	16		22	Vô Hữu Duyên		41
11	Hậu Sinh Duyên		17		23	Ly Khứ Duyên		42
12	Trùng Dụng Duyên		18		24	Bất Ly Duyên	Câu Sinh Bất Ly Duyên	43
13	Nghiệp Duyên	Câu Sinh Nghiệp Duyên	19				Vật Tiền Sinh Bất Ly Duyên	44
		Dị Thời Nghiệp Duyên	20				Cảnh Tiền Sinh Bất Ly Duyên	45
		Vô Giác Nghiệp Duyên	21				Hậu Sinh Bất Ly Duyên	46
							Vật Thực Bất Ly Duyên	47
14	Dị Thực Quả Duyên		22				Quyển Bất Ly Duyên	48
15	Vật Thực Duyên	Sắc Vật Thực Duyên	23					

BẢN TÓM LƯỢC 27 DUYÊN HỌC TRONG BẢN ĐỒ ĐẠI PHÁT THỦ

01	Nhân Duyên	Hetupaccayo
02	Cảnh Duyên	Ārammanapaccayo
03	Cảnh Trường Duyên	Ārammanadhipatipaccayo
04	Câu Sinh Trường Duyên	Sahajātadhipatipaccayo
05	Vật Cảnh Tiên Sinh Trường Duyên	Vatthārammanapurejātadhipatipaccayo
06	Vô Giác Duyên (Đẳng Vô Giác Duyên)	Anantara paccayo
07	Câu Sinh Duyên	Sahajāta paccayo
08	Hổ Trường Duyên	Annaman n apaccayo
09	Vật Tiên Sinh Y Duyên	Vatthupurejātānissaya paccayo
10	Vật Cảnh Tiên Sinh Y Duyên	Vatthārammanapurejātānissaya paccayo
11	Trường Cận Y Duyên	Pakatūpanissaya paccayo
12	Cảnh Tiên Sinh Duyên	Ārammanapurejāta paccayo
13	Hậu Sinh Duyên	Pacchājāta paccayo
14	Trường Dụng Duyên	Āsevanapaccayo
15	Câu Sinh Nghiệp Duyên	Sahajātakamma paccayo
16	Dị Thời Nghiệp Duyên	Nānakamma paccayo
17	Vô Giác Nghiệp Duyên	Anantarakamma paccayo
18	Dị Thực Quả Duyên	Vipāk a paccayo
19	Sắc Vật Thực Duyên	Rūpāhara paccayo
20	Danh Vật Thực Duyên	Nāmāhāra paccayo
21	Câu Sinh Quyền Duyên	Sahajātindriya paccayo
22	Tiên Sinh Quyền Duyên	Purejātindriya paccayo
23	Sắc Mạng Quyền Duyên	Rūpindriya paccayo
24	Thiền Na Duyên	Jhāna paccayo
25	Đồ Đạo Duyên	Magga paccayo
26	Tương Ưng Duyên	Sampayutta paccayo
27	Câu Sinh Bất Tương Ưng Duyên	Sahajātavippayutta paccayo

26. TƯƠNG ƯNG HIỆP LỰC (<i>Sampayutta</i> paccayo Ghatana)	PHẦN TỔNG QUÁT		CÂU # 1	
			Thiện - Thiện	
Năng Duyên	121 Tâm, 52 Tâm Sở		37 Tâm Thiện, 38 Tâm Sở	
Sở Duyên	121 Tâm, 52 Tâm Sở		37 Tâm Thiện, 38 Tâm Sở	
TƯƠNG ƯNG DUYÊN	Năng Duyên	Sở Duyên	Năng Duyên	Sở Duyên
1. Câu Sinh Duyên	121 Tâm, 52 Tâm Sở	121 Tâm, 52 Tâm Sở	37 Tâm Thiện, 38 Tâm Sở	37 Tâm Thiện, 38 Tâm Sở
2. Câu Sinh Y	"	"	"	"
3. Câu Sinh Hiện Hữu	"	"	"	"
4. Câu Sinh Bất Ly	"	"	"	"
5. Hỗ Tương	"	"	"	"
6. Nhân Duyên	6 Nhân	103 Tâm Hữu Nhân 52 Tâm Sở (- Si hợp 2 Tâm Si)	3 Nhân Thiện	"
7. Câu Sinh Trưởng	4 Trưởng	84 Tâm Hữu Trưởng 51 Tâm Sở (- Hoài Nghi)	4 Trưởng Thiện	"
8. Câu Sinh Nghiệp	Tâm Sở TỬ	121 Tâm, 51 Tâm Sở (- TỬ)	Tâm Sở TỬ hợp Tâm Thiện	"
9. Danh Vật Thực	Danh Vật Thực	121 Tâm, 52 Tâm Sở	3 Danh Vật Thực Thiện	"
10. Câu Sinh Quyền	8 Danh Quyền	121 Tâm, 52 Tâm Sở	8 Danh Quyền Thiện	"
11. Thiện Na	7 Chi Thiện	111 Tâm (- 5 Song Thức) 52 Tâm Sở	6 Chi Thiện Thiện	"
12. ĐỒ Đạo Duyên	9 Chi Đạo	103 Tâm Hữu Nhân, 52 Tâm Sở	8 Chi Đạo Thiện	"
13. Dị Thực Quả	52 Tâm Quả, 38 Tâm Sở	52 Tâm Quả, 38 Tâm Sở		
Cộng Duyên Hiệp Lực		13	12	
- Nói theo Khi (Thời):	Tái Tục - Bình Nhựt		Bình Nhựt	
- Nói theo Cõi:	Tứ Uẩn - Ngũ Uẩn		Tứ Uẩn - Ngũ Uẩn	
- Nói theo Người:	4 Phàm - 4 Quả		4 Phàm - 7 Thánh Hữu Học	
- Nói theo Lộ:	Ngũ + Ý + Kiên Cố		Ngũ + Ý + Kiên Cố	

26A. TƯƠNG ỨNG		CÂU # 2		CÂU # 3	
HIỆP LỰC (Sampayutta Paccayo Chatanā)		Bất Thiện - Bất Thiện		Vô Ký - Vô Ký	
Năng Duyên		12 Tâm Bất Thiện, 27 Tâm Sở		72 Tâm Vô Ký, 38 Tâm Sở	
Sở Duyên	12 Tâm Bất Thiện, 27 Tâm Sở	72 Tâm Vô Ký, 38 Tâm Sở			
TƯƠNG ƯNG DUYÊN	Năng Duyên	Sở Duyên	Năng Duyên	Sở Duyên	
1. Câu Sinh Duyên	12 Tâm Bất Thiện, 27 Tâm Sở	12 Tâm Bất Thiện, 27 Tâm Sở	72 Tâm Vô Ký, 38 Tâm Sở	72 Tâm Vô Ký, 38 Tâm Sở	
2. Câu Sinh Y	"	"	"	"	
3. Câu Sinh Hiện Hữu	"	"	"	"	
4. Câu Sinh Bất Ly	"	"	"	"	
5. Hổ Tương	"	"	"	"	
6. Nhân Duyên	3 Nhân Bất Thiện	"	3 Nhân Vô Ký	54 Tâm Vô Ký Hữu Nhân 38 Tâm Sở	
7. Câu Sinh Trưởng	3 Trưởng Bất Thiện (- Tri)	"	4 Trưởng Vô Ký	37 Tâm Vô Ký Hữu Trưởng 38 Tâm Sở	
8. Câu Sinh Nghiệp	Tâm Sở TỰ hợp Tâm Bất Thiện	"	Tâm Sở TỰ hợp 72 Tâm Vô Ký	72 Tâm Vô Ký, 37 Tâm Sở (- Tự)	
9. Danh Vật Thực	3 Danh Vật Thực Bất Thiện	"	3 Danh Vật Thực Vô Ký	72 Tâm Vô Ký, 38 Tâm Sở	
10. Câu Sinh Quyền	5 Danh Quyền Bất Thiện	"	3 Danh Quyền Vô Ký	72 Tâm Vô Ký, 38 Tâm Sở	
11. Thiên Na	7 Chi Thiên Bất Thiện	"	6 Chi Thiên Vô Ký	62 Tâm Vô Ký (- 5 Song Thức) 38 Tâm Sở	
12. Đồ Đạo Duyên	4 Chi Đạo Bất Thiện	"	8 Chi Đạo Vô Ký	54 Tâm Vô Ký Hữu Nhân 38 Tâm Sở	
13. Di Thực Quả			52 Tâm Quả, 38 Tâm Sở	52 Tâm Quả, 38 Tâm Sở	
Cộng Duyên Hiệp Lực		12		13	
- Nói theo Khi (Thời):		Bình Nhựt		Tối Tục - Bình Nhựt	
- Nói theo Cõi:		Tứ Uẩn - Ngũ Uẩn		Tứ Uẩn - Ngũ Uẩn	
- Nói theo Người:		4 Phạm - 3 Quả Hữu Học		4 Phạm - 4 Quả	
- Nói theo Lộ:		Ngũ + Ý		Ngũ + Ý+ Kiên Cố	

26B. TƯƠNG ỨNG TÁU HỢP (Sampayutta Paccayo Sabhāga)	CÁU SINH TÁU HỢP	
	VÔ DỊ THỰC	HỮU DỊ THỰC
Năng Duyên	121 Tâm, 52 Tâm Sở	52 Tâm Quả, 38 Tâm Sở
Sở Duyên	121 Tâm, 52 Tâm Sở	52 Tâm Quả, 38 Tâm Sở
Mãnh Lực Duyên	6	7
1. Tương Ứng	T. Ư.	T. Ư.
2. Câu Sinh	C. S.	C. S.
3. Câu Sinh Y	C. S. Y	C. S. Y
4. Câu Sinh Hiện Hữu	C. S. H. H.	C. S. H. H.
5. Câu Sinh Bất Ly	C. S. B. L.	C. S. B. L.
6. Hỗ Tương	H. T.	H. T.
7. Dị Thực Quả		D. T. Q.
	Thiện - Thiện Bất Thiện - Bất Thiện Vô Ký - Vô Ký	Vô Ký - Vô Ký
Cộng Câu:	3	1

27. CẦU SINH BẤT TƯƠNG ỨNG HIỆP LỰC (Sahajātavippayutta Paccayo Ghatanā)		PHẦN TỔNG QUÁT			
Năng Duyên	Sở Duyên	HIỆP LỰC 1		HIỆP LỰC 2	
		Thiện - Vô Ký		Bất Thiện - Vô Ký	
Sở Duyên	15 Tâm Tái Tục Cõi 5 Uẩn 35 Tâm Sở 17 Sắc Tâm, 20 Sắc Tái Tục	37 Tâm Thiện 38 Tâm Sở		12 Tâm Bất Thiện 27 Tâm Sở	
		17 Sắc Tâm Thiện		17 Sắc Tâm Bất Thiện	
CẦU SINH BẤT TƯƠNG ỨNG	Năng Duyên	Sở Duyên	Năng Duyên	Sở Duyên	Năng Duyên
1. Câu Sinh Duyên	107 Tâm 52 Tâm Sở (- 5 Song Thức, 4 Quả Vô Sắc)	17 Sắc Tâm 20 Sắc Tái Tục	37 Tâm Thiện 38 Tâm Sở	17 Sắc Tâm Thiện	12 Tâm Bất Thiện 27 Tâm Sở
2. Câu Sinh Ý Duyên	"	"	"	"	"
3. Câu Sinh Hiện Hữu	"	"	"	"	"
4. Câu Sinh Bất Ly	"	"	"	"	"
5. Hỗ Tương	Ý Vật Tái Tục	15 Tâm Tái T. Cõi 5 Uẩn 35 Tâm Sở			Ý Vật Tái Tục
6. Di Thực Quả	38 Tâm Quả 38 Tâm Sở	17 Sắc Tâm 20 Sắc Nghiệp Tái Tục			38 Tâm Quả 38 Tâm Sở
Cộng Duyên Hiệp Lực		6	4	4	6
- Nói theo Khí (Thối):		Tái Tục - Bình Nhựt	Bình Nhựt	Bình Nhựt	Tái Tục - Bình Nhựt
- Nói theo Cõi:		Ngũ Uẩn	Ngũ Uẩn	Ngũ Uẩn	Ngũ Uẩn
- Nói theo Người:		4 Phạm - 4 Quả	4 Phạm - 7 Thánh Hữu Học	4 Phạm - 3 Quả Hữu Học	4 Phạm - 4 Quả
- Nói theo Lộ:		Ngũ + Ý + Kiên Cố	Ngũ + Ý + Kiên Cố	Ngũ + Ý	Ngũ + Ý + Kiên Cố

27A. CÂU SINH BẤT TƯƠNG ƯNG TÁU HỢP (Sahajātavippayutta Paccayo Sabhāga)	CÂU SINH				TÁU HỢP		CÓ 4 CÁCH	
	VÔ DỊ THỰC		CÓ 2 CÁCH		TÁU HỢP		CÓ 2 CÁCH	
	Biến Hành	Hữu Hỗ Tương	Biến Hành	Hữu Hỗ Tương	Biến Hành	Hữu Dị Thực	Có 2 Cách	Hữu Hỗ Tương
Năng Duyên	107 Tâm 52 Tâm Sở Ý Vật Tái Tục	Ý Vật Tái Tục	38 Quả (- 5 Song Thức, 4 Quả Vô Sắc) 38 Tâm Sở Ý Vật Tái Tục	15 Tâm Tái Tục Cõi 5 Uẩn 35 Tâm Sở	15 Sắc Tâm 20 Sắc Nghiệp Tái Tục 15 Tâm Tái Tục Cõi 5 Uẩn 35 Tâm Sở	15 Tâm Tái Tục Cõi 5 Uẩn 35 Tâm Sở		
Sở Duyên	17 Sắc Tâm 20 Sắc Nghiệp Tái Tục 15 Tâm Tái Tục Cõi 5 Uẩn 35 Tâm Sở	15 Tâm Tái Tục Cõi 5 Uẩn 35 Tâm Sở						
Mãnh Lực Duyên	5	6	6	7				
1. C S Bất Tương Ưng	C. S. B. T. Ư.	C. S. B. T. Ư.	C. S. B. T. Ư.	C. S. B. T. Ư.	C. S. B. T. Ư.	C. S. B. T. Ư.	C. S. B. T. Ư.	C. S. B. T. Ư.
2. Câu Sinh	C. S.	C. S.	C. S.	C. S.	C. S.	C. S.	C. S.	C. S.
3. Câu Sinh Y	C. S. Y	C. S. Y	C. S. Y	C. S. Y	C. S. Y	C. S. Y	C. S. Y	C. S. Y
4. Câu Sinh Hiện Hữu	C. S. H. H.	C. S. H. H.	C. S. H. H.	C. S. H. H.	C. S. H. H.	C. S. H. H.	C. S. H. H.	C. S. H. H.
5. Câu Sinh Bất Ly	C. S. B. L.	C. S. B. L.	C. S. B. L.	C. S. B. L.	C. S. B. L.	C. S. B. L.	C. S. B. L.	C. S. B. L.
6. Hỗ Tương	H. T.	H. T.	H. T.	H. T.	H. T.	H. T.	H. T.	H. T.
7. Dị Thực Quả					D. T. Q.	D. T. Q.	D. T. Q.	D. T. Q.
	Thiện - Vô Ký Bất Thiện - Vô Ký Vô Ký - Vô Ký	Vô Ký - Vô Ký	Vô Ký - Vô Ký	Vô Ký - Vô Ký	Vô Ký - Vô Ký	Vô Ký - Vô Ký	Vô Ký - Vô Ký	Vô Ký - Vô Ký
Cộng Câu:	3	1	1	1	1	1	1	1

Ý NGHĨA CHỮ VIẾT TẮT TRONG BẢN ĐỒ CHI PHÁP CỦA GIÔNG CÂU SANH (TIỂU PHẦN)

1. *Sāmañña*: *Sāmaññaghatana* = Phổ Thông Hiệp Lực
2. *Viri*: *Viriya* = Tinh Tấn
3. *Sati*: *Sati* = Niệm
4. *E*: *Ekaggata* = Nhất Thống
5. *Pa*: *Pannā* = Tuệ
6. *Ve*: *Vedanā* = Thọ
7. *Vitaka*: *Vitakka* = Tầm
8. *Ceta*: *Cetanā* = Tư
9. *Vin*: *Viññāna* = Thức
10. *Chandaāhi*: *Chandaāhipati* = Dục Trướng
11. *Cittāhi*: *Cittāhipati* = Tâm Trướng
12. *Viriyāhi*: *Viriyāhipati* = Cần Trướng
13. *Amoha*: *Amoha* = Vô Si
14. *Vimañsāhi*: *Vimañsāhipati* = Thảm Trướng
15. *He*: *Hetupaccaya* = Nhân Duyên
16. *Dhi*: *Adhipatipaccaya* = Trướng Duyên
17. *Kaṇ*: *Kaṇmapaccaya* = Nghiệp Duyên
18. *Hā*: *Āhārapaccaya* = Vật Thực Duyên
19. *In*: *Indriyapaccaya* = Quyền Lực Duyên
20. *Jhā*: *Jhānapaccaya* = Thiền Na Duyên
21. *Mag*: *Maggapaccaya* = Đồ Đạo Duyên

* * * * *

BẢN ĐỒ CẦU SANGH HIỆP LỰC - TIÊU PHẦN 255

SAHAJĀTAGHA- TANĀ	HE	DHI	KAM	HĀ	IN	JHĀ	MAG	TĀP HQP	SAB	SAAÑ	SA- A SAM	SA- VIP	SAB	SAAÑ	SA- A SAM	SAVIP	AM VIP
1. SĀMAÑÑA	9			9	9	9	9	45	5-7	6-3	7-3	6-3	6-1	7-1	8-1	7-1	8-1
2. VIRI, SATI, E, PA					9		9	18	6-7	7-3	8-3	7-3	7-1	8-1	9-1	8-1	9-1
3. VE, E					9	9		18	6-7	7-3	8-3	7-3	7-1	8-1	9-1	8-1	9-1
4. VITAK, E						9	9	18	6-7	7-3	8-3	7-3	7-1	8-1	9-1	8-1	9-1
5. E					9	9	9	27	7-7	8-3	9-3	8-3	8-1	9-1	10-1	9-1	10-1
6. CETANĀ			9	9				18	6-7	7-3	8-3	7-3	7-1	8-1	9-1	8-1	9-1
7. VIÑNANA				9	9			18	6-7	7-3	8-3	7-3	7-1	8-1	9-1	8-1	9-1
8. CHANDĀDHI		6						6	5-7		7-3	6-3	6-1		8-1	7-1	
9. CITTĀDHI		6		6	6			18	7-7		9-3	8-3	8-1		10-1	9-1	
10. VIRIYĀDHI		6			6		6	18	7-7		9-3	8-3	8-1		10-1	9-1	
11. AMOHA	9				9		9	27	7-4	8-2	9-2	8-2	8-1	9-1	10-1	9-1	10-1
12. VIMANŚĀDHI	6	6			6		6	24	8-4		10-2	9-2	9-1		11-1	10-1	
TĀP HQP HIỆP LỰC	24	24	9	33	72	36	57	255									
AVIPĀKAGHATANĀ									SAVIPĀKAGHATANĀ								

TỔNG HỢP CHI PHÁP CỦA GIÔNG CÂU SANH (SAHAJĀTAJĀTI – TIỂU PHẦN)

1. - 71 Tâm Hữu Nhân, 52 Tâm Sở, 17 Sắc Tâm, 20 Sắc Nghiệp Tái Tục (Nhân Duyên (trừ Tâm Sở Si trong 2 Tâm căn Si), Đồ Đạo Duyên).
 - 89 Tâm, 52 Tâm Sở, 17 Sắc Tâm, 20 Sắc Nghiệp Tái Tục (Vật Thực Duyên, Quyền Duyên).
 - 79 Tâm (trừ 10 Ngũ Song Thức), 52 Tâm Sở, 17 Sắc Tâm, 20 Sắc Nghiệp Tái Tục (Thiền Na Duyên).
2. - 71 Tâm Hữu Nhân, 52 Tâm Sở, 17 Sắc Tâm, 20 Sắc Nghiệp Tái Tục.
3. - 79 Tâm (trừ 10 Tâm Ngũ Song Thức), 52 Tâm Sở, 17 Sắc Tâm, 20 Sắc Nghiệp Tái Tục.
4. - 71 Tâm Hữu Nhân, 52 Tâm Sở, 17 Sắc Tâm, 20 Sắc Nghiệp Tái Tục.
5. - 70 Tâm Hữu Nhân (trừ 1 Tâm Si Hoài Nghi), 50 tâm Sở, 17 Sắc Tâm, 20 Sắc Nghiệp Tái Tục.
6. - 89 Tâm, 51 Tâm Sở (trừ Tu), 17 Sắc Tâm, 20 Sắc Nghiệp Tái Tục.
7. - 52 Tâm Sở, 17 Sắc Tâm, 20 Sắc Nghiệp Tái Tục.
8. - 52 Tâm Đồng Lực Hữu Trưởng, 50 Tâm Sở, 17 Sắc Tâm.
9. - 51 Tâm Sở, 52 Tâm Đồng Lực Hữu Trưởng, 17 Sắc Tâm.
- 10.- 52 Tâm Đồng Lực Hữu Trưởng, 50 Tâm Sở, 17 Sắc Tâm.
- 11.- 47 Tâm Tam Nhân, 37 Tâm Sở, 17 Sắc Tâm, 20 Sắc Nghiệp Tái Tục.
- 12.- 34 Tâm Đồng Lực Tam Nhân, 37 Tâm Sở, 17 Sắc Tâm.

BẢN ĐỒ CÂU SANH HIỆP LỰC THƯỢNG – TRUNG 57

	SAB	AÑ	AÑ SAM	VIP	AÑ VIP	SAB	AÑ	AÑ SAM	VIP	TẬP HỢP
1. SAHAJĀTA	○	○	○	○	○	○	○	○	○	10
2. SAHAJĀTANISSAYA	○	○	○	○	○	○	○	○	○	10
3. SAHAJĀTATTHI	○	○	○	○	○	○	○	○	○	10
4. SAHAJĀTAAVIGATA	○	○	○	○	○	○	○	○	○	10
5. AÑÑAMAÑÑA	○	○	○	○	○		○	○	○	6
6. SAMPAYUTTA			○	○				○		2
7. VIPPAYUTTA				○	○				○	4
8. VIPĀKA						○	○	○	○	5
GHATANĀ	4	5	6	5	6	5	6	7	6	57
SANKHAYĀVĀRA	9	3	3	3	1	1	1	1	1	
	AVIPĀKA 4					SAVIPĀKA 5				

TỔNG HỢP CHI PHÁP CỦA THUẦN LINH TINH HIỆP LỰC (SUDDHAPAKINNAKAGHATANĀ)

1. Hậu Sanh = 89 Tâm, 52 Tâm Sở → 28 Sắc Trung Thọ từ Nhất Thân (*Ekajjakāya*) cho đến Tứ Thân (*Cattujakkāya*).
2. Tiền Sinh = Cảnh Tiền Sinh, Vật Tiền Sinh.
3. Vật Tiền Sinh = Lục Sắc Vật → 85 Tâm, 52 Tâm Sở.
4. Tiền Sinh Quyền = Ngũ Sắc Quyền Thanh Triệt → 10 Tâm Ngũ Song Thúc, 7 Tâm Sở Biến Hành.
5. Cảnh Trường = 18 Sắc Thành Tựu, 84 Tâm, 47 Tâm Sở, Níp Bàn → 28 Tâm, 45 Tâm Sở.
6. Cảnh Tiền Sinh = 18 Sắc Thành Tựu → 54 Tâm Dục Giới, 2 Tâm Thắng Trí, 50 Tâm Sở.
7. Cảnh Tiền Sinh Trường = 18 Sắc Thành Tựu → 8 Tâm căn Tham, 22 Tâm Sở.
8. Vật Cảnh Tiền Sinh = 1 Ý Vật Cận Tử → 43 Tâm, 44 Tâm Sở.
9. Vật Cảnh Tiền Sinh Trường = 1 Ý Vật Cận Tử Duyệt Ý → 8 Tâm căn Tham, 22 Tâm Sở.
10. Vô Gian = 89 Tâm, 52 Tâm Sở → 89 Tâm, 52 Tâm Sở.
11. Trường Dụng = 47 Tâm Đồng Lực Hiệp Thế, 52 Tâm Sở → 51 Tâm Đồng Lực (trừ 4 Tâm Quả Siêu Thế), 52 Tâm Sở.
12. Di Thời Nghiệp = 33 Tư Thiện và Bất Thiện → 36 Tâm Di Thực Quả, 38 Tâm Sở.
13. Vô Gian Nghiệp = 4 Tư Đạo → 4 Tâm Quả, 36 Tâm Sở.

BẢN ĐỒ THUẦN LINH TINH HIỆP LỰC 64

SUDDHAPAKINNAKA – GHATANĀ 64														CHĀ	IN	Ā	ID	NIS	UPA	PU	VIP	AT, AVI	NAM, SAN-AM	NAT, VIGA	SE	KAM	VĀRA						
1. PACCHĀ															4																3		
															3																		3
															5																		3
															6																		1
5. Ā. DHI															3																7		
															4																		1
															6																		1
															6																		3
9. VATTHĀ. DHI															8																1		
															5																		7
															6																		3
															2																		2
12. NĀNAKKHANIKĀ															6																	1	
															6																		3
															2																		2
															6																		1
TẬP HỢP HIỆP LỰC														1	1	5	3	4	7	7	5	8	3	3	1	2	64						

Ý NGHĨA CHỮ VIẾT TẮT TRONG BẢN ĐỒ LỘ TRÌNH TÂM

1. <i>Bha</i>: <i>Bhavaṅgacitta</i> = Tâm Hữu Phần 2. <i>Ti</i>: <i>Aññabhavaṅga</i> = Hữu Phần Quá Khứ 3. <i>Na</i>: <i>Bhavaṅgacalana</i> = Hữu Phần Rúng Động 4. <i>Da</i>: <i>Bhavaṅgupaccheda</i> = Hữu Phần Dứt Dòng 5. <i>Pa</i>: <i>Pancadārāvajjana</i> = Khai Ngũ Môn 6. <i>Ca</i>: <i>Cakkhuvinnāna</i> = Nhãn Thức 7. <i>So</i>: <i>Sotavinnāna</i> = Nhĩ Thức 8. <i>Ghā</i>: <i>Ghānavinnāna</i> = Tỷ Thức 9. <i>Jī</i>: <i>Jīvhāvināna</i> = Thiệt Thức 10. <i>Kā</i>: <i>Kāyavinnāna</i> = Thân Thức 11. <i>Sam</i>: <i>Sampaticchanna</i> = Tiếp Thâu 12. <i>Na</i>: <i>Santrāna</i> = Thâm Tấn 13. <i>Vu</i>: <i>Vothabbana</i> = Doãn Định 14. <i>Ja</i>: <i>Javana</i> = Đồng Lực 15. <i>Ā</i>: <i>Āgantukabhavaṅga</i> = Hữu Phần Khách	16. <i>Ma</i>: <i>Manodārāvajjana</i> = Khai Ý Môn 17. <i>Pa</i>: <i>Parikamma</i> = Chuẩn Bị 18. <i>U</i>: <i>Upacāra</i> = Cận Hành 19. <i>Nu</i>: <i>Anuloma</i> = Thuận Tùng 20. <i>Go</i>: <i>Gotrabhū</i> = Chuyển Tộc 21. <i>Vo</i>: <i>Vodāna</i> = Dữ Tĩnh 22. <i>Jha</i>: <i>Jhāna</i> = Thiền Na 23. <i>Bhi</i>: <i>Abhinna</i> = Thắng Trí (Thần Thông) 24. <i>Mag</i>: <i>Magga</i> = Đạo 25. <i>Pha</i>: <i>Phala</i> = Quả 26. <i>Ti</i>: <i>Patisandhi</i> = Tái Tục 27. <i>Cu</i>: <i>Cuti</i> = Từ 28. <i>X</i>: không có cái chi sanh tiếp nối 29. <i>Pañ</i>: <i>Pancavinnāna</i> = Ngũ Thức
---	---

Ghi chú: - Ngay tại sát na Tâm Ngũ Thức, Tâm Tái Tục và Tâm Từ của bậc Vô Sinh đang sanh khởi thì Sắc Tâm không sanh.

- Vào ngay sát na Tái Tục, ở trong khoảng 14 ngày thì Sắc Vật Thực vẫn chưa có sanh khởi.
- Ngay tại sát na Thiền Diệt thì Sắc Tâm không sanh.

BẢN ĐỒ LỘ TRÌNH TÂM

LT Ngũ Môn	Bha	Ti	Ti	Ti	Na	Da	Pa	Pañ	Saṃ	Nà	Vu	Vu	Vu	Bha	Bha	Bha	Bha	Bha	Bha
LT Ngũ Môn	Bha	Ti	Ti	Ti	Ti	Ti	Ti	Ti	Ti	Na	Na	Bha	Bha	Bha	Bha	Bha	Bha	Bha	Bha
LT Căn Từ và Tái Tục	Bha	Ti	Na	Da	Pa	Pañ	Saṃ	Nà	Vu	Ja	Ja	Ja	Ja	Ta	Ta	Cu	Ti	Bha	Bha
	Bha	Ti	Na	Da	Ma	Ja	Ja	Ja	Ja	Ja	Ja	Bha	Bha	Bha	Bha	Bha	Bha	Bha	Bha
LT trong Ngũ Môn	Bha 14	Bha	Na	Da	Ma	Ja	Ja	Ja	Ja	Ja	Ja	Bha	Bha	Bha	Bha	Bha	Bha	Bha	Bha
LT Ý Môn có Sắc thành tựu Hiện Tại làm Cảnh	Bha	Ti	Na	Da	Ma	Ja	Ja	Ja	Ja	Ja	Ja	Ta	Ta	Bha	Bha	Bha	Bha	Bha	Bha
LT Ý Môn phần Cảnh Dục (Trừ Sắc thành tựu Hiện Tại)	Bha	Na	Da	Ma	Ja	Ja	Ja	Ja	Ja	Ja	Ta	Ta	Bha	Bha	Bha	Bha	Bha	Bha	Bha
LT Ý Môn có Đáo Đại Siêu Thế và Chế Định làm Cảnh	Bha	Na	Da	Ma	Ja	Ja	Ja	Ja	Ja	Ja	Bha	Bha	Bha	Bha	Bha	Bha	Bha	Bha	Bha
Sát Na đang ngủ	Bha	Bha	Bha	Bha	Bha	Bha	Bha	Bha	Bha	Bha	Bha	Bha	Bha	Bha	Bha	Bha	Bha	Bha	Bha
LT Ý Môn Vô Kỳ Chiêm Bao (không rõ biết)	Bha	Na	Da	Ma	Ma	Ma	Bha	Bha	Bha	Bha	Bha	Bha	Bha	Bha	Bha	Bha	Bha	Bha	Bha
LT Ý Môn Chiêm Bao (được rõ biết)	Bha	Na	Da	Ma	Ja	Ja	Ja	Ja	Ja	Ja	Ta	Ta	Bha	Bha	Bha	Bha	Bha	Bha	Bha
Cảnh Hy Thiểu Thứ Nhứt Thời Kỳ Đoán Định Cảnh Cực Hy Thiểu Thời Kỳ Vô Hiệu																			
Cảnh Minh Hiện																			
Cảnh Bất Minh Hiện																			
Cảnh Phạm Phu và Thánh Quả																			
Cảnh Phạm Phu, Thất Lai & Nhất Lai (Trừ Bất Lai, Vô Sinh, Chư Thiên và Phạm Thiên)																			

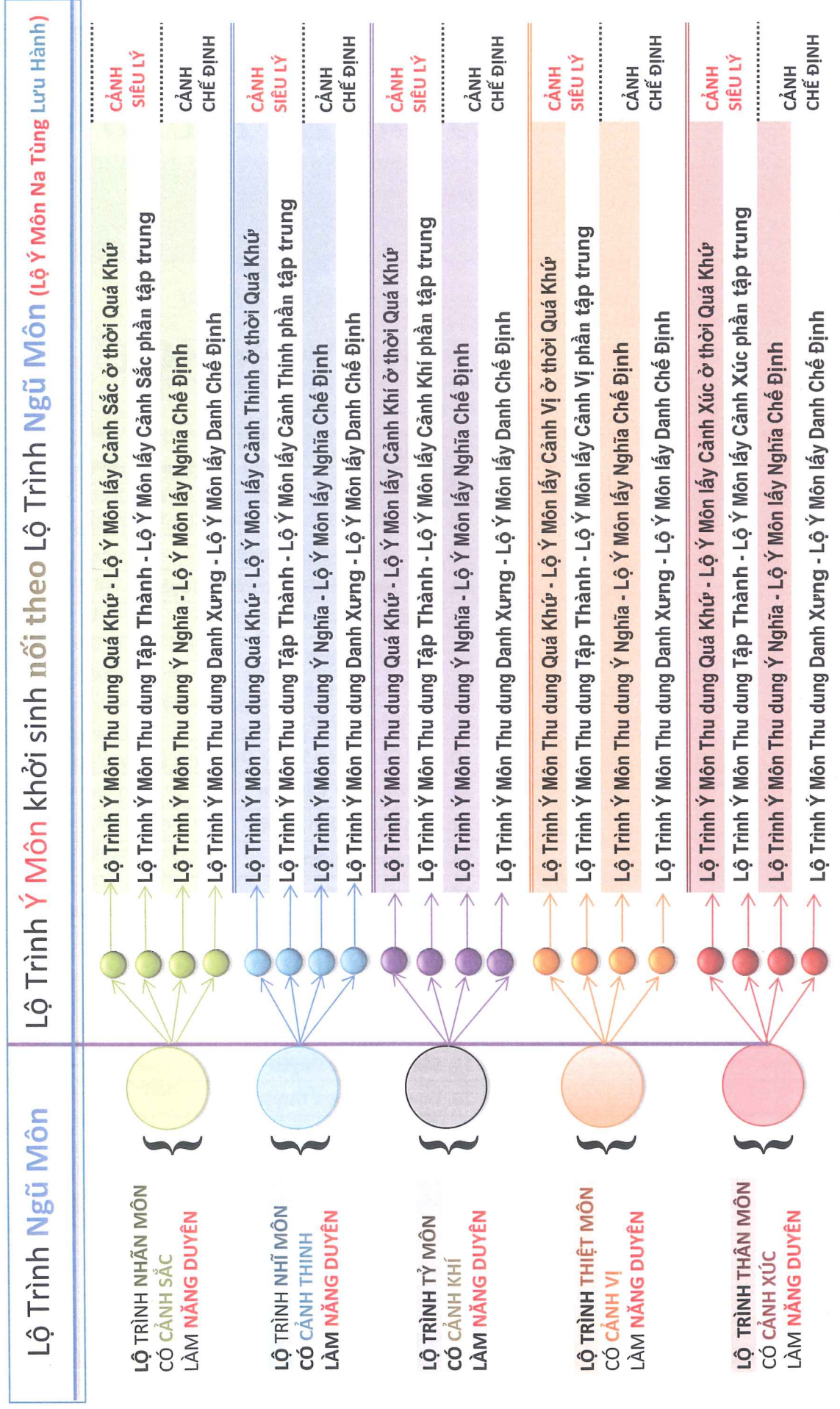
BẢN ĐỒ LỘ TRÌNH TÂM

LT Chuẩn Bị, Thiền Quán và Phản Kháng	Bha	Na	Da	Ma	Ja	Ja	Ja	Ja	Ja	Ja	Ja	Ja	Ta	Ta	Bha	Bha	Bha	Bha	Bha	Cảnh Minh Hiện
LT Phản Kháng	Bha	Na	Da	Ma	Ja	Ja	Ja	Ja	Ja	Ja	Ja	Ja	Bha	Bha	Bha	Bha	Bha	Bha	Bha	Phản Kháng Đạo, Quả, Niết Bàn và Chi Thiền
LT Sơ Khởi Thiền	Bha	Na	Da	Ma	Pari	U	Nu	Go	Jha	Bha	Bha	Bha	Bha	Bha	Bha	Bha	Bha	Bha	Bha	Sát Na Đắc Thiền lần Đầu
LT Nhập Thiền Định và Thiền Cơ Bản	Bha	Na	Da	Ma	Pari	U	Nu	Go	Jha	(Tâm Thiền liên tục)				Jha	Bha	Bha	Bha	Bha	Bha	Sơ Khởi Thiền dùng trước khi sẽ hiện bầy Thắng Trí
LT Thắng Trí	Bha	Na	Da	Ma	Pari	U	Nu	Go	Bhi	Bha	Bha	Bha	Bha	Bha	Bha	Bha	Bha	Bha	Bha	Đối với phần đông người đã đắc Bát Định
LT Đạo Thất Lại	Bha	Na	Da	Ma	Pari	U	Nu	Go	Mag	Pha	Pha	Pha	Bha	Bha	Bha	Bha	Bha	Bha	Bha	Đối với Người Độn Căn, còn Người Lợi Căn không cần Chuẩn Bị
LT Đạo Bậc Trên	Bha	Na	Da	Ma	Pari	U	Nu	Vo	Mag	Pha	Pha	Pha	Bha	Bha	Bha	Bha	Bha	Bha	Bha	"
LT Nhập Thiền Quả	Bha	Na	Da	Ma	Nu	Nu	Nu	Nu	Pha	(Tâm Quả Liên Tục)				Pha	Bha	Bha	Bha	Bha	Bha	Đối với tất cả Bậc Thánh Nhân
LT Nhập Thiền Diệt	Bha	Na	Da	Ma	Pari	U	Nu	Go	Jha	Jha	(Tâm, Tâm Sở và Sắc Tâm diệt)				Pha	Bha	Bha	Bha	Bha	Bất Lai và Vô Sinh đắc Bát Định
LT Đăng Liên Thiền của Bậc Vô Sinh	Bha	Na	Da	Ma	Pari	U	Nu	Go	Jha	Jha	(Tâm Thiền Liên Tục)				Jha	Jha	Cu			Bậc Vô Sinh Nhập Thiền rời Tử

BẢN ĐỒ LỘ TRÌNH TÂM

LƯU Ý Phân Kháng của Bạc Vô Sinh	Bha	Na	Da	Ma	Pari	U	Nu	Go	Jha	(Tâm Thiên Liên Tục)			Jha	Bha	Na	Da	Ma	Ja	Bạc Vô Sinh Nhập Thiên rồi Phân Kháng Chi Thiên rồi Tử
	Ja	Ja	Ja	Ja	Ja	Ja	Bha	Na	Da	Ma	Ja	Ja	Ja	Ja	Cu				
LƯU Ý Thắng Trí của Bạc Vô Sinh	Bha	Na	Da	Ma	Pari	U	Nu	Go	Bhi	Cu									Bạc Vô Sinh vào Thắng Trí rời Tử
	Bha	Na	Da	Ma	Pari	U	Nu	Vo	Mag	Pha	Pha	Bha	Bha	Bha	Na	Da	Ma	Ja	
LƯU Ý Tốt Mạng của Bạc Vô Sinh	Ja	Ja	Ja	Ja	Ja	Ja	Bha	Bha	Bha	Na	Da	Ma	Ja	Ja	Ja	Ja	Ja	Cu	Bạc Vô Sinh khi Tâm Đạo, Quả sinh khởi rồi Phân Kháng Đạo, Quả, Niết Bàn trọn vẹn rời Tử
LƯU Ý Viên Tích Niết Bàn	Bha	Na	Da	Ma	Ja	Ja	Ja	Ja	Ja	Cu									LƯU Ý thông thường của Bạc Vô Sinh
LƯU Ý Cận Tử Vý Môn	Bha	Na	Da	Ma	Ja	Ja	Ja	Ja	Ja	Ta	Ta	Cu	Ti	Bha	Bha ₁₄	Bha	Ja	Ja ₅	LƯU Ý Cận Tử của Phạm Phu và Quả Hữu Học
																		Ja	
37 Nọa Độn Thọ Thanh Triệt																			
11 Phi Nọa Độn Thọ Thanh Triệt																			
1 Trung Thọ Thanh Triệt																			

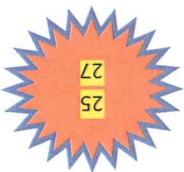
BẢN ĐỒ LỘ TRÌNH TÂM



9 Giờng (jāti)

25 DUYÊN TRỪNG

27 DUYÊN HỌC



CÁCH TẮT HỢP (Sabhāga)		Cầu Sinh (Sahajāta)	Cầu Hiệp Lực (Ghaṭanā)	27 DUYÊN HỌC																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																									
				01. Nhân Duyên	02. Cảnh Duyên	03. Cảnh Trướng Duyên (Cảnh Cận Y Duyên)	04. Cầu Sanh Trướng Duyên	05. Vật Cảnh Tiên Sinh trướng Duyên	06. Vô Gián Duyên	07. Cầu Sinh Duyên	08. Hồ Tương Duyên	09. Vật Tiên Sinh Y Duyên	10. Vật Cảnh Tiên Sinh Y Duyên	11. Thường Cận Y Duyên	12. Cảnh Tiên Sinh Duyên	13. Hậu Sinh Duyên	14. Trùng Dục Duyên	15. Cầu Sinh Nghiệp Duyên	16. Dị Thời Nghiệp Duyên	17. Vô Gián Nghiệp Duyên	18. Dị Thực Quả Duyên	19. Sắc Vật Thực Duyên	20. Danh Vật Thực Duyên	21. Cầu Sinh Quyền Duyên	22. Tiên Sinh Quyền Duyên	23. Sắc Mạng Quyền Duyên	24. Thiên Na Duyên	25. Đồ Đào Duyên	26. Tương Ứng Duyên	27. Cầu Sinh Bất Tương Ứng Duyên																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																															
9 Giòng (jāti)	Cầu Sinh (Sahajātajāti)	15	X	1	1	X																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																							</



VIETNAMESE AMERICAN MAHASI MEDITATION CENTER

12734 Marsh Road, Bealeton, VA 22712

PHƯƠNG DANH THÍ CHỦ CÚNG DƯỜNG
ẤN TỔNG KINH SÁCH
KINH ĐẠI PHÁT THỨ TẬP IV & TẬP V

Chúng Con Đánh Lễ Kính Dâng Phước Báu Ấn Tổng Kinh Sách Này Đến

Bhikkhu PASÁDO.

Tri Ân Bhante Đã Dạy Công Dạy Dỗ, Nhắc Nhở Và Sách Tấn Chúng Con Trên

Con Đường Học Và Hành Đạo Những Pháp Môn Thâm Thâm Vi Diệu Của Đức Như Lai.

Xin Nguyên Làm Nhân Đến Đạo Quả Níp Bàn.

Bác Diệu Pháp & Bác Thanh Lương	100.00
Ô/B Hồ Văn Khánh & Lâm Thị Huệ	200.00
Phạm Hữu Minh & Gia Đình	100.00
Cô Tịnh Nghiêm	100.00
Cô Lê Thị Bài	100.00
Cô Tịnh Nhẫn	100.00
Phạm Hữu Anh & Gia Đình	100.00
Mindy Nguyễn	100.00
Trần Diệp Dung, Trần Mai Ngân & Nguyễn Trần Ngân Hà	100.00
Phi Yến Nguyễn	200.00
Viên An & Tịnh Lạc (OK)	200.00
Chị Phương Trần	100.00
Chị Metta & Gia Đình	100.00
Cô Diệu Hoàng	100.00
Cô Tịnh Trí	100.00
Chị Huỳnh Ngọc Đính	100.00
Tâm Thiện & Gia Đình	100.00
Jennifer Trần & Gia Đình	100.00
Chị Tú Nguyễn	100.00
Cô Bích & Gia Đình Ô/B Khánh Huệ	100.00
Nguyên Thiện	100.00
Tâm Bảo & Gia Đình	100.00
Chị Bạch Tuyết	100.00
Ô/B Phạm Ngọc Thành & Phạm Ngọc Quế	200.00
Đức Huỳnh, Thảo Trần & Đan Huỳnh	200.00
Cô Lý Thủy Tiên	100.00
Bà Lý Hồng Liên	100.00
Minh Phương & Diệu Tuyết	100.00
Lưu T. Sơn & Lưu Kim Thoa	200.00
Lý D. Phạm	100.00

ĐẠI PHÁT THỨ VÀ GIẢNG GIẢI TỔNG LƯỢC NỘI DUNG ĐẠI PHÁT THỨ - TẬP V

Nguyễn Thị Bình An	100.00
Thiện Giới	30.00
Ngọc Thiện	30.00
Andy, Denny, Jovi, & Alisa	80.00
Tạ Kiêm Dung	100.00
Loan Anh Huỳnh & Gia Đình	50.00
Nương Võ (P/D Tâm Lạc) & Nên Lê (P/D Tâm Hỷ)	100.00
Hoa Võ (P/D Chơn Hạnh Thuần)	100.00
Anh Võ, Dinh Lê, Hoàng Anh & Tuấn Anh	50.00
Thiện Võ, Lắm Đình, Xuân Trang & Duy Tâm	50.00
Đại Võ & Chí Thanh	50.00
Đức Võ, Vân Nguyên, Dung, Huệ & Hạnh	50.00
Phước Võ, Sương Nguyễn & David Tân	50.00
Hương Võ, Juan, Diane, & Kevin	50.00
Xuân Võ (P/D Tâm Diệu Phú), Trọng Phan, Thư, Trung, Phụng & Hân	100.00
Tu Nữ Khemika (Tịnh An)	100.00
Dũng Mã, Tiên Mã, Minh Mã, Uyên Mã & Quân Mã	100.00
Gia Đình Chúc Giới & Chúc Nguyên	100.00
Gia Đình Phan Quốc Tuấn (OK)	200.00
Gia Đình Chúc Định & Chúc Huệ	100.00
Đoàn T. Nghi & Hoàng Thiên Hương	100.00

-----00000-----

Sādhū! Sādhū! Sādhū!
Lành thay! Lành thay! Lành thay!



Kinh sách đã được in ấn và phát hành:

- * ÂN ĐỨC TAM BẢO (500 QUYỂN)
- * NHỮNG PHÁP THOẠI CỦA ĐẠI TRƯỞNG LÃO JATILA (1000 QUYỂN)
- * CHÚ GIẢI BỘ PHÁP TỰ - PHÂN TÍCH (1000 QUYỂN)
- * TỔNG HỢP NỘI DUNG VÔ TỶ PHÁP - TẬP I (1000 QUYỂN)
- * GIÁO ÁN TRƯỜNG BỘ KINH (1000 QUYỂN)
- * GIÁO ÁN TRUNG BỘ KINH - TẬP I (500 QUYỂN)
- * GIÁO ÁN KINH PHÁP CÚ - TẬP I (TÁI BẢN LẦN THỨ II) (500 QUYỂN)
- * GIÁO ÁN KINH PHÁP CÚ - TẬP II (TÁI BẢN LẦN THỨ II) (500 QUYỂN)
- * KINH KIẾT TƯỜNG (500 QUYỂN)
- * KINH KIẾT TƯỜNG - TÁI BẢN (300 QUYỂN)
- * BIÊN NIÊN SỬ CỦA CHƯ PHẬT - TẬP I (300 QUYỂN)
- * KINH ĐẠI PHÁT THỨ (TRỌN BỘ: TẬP I - TẬP V, 200 QUYỂN)

Kinh sách sắp được in ấn và sẽ phát hành:

- * GIÁO ÁN KINH PHÁP CÚ - TẬP I (TÁI BẢN LẦN THỨ III) (300 QUYỂN)
- * TỔNG HỢP NỘI DUNG VÔ TỶ PHÁP - TẬP II (200 QUYỂN)
- * GIÁO ÁN KINH PHÁP CÚ - TẬP II (TÁI BẢN LẦN THỨ III) (300 QUYỂN)
- * AN TỊNH THÙ THẮNG ĐẠO CỦA ĐẠI TRƯỞNG LÃO WEBU (300 QUYỂN)
- * BIÊN NIÊN SỬ CỦA CHƯ PHẬT TẬP I - GIẢI MINH (300 QUYỂN)
- * TỔNG HỢP NỘI DUNG VÔ TỶ PHÁP - TẬP III (200 QUYỂN)
- * BIÊN NIÊN SỬ CỦA CHƯ PHẬT - TẬP II (300 QUYỂN)
- * GIÁO ÁN TRUNG BỘ KINH - TẬP II (300 QUYỂN)
- * GIÁO ÁN TRUNG BỘ KINH - TẬP III (300 QUYỂN)
- * GIÁO ÁN KINH PHÁP CÚ - TẬP III (TÁI BẢN LẦN THỨ II) (300 QUYỂN)

